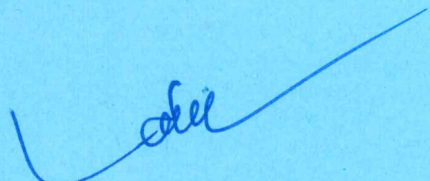


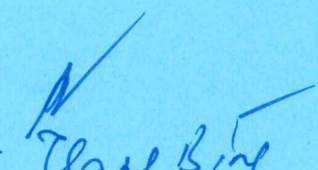
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN DOÃN QUÂN

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC
PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT


Tang Thi Thu Trang


Le Thanh Binh

HÀ NỘI - 2023

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN DOÃN QUÂN

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC
PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9 38 01 06

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- 1. TS. TĂNG THỊ THU TRANG**
- 2. TS. LÊ THANH BÌNH**

HÀ NỘI - 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học do chính tôi thực hiện. Các số liệu thu thập và kết quả phân tích trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn theo quy định.

Tác giả luận án

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI.....	7
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	7
1.2. Nhận xét chung về công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án và giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu	27
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM.....	33
2.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam	33
2.2. Nội dung quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam	52
2.3. Các điều kiện đảm bảo quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam	62
2.4. Kinh nghiệm của một số quốc gia về quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài và giá trị tham khảo với Việt Nam....	68
Chương 3: CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM.....	77
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam	77
3.2. Thực trạng quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam	84
Chương 4: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM.....	135
4.1. Quan điểm quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức chính phủ nước ngoài ở Việt Nam	135
4.2. Giải pháp đảm bảo quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam.....	145
KẾT LUẬN.....	168
CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH TỪ VIẾT TẮT

ANQG	: An ninh quốc gia
ANTT	: An ninh, trật tự
PCPNN	: Phi chính phủ nước ngoài
QLNN	: Quản lý nhà nước
TCPCP	: Tổ chức phi chính phủ
TCPCPNN	: Tổ chức phi chính phủ nước ngoài
TTATXH	: Trật tự, an toàn xã hội
UBND	: Ủy ban nhân dân
XHDS	: Xã hội dân sự

DANH MỤC BẢNG, SỐ HIỆU

Bảng 3.1: Số lượng các khóa tập huấn về công tác PCPNN và công tác đối ngoại từ năm 2013-2022.....	100
Bảng 3.2: Kết quả khảo sát về các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam.....	104
Bảng 3.3: Tài liệu phổ biến giáo dục pháp luật đối với TCPCPNN được phát hành từ năm 2013-2022	104
Bảng 3.4: Thiệt hại do thiên tai từ năm 2013 - 2022	109
Bảng 3.5: Số lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về công tác PCPNN	111
Bảng 3.6: Kết quả đánh giá các văn bản pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam.....	119
Bảng 3.7: Kết quả khảo sát hạn chế của việc xây dựng và ban hành văn bản pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam.....	121
Bảng 3.8: Ý kiến về tiến hành hoạt động QLNN bằng pháp luật	125

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1: Đánh giá môi trường chính sách	80
Biểu đồ 3.2: Đánh giá thủ tục hành chính	80
Biểu đồ 3.3: Số lượng tổ chức phi chính phủ nước ngoài có quan hệ với Việt Nam 2000-2022.....	83
Biểu đồ 3.4: Số lượng tổ chức phi chính phủ các quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam	84
Sơ đồ 3.1: Tổ chức bộ máy quản lý TCPCPNN ở Việt Nam.....	92
Biểu đồ 3.5: Các cơ quan đầu mối quản lý các TCPCPNN cấp tỉnh/thành phố	95
Biểu đồ 3.6: Số lượng các loại Giấy đăng ký trong hoạt động của TCPCPNN từ năm 2013 - 2022	105
Biểu đồ 3.7: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN đối với phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam, giai đoạn 2013 - 2022	106
Biểu đồ 3.8: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN giải quyết vấn đề xã hội ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022	107
Biểu đồ 3.9: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022.....	107
Biểu đồ 3.10: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN đối với lĩnh vực Y tế ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022.....	108
Biểu đồ 3.11: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN đối với lĩnh vực tài nguyên môi trường ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022.....	110
Biểu đồ 3.12: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN theo tính chất đối tác ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022.....	127
Biểu đồ 3.13: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN theo khu vực địa lý ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022.....	128
Biểu đồ 3.14: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN theo lĩnh vực ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022.....	128

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Những năm qua, hoạt động viện trợ từ thiện, nhân đạo và hỗ trợ phát triển của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài (TCPCPNN) đã trở thành một yếu tố khá quan trọng, góp phần ổn định, phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Từ sau đổi mới năm 1986 cho đến nay, nhà nước ta đẩy mạnh quan hệ đối ngoại, hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia và tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Số lượng TCPCPNN vào Việt Nam ngày càng tăng nhanh và phân bố khắp các tỉnh, thành trong cả nước; hoạt động viện trợ từ thiện, nhân đạo, hợp tác trên nhiều lĩnh vực với nhiều chương trình, dự án khác nhau, trong lĩnh vực y tế, đó là các hoạt động khám bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, trong lĩnh vực bảo trợ xã hội, an sinh xã hội đặc biệt là người dễ bị tổn thương trong xã hội, người nghèo, người khuyết tật; cứu trợ, thiên tai, bão lụt; phổ biến kiến thức, nâng cao tay nghề, dạy nghề... Tuy nhiên, sự có mặt của các TCPCPNN đã làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, nhất là trên lĩnh vực an ninh, trật tự an toàn xã hội (TTATXH). Trong quá trình hoạt động ở Việt Nam, một số nhân viên TCPCPNN, một số TCPCPNN đã lợi dụng các hoạt động từ thiện, nhân đạo, hợp tác phát triển thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật, xâm hại đến an ninh quốc gia (ANQG) và TTATXH như: lợi dụng danh nghĩa nhân viên các TCPCPNN hoạt động nhằm phá hoại tư tưởng, tiến hành điều tra, nghiên cứu, thu thập tin tức tình báo, hoạt động thâm nhập nội bộ, gây dựng các cơ sở hoạt động nhằm chống phá nhà nước Việt Nam, hoạt động phát triển tôn giáo trái pháp luật, lợi dụng tôn giáo và dân tộc xâm hại ANTT. Đây là hoạt động cực kỳ nguy hiểm, đòi hỏi các cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) không chỉ đề cao cảnh giác mà còn tăng cường các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn và xử lý đối với các chủ thể có hành vi lợi dụng TCPCPNN để hoạt động trái pháp luật Việt Nam.

Thời gian gần đây, công tác QLNN đối với TCPCPNN đã được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm và chỉ đạo rất chặt chẽ, như việc Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật cần thiết, như: Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016

của Bộ Tài chính, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam; Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam ..., nhằm tạo cơ sở pháp lý và thống nhất đầu mối chỉ đạo và quản lý trên toàn quốc, giúp các cơ quan chức năng, cũng như các TCPCPNN hoạt động đồng bộ, có định hướng, nâng cao hiệu quả hoạt động từ thiện - xã hội phi chính phủ theo đúng quy định của pháp luật. Các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN đã chú trọng tiến hành công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ngay từ khi có các TCPCPNN tới Việt Nam.

Tuy vậy, bên cạnh những thành công bước đầu, hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập như: xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật về QLNN chưa đáp ứng yêu cầu; cách thức tổ chức lực lượng quản lý còn bất cập; nhận thức của một bộ phận không nhỏ cán bộ, công nhân viên về QLNN chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ,... Trong khi đó, những vấn đề lý luận QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN cũng chưa được làm sáng tỏ, dẫn đến thiếu thống nhất trong nhận thức và hành động, làm hạn chế hiệu quả hoạt động thực tiễn của cơ quan nhà nước.

Trên phương diện lý luận, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCP nói chung, TCPCPNN nói riêng vẫn còn những khoản trống cần được nghiên cứu, làm sáng tỏ, nhất là cơ chế, các thức quản lý trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, đẩy mạnh hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay. Qua đó để thống nhất nhận thức, cung cấp chỉ dẫn khoa học cho hoạt động thực tiễn.

Trước những bất cập của thực tiễn thời gian qua cũng như yêu cầu đặt ra trong công tác QLNN thời gian tới, việc nghiên cứu QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam để làm sáng tỏ những vấn đề lý luận, thực tiễn, từ đó xây dựng giải pháp đảm bảo QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN là đòi hỏi khách quan, cấp bách. Xuất phát từ những lý do trên, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài nghiên cứu ***“Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam”*** làm luận án Tiến sĩ ngành Lý luận và Lịch sử nhà nước và pháp luật.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, từ đó đưa ra các quan điểm và đề xuất các nhóm giải pháp bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục đích nghiên cứu, đề tài có những nhiệm vụ sau:

- Hệ thống, luận giải tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.
- Phân tích, làm rõ những vấn đề cơ sở lý luận về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cụ thể như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung và các điều kiện bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.
- Phân tích, đánh giá các yếu tố tác động và thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Chỉ rõ những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam thời gian tới.
- Đưa ra các quan điểm và đề xuất giải pháp trọng tâm bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những vấn đề lý luận và thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: luận án tập trung nghiên cứu QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN về hoạt động xây dựng, ban hành pháp luật về TCPCPNN, tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN và thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam

- Về thời gian: luận án giới hạn thời gian nghiên cứu 10 năm (từ năm 2013 đến 2022).

- Về không gian: QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật biện chứng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam về QLNN đối với TCPCPNN trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu: được sử dụng để phân tích cả tài liệu sơ cấp và tài liệu thứ cấp. Bao gồm các văn bản pháp luật và văn kiện của Đảng, các công trình nghiên cứu, báo cáo tổng kết có liên quan đến đề tài, các đề tài nghiên cứu khoa học, sách, báo, tạp chí, kết luận phân tích đã được các tác giả trong và ngoài nước thực hiện.

Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng trong Chương 2, 3 và 4 để tổng hợp, thống kê, so sánh các số liệu, tri thức nhằm mục đích làm rõ cơ sở lý luận, đánh giá thực trạng, đưa ra những luận giải, nhận xét và đề xuất quan điểm, giải pháp QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Phương pháp luật học so sánh: được sử dụng trong Chương 1 để làm rõ tình hình nghiên cứu, chỉ ra những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, phương pháp này được tác giả tiếp tục sử dụng ở Chương 2 để so sánh hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở một số quốc gia trên thế giới từ đó rút ra kinh nghiệm để có thể vận dụng vào Việt Nam.

Phương pháp lịch sử và logic: bằng phương pháp lịch sử và logic được sử dụng ở Chương 2 và Chương 3, tác giả đã khái quát đặc điểm, vai trò, nội dung của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam; đưa ra các yếu tố tác động và thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Phương pháp diễn dịch và quy nạp: hai phương pháp này được sử dụng trong toàn bộ luận án để tác giả đưa ra các giả thuyết nghiên cứu và kiểm định tính đúng đắn của các giả thuyết đó, từ đó phân tích được thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam và đưa ra các dự báo phát triển của TCPCPNN

ở Việt Nam; xác định quan điểm và đề xuất giải pháp trọng tâm trong nâng cao hiệu quả QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Phương pháp chuyên gia: NCS đã tự tiến hành phỏng vấn sâu 30 trường hợp trong đó bao gồm 15 lãnh đạo, cán bộ làm việc tại các TCPCPNN, 15 nhà quản lý, hoạch định chính sách, các chuyên gia nghiên cứu...nhằm nghiên cứu sâu, giải thích những vấn đề chuyên sâu được đặt ra trong luận án. Để thực hiện phương pháp phỏng vấn sâu, NCS xây dựng bộ tiêu chí phỏng vấn sâu cơ bản, một số câu hỏi linh hoạt phù hợp với các đối tượng được mời tham gia trả lời phỏng vấn. NCS sử dụng 2 hình thức phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn điện thoại có ghi âm.

Các câu hỏi phỏng vấn sâu đều được xây dựng trên tinh thần khai thác thông tin khách quan, tôn trọng người trả lời, hoàn toàn không đưa ra gợi ý, chụp mũ hay quy kết của người thực hiện nghiên cứu.

5. Những điểm mới của luận án

Luận án là công trình chuyên khảo có hệ thống về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam dưới góc độ lý luận nhà nước và pháp luật, với có những điểm mới sau đây:

- Từ các khái niệm công cụ QLNN, QLNN bằng pháp luật, TCPCPNN nghiên cứu sinh đã đưa ra khái niệm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Làm rõ các nội dung QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam bao gồm: xây dựng và ban hành pháp luật; tổ chức thực hiện pháp luật và thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của TCPCPNN ở Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá những kết quả, hạn chế và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Từ đó, đưa ra các quan điểm và đề xuất giải pháp trọng tâm bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án đã khái quát tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước liên quan trực tiếp đến đề tài. Qua đánh giá các công trình nghiên cứu trong phần tổng quan, luận án đã chỉ ra những vấn đề mà các công trình nghiên cứu đã đề cập, đã giải quyết, cũng như những vấn đề Luận án cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu.

- Luận án đã làm rõ cơ sở lý luận của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, trên 02 phương diện: (1) Nhận thức cơ bản QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam (khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung, điều kiện bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam); (2) Kinh nghiệm của một số quốc gia về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN và giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Luận án đã phân tích, làm rõ các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam thời gian qua. Trên cơ sở đó, luận án đã chỉ rõ ưu điểm, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.

- Luận án đã đưa ra quan điểm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam thời gian tới.

- Trên cơ sở kết quả thực trạng và các quan điểm, luận án đã đề xuất 05 giải pháp bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Luận án góp phần bổ sung và hoàn thiện lý luận về QLNN bằng pháp luật nói chung, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói chung; góp phần tổng kết thực tiễn QLNN bằng pháp luật đối với Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền cấp tỉnh ở Việt Nam về TCPCPNN trong quá trình đổi mới đất nước, hội nhập quốc tế.

- Luận án có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo để nghiên cứu và giảng dạy về nhà nước pháp luật, về QLNN bằng pháp luật trong các cơ sở đào tạo.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận án gồm 4 chương:

Chương 1: tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

Chương 2: cơ sở lý luận về quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Chương 3: các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Chương 4: quan điểm và giải pháp bảo đảm quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam.

Chương 1:

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1.1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1.1. Các công trình nghiên cứu trong nước

Các công trình nghiên cứu chủ yếu trong những năm gần đây có thể được phân làm theo hai hướng đó là các công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước về TCPCPNN và về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

1.1.1.1. Nhóm các công trình liên quan đến tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam

- Công trình là các đề tài khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: “*Hoạt động viện trợ phi chính phủ của các NGO nước ngoài ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra trong công tác an ninh*” của Giáo sư, tiến sĩ Phạm Ngọc Hiền chủ nhiệm (2001), Bộ Công an [31].

Tác giả đã đưa ra khái niệm về TCPCP và TCPCPNN, sơ lược hình thành và phát triển của các TCPCP qua các thời kỳ khác nhau, những đặc điểm chung của TCPCP và phân loại TCPCP. Đề tài cũng khẳng định hoạt động viện trợ PCPNN ở Việt Nam là cần thiết, khách quan, phù hợp với đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với xu thế của thời đại nhưng tiềm ẩn những nguy cơ, thách thức về ANQG. Bên cạnh đó, đề tài cũng đã nêu ra những vấn đề về thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm trong hoạt động quản lý vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam đã gây ra những ảnh hưởng không tốt đến ANTT, từ đó đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả QLNN đối với vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ: “*Xây dựng đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về hội*”, do Vụ Tổ chức phi chính phủ (2013), Bộ Nội vụ chủ trì thực hiện [74]. Đề tài cũng đã đưa ra cơ sở lý luận và thực tiễn quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN về hội, từ đó đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN về hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, đề tài chưa đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề về xây dựng văn bản pháp luật về hội, công tác quản lý về hội ở Việt Nam.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ: “*Hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước đối với các Hiệp hội các tổ chức kinh tế*”, do Vụ Tổ chức phi chính phủ (2014), Bộ Nội vụ chủ trì thực hiện [75]. Đề tài cũng đã đưa ra cơ sở lý luận và thực trạng thể chế QLNN đối với Hiệp hội các tổ chức kinh tế, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế QLNN đối với các Hiệp hội các tổ chức kinh tế. Tuy nhiên, đề tài chưa đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề về thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến các hiệp hội các tổ chức kinh tế trong thời gian qua. Một số kết quả nghiên cứu là cơ sở để nghiên cứu sinh đưa ra cơ sở lý luận và thực trạng thể chế QLNN và một số giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế QLNN được trình bày trong luận án.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở: “*Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác an ninh đối với hoạt động lợi dụng viện trợ của tổ chức phi chính phủ (NGO) tôn giáo nước ngoài tại Việt Nam*” do tiến sĩ Bùi Thanh Hà (2011) làm chủ nhiệm [24]. Đề tài đã khái quát về tình hình hoạt động viện trợ của các TCPCP tôn giáo nước ngoài tại Việt Nam, làm rõ các hoạt động lợi dụng viện trợ của các TCPCP tôn giáo nước ngoài và thực trạng công tác an ninh. Khi khảo sát thực trạng, cũng phản ánh một số khía cạnh của công tác QLNN về an ninh đối với các TCPCP tôn giáo nước ngoài, cơ chế phối hợp giữa A01, PA01 các địa phương trong công tác an ninh đối với các TCPCP tôn giáo nước ngoài, tuy nhiên nội dung này còn rất hạn chế.

Kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học trên có giá trị tham khảo quan trọng, là một trong những cơ sở để nghiên cứu sinh xây dựng cơ sở lý luận về khái niệm TCPCPNN, thực tiễn quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN và thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm của các TCPCPNN được trình bày trong luận án.

- *Các công trình là sách, giáo trình*

Sách (2010): “*Vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội*” của tiến sĩ Nguyễn Thanh Phúc và PGS.TS Nguyễn Minh Phương đồng chủ biên [58]. Trong cuốn sách này các tác giả đã nêu ra được một số nội dung như: một số vấn đề lý luận và thực tiễn về vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát

triển xã hội, phương hướng phát huy vai trò của các tổ chức xã hội và hoạt động của các hội xã hội, nhân đạo và từ thiện (các nội dung này có liên quan đến các TCPCPN ở Việt Nam).

Sách (2016): “*Bảo đảm quyền tự do lập hội theo Hiến pháp 2013 - Lý luận và thực tiễn*” của PGS.TS Vũ Công Giao [22]. Cuốn sách cũng đã nêu được các nội dung liên quan đến khái niệm của TCPCP; quá trình hình thành và phát triển của hội và tự do hiệp hội ở Việt Nam; một số vấn đề cần nghiên cứu khi xây dựng luật về hội; một số vấn đề về hội và QLNN về hội ở Việt Nam hiện nay; hoàn thiện cơ chế bảo đảm về quyền tự do lập hội ở nước ta hiện nay...

Sách chuyên khảo (2019): “*Pháp luật về hội, tổ chức phi chính phủ trên thế giới và Việt Nam*” của Trần Kiên, Khuất Thu Hồng và Vũ Công Giao đồng chủ biên [39]. Cuốn sách đã nêu lên các nội dung khái quát khái niệm đặc điểm của hội, TCPCP, lịch sử phát triển của hội, TCPCP trên thế giới; vai trò của hội và TCPCP đối với xã hội và phát triển; quy định pháp luật về hội và các TCPCP theo luật pháp của một số quốc gia; quy định về hội, TCPCP theo luật quốc tế; quy định về hội, TCPCP theo pháp luật Việt Nam và quy định về tổ chức và tài chính của TCPCP theo pháp luật Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu những công trình trên có tính chất tham khảo để nghiên cứu sinh xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của các TCPCP với phát triển xã hội; một số vấn đề cần nghiên cứu khi xây dựng pháp luật về TCPCPN

- Các công trình là luận án, luận văn

Đề tài luận án Tiến sĩ (2005): “*Vai trò của các TCPCP trong việc hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực cho người dân và đối tác địa phương miền núi phía Bắc*”, của Lê Văn Sơn [61].

Đóng góp chủ yếu của luận án ở chỗ, trên cơ sở đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội của huyện Si Ma Cai (Lào Cai), trong đó, khó khăn lớn là do địa hình phức tạp, canh tác lạc hậu, các phương tiện sản xuất giản đơn dẫn đến đời sống của người dân gặp nhiều khó khăn. Luận án đã khái quát và đưa ra những nhận định về sự tham gia vào cuộc các TCPCP trong việc hỗ trợ kỹ thuật không chỉ cho huyện Si Ma Cai mà còn cho các đối tượng địa phương miền núi phía Bắc trong quá trình

nâng cao năng suất lao động, giảm nghèo và chuyển đổi phương thức sản xuất. Đặc biệt, đề tài đã nêu ra một số nội dung liên quan đến quá trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về TCPCP.

Đề tài luận án Tiến sĩ (2012): “*Đầu tư của các TCPCPNN ở vùng đồng bằng Sông Hồng*”, của Phạm Văn Chiến [14]. Luận án này tập trung nghiên cứu hoạt động đầu tư của các TCPCPNN ở vùng đồng bằng Sông Hồng giai đoạn 2001-2010. Luận án đưa ra những cơ sở lý luận về đầu tư, về TCPCPNN và xem xét những kết quả thu hút nguồn viện trợ này, những tác động về mặt kinh tế, chính trị, xã hội, cơ chế thu hút đầu tư và đề xuất những biện pháp nhằm tăng cường thu hút viện trợ PCPNN cho địa bàn. Tuy nhiên, luận án chỉ tập trung nghiên cứu riêng cho vùng đồng bằng Sông Hồng nên chưa đưa ra thực trạng đầu tư của các TCPCPNN trên địa bàn cả nước.

Đề tài luận án Tiến sĩ (2018): “*Viện trợ vốn của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam*”, của Đôn Tuấn Phong [57].

Luận án đã nêu được cơ sở khoa học về vốn viện trợ của các TCPCPNN và cơ sở về QLNN đối với vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam, thực trạng về vốn viện trợ của các TCPCPNN đối với phát triển kinh tế, xã hội ở nước ta và thực trạng QLNN đối với vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam (đặc biệt là thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam) và một số giải pháp huy động vốn viện trợ của các TCPCPNN và giải pháp nâng cao QLNN đối với vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam.

Đề tài luận văn Thạc sĩ (2019): “*Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam: Thực trạng, triển vọng và giải pháp*”, của Trần Thị Thanh Thanh [63]. Trong nghiên cứu này, tác giả đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, đặc điểm, vai trò và quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với các TCPCPNN ở Việt Nam. Đánh giá thực trạng về nội dung phân công, phân cấp QLNN đối với các TCPCP ở Việt Nam từ năm 2010 đến nay, đặc biệt tác giả đã phân tích thực trạng hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam trong thời gian qua;

triển vọng hoạt động và đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam.

Kết quả nghiên cứu các luận án, luận văn trên đã gợi mở cho nghiên cứu sinh một số nội dung liên quan đến quá trình xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về TCPCP; thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật liên quan đến các TCPCPNN ở Việt Nam.

- Các công trình là bài viết khoa học

Bài viết (2018): *“Vai trò và hiệu quả hoạt động của các tổ chức phi chính phủ quốc tế ở Việt Nam”* của Vũ Văn Hà [28]. Trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, thế giới đã chứng kiến sự phát triển nhanh chóng của các TCPCP quốc tế (INGOs - International Non-Governmental Organizations) ở các nước phát triển và đang phát triển. Xu hướng tăng nhanh INGOs đã khẳng định được vai trò và ảnh hưởng của INGOs đối với nền kinh tế và chính trị thế giới. Sự gia tăng hoạt động của INGOs cũng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam. Trong bài viết tác giả đã nêu ra một số vấn đề liên quan đến quá trình xây dựng văn bản pháp luật để nhằm phát huy tốt nhất vai trò của các TCPCPNN ở Việt Nam.

Bài viết (2018): *“Viện trợ của tổ chức phi chính phủ quốc tế - kinh nghiệm tại một số quốc gia”* của Đôn Tuấn Phong [56]. Để hiểu rõ hơn về viện trợ của TCPCPNN (hay còn gọi là các TCPCP quốc tế), bài viết nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia khu vực Đông Nam Á (Lào, Campuchia), châu Phi (Kenya) và Nam Mỹ (Bolivia và Nicaragua) trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động huy động vốn viện trợ của các TCPCPNN tại một số quốc gia.

Bài viết (2018): *“Nhận diện các tổ chức phi lợi nhuận ở Việt Nam hiện nay”* của Nguyễn Thanh Thủy [66]. Các tổ chức phi lợi nhuận ở Việt Nam ra đời từ những năm 1990 dưới nhiều tên gọi như các quỹ, các hội, các TCPCP, các tổ chức dân sự... hoạt động mang tính chất phi lợi nhuận, sau này (từ năm 2013) được gọi chính thức là các tổ chức phi lợi nhuận. Hiện nay, các tổ chức này đang thiếu một hành lang pháp lý hỗ trợ phù hợp, điều này ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình hoạt động và

phát triển của các tổ chức. Các tổ chức phi lợi nhuận ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt là các TCPCP, hoạt động khá đa dạng, đem lại nhiều lợi ích cho sự phát triển đất nước, thể hiện qua một số vai trò như: hỗ trợ tài chính, giải quyết các vấn đề cộng đồng, chia sẻ kinh nghiệm và thông tin.

Bài viết (2018): *“Tổ chức phi chính phủ quốc tế hoạt động tại Việt Nam: Thực trạng, những vấn đề còn tồn tại và một số gợi ý chính sách”* của Bùi Quang Tuấn, Lại Lâm Anh [70]. Qua điều tra khảo sát thực tế tại 6 tỉnh thành (Hà Nội, Yên Bái, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và Kiên Giang) dưới hình thức điều tra phỏng vấn chính quyền địa phương (Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị) và các TCPCP quốc tế có dự án trên địa bàn khảo sát và lấy ý kiến người dân, nhóm khảo sát đã phát hiện một số vấn đề còn tồn tại trong hoạt động của các TCPCP quốc tế, cũng như trong công tác QLNN đối với các TCPCP quốc tế. Bài viết đưa ra thực trạng phát triển của các TCPCP quốc tế và gợi ý một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các TCPCP quốc tế ở Việt Nam.

Các công trình trên đã nghiên cứu về TCPCP và TCPCPNN, pháp luật đối với TCPCPNN dưới nhiều khía cạnh và mức độ khác nhau, chủ yếu tập trung vào cơ sở lý luận về khái niệm TCPCPNN và thực tiễn quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN và thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm của các TCPCPNN. Kết quả nghiên cứu trong nhóm công trình này là một tài liệu tham khảo có giá trị để nghiên cứu sinh làm cơ sở lý luận và đề xuất nội dung xây dựng, hoàn thiện pháp luật về QLNN đối với TCPCPNN là nội dung cần nghiên cứu của luận án.

1.1.1.2. Nhóm các công trình liên quan đến quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

- Công trình là các đề tài khoa học

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp quốc gia (2000): *“Hoàn thiện quản lý nhà nước về hội và tổ chức phi chính phủ đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền nhà hội chủ nghĩa”* của TSKH Nghiêm Vũ Khải [41]. Đề tài đã xây dựng hoàn thiện cơ sở khoa học về QLNN với hội và tổ chức phi chính phủ đáp ứng yêu

cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Đặc biệt, tác giả đã nêu lên một số nội dung liên quan đến thực trạng kiện toàn bộ máy quản lý và phân công, phân cấp công tác QLNN về hội và tổ chức phi chính phủ, từ đó đưa ra một số phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN với hội và tổ chức phi chính phủ đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN. Tuy nhiên, tác giả chưa làm rõ được vấn đề về tuyên truyền các văn bản quy pháp luật đối với các TCPCPNN, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến QLNN đối với TCPCPNN.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (2000): *“Thực trạng và giải pháp quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ”*, do Vụ Tổ chức phi chính phủ, Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) [73]. Đề tài đã làm rõ được quá trình hình thành, phát triển của các TCPCP, chỉ ra những đặc điểm cơ bản của TCPCP, khái quát về hoạt động của các TCPCP tại Việt Nam. Đặc biệt đề tài đã làm rõ một số nội dung liên quan đến quá trình xây dựng và ban hành pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam và đề tài cũng làm rõ các mặt hoạt động có liên quan tới thực trạng công tác QLNN đối với hoạt động của các TCPCP, từ đó đưa ra những đề xuất, kiến nghị có ý nghĩa nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy pháp luật đối với các TCPCP.

Đề tài khoa học cấp bộ (2008): *“Vai trò quản lý nhà nước đối với các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn”* của tiến sĩ Nguyễn Xuân Thiêm [65]. Với độ dày 250 trang đã đề cập một cách khá toàn diện về mặt lý luận và thực tiễn về khái niệm, đặc điểm, nội dung QLNN đối với các TCPCP ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Đặc biệt, công trình nghiên cứu đã đi sâu phân tích những đặc điểm khác biệt giữa cơ chế QLNN đối với các TCPCP và các TCPCP trong nước và ngoài nước đang hoạt động ở Việt Nam, cùng với đó đã nêu ra các văn bản pháp luật nhằm bảo đảm công tác quản lý đối với các TCPCPNN ở Việt Nam. Trên cơ sở đó, công trình nghiên cứu đã phân tích những mặt đạt được cũng như những vấn đề hạn chế, tồn tại, nguyên nhân của các mặt hạn chế, tồn tại của các cơ chế, chính sách và quá trình thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm của các TCPCPNN ở Việt Nam từ đó đưa ra các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với các TCPCP nói chung và TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng trong những năm tiếp theo.

Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ (2017): “*Đổi mới quản lý nhà nước đối với hội và tổ chức phi chính phủ ở nước ta trong điều kiện hội nhập quốc tế*”, của Nguyễn Tiến Thành làm chủ nhiệm, Vụ Tổ chức phi chính phủ, Bộ Nội vụ chủ trì thực hiện [64]. Đề tài cũng đã đưa ra cơ sở lý luận về QLNN đối với hội, TCPCP và thực trạng QLNN đối với hội, quỹ ở Việt Nam hiện nay (trong đó tập trung phân tích về thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của hội, quỹ và TCPCP ở Việt Nam). Qua đó, đưa ra một số quan niệm, phương hướng và giải pháp đổi mới QLNN đối với hội, quỹ trong điều kiện hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, đề tài chưa đi sâu vào nghiên cứu những vấn đề về tổ chức thực hiện liên quan đến các hội và quỹ trong thời gian qua.

Đề tài khoa học cấp cơ sở (2012): “*Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại các tỉnh Tây Bắc*” do thạc sỹ Nguyễn Thị Bích Mơ làm chủ nhiệm [48]. Đề tài đã nghiên cứu, làm rõ được thực trạng QLNN về ANTT đối với hoạt động của các TCPCPNN tại Tây Bắc trên các mặt: tổ chức lực lượng và phân công, phân cấp trong QLNN. Đặc biệt, đề tài cũng đã nêu ra được một số nội dung liên quan đến quá trình xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam nhằm bảo đảm ANTT, trong đó tập trung vào phân tích hoạt động quản lý (thu thập thông tin, tình hình; xét duyệt, cấp phép (nay là cấp giấy đăng ký), thẩm định và giám sát về an ninh đối với các khoản viện trợ, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về ANTT trong hoạt động của các TCPCPNN tại Tây Bắc).

Kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học trên có giá trị tham khảo quan trọng, là một trong những cơ sở để nghiên cứu sinh làm rõ một số nội dung liên quan đến quá trình xây dựng và ban hành pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam; thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của TCPCP ở Việt Nam được trình bày trong luận án.

- Các công trình là sách, giáo trình

Sổ tay (2013): “*Sổ tay hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam/ Handbook of foreign Non- governmental organizations in Việt Nam*” của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam [42]. Cuốn sổ tay giới thiệu cho các

TCPCPNN biết về các quy định và thủ tục của pháp luật Việt Nam khi triển khai hoạt động tại Việt Nam; hỗ trợ các TCPCPNN mới bắt đầu hoạt động cũng như các TCPCPNN đã và đang hoạt động ở Việt Nam trong việc phối hợp chặt chẽ với cơ quan đối tác Việt Nam để triển khai hoạt động một cách thuận lợi. Tuy nhiên, công trình này chỉ giới thiệu các quy định pháp luật và thủ tục của Việt Nam mà chưa đề cập đến thủ tục xin cấp lý lịch tư pháp hoặc chứng nhận lãnh sự, cho nên các tổ chức đều phải tự tìm hiểu thông tin để làm các thủ tục đăng ký nêu trên và thực tế việc này gây mất nhiều thời gian cho các tổ chức.

Sổ tay (2016): “*Sổ tay hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ Nhật Bản tại Việt Nam*” của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia [43]. Cuốn sổ tay giới thiệu cho các TCPCPNN biết về các quy định và thủ tục của pháp luật Việt Nam khi triển khai hoạt động tại Việt Nam. Được viết theo trình tự từ khi bắt đầu đến khi kết thúc Dự án, nghĩa là từ khi một NGO Nhật Bản mới hoạt động tại Việt Nam, tiến hành các thủ tục cần thiết để bắt đầu Dự án, như: đăng ký NGO, xin phê duyệt Dự án đến khi thực hiện các nghĩa vụ khi Dự án được bắt đầu như: Báo cáo định kỳ, báo cáo khi kết thúc Dự án... Đặc biệt, cuốn sổ tay nhấn mạnh những vấn đề hiện nay có rất nhiều tổ chức không biết quy định về nghĩa vụ báo cáo định kỳ và báo cáo kết thúc sau khi Dự án bắt đầu hoạt động. Tuy nhiên, cuốn sổ tay tập trung trình bày những nội dung mang tính quy chuẩn chưa đề cập đến những trường hợp ngoại lệ.

Giáo trình (2019): “*Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ*” của Học viện Hành chính thuộc Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh [35]. Giáo trình này gồm 3 chương, trình bày những vấn đề cơ bản nhất về TCPCP và QLNN đối với các TCPCP, bao gồm cả TCPCPNN và TCPCP Việt Nam. Nhận thức về TCPCPNN và lý luận QLNN đối với TCPCP tại Việt Nam được trình bày tại Chương 2, Chương 3 của giáo trình, trong đó đã khái quát quá trình hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam, những vấn đề lý luận QLNN đối với các TCPCPNN (đối tượng, nội dung, phương thức quản lý).

Các công trình nghiên cứu là cơ sở khoa học cho nghiên cứu sinh tham khảo tiếp thu rất bổ ích về những vấn đề liên quan đến TCPCPNN và cơ sở lý luận về QLNN về ANQG đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

- Các công trình là Luận án, Luận văn

Đề tài luận án Tiến sĩ (2013): “*Quản lý nhà nước về an ninh quốc gia đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam*”, của Nguyễn Thị Bích Mơ [49].

Luận án đã nêu lên được một số nội dung: nhận thức cơ bản QLNN về ANQG đối với các TCPCPNN tại Việt Nam; những vấn đề liên quan đến ANQG của các TCPCPNN tại Việt Nam; thực trạng QLNN về ANQG đối với các TCPCPNN tại Việt Nam (trong đó, đáng chú ý là thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm liên quan đến ANQG của các TCPCPNN ở Việt Nam). Tuy nhiên, tác giả chưa nêu lên được vấn đề về ban hành văn bản quy pháp luật, tổ chức thực hiện các văn bản quy pháp luật đối với các TCPCPNN.

Đề tài luận án Tiến sĩ (2015): “*Hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ ở Hà Nội hiện nay*”, của Cấn Việt Anh [01].

Luận án đã trình bày cơ sở khoa học QLNN đối với các TCPCPNN ở Việt Nam, thực trạng QLNN đối với các TCPCPNN ở Hà Nội và một số giải pháp hoàn thiện nội dung QLNN đối với các TCPCPNN ở Hà Nội. Đặc biệt, tác giả đã nêu lên một số nội dung liên quan đến thực trạng kiện toàn bộ máy quản lý và phân công, phân cấp công tác QLNN đối với các TCPCPNN ở Hà Nội, từ đó đưa ra một số phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện QLNN đối với TCPCPNN ở Hà Nội và đổi mới phân công, phân cấp quản lý viện trợ phi chính phủ trong việc thẩm định, phê duyệt các chương trình dự án. Tuy nhiên, tác giả chưa làm rõ được vấn đề về tuyên truyền các văn bản quy pháp luật đối với các TCPCPNN, công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm liên quan đến QLNN đối với TCPCPNN.

Đề tài luận văn thạc sĩ (2016): “*Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam hiện nay*” của Trương Thị Phong Lan [40]. Trong đề tài này tác giả đã làm rõ một số nội dung liên quan đến QLNN đối với các TCPCPNN; thực trạng QLNN đối với các TCPCPNN tại Việt Nam hiện nay (trên các khía cạnh như: QLNN đối với các TCPCPNN trên phương diện pháp lý; bộ máy QLNN đối với các TCPCPNN và cơ chế phối hợp trong kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong các hoạt động PCPNN) và một số giải pháp quản lý hiệu quả các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam, như: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, củng cố về bộ máy quản lý, tăng cường hợp tác, cung cấp, chia sẻ thông tin

công tác QLNN đối với TCPCPNN. Tuy nhiên, tác giả cũng chưa làm rõ một số nội dung như: ban hành văn bản pháp luật, tổ chức thực hiện công tác QLNN và công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam.

Đề tài luận văn thạc sĩ (2017): “*Quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*” của Nguyễn Thị Đức Hảo [30]. Trong đề tài này tác giả đã làm rõ một số vấn đề liên quan đến cơ sở khoa học QLNN đối với hoạt động của TCPCPNN; Thực trạng QLNN đối với hoạt động của TCPCPNN tại thành phố Đà Nẵng và một số giải pháp quản lý hiệu quả TCPCPNN hoạt động thành phố Đà Nẵng, như: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, củng cố về bộ máy quản lý, cung cấp, chia sẻ thông tin trong công tác QLNN đối với TCPCPNN. Tuy nhiên, tác giả cũng chưa nêu lên một số nội dung như: tổ chức bộ máy làm công tác QLNN, công tác tuyên truyền pháp luật liên quan đến TCPCPNN.

Đề tài luận văn thạc sĩ (2017): “*Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*” của Ngô Đức Tin [67]. Trong đề tài này tác giả đã làm rõ một số vấn đề liên quan đến cơ sở khoa học QLNN đối với hoạt động của các TCPCPNN hoạt động ở Việt Nam; thực trạng QLNN đối với các TCPCPNN hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và một số giải pháp hoàn thiện QLNN đối với các TCPCPNN hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, như: rà soát ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quản lý đối với TCPCPNN, kiện toàn tổ chức bộ máy, tiến hành hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với TCPCPNN. Bên cạnh đó, tác giả cũng chưa làm rõ một số nội dung như: thu thập thông tin phục vụ hoạt động quản lý, tiến hành hoạt động quản lý đối với TCPCPNN...

Kết quả nghiên cứu các luận án, luận văn trên, giúp nghiên cứu sinh nhận thức cơ bản về QLNN về ANQG đối với các TCPCPNN tại Việt Nam; những vấn đề liên quan đến ANQG của các TCPCPNN tại Việt Nam; thực trạng QLNN về ANQG đối với các TCPCPNN tại Việt Nam và một số giải pháp hoàn thiện

nội dung QLNN đối với các TCPCPNN có ý nghĩa tham khảo trong quá trình thực hiện luận án.

- Các công trình là bài viết đăng tạp chí

Bài viết (2011): “*Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh quốc gia đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Thế Công [15]. Trong bài viết này, tác giả đã chỉ ra âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng các TCPCPNN để tác động chuyển hóa chế độ chính trị nước ta theo mô hình dân chủ, nhân quyền của Hoa Kỳ và các nước phương Tây; đưa ra dự báo về hướng hoạt động xâm phạm ANQG của các TCPCPNN tại Việt Nam thời gian tới, đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN về ANQG đối với các TCPCPNN tại Việt Nam.

Bài viết (2012): “*Quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam*” của giáo sư, tiến sĩ Phạm Ngọc Hiền [32]. Bài viết đã đưa ra những nét khái quát nhất về các TCPCPNN đang hoạt động tại Việt Nam hiện nay, các hướng hoạt động chủ yếu của từng loại TCPCPNN; từ đó, khẳng định bên cạnh khía cạnh nhân đạo, một số TCPCPNN đã lợi dụng danh nghĩa phi chính phủ để hoạt động xâm phạm ANQG Việt Nam với nhiều phương thức, thủ đoạn mới. Đặc biệt, bài viết cũng nêu ra một số định hướng đối với cơ quan an ninh trong QLNN trong thời gian tới.

Các công trình nghiên cứu trên có điểm chung là đều nghiên cứu về QLNN đối với TCPCPNN nhưng khác biệt là nghiên cứu cho từng lĩnh vực cụ thể, các công trình này đều nghiên cứu có hệ thống lý luận đánh giá thực trạng và đề xuất các quan điểm, giải pháp về QLNN đối với TCPCPNN đối với lĩnh vực nghiên cứu. Những công trình trên là tài liệu tham khảo có giá trị gợi mở cho nghiên cứu sinh nghiên cứu vấn đề QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

1.1.2.1. Nhóm các công trình liên quan đến tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở nước ngoài

- Công trình là các đề tài khoa học

Công trình nghiên cứu (2003) “*Improve Close Link between Government and NGOs*” (Nâng cao mối quan hệ chặt chẽ giữa Chính phủ và các TCPCP) của

Hecman Toler, Public Administration Institute, USA [89]. Đây là công trình nghiên cứu xây dựng trên nền tảng các cơ sở lý thuyết về quản trị hành chính công, tác giả đã đưa ra các khung lý thuyết về sự giống nhau và khác nhau về cách điều hành hoạt động của các tổ chức chính phủ và các TCPCP, từ đó công trình đã đề cập đến mối quan hệ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ giữa hai tổ chức này. Đặc biệt công trình chú ý đến khía cạnh đẩy mạnh nâng cao hiệu quả QLNN đối với các TCPCP theo xu hướng coi đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy quá trình xã hội hóa nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giảm bớt nguồn vốn ngân sách nhà nước. Đưa ra giải pháp trong quá trình liên kết, hợp tác để phát triển đất nước trên cơ sở nhà nước chỉ kiểm soát một số lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến đạo đức xã hội, ANQG, còn lại các lĩnh vực khác cần có các khung thiết chế thông thoáng để tạo điều kiện mở rộng các hoạt động của các TCPCP. Mặt khác, công trình nghiên cứu cũng phân tích vị trí, vai trò quan trọng của các TCPCP trong và ngoài nước tác động quan trọng xu thế hội nhập quốc tế của các quốc gia, vùng lãnh thổ.

Công trình nghiên cứu (2004): “*Global Impact Monitoring: Save the Children UK’s Experience of Impact Assessment*” của Starling và cộng sự, Save the Children [96]. (Giám sát tác động toàn cầu: Kinh nghiệm đánh giá tác động của tổ chức Cứu trợ Nhi đồng Anh): Nghiên cứu này mô tả kinh nghiệm của tổ chức Save the Children UK (tạm dịch là tổ chức Cứu trợ Nhi đồng Anh) trong việc xây dựng một khung đánh giá tác động mới và những bài học rút ra từ việc thực hiện khung đánh giá tác động này ở khoảng 40/60 quốc gia mà tổ chức này có hoạt động. Nghiên cứu này chủ yếu liên quan đến việc xây dựng tiêu chí, phương pháp đánh giá tác động của một TCPCP cụ thể.

Nghiên cứu chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu và các biện pháp cải tiến quy trình đánh giá tác động; đưa ra những thách thức về lý thuyết trong đánh giá tác động của các TCPCP; mô tả khung đánh giá tác động theo cách tiếp cận dựa trên quyền của tổ chức Cứu trợ Nhi đồng Anh; những bài học kinh nghiệm về lý thuyết và thực tiễn khi đánh giá tác động của các TCPCP.

- Công trình là luận văn, luận án

Đề tài luận văn thạc sĩ (2003): “*Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở thành phố Viêng Chăn và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*” của Khăm Xênh Xi Lăm Phon [54]. Với kết cấu 3 chương, tác giả đã nêu lên nhận thức cơ bản về TCPCP, mô tả khái quát về thực trạng hoạt động của các TCPCP ở thành phố Viêng Chăn, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, chỉ ra những âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng TCPCP để xâm phạm ANQG và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác an ninh đối với các TCPCP tại nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào trong thời gian tới.

- *Công trình là sách*

Sổ tay hướng dẫn (2018): “*Handbook of Research on NGOs*” (Cẩm nang nghiên cứu về TCPCP) của Aynsley Kellow và Hannah Murphy - Gregory [83]. Sổ tay cung cấp một cách nhìn tổng quan về nghiên cứu về các TCPCP như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của TCPCP, phạm vi hoạt động và các hình thức quản lý TCPCP tại một số quốc gia và tập trung chủ yếu nghiên cứu về các TCPCP quốc tế tham gia vào các vấn đề nhân quyền, dân chủ, xã hội và môi trường cũng như các vấn đề viện trợ và phát triển. Cuốn sổ tay đã đặt các TCPCP trong bối cảnh lịch sử và đương đại, cung cấp cho người đọc một loạt các tiêu luận kích thích tư duy về cả khía cạnh chung của các TCPCP và các vấn đề quan trọng đặc biệt quan tâm.

- *Công trình là bài viết đăng các tạp chí*

Bài viết (1998): “*Too Close for Comfort? The Impact of Official Aid on Non-Governmental Organizations*” của Michael Edwards và David Hulme, Current Issues in Comparative Education [90]. (tạm dịch là: “Tác động của viện trợ chính thức đối với các TCPCP”): Các tác giả nghiên cứu mô tả nội dung hoạt động của các TCPCP, bao gồm: cung cấp dịch vụ (như y tế, giáo dục...), dân chủ hóa (vận động hành lang, vận động chính sách...). Nghiên cứu kết luận: chính sách chuyển giao tài trợ nhiều hơn của các nhà tài trợ chính thức tạo cho các TCPCP cả cơ hội và thách thức; có lý do về mặt lý thuyết và bằng chứng thực tế rằng những thách thức đó là có thực và cần phải được quan tâm giải quyết; không có mối quan hệ giữa sự tăng tính phụ thuộc vào tài trợ chính thức với quá trình lập chương trình, hoạt động và trách nhiệm giải trình của các TCPCP.

Bài viết (1999): “*Evaluation and the Voluntary (Non-profit) Sector: Emerging Issues*” của Kendall, J. và Martin, K, International Perspectives on Voluntary Action: Reshaping the Third Sector, Earthscan, London [93]. (Đánh giá khu vực tình nguyện (phi lợi nhuận): những vấn đề đang nổi lên): bài viết xem xét tổng thể vai trò của các TCPCP với tư cách là khu vực tự nguyện, phi lợi nhuận. Các tác giả đưa ra “học thuyết hợp lý”, trong đó cho rằng vai trò của các tổ chức phi lợi nhuận là cần thiết, hợp lý, trong đáp ứng các nhu cầu của xã hội mà không thể được đáp ứng bởi các cơ chế thị trường.

Bài viết (2010): “*Civil Society Briefs: Lao People’s Democratic Republic*” (Báo cáo tóm tắt về xã hội dân sự: Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào) của Ngân hàng Phát triển châu Á [78]. Nghiên cứu này đề cập đến tình hình viện trợ của các TCPCPNN tại Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và các quy định pháp lý của Chính phủ Lào đối với hoạt động và viện trợ của các tổ chức này. Theo Ngân hàng Phát triển châu Á, Chính phủ Lào đã ban hành các văn bản pháp luật để điều chỉnh lĩnh vực này. Theo đó, từ 1998-2010, các TCPCPNN hoạt động tại Lào theo Nghị định 71/PM. Nghiên cứu cho rằng việc phê duyệt các dự án viện trợ phi chính phủ theo quy định này thường kéo dài, dẫn đến chậm trễ trong triển khai các dự án. Từ 2010, Chính phủ Lào ban hành Nghị định 13/PM, thay thế Nghị định 71/PM năm 1998. Tuy nhiên, ADB cho rằng quy định mới này cũng chưa đủ chi tiết để đảm bảo việc đăng ký hoạt động và triển khai hiệu quả các dự án viện trợ của các TCPCPNN tại Lào.

Bài viết (2010): “*Regulation of the Voluntary Sector: Freedom and Security in an Era of Uncertainty* (Quy định khu vực tình nguyện: tự do và an ninh trong một kỷ nguyên bất ổn)” của Seidel, M [93]. Đây là một công trình nghiên cứu liên quan đến pháp luật đối với các TCPCP, nghiên cứu quá trình xây dựng luật và các quy định đối với các TCPCP ở một số quốc gia và khu vực (như Ấn Độ, Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa, Liên hiệp châu Âu...), nhất là sau sự kiện khủng bố 11/9 tại Hoa Kỳ. Tác giả mô tả tác động của các chính sách chống khủng bố của các nước, nhất là các biện pháp ngăn ngừa tài trợ khủng bố, hạn chế các TCPCP hoạt động viện trợ tại các quốc gia và địa bàn có các phần tử khủng bố. Cuốn sách cũng mô tả các trường hợp TCPCP bị nghi ngờ, bị cấm hoạt động. Tác giả cho rằng có thể luật

chống khủng bố của các quốc gia đã đi quá xa, tới mức cản trở hoạt động của các tổ chức tình nguyện, đồng thời, trong nhiều trường hợp, việc cấm các tổ chức từ thiện hoạt động ở những quốc gia có các tổ chức khủng bố chưa chắc đã là tốt. Nhìn chung, tác giả quan tâm đến quyền tự do lập hội và tác động đến không gian hoạt động của các tổ chức tự nguyện.

Bài viết (2013): “*Working with Civil Society in Foreign Aid: Possibilities for South-South Cooperation*” Tomlinson, B, UNDP, China [97]. (Làm việc với xã hội dân sự trong viện trợ nước ngoài: những khả năng hợp tác Nam-Nam). Đây là một nghiên cứu quy mô của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc, đã hệ thống lại số lượng, quy mô, vai trò, tác động của các TCPCP (trong nghiên cứu này gọi chung là “tổ chức xã hội dân sự”), trong triển khai viện trợ phát triển quốc tế. Nghiên cứu cũng đề cập đến khả năng tài chính của chính các TCPCP, quy mô của nguồn tài trợ từ viện trợ phát triển chính thức (ODA), quan hệ giữa các cơ quan viện trợ chính thức với các TCPCP, môi trường pháp lý cho hoạt động của các TCPCP... Ngoài ra, nghiên cứu cũng xem xét vai trò của các TCPCP phương Nam (các nước đang phát triển) và khả năng tăng cường quan hệ đối tác, sự tham gia và vai trò trong triển khai viện trợ nước ngoài.

Báo cáo (2014): OECD, *Development Co-operation Report 2014: Mobilizing Resources for Sustainable Development* [98] (Báo cáo hợp tác phát triển năm 2014: Huy động các nguồn lực cho phát triển bền vững) của Ủy ban Hỗ trợ Phát triển của Liên Hiệp quốc. Đây là báo cáo hợp tác phát triển gần đây của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), đề cập đến vai trò của các TCPCP trong hợp tác phát triển. Trong báo cáo này, Chương 8 dành riêng cho các quỹ tư nhân với tư cách là đối tác phát triển, trong đó mô tả vai trò nổi bật của các quỹ tư nhân trong hợp tác phát triển và những giá trị quan trọng của các quỹ này với tư cách là đối tác trong phát triển. Chương 9 đề cập đến vai trò đang thay đổi của các TCPCP và xã hội dân sự trong tài trợ cho phát triển bền vững, mô tả mức tài chính mà các tổ chức này huy động từ công chúng, giá trị viện trợ ODA được chuyển giao qua các tổ chức này, tính minh bạch và trách nhiệm trong triển khai viện trợ quốc tế....

Kết quả nghiên cứu của các công trình trên có giá trị tham khảo quan trọng, các công trình đã nêu ra được khái niệm, đặc điểm, vai trò và hoạt động của các

TCPCPNN ở một số quốc gia, từ đó làm cơ sở nền tảng giúp nghiên cứu sinh nghiên cứu trong phần cơ sở lý luận của luận án.

1.1.2.2. Nhóm các công trình liên quan đến quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở nước ngoài

- Công trình là các Luận án, Luận văn

Đề tài luận án tiến sĩ (2011): “*Civil society in the Era of Good Governance Dispensation: Non - Governmental Organisations (NGOs) and the politic of Engaging Governmental in Tanzania*”, tác giả Andrew A Mushi, Đại học Birmingham [84]. (Xã hội dân sự trong kỷ nguyên phân phối chính quyền tốt: Các tổ chức phi chính phủ và sự tham gia của chính phủ Tanzania). Luận án đặt ra mục tiêu điều tra hoạt động chính trị của TCPCP (NGOs) có sự tham gia của Chính phủ ở Tanzania. Mục đích của nghiên cứu là tìm hiểu bối cảnh, cách thức và phương tiện mà các TCPCP ở Tanzania tham gia (cùng) với chính phủ để tác động đến các chính sách và quyết định của họ. Luận án cũng phân tích ý nghĩa và vai trò của các TCPCP trong việc mang lại thay đổi xã hội ở Tanzania và chỉ ra mối quan hệ của sự phụ thuộc được hình thành thông qua hoạt động của các TCPCP trong các thể chế xã hội, kinh tế và chính trị của xã hội dân sự Tanzania. Nó cung cấp một cái nhìn sâu sắc về quan điểm tân tự do thông báo việc phân phối viện trợ cho các quốc gia đang phát triển và ảnh hưởng của điều này đối với các mối quan hệ nhà nước - xã hội dân sự trong nhà nước Tanzania.

Về mặt lý thuyết, luận án sử dụng khái niệm “bá quyền” của Gramsci áp dụng cả ở cấp quốc gia và cấp quốc tế, xem xét sự tham gia của các TCPCP Tanzania để tác động đến quá trình hoạch định chính sách và hành động của TCPCP; và giám sát các chiến lược giảm nghèo thông qua Chiến dịch Chống Đói nghèo ở Tanzania (GCAP-T).

Đề tài luận án tiến sĩ (2014): “*Đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của nhân viên các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Lào*” của Khăm Xênh Xi Lăm Phon [55]. Tác giả đã phân tích những nhận thức cơ bản về công tác đấu tranh với hoạt động xâm phạm ANQG của nhân viên các TCPCPNN tại Lào; thực trạng hoạt động xâm phạm ANQG của nhân viên các TCPCPNN tại Lào và công tác đấu tranh của cơ quan an ninh và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao

hiệu quả công tác đấu tranh với hoạt động xâm phạm ANQG của nhân viên các TCPCPN tại Lào.

Đề tài luận văn Thạc sĩ (2011): “*Tổ chức công tác nắm tình hình, phát hiện các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thủ đô Viêng Chăn, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” của Su Li Nông Chăn Thạ Man [44].

Đề tài đã làm rõ khái niệm về NGO, đặc điểm chung của NGO, địa vị pháp lý của NGO nước ngoài tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, phân tích, đánh giá được âm mưu, thực trạng hoạt động xâm phạm ANQG của các NGO nước ngoài tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nói chung, địa bàn thủ đô Viêng Chăn nói riêng; phân tích, đánh giá được kết quả, hạn chế, nguyên nhân qua công tác nắm tình hình của lực lượng trinh sát chuyên trách của thủ đô Viêng Chăn, nêu lên được các dự báo về hoạt động xâm phạm ANQG của các NGO nước ngoài ở Lào và đưa ra các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả nắm tình hình của lực lượng trinh sát chuyên trách góp phần vô hiệu hóa âm mưu hoạt động xâm phạm ANQG của các NGO nước ngoài trên địa bàn thủ đô Viêng Chăn.

- *Công trình là sách:*

Sách (2001): “*The Management of Non - Governmental Development Organizations - An Introduction*” (Hoạt động quản lý các tổ chức phát triển phi chính phủ: Giới thiệu) của Davis Lewis, Nhà xuất bản Routledge, London và New York [88]. Cuốn sách đã nêu và phân tích một cách khái quát về cơ sở lý luận TCPCP như: khái niệm về TCPCP, vai trò của TCPCP đối với kinh tế - xã hội ở một số nước. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã trình bày về quá trình hình thành của một số TCPCP ở một số quốc gia, đưa ra dự báo về xu hướng phát triển của TCPCPN trong thời gian tới và những giải pháp nhằm bảo đảm hoạt động quản lý các TCPCP trong giai đoạn hiện nay.

Sách chuyên khảo *The State of Civil Society in Japan* (Thực trạng xã hội dân sự ở Nhật Bản) của hai tác giả Frank J. Schwartz và Susan J. Pharr, Nhà xuất bản Cambridge University Press, 2003. Đây là công trình nghiên cứu của 02 giáo sư Đại học Harvard (Hoa Kỳ) về lịch sử của tự do hiệp hội tại Nhật Bản từ thời Duy

Tân Minh Trị tới nay. Bất chấp những trở ngại về mặt văn hoá và tập quán, hoạt động hội đoàn nói chung và tổ chức và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Nhật Bản ngày càng phát triển với một khuôn khổ pháp lý ngày càng hoàn thiện và phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Các hiệp hội nước ngoài hoạt động tại Nhật Bản có thể đăng ký với cùng điều kiện như hiệp hội Nhật Bản có tư cách pháp nhân, với điều kiện các cá nhân đảm trách điều hành và quản lý hội đó thường trú tại Nhật Bản (Nghĩa là công dân Nhật Bản hoặc người nước ngoài có thể cư trú). Điều 36 Bộ luật Dân Nhật Bản không công nhận pháp nhân lập theo luật nước ngoài. Vì thế, hiệp hội nước ngoài muốn được thừa nhận phải đăng ký tại Nhật với tư cách là pháp nhân theo luật Nhật Bản.

Công trình “Russian Civil Society: A Critical Assessment” (Xã hội dân sự ở Nga: đánh giá phê phán) của tập thể tác giả Alfred B. Evans, Laura A. Henry, Lisa Sundstrom, Nxb. Routledge, 2006. Công trình này nghiên cứu tổng kết về xã hội dân sự ở Liên Bang Nga dưới góc độ một xã hội chuyển đổi hậu xô viết, với hoạt động hội đoàn nở rộ 10 năm đầu sau khi Liên Xô tan rã và những thách thức về mặt tổ chức, tài chính và pháp lý đối với các hội đoàn, đặc biệt là các tổ chức nước ngoài. Theo đó, hoạt động của các TCPCP có yếu tố nước ngoài ngày càng bị kiểm soát chặt chẽ. Sau khi các quy định mới do Luật về hội năm 2006 đưa ra, nhiều hiệp hội đã than phiền về thủ tục hành chính nặng nề, phức tạp và soi mói (nhiều tài liệu, thông tin cá nhân liên quan đến sáng lập viên của hội...). Cuối tháng 2 năm 2007, có 16 TCPCPNN hoạt động trong lĩnh vực con nuôi và quảng bá thương mại bị từ chối cấp phép đăng ký lại.

- Công trình là bài viết đăng các tạp chí

Bài viết (1981): “A State Management Role to NGOs” (Vai trò quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ” của GS. John Henning, Đại học Oxford, London [99]. Đã đề cập các nội hàm về chức năng QLNN, cơ cấu QLNN, mối quan hệ giữa cơ quan nhà nước đối với các TCPCP. Trên cơ sở phân lý luận, công trình đã tập trung nghiên cứu vai trò QLNN tại một số quốc gia khu vực Đông Nam Á (Thái Lan, Philipin, Indonexia), một số quốc gia châu Phi (Nigeria, Maroc, Tuynidi). Từ các mô hình QLNN cụ thể của các trường hợp ở từng quốc gia, công trình nghiên cứu

đã viết 03 nhận xét quan trọng đối với vai trò QLNN đối với các TCPCP (Các chính phủ cần phải hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; vai trò QLNN của các chính phủ cần quan tâm cải cách thể chế, cơ chế hành chính thông thoáng và xây dựng cơ chế liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ với các TCPCP trong và ngoài nước).

Bài viết (2003): *“Towards Organisational Performance Assessment: Experiences of Strengthening Learning, Accountability and Understanding Social Change”* của Charlish D. và cộng sự [85]. (Hướng tới đánh giá hoạt động tổ chức: kinh nghiệm tăng cường học hỏi, trách nhiệm và hiểu sự thay đổi xã hội): nghiên cứu này phân tích kinh nghiệm của các TCPCP thuộc nhóm viện trợ của Anh ở nước ngoài (gồm 05 tổ chức là Christian Aid, Save the Children UK, ActionAid, CAFOD và Oxfam GB), trong việc xây dựng và áp dụng các phương pháp, công cụ đánh giá hoạt động, tác động xã hội và các mục tiêu hoạt động của tổ chức. Nghiên cứu cũng khuyến nghị các TCPCP lớn cần giữ quan hệ hợp tác chặt chẽ với đối tác ở các nước đang phát triển, giới thiệu phương pháp tiếp cận để hiểu tác động xã hội, phương pháp đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan và cộng đồng trong quá trình triển khai dự án; giới thiệu một số mô hình thành công trên thực tế...

Bài viết (2005): *“Trust, accountability and face to face interaction in North-South relations”* của Mawdsley, E. và cộng sự [91]. (Sự tin cậy, trách nhiệm và những tương tác trực tiếp trong quan hệ Nam-Bắc). Khác với nhiều học giả tập trung nhiều vào nghiên cứu và khuyến nghị sử dụng các phương pháp lượng hóa, các chỉ số, mục tiêu, kết quả đầu ra, các tác giả này cho rằng hiệu quả và tác động trong quá trình hợp tác giữa các TCPCP phương Bắc và phương Nam có thể được cải thiện đáng kể thông qua sự tương tác trực tiếp nhằm tăng cường đối thoại cởi mở giữa các đối tác, nâng cao tính trách nhiệm, đồng thời làm cho quá trình giám sát các dự án hiệu quả và có ý nghĩa hơn. Nghiên cứu này dựa trên quá trình nghiên cứu và kinh nghiệm của cá nhân tác giả với các TCPCP tại Ga-na, Ấn Độ và Mê-hi-cô.

Bài viết (2007): *“Foreign intelligence agencies disguise themselves as NGOs to harass Russia”* của tác giả Mersiyanova I.V [92], đăng tải trên ấn phẩm của trường Đại học quốc gia Matxcova (Các cơ quan tình báo nước ngoài núp danh nghĩa các TCPCP nhằm quấy phá nước Nga). Bài viết đã chỉ rõ âm mưu của một số

cơ quan tình báo (Mỹ, phương Tây) trong việc lợi dụng các TCPCP, nhất là các tổ chức hoạt động trên lĩnh vực dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của Nga, như: hậu thuẫn cho các đảng phái chính trị đối lập, can thiệp vào quá trình bầu cử, kích động biểu tình, gây rối loạn xã hội,... Những kết luận này giúp nghiên cứu sinh có thêm cơ sở khoa học khi nghiên cứu, đánh giá tình hình liên quan ANQG của các TCPCPNN và đưa ra dự báo về xu hướng hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam thời gian tới.

Bài viết: *Cooperation Committee for Cambodia (CCC), Reflections, Challenges and Choices: 2010 Review of NGO Sector in Cambodia* (Hội đồng hợp tác dành cho Cambodia (CCC), phản ứng thách thức và lựa chọn: xem xét năm 2010 đối với khu vực phi chính phủ tại Cam-pu-chia); *Contributions to the Development of Cambodia 2012: Opportunities and Challenges* (Đóng góp cho sự phát triển của Cam-pu-chia năm 2012: cơ hội và thách thức). Các nghiên cứu này, ngoài việc mô tả hoạt động và viện trợ của các TCPCP tại Cam-pu-chia, còn đề cập đến quy định của nước sở tại đối với các tổ chức này. Theo đó, tuy được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau, song các TCPCPNN khi đến hoạt động tại Cam-pu-chia đều phải đăng ký và ký văn bản thỏa thuận với Bộ Ngoại giao; đăng ký và báo cáo hoạt động với Hội đồng Phát triển Cam-pu-chia. Luật Cam-pu-chia cũng quy định các TCPCPNN không được hỗ trợ các đảng phái chính trị.

Các công trình nghiên cứu trên cơ bản nghiên cứu về QLNN đối với TCPCPNN cho từng lĩnh vực cụ thể, các công trình này đều nghiên cứu có hệ thống lý luận và đánh giá thực trạng và đề xuất các quan điểm, giải pháp về QLNN đối với TCPCPNN đối với lĩnh vực nghiên cứu những vấn đề trên là tài liệu tham khảo có giá trị tham khảo cho nghiên cứu sinh nghiên cứu vấn đề QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

1.2. NHẬN XÉT CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI, NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU TRONG LUẬN ÁN VÀ GIẢ THUYẾT KHOA HỌC VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.2.1. Nhận xét chung về những công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong rất nhiều công trình có liên quan đến đề tài, có những công trình nghiên cứu về TCPCPNN, về QLNN đối với TCPCPNN trên một số lĩnh vực cụ thể

nhưng chưa có công trình nào nghiên cứu về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Tuy vậy, kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan sẽ là tài liệu tham khảo có giá trị khi nghiên cứu sinh nghiên cứu đề tài của mình.

Qua quá trình nghiên các công trình có liên quan đến đề tài rút ra một số nhận xét:

Một là, những vấn đề thuộc về lý luận: hầu hết các công trình chưa đề cập đến lý luận QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN một cách có hệ thống, nếu có chỉ là mang tính giới thiệu khía cạnh mà chưa có cách tiếp cận tổng thể cụ thể. Các nội dung lý luận về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN chưa được đề cập hoặc có đề cập nhưng chưa được làm rõ. Những vấn đề lý luận QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam chưa được so sánh, phân tích với thực tiễn một cách sâu sắc, chưa đề cập những điểm lý thuyết mới cần bổ sung trong giai đoạn quản lý hiện nay.

Hai là, những vấn đề về thực tiễn: những công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều chưa phân tích, làm rõ thực tiễn QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam so với lý luận cơ bản như: xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động TCPCPNN. Một số công trình đã đề cập một số nội dung quản lý nhưng vẫn còn những hạn chế so với đề tài nghiên cứu như đề cập tới các giải pháp nhằm quản lý việc cấp phép hoạt động cho TCPCPNN tài trợ, quản lý vốn viện trợ của TCPCPNN, vấn đề thuê nhân công và trong tương lai đề cập tới hệ thống luật pháp nhưng lại chủ yếu nghiêng về khía cạnh đưa ra các quy định cụ thể của các văn bản pháp luật, ít chú trọng phân tích dưới khía cạnh quản lý. Ngoài ra, các công trình nghiên cứu trên phân tích chỉ ra được các hạn chế, nguyên nhân của hoạt động QLNN đối với TCPCPNN nhưng chưa mang tính tổng hợp cao.

Ba là, về hệ thống giải pháp: một số ít công trình có đề cập hệ thống các giải pháp nhưng là giải pháp quản lý công tác phi chính phủ nói chung, nêu lên những yêu cầu cần giải quyết nhưng không có tính tổng hợp hệ thống khái quát cao, hoặc là giải

pháp cho việc quản lý công tác phi chính phủ nói chung không xuất phát từ các điều kiện cụ thể của Việt Nam.

1.2.2. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc kết quả của các công trình đã nghiên cứu, luận án cần tiếp tục nghiên cứu các nội dung sau:

Một là, bổ sung hoàn thiện cơ sở lý luận. Hoàn thiện khung lý thuyết mới về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong đó tập trung làm rõ vấn đề về: Khái niệm, đặc điểm, vai trò của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam; nội dung, các điều kiện bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Luận án phải bám sát yêu cầu nghiên cứu QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN và bám sát địa bàn nghiên cứu là Việt Nam. Kết quả nghiên cứu trong các công trình nghiên cứu trực tiếp về QLNN đối với TCPCPNN chỉ là hình mẫu, gợi ý, nghiên cứu sinh cần phát triển thêm bảo đảm đầy đủ hơn, chính xác hơn về đặc điểm, vai trò, nội dung và các điều kiện bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Luận án cũng cần khái quát kinh nghiệm của một số quốc gia trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN và các giá trị tham khảo cho Việt Nam. Các quốc gia này có sự tương đồng nhất định về điều kiện chính trị với Việt Nam và các quốc gia có quá trình xây dựng pháp luật lâu đời, đặc biệt là kinh nghiệm trong QLNN đối với TCPCPNN rất có giá trị trong vận dụng vào QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Hai là, trong phần thực trạng cần làm sáng tỏ những vấn đề:

Các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay.

Phân tích, đánh giá thực tiễn việc quản lý TCPCPNN, những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những kết quả đạt được, hạn chế trên các mặt nội dung: xây dựng, ban hành văn bản pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam. Từ đó sẽ làm căn cứ để đặt ra hệ thống các quan điểm, giải pháp định hướng cho QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Đánh giá thực trạng về hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được sắp xếp một cách khách quan, khoa học để so sánh, nghiên cứu

phân tích qua đó làm cơ sở chứng minh cho việc bổ sung lý thuyết ở phần cơ sở lý luận, đồng thời sẽ là cơ sở cho việc đề xuất các nhóm giải pháp của luận án.

Ba là, đưa ra một số dự báo phát triển của TCPCPNN ở Việt Nam, quan điểm và nhóm giải pháp bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Các dự báo, quan điểm và nhóm giải pháp phải phù hợp với thực tiễn hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam, bảo đảm cụ thể, khả thi, có thể vận dụng vào thực tiễn điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội ở Việt Nam nói chung và QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay.

1.2.3. Giả thuyết khoa học và câu hỏi nghiên cứu

1.3.1.1. Giả thuyết khoa học

Luận án được tiến hành để chứng minh các giả thuyết khoa học sau đây:

- *Giả thuyết 1:* QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng đối với hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: làm sáng tỏ được vai trò quan trọng của hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

- *Giả thuyết 2:* QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam còn có những hạn chế, bất cập nhất định.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: đánh giá những kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế trong hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, đồng thời lý giải được những nguyên nhân của những hạn chế đó và đưa ra giải pháp để khắc phục.

- *Giả thuyết 3:* Việc thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam như: xây dựng, ban hành pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến công tác PCPNN và hợp tác quốc tế... sẽ góp phần QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam hiệu lực, hiệu quả hơn.

Dự kiến kết quả nghiên cứu: đề xuất được những giải pháp bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

1.2.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Luận án được tiến hành để trả lời những câu hỏi nghiên cứu sau:

- *Câu hỏi nghiên cứu thứ nhất:* cơ sở lý luận QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam bao gồm những nội dung nào?
- *Câu hỏi nghiên cứu thứ hai:* các yếu tố ảnh hưởng và thực trạng hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay như thế nào?
- *Câu hỏi nghiên cứu thứ ba:* cần thực hiện những giải pháp nào để bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam?

Tiểu kết chương 1

Nghiên cứu về các TCPCP nói chung và TCPCPNN nói riêng đã được các học giả trong và ngoài nước quan tâm với nhiều hướng, nhiều góc độ khác nhau, nhưng tập trung chủ yếu vào QLNN đối với các TCPCP, TCPCPNN ở Việt Nam. Đề tài “*QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam*” hầu như chưa được đề cập một cách cụ thể, có hệ thống trong các tài liệu, công trình nghiên cứu, nếu có chỉ là mang tính giới thiệu khía cạnh mà chưa có cách tiếp cận tổng thể. Các nội dung lý luận về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN chưa được đề cập hoặc có đề cập nhưng chưa được làm rõ. Những vấn đề lý luận QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam chưa được so sánh phân tích với thực tiễn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam một cách sâu sắc, có hệ thống, chưa đề cập những điểm lý thuyết mới cần bổ sung trong QLNN bằng pháp luật trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, nguồn tài liệu mà tác giả có thể tiếp cận trên một số phương diện: QLNN đối với các TCPCP, QLNN về ANQG đối với các TCPCP... là vô cùng quan trọng đặt cơ sở cho việc nghiên cứu, hệ thống hóa, chọn lọc và xử lý để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án.

Qua nghiên cứu, phân tích các công trình có liên quan đến đề tài những kết quả này là những gợi ý quan trọng cho đề tài nghiên cứu “Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam” có thể kế thừa, phân tích một cách hệ thống và sâu sắc hơn về cơ sở lý luận và thực trạng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Chương 2:

CƠ SỞ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

2.1.1. Khái niệm tổ chức phi chính phủ nước ngoài và quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

2.1.1.1. Khái niệm tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Tổ chức phi chính phủ (Non-Governmental Organization) gọi tắt là NGO là một từ dùng để chỉ cho các tổ chức không thuộc Chính phủ, hoạt động song song và hỗ trợ cho các chương trình kinh tế, xã hội của Nhà nước. Ở cấp cơ sở đó là các tổ chức nhân dân bao gồm các thành viên cùng một đơn vị lãnh thổ hoặc đơn vị nghề nghiệp hoạt động vì lợi ích của mỗi thành viên. TCPCP quy tụ những người tự nguyện hoạt động vì lợi ích của người khác, tức là vì tổ chức nhân dân và các cộng đồng dân cư không phải vì bản thân của họ.

Tổ chức phi chính phủ đã tồn tại hàng trăm năm trên thế giới dưới nhiều dạng khác nhau. Nguồn là cứu trợ nhân đạo với nạn nhân chiến tranh, thiên tai, nghèo đói, không phân biệt chính kiến và địa dư. Cho tới nay trên thế giới vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau khi định nghĩa về NGO:

Theo định nghĩa của Liên hiệp quốc, đặc biệt là năm 1983, Hội đồng kinh tế và xã hội của Liên hiệp quốc (ECOSOC) đã đưa ra định nghĩa về NGO, đó là: *“Bất kỳ tổ chức quốc tế nào được thành lập ra không phải do một thỏa thuận liên chính phủ quốc tế, nhưng các NGO đó có thể bao gồm các tổ chức có thành viên do chính phủ cử ra, với điều kiện thành viên đó không được can thiệp vào quyền tự do bày tỏ ý kiến của tổ chức đó”* [29, tr.7].

Theo sổ tay kinh nghiệm về pháp luật liên quan đến các NGO của Cục Môi trường Ngân hàng thế giới: *“NGO chỉ là một tổ chức, liên hiệp, quỹ văn hóa xã hội, ủy hội từ thiện, tập đoàn phi lợi nhuận hoặc các pháp nhân khác mà theo pháp luật không thuộc khu vực nhà nước và không hoạt động vì lợi nhuận, nghĩa là khoản lợi*

nhuận nếu có không thể phân phối theo kiểu chia lợi nhuận. Loại tổ chức này không bao gồm các nghiệp đoàn, đảng phái chính trị, hợp tác xã phân chia lợi nhuận, hay nhà thờ” [29,tr7].

Còn Ngân hàng Thế giới thì quan niệm:

Tổ chức phi chính phủ là khái niệm dùng để chỉ các tổ chức hiệp hội, quỹ văn hóa xã hội, ủy hội từ thiện, tập đoàn phi lợi nhuận hoặc các pháp nhân khác mà theo pháp luật không thuộc khu vực nhà nước và không hoạt động vì lợi nhuận... Loại tổ chức này không bao gồm các nghiệp đoàn, đảng phái chính trị, hợp tác xã phân chia lợi nhuận hay nhà thờ [18, tr.18].

Theo các khái niệm trên, tất cả các tổ chức không phải do chính phủ lập ra và hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận đều là TCPCP. Như vậy, khái niệm TCPCP ở đây rất rộng, ở một chừng mực nhất định, khái niệm TCPCP ở đây đồng nghĩa với khái niệm tổ chức nhân dân, hoặc tổ chức xã hội dân sự (CSO).

Ngân hàng phát triển Châu Á quan niệm:

Tổ chức phi chính phủ là các tổ chức tình nguyện tư nhân, các tổ chức phi lợi nhuận, các tổ chức tự nguyện phát triển. Các TCPCP có đặc trưng là: tình nguyện, độc lập, phi lợi nhuận và mục đích nâng cao điều kiện sống của những người bị thiệt thòi hoặc vì những vấn đề chung rộng lớn của cộng đồng... [51, tr.621].

Ở Hoa Kỳ gọi NGO là các tổ chức không vụ lợi, một số nước lại đưa ra quan điểm NGO là tổ chức tự nguyện, phi lợi nhuận. Tuy tên gọi khác nhau nhưng về tính chất thì cho rằng NGO là tổ chức tự nguyện và đứng ngoài chính phủ.

Ở Việt Nam, khái niệm TCPCP hiện nay cũng chưa thống nhất, được hiểu theo phương diện khác nhau, như:

Từ điển Hành chính viết: *“TCPCP là tổ chức không thuộc nhà nước do các thể nhân hay pháp nhân tự nguyện thành lập, được pháp luật công nhận. TCPCP hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí và không vì mục tiêu lợi nhuận” [56, tr.95].* Theo tác giả Đỗ Sơn Hà và nhóm nghiên cứu: *“TCPCP là tổ chức ngoài nhà nước nhưng không phải doanh nghiệp hay công ty, do các thể nhân hay pháp nhân tự nguyện thành lập theo quy định của pháp luật,*

hoạt động không vụ lợi nhằm góp phần thúc đẩy phát triển xã hội” [23, tr.16]. Trong nghiên cứu của tác giả Phạm Bích San (2018): “NGO ở nước ta được hiểu là tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập vì tổ chức Hội, Quỹ, Bảo trợ xã hội có chức năng và quy định khác với các NGO cộng đồng, trong khi chúng ta chưa cấp phép (pháp nhân) cho các tổ chức cộng đồng thì tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập được hiểu là tổ chức phi chính phủ theo Nghị định 08/2014/NĐ-CP” [67, tr.16].

Một số nhà khoa học cho rằng một số tiêu chí chung về các tổ chức được gọi là phi chính phủ như sau: độc lập tương đối với chính phủ tức là ít hoặc rất ít phụ thuộc vào chính phủ; được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc có sự quản lý của nhà nước (hay có tính pháp nhân); được lập ra do sự tự nguyện của nhân dân và hoạt động phi lợi nhuận trong khuôn khổ pháp luật.

Từ những trình bày trên cho thấy: hiện nay trên thế giới cũng như trong nước đang tồn tại nhiều quan điểm khác nhau về TCPCP. Có thể khái quát các quan niệm này thuộc ba trường phái sau:

Trường phái thứ nhất: TCPCP là các tổ chức không thuộc khu vực nhà nước, hoạt động phi lợi nhuận, được lập ra một cách hợp pháp, bao gồm: các tổ chức nhân dân, các hiệp hội, quỹ, liên hiệp, viện,... không phân biệt mục đích nhân đạo, hỗ trợ phát triển cho cả cộng đồng hay chỉ bảo vệ quyền lợi hội viên. Đây là quan niệm phổ biến ở Việt Nam cũng như ở nhiều nước trên thế giới.

Trường phái thứ hai: TCPCP chỉ bao gồm các tổ chức quốc tế được lập ra không bởi thỏa thuận liên chính phủ, hoạt động độc lập với chính phủ. Đây là quan niệm được đưa ra bởi Liên hợp quốc.

Trường phái thứ ba: quan niệm TCPCP là những tổ chức tự nguyện tư nhân, không thuộc khu vực nhà nước, hoạt động phi lợi nhuận nhằm thúc đẩy xã hội phát triển. Quan niệm này hẹp hơn trường phái thứ nhất ở chỗ lấy tiêu chí mục đích hoạt động để giới hạn phạm vi các TCPCP.

Các quan niệm trên đều có điểm hợp lý, nhưng chưa toàn diện. Bởi theo trường phái thứ nhất, phạm vi của TCPCP quá rộng, dễ nhầm lẫn với khái niệm “Tổ chức nhân dân”, “Tổ chức quần chúng” hoặc “Tổ chức XHDS”. Còn quan niệm của trường phái thứ hai lại quá hẹp khi cho rằng đó chỉ là những tổ chức quốc tế

hoạt động độc lập với nhà nước. Quan niệm của trường phái thứ ba dễ dẫn đến nhầm lẫn rằng các đảng chính trị trong xã hội (tư bản) cũng là TCPCP.

Để có cách tiếp cận hợp lý về khái niệm TCPCP, chúng ta nên xem xét từ nguồn gốc, bản chất của các tổ chức này. Phải khẳng định rằng, tất cả các nghiên cứu từ trước đến nay về TCPCP đều thống nhất rằng: nguồn gốc của TCPCP là các nhóm làm từ thiện, với bản chất hoạt động nhân đạo thuần túy, không vì mục tiêu lợi nhuận cũng như không phải để tranh giành ảnh hưởng, phục vụ ý đồ chính trị. Đây cũng chính là tôn chỉ hoạt động phi chính phủ thừa sơ khai cũng như trong các giai đoạn sau này. Vì lẽ đó, cần khẳng định rằng: phi lợi nhuận, phi chính trị là một dấu hiệu đặc trưng của TCPCP.

Mặt khác, xem xét lịch sử hình thành và phát triển của các hoạt động phi chính phủ, chúng ta thấy rằng: Ở một khía cạnh nhất định, các tổ chức này được sinh ra để thực hiện một phần những công việc khó khăn, ít lợi nhuận mà các tổ chức kinh tế không làm, hoặc không muốn làm, như: xóa đói giảm nghèo, phổ biến kiến thức, hỗ trợ các nhóm yếu thế trong xã hội,... tập trung vào các khu vực chậm phát triển. Bản chất, đó là nhiệm vụ công ích mà nhà nước phải làm để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, thúc đẩy phát triển xã hội. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, hầu như tất cả các chính phủ trên thế giới đều chưa thể giải quyết các vấn đề này một cách thỏa đáng và kịp thời. Chính vì vậy, khi các tổ chức này thực hiện các công việc nói trên đã khiến nhân dân nhìn nhận, đánh giá họ như một chính phủ, một nhà nước thứ hai trong xã hội. Đây cũng là lý do thuyết phục nhất để giải thích tại sao các tổ chức dạng này lại được gọi là “TCPCP”, mà không phải bất kỳ cái tên nào khác. Về mặt học thuật, đây là thuật ngữ chính xác và đầy đủ nhất để chỉ các tổ chức chuyên thực hiện các hoạt động từ thiện, nhân đạo, hỗ trợ phát triển mà không phải của nhà nước. Hay nói cách khác, ngay trong tên gọi “phi chính phủ” đã hàm chứa mục đích hoạt động của các tổ chức dạng này, đó là: hoạt động nhân đạo, từ thiện và hỗ trợ phát triển.

Như vậy, trên cơ sở nghiên cứu về nguồn gốc ra đời, có thể khẳng định: *TCPCP (NGO) là các tổ chức không thuộc khu vực nhà nước, có tư cách pháp nhân, được thành lập trên tinh thần tự nguyện, hoạt động phi lợi nhuận, phi chính trị vì mục đích nhân đạo, từ thiện và hỗ trợ phát triển.*

Về khái niệm TCPCPNN, hiện nay thuật ngữ này được dùng tương đối phổ biến trong các văn bản pháp lý cũng như trong các hoạt động QLNN, tuy nhiên phạm vi “nước ngoài” được hiểu rất khác nhau. Có quan điểm cho rằng, “nước ngoài” là tất cả những gì ở bên ngoài lãnh thổ nước ta, nhưng cũng có quan điểm cho rằng “nước ngoài” chính là “quốc gia khác”. Điển hình là quan niệm được nêu ra trong Giáo trình *“Quản lý nhà nước đối với TCPCP”* của Học viện Hành chính: *“TCPCPNN là những tổ chức được thành lập ở các quốc gia khác tham gia hoạt động cứu trợ và phát triển tại nước ta, trên tinh thần tự nguyện và không vì mục đích lợi nhuận”* [43, tr.33]. Trong khái niệm này, cụm từ “được thành lập ở các quốc gia khác” chưa chính xác, bởi trên thế giới, ngoài quốc gia còn có các vùng lãnh thổ. Khi các TCPCP được thành lập từ các vùng lãnh thổ đến nước khác hoạt động thì đương nhiên vẫn được gọi TCPCPNN (Như Quỹ EDEN Social Welfare, Quỹ Buddhist Compassion Relief/Tzu Chi của Đài Loan đang hoạt động ở Việt Nam). Vì vậy, khái niệm này cũng còn điểm chưa hợp lý.

Căn cứ theo Nghị định số 58/2022/NĐ-CP, ngày 31/8/2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam có thể đưa ra khái niệm TCPCPNN” là tổ chức phi lợi nhuận, quỹ xã hội, quỹ từ nhân được thành lập theo pháp luật nước ngoài; có nguồn vốn hợp pháp từ nước ngoài; hoạt động hỗ trợ phát triển, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận và các mục đích khác; không quyên góp tài chính, vận động tài trợ, gây quỹ từ các tổ chức, cá nhân Việt Nam [12, tr.1].

Như vậy, khi đề cập đến các TCPCPNN là nói đến các TCPCP được xác định trên cơ sở phân loại gắn liền với quốc gia hay vùng lãnh thổ, đặt trong mối quan hệ giữa nước này với nước khác, giữa vùng lãnh thổ này với vùng lãnh thổ khác, nghĩa là căn cứ vào sự phân chia theo địa giới hành chính để phân chia TCPCP thành TCPCPNN và TCPCP trong nước. Với cách phân chia này khi các TCPCP quốc gia hay TCPCP quốc tế hoạt động ở các nước khác thì các nước đối tác thường gọi với tên chung là TCPCPNN và gắn liền với tên quốc gia hoặc tên quốc tế đó, chẳng hạn: TCPCP Hoa Kỳ, TCPCP Anh, TCPCP Nhật Bản, TCPCP Pháp, TCPCP Trung Quốc hoặc TCPCP quốc tế (Inter national - INGO).

Khi đề cập đến TCPCPNN là đề cập đến một loại TCPCP được xác định trên cơ sở một tiêu chí phân loại cụ thể, và gắn bó chặt chẽ với phạm trù quốc gia, lãnh thổ. Khái niệm này chỉ hình thành khi đặt trong mối quan hệ giữa quốc gia này với quốc gia khác, lãnh thổ này với lãnh thổ khác. Điều đó có nghĩa là sẽ không có khái niệm TCPCPNN nếu không đứng trên một quốc gia, lãnh thổ nhất định - chính là nước mà TCPCP đến triển khai hoạt động hay nước nhận hợp tác. Một TCPCP vừa là TCPCPNN khi xem xét trong quan hệ với nước khác, nhưng cũng là một TCPCP bản địa trong quan hệ với chính phủ và nhân dân nước mình. Vì thế, khái niệm TCPCPNN cũng chỉ có ý nghĩa tương đối.

Qua nghiên cứu cho thấy, ngoài những đặc điểm chung của TCPCP, các TCPCPNN hoạt động ở Việt Nam còn có các đặc điểm cơ bản sau:

- Các TCPCPNN được thành lập một cách tự nguyện và hợp pháp bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, các thành viên tham gia tổ chức là tự nguyện, tự giác và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

- Các TCPCPNN không phụ thuộc vào bộ máy hành chính nhà nước và hoạt động vì mục đích nhân đạo và hỗ trợ phát triển, không vì mục đích lợi nhuận và các mục đích chính trị khác.

- Các TCPCPNN có đóng góp đáng kể vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

- Các TCPCPNN ở Việt Nam có thành phần đa dạng, nhưng chủ yếu đến từ các nước phát triển, trong đó TCPCP Hoa Kỳ và Châu Âu luôn chiếm số lượng lớn nhất.

- Các TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động ở khắp các tỉnh, thành trong cả nước, trong đó tập trung vào các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, tôn giáo, vùng chiến lược Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.

- Các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam thường bị lợi dụng vào các hoạt động chống phá về dân chủ, nhân quyền.

Như vậy, qua các phân tích trên có thể hiểu rằng: *TCPCPNN ở Việt Nam là TCPCP được thành lập hợp pháp bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, bao gồm các TCPCP quốc tế và TCPCP của các quốc gia, vùng lãnh thổ khác (kể cả những tổ chức do Việt kiều thành lập) hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam vì mục đích nhân đạo và hỗ trợ phát triển.*

2.1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Quản lý nhà nước

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật thông qua ba cơ quan khác nhau trong bộ máy nhà nước, bao gồm: cơ quan thực hiện quyền lập pháp, cơ quan thực hiện quyền hành pháp và cơ quan thực hiện quyền tư pháp và dựa trên nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Theo cơ chế đó, quyền lập pháp được trao cho cơ quan Quốc hội với ba chức năng cơ bản là lập pháp (ban hành và sửa đổi Hiến pháp, các Bộ luật và luật), quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của nhà nước; quyền hành pháp được trao cho Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước địa phương thực hiện bao gồm quyền lập quy và điều hành hành chính và quyền tư pháp được trao cho hệ thống các cơ quan Tòa án nhân dân các cấp thực hiện.

Trên thực tế hiện nay, có rất nhiều cách giải thích khác nhau về khái niệm QLNN tiếp cận dưới các góc độ khoa học khác nhau. Có thể liệt kê một số khái niệm về QLNN theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp sau đây:

Theo nghĩa rộng:

“QLNN là hoạt động của toàn bộ bộ máy nhà nước từ cơ quan quyền lực nhà nước: Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; các cơ quan hành chính nhà nước: Chính phủ, các Bộ, Ủy ban hành chính nhà nước; cơ quan Kiểm sát - Viện Kiểm sát tối cao và các Viện Kiểm sát nhân dân các cấp” [60, tr.277]; “QLNN là hoạt động của Nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp nhằm thực hiện chức năng đối nội, đối ngoại của nhà nước” [19, tr.258]; “QLNN là một dạng quản lý xã hội mang tính quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của con người” [36, tr.15]; “QLNN là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh mang tính quyền lực Nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để duy trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước trong công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN” [34, tr.70].

Theo nghĩa hẹp:

- “QLNN là hoạt động của riêng hệ thống cơ quan hành chính nhà nước: Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các cấp, các sở, phòng ban, chuyên môn của UBND...” [60, tr178].

- “QLNN là sự quản lý chủ yếu bằng pháp luật của Nhà nước để thực hiện quyền lực của Nhà nước. Để góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội và phát triển đất nước, một trong những điều kiện tiên quyết là phải tạo dựng được một cơ chế quản lý hữu hiệu tạo sự hài hòa trong quan hệ xã hội; xác định được những định hướng phát triển của các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội theo mục tiêu, nguyên tắc đã được nhà nước xác định” [37, tr68].

Thuật ngữ QLNN có nhiều khái niệm khác nhau và được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau. Tuy nhiên, xét về bản chất, các khái niệm này đều có những đặc điểm chung giống nhau về tính quyền lực nhà nước, chủ thể, khách thể, đối tượng hoạt động chấp hành và điều hành của nhà nước, tính tổ chức trực tiếp của nhà nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tính chủ động sáng tạo, tính tổ chức, tính chính trị...

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm: QLNN là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước do các cơ quan nhà nước tiến hành đối với tất cả mọi cá nhân và tổ chức xã hội, trên tất cả các mặt của đời sống xã hội bằng cách sử dụng quyền lực nhà nước có tính cưỡng chế đơn phương nhằm mục đích phục vụ lợi ích chung của cả cộng đồng, duy trì ổn định, an ninh, trật tự và thúc đẩy xã hội phát triển theo một định hướng thống nhất của nhà nước.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật:

QLNN bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế là nguyên tắc hiến định. Đó là: hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước phải chấp hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội hoặc Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc thực hiện quyền hành pháp; các cơ quan hành chính nhà nước khi ban hành các quyết định hành chính, các văn bản cá biệt phải trên cơ sở luật để áp dụng luật và phù hợp với luật. Các quyết định hành chính, các văn bản cá biệt do các cơ quan hành chính nhà nước ban hành cũng phải tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc pháp chế; mở rộng việc bảo đảm các quyền và nghĩa vụ của công dân. Trong những

trường hợp cần thiết mà phải hạn chế quyền công dân được ghi nhận trong Hiến pháp, luật thì phải tuân theo các quy định của pháp luật, đó là chỉ được hạn chế quyền con người, quyền công dân bằng luật; các chủ thể quản lý hành chính nhà nước phải chịu trách nhiệm trước xã hội về những sai phạm trong hoạt động quản lý gây thiệt hại tới lợi ích hợp pháp của công dân và phải bồi thường cho công dân.

Để đạt được các mục tiêu quản lý, chủ thể quản lý phải tổ chức, phối hợp, khích lệ, động viên, dẫn dắt, định hướng hoạt động của đối tượng quản lý vào mục tiêu đã được xác định trước thông qua việc sử dụng hệ thống phương pháp và các công cụ quản lý.

Trong quá trình QLNN với tư cách là chủ thể quản lý phải thường xuyên sử dụng các công cụ quản lý pháp luật, chính sách, kế hoạch.

Một là, công cụ pháp luật: hiện có nhiều quan niệm về pháp luật. Nhưng dù tiếp cận dưới góc độ nào thì pháp luật là phương tiện để xác lập, thiết lập trật tự xã hội, có hiệu lực bắt buộc và được kiểm soát, bảo đảm, bảo vệ quyền lực nhà nước [21]. Dưới góc độ QLNN thì “pháp luật là hệ thống các quy phạm (quy tắc, hành vi hay quy tắc xử lý) có tính chất bắt buộc chung được thực hiện lặp đi lặp lại; nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, do nhà nước ban hành (hoặc thừa nhận), thể hiện ý chí nhà nước và được nhà nước đảm bảo thực hiện bởi các biện pháp tổ chức, giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế thông qua bộ máy nhà nước. Pháp luật là công cụ để thực hiện quyền lực nhà nước và là cơ sở pháp lý cho đời sống xã hội có nhà nước”[22].

Hai là, công cụ chính sách (chính sách công): có thể hiểu là tập hợp các quyết định có liên quan lẫn nhau của một nhà chính trị hay một nhóm các nhà chính trị gắn liền với việc lựa chọn các mục tiêu và các giải pháp để đạt các mục tiêu đó. “Chính sách công” là một chuỗi các quyết định hoạt động của nhà nước nhằm giải quyết một vấn đề đặt trong đời sống kinh tế, xã hội, theo mục tiêu xác định” [45].

Như vậy, chính sách là sự thống nhất giữa chủ trương và hành động nhà nước, chính sách giữ vai trò là công cụ QLNN mang tính định hướng của nhà nước đối với đời sống kinh tế, chính trị, xã hội trong đó có chính sách đối với hoạt động của TCPCP nói chung và TCPCPN nói riêng [61]. Tuy nhiên, công cụ chính sách là

mối quan hệ với công cụ pháp luật. “Xét ở một khía cạnh nhất định, các chính sách công được thể chế hóa bằng một loạt quyết định có tính chất pháp lý của nhà nước. Song chính sách không đồng nghĩa với những đạo luật và văn bản dưới luật do Nhà nước ban hành chính sách là một chương trình hành động của nhà nước xoay quanh việc giải quyết những vấn đề nhất định” [45].

Ba là, công cụ kế hoạch: kế hoạch trong QLNN nhằm định hướng, điều tiết hoạt động của các chủ thể khác nhau trong phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý bằng kế hoạch có tiền đề khách quan từ bản thân nền kinh tế - xã hội. Kế hoạch chính là tập hợp các mục tiêu và các phương thức để đạt được mục tiêu. Trong QLNN, “Kế hoạch là các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và các biện pháp cụ thể để đạt được mục tiêu trong từng thời kỳ nhất định do Nhà nước đặt ra” [25]. Hệ thống kế hoạch của nhà nước bao gồm: chiến lược, quy hoạch, các kế hoạch trung hạn, các chương trình mục tiêu, các kế hoạch năm và các dự án.

Công cụ kế hoạch giúp cho các nhà lãnh đạo vạch ra phương hướng hoạt động trong tương lai, làm giảm sự tác động của những thay đổi từ môi trường, tránh được sự lãng phí và dư thừa nguồn lực, thiết lập nên những tiêu chuẩn thuận tiện cho công tác kiểm tra.

Tóm lại, trong quá trình QLNN, Nhà nước phải sử dụng thường xuyên và đồng bộ tất cả các công cụ trên, nhưng công cụ pháp luật luôn được đặt lên hàng đầu. Khi sử dụng các công cụ khác vào QLNN đều phải thực hiện thông qua các quy định của pháp luật nên công cụ pháp luật vẫn là gốc chung, là nòng cốt của QLNN.

Để QLNN bằng pháp luật thì bản thân hệ thống pháp luật phải đảm bảo chất lượng, phải thể hiện các quyền, tự do, lợi ích chính đáng của con người và sự phát triển bền vững của xã hội; áp dụng pháp luật phải công bằng, nghiêm minh, xây dựng niềm tin pháp luật đối với công dân, tổ chức. Đồng thời, phải có những điều kiện về kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, môi trường... để pháp luật được thực thi trong đời sống thực tiễn có hiệu quả.

Qua phân tích trên, có thể rút ra khái niệm như sau: *“QLNN bằng pháp luật là sự tác động mang tính tổ chức và quyền lực nhà nước bởi các cơ quan nhà nước,*

người có thẩm quyền tiến hành bằng công cụ pháp luật kết hợp các công cụ khác, sử dụng nhiều phương pháp và hình thức khác nhau để tác động lên đối tượng quản lý để điều tiết, vận hành, phát triển, kiểm soát các lĩnh vực theo đúng mục tiêu của Nhà nước đề ra”.

*** Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam**

Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là một nội dung của QLNN bằng pháp luật nói chung. Các TCPCPNN ở Việt Nam với vị trí là tổ chức xã hội, có tư cách pháp nhân, là biểu hiện cụ thể của hoạt động đời sống xã hội và mang những đặc trưng riêng về tính chất, nội dung hoạt động và về đối tượng tham gia so với các tổ chức hành chính nhà nước hay doanh nghiệp. Do đó, nhà nước phải quản lý TCPCPNN ở Việt Nam thông qua những quy định của pháp luật để đảm bảo cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động đúng mục tiêu.

Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được thực hiện thông qua hoạt động của hệ thống nhà nước trong đó có cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan QLNN và cơ quan tư pháp dựa trên cơ sở pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài về TCPCPNN ở Việt Nam để điều chỉnh hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam nhằm bảo đảm hoạt động của TCPCPNN phát huy được tính tự chủ, phi lợi nhuận, huy động được sự đoàn kết, dân chủ của bộ phận quần chúng nhân dân tham gia TCPCPNN, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

Cơ quan quyền lực Nhà nước trước hết là Quốc hội ban hành pháp luật về TCPCP nói chung và TCPCPNN nói riêng, thực hiện chức năng giám sát thực hiện luật về TCPCP, TCPCPNN ở Việt Nam.

Chính phủ trên cơ sở các quan điểm pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam, trực tiếp ban hành các Nghị định, Nghị quyết, Chỉ thị về tổ chức và hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, Chính phủ chỉ đạo các cơ quan nhà nước trực tiếp quản lý đối với TCPCPNN là Bộ Nội vụ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc nghiên cứu, đề xuất những văn bản quy phạm pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu thực tiễn của QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong phạm vi toàn quốc. Ngoài thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Chính phủ, các cơ quan nhà nước còn trực tiếp tổ chức thực hiện pháp

luật dựa vào pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam để điều chỉnh các hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan và cuối cùng, các cơ quan QLNN tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vấn đề vướng mắc nội bộ TCPCPNN ở Việt Nam theo quy định của pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam.

Các cơ quan tư pháp các cấp căn cứ vào kết quả thanh tra, kiểm tra, kiến nghị tố giác của các cơ quan QLNN, của các tổ chức xã hội và công dân đối với TCPCPNN ở Việt Nam tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Từ những phân tích ở trên có thể đưa ra có thể rút ra khái niệm *“QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước tiến hành bằng công cụ pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động của TCPCPNN; điều chỉnh các hoạt động cụ thể của TCPCPNN ở Việt Nam cũng như hành vi của cá nhân trong các TCPCPNN ở Việt Nam nhằm góp phần đảm bảo môi trường an ninh, an toàn cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội do nhà nước đề ra”*.

2.1.2. Đặc điểm quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

2.1.2.1. Đặc điểm về mục đích quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Cũng như mục đích chung của QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, mục đích trực tiếp nhất của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là đảm bảo cho các TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, góp phần bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH.

- Thông qua QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam tạo môi trường an ninh, an toàn cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động và phát triển trong khuôn khổ pháp luật, phát huy tối đa các nguồn lực từ các TCPCPNN ở Việt Nam,

đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy các hoạt động viện trợ từ thiện, nhân đạo, hợp tác trên nhiều lĩnh vực với nhiều chương trình, dự án khác nhau như: khám bệnh, giáo dục, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là những người dễ bị tổn thương trong xã hội, người nghèo, người khuyết tật; cứu trợ, thiên tai, bão lụt, môi trường; phổ biến kiến thức, nâng cao tay nghề, dạy nghề... ở Việt Nam.

- Thông qua QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam giúp cơ quan nhà nước chủ động phát hiện âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, các loại tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác lợi dụng TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động xâm phạm ANQG, TTATXH, từ đó có biện pháp ngăn chặn, xử lý kịp thời.

- Thông qua QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam để xử lý các sai phạm, vi phạm của TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam và của các cơ quan nhà nước trong hoạt động quản lý TCPCPNN ở Việt Nam. Thông qua hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam giúp cơ quan nhà nước có thông tin, tài liệu phản ánh những sai phạm, vi phạm của các TCPCPNN ở Việt Nam và của cơ quan nhà nước để có biện pháp xử lý kịp thời. Qua đó xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đúng thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm cho phép.

2.1.2.2. Đặc điểm về chủ thể QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Chủ thể của QLNN bằng luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được nhà nước thực hiện thông qua hệ thống các cơ quan trong bộ máy nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ và chức năng của nhà nước trong hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Hệ thống các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng quản lý các TCPCPNN ở Việt Nam được hình thành trên nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xét theo phương diện quản lý, việc phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan QLNN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đấu tranh chống lạm quyền, lộng quyền, mâu thuẫn và chòng chéo.

Chủ thể trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền có thể xác định như sau:

- Trong quá trình xây dựng, ban hành quy định pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam. Chủ thể gồm:

Quốc hội: ban hành các văn bản pháp luật quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý TCPCPNN ở Việt Nam; quy định công tác quản lý về mặt nhà nước nhằm tạo ra hành lang pháp lý cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động.

Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn và quy định chi tiết những văn bản pháp luật Quốc hội ban hành; ban hành các văn bản quy định những chính sách ưu đãi và tạo điều kiện hỗ trợ đảm bảo cho sự hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam;

- Trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam. Chủ thể gồm cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, các bộ, ban, ngành và UBND cấp tỉnh)

Chính phủ thống nhất QLNN về mọi nguồn viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam, điều phối, giám sát để đảm bảo sử dụng nguồn viện trợ đúng mục đích và có hiệu quả; chỉ đạo các cơ quan chức năng của Chính phủ và các cấp, các ngành thực hiện tốt các nhiệm vụ QLNN theo thẩm quyền chính phủ phân công, phân cấp.

Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương theo dõi và quản lý về mặt nhà nước đối với tất cả các TCPCPNN ở Việt Nam tạo điều kiện và giúp đỡ về cán bộ, cơ sở vật chất và phương tiện cho các TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động trên địa phương theo thỏa thuận, hướng hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam gắn với phong trào quần chúng của địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội một cách thiết thực và hiệu quả.

UBND cấp tỉnh nơi TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động hoặc nơi đặt văn phòng đại dự án, văn phòng đại diện của TCPCPNN ở Việt Nam có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi và quản lý hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam (bao gồm quản lý và trợ giúp các thủ tục cho thuê nhà, tuyển dụng, thuê nhân công, đăng ký theo quy định và hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam với địa phương).

- Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam. Chủ thể gồm các cơ

quan QLNN và hệ thống các cơ quan tiến hành tố tụng, như: cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân.

2.1.2.3. Đặc điểm về đối tượng quản lý

Đối tượng quản lý với ý nghĩa là “cái chịu sự tác động của chủ thể”, đối tượng quản lý của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN bao gồm: con người, cơ sở vật chất và quản lý hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam.

- Con người trong TCPCPNN ở Việt Nam, đó là: các chuyên viên, nhân viên làm việc cho TCPCPNN ở Việt Nam (bao gồm cả người nước ngoài, người không có quốc tịch và người Việt Nam); thành viên các đoàn lâm thời của tổ chức vào Việt Nam khảo sát, kiểm tra, đánh giá dự án phi chính phủ.

Bản chất của QLNN là quản lý hành vi (hoạt động) của con người. Nhưng ở đây, cơ quan QLNN không quản lý mọi hoạt động của các nhân viên, chuyên viên, đoàn lâm thời của TCPCPNN ở Việt Nam, mà chỉ quản lý những hoạt động liên quan đến xuất nhập cảnh, cư trú, đi lại; hoạt động dự án có liên quan đến nội bộ, liên quan đến bí mật nhà nước, đến các mục tiêu, địa bàn, lĩnh vực trọng điểm trong bảo vệ ANQG, TTATXH...

- Cơ sở vật chất mà TCPCPNN ở Việt Nam sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam, gồm: trụ sở văn phòng đại diện, văn phòng dự án; các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin liên lạc;... được TCPCPNN ở Việt Nam đăng ký, sử dụng để thực hiện chương trình, dự án tại Việt Nam. Đây là những điều kiện cơ sở vật chất cần thiết để các TCPCPNN ở Việt Nam thực hiện các hoạt động viện trợ, nhân đạo, nhưng cũng có thể bị lợi dụng vào mục đích xâm phạm ANQG. Do đó, cơ quan QLNN phải chủ động quản lý, kiểm soát chặt chẽ, không để các thế lực thù địch, các đối tượng đầu tranh lợi dụng các trụ sở, phương tiện này vào hoạt động liên lạc gián điệp, thu thập tình báo, cất giấu tài liệu, móc nối tuyển lựa cơ sở trong nội địa,...

- Các cơ quan QLNN tiến hành hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam.

Quản lý việc đàm phán, ký kết, chấp nhận, tiếp nhận dự án và lập văn phòng dự án ở Việt Nam; Quản lý việc xét cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi các loại giấy đăng ký của các TCPCPNN ở Việt Nam; Quản lý việc điều phối dự án của các TCPCPNN ở Việt Nam và quản lý quá trình hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam.

2.1.3. Vai trò của quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

2.1.3.1. Góp phần đảm bảo môi trường an ninh, an toàn cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ pháp luật.

Thứ nhất, thông qua QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam góp phần đảm bảo cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động không bị các thế lực thù địch, các phân tử xấu lợi dụng, móc nối, tuyển lựa, cấu kết để tiến hành các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam, gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam với TCPCPNN ở Việt Nam. Bên cạnh đó, góp phần bảo vệ an toàn tính mạng, sức khỏe, cơ sở vật chất, hoạt động của các cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam.

Thứ hai, thông qua hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đã tạo môi trường dân chủ, bình đẳng giữa TCPCPNN ở Việt Nam với TCPCP trong nước và các tổ chức công lập trong việc tiếp cận các chương trình/đề tài/dự án quốc gia. Tạo điều kiện để TCPCPNN ở Việt Nam thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển cộng đồng bền vững và tạo ra cơ sở pháp lý cao trong việc QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức hoạt động và cung cấp đầy đủ thông tin và có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ TCPCPNN ở Việt Nam tham gia vào việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cải cách nền hành chính nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền, đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua đó, xây dựng, ban hành một hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ, thống nhất, khả thi nâng cao trình độ quản lý của bộ máy nhà nước trong quản lý TCPCPNN, để các TCPCPNN ở Việt Nam phát huy mặt tích cực và hạn chế các mặt tiêu cực.

2.1.3.2. Góp phần bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

Âm mưu của các thế lực thù địch thông qua TCPCPNN ở Việt Nam nói chung và danh nghĩa nhân viên TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng, để thâm nhập chuyển hóa nội bộ, tạo thế đứng chân hoạt động lâu dài tại các địa bàn chiến lược, trọng yếu; công khai đặt vấn đề, gây sức ép để tạo dựng lực lượng đối lập bên trong thúc đẩy các điều kiện để thực hiện “cách mạng màu” ở Việt Nam. Đây là âm mưu rất nguy hiểm, đòi hỏi cơ quan nhà nước không chỉ đề cao cảnh giác, mà phải nâng

cao hiệu quả các biện pháp quản lý, giám sát nhằm chủ động ngăn ngừa, không để các thế lực thù địch lợi dụng TCPCPNN ở Việt Nam xâm phạm ANQG. Do đó, thông qua QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam góp phần bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH. Cụ thể:

Thứ nhất, góp phần phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động xâm phạm ANTT của cá nhân, TCPCPNN và các hoạt động lợi dụng danh nghĩa TCPCPNN của các thế lực thù địch, các phần tử xấu xâm phạm ANTT.

Thứ hai, góp phần bảo vệ ANTT trên các mục tiêu, địa bàn, tuyến, lĩnh vực trong điểm có hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, tạo lập môi trường ổn định về an ninh, chính trị, loại trừ những nguyên nhân điều kiện mà các thế lực thù địch có thể lợi dụng.

Thứ ba, ngăn chặn TCPCPNN ở Việt Nam tổ chức, thực hiện các hoạt động chính trị, tôn giáo, dân tộc và các hoạt động không phù hợp với lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, an ninh, quốc phòng, đại đoàn kết dân tộc Việt Nam; xâm hại đến đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc

Thứ tư, phát hiện và ngăn chặn TCPCPNN ở Việt Nam tổ chức, thực hiện, tham gia các hoạt động nhằm mục đích thu lợi nhuận, không phục vụ mục đích nhân đạo và liên quan đến hoạt động rửa tiền, khủng bố.

Thứ năm, bảo đảm cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam và TCPCPNN ở Việt Nam được tôn trọng và bảo đảm các quyền và lợi ích từ các cơ quan QLNN.

2.1.3.3. Góp phần mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và tích cực hội nhập quốc tế

Quan hệ với TCPCPNN ở Việt Nam là một nội dung trong quan hệ ngoại giao nhân dân, gắn liền với đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và tình hình phát triển qua từng giai đoạn của đất nước. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay với đường lối đối ngoại trong thời kỳ hội nhập quốc tế, Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy, có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Thực hiện tốt QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là góp phần vào hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước, cụ thể là:

Thứ nhất, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam góp phần xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động, phát triển

và đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế với TCPCPNN ở Việt Nam, qua đó thu hút tri thức kinh nghiệm, quản lý, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, các nguồn viện trợ vật chất cho các hoạt động xã hội.

Thứ hai, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam có vai trò quan trọng trong huy động TCPCPNN ở Việt Nam tham gia đấu tranh, bảo vệ lợi ích chính trị, kinh tế, ngoại giao của Việt Nam trên trường quốc tế. Bên cạnh đó, góp phần tăng cường hiểu biết và mở rộng quan hệ hữu nghị của nhân dân và đối tác các nước về Việt Nam, góp phần đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc, áp đặt chống phá nhà nước Việt Nam

Thứ ba, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được thực hiện tốt sẽ giúp bạn bè khu vực và quốc tế hiểu hơn về chính trị, kinh tế, văn hóa, con người, truyền thống và lịch sử của con người, đất nước Việt Nam. Từ đó, thêm thân thiện với nhân dân Việt Nam, phát triển đa dạng hơn với mỗi quan hệ với Việt Nam không chỉ dừng ở mối quan hệ thiện cảm mà còn mở rộng hơn ở quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quan hệ mang tính vật chất.

Thứ tư, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam góp phần tích cực bảo vệ an ninh đối ngoại của Việt Nam trong mỗi quan hệ quốc tế đan xen giữa đối tượng và đối tác hiện nay để đảm bảo được lợi ích quốc gia và phù hợp với các giá trị tiến bộ của nhân loại, vừa giữ vững được nguyên tắc bảo vệ nội bộ, bảo vệ an ninh chính trị, độc lập, chủ quyền quốc gia và bảo vệ, củng cố chế độ XHCN.

Thông qua QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam giúp các cơ quan QLNN chủ động nghiên cứu tình hình và các vấn đề quốc tế liên quan đến hoạt động đối ngoại, tìm hiểu được các đối tác đã và đang có quan hệ và những tổ chức có khả năng thiết lập quan hệ, trên cơ sở đó tham mưu đề xuất những biện pháp, bước đi thích hợp nhằm tăng cường và mở rộng quan hệ đối ngoại. Thông qua hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam giúp các cơ quan nhà nước nắm bắt và thu thập được những phản ánh về dư luận nhân dân trong nước, nhân dân các nước và các TCPCPNN ở Việt Nam đối với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với hoạt động đối ngoại nhân dân.

2.1.3.4. Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội

Việt Nam tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển từ một nền kinh tế có trình độ phát triển thấp, lạc hậu, lại phải giải quyết những hậu quả to lớn của cuộc chiến tranh kéo dài và khốc liệt. Bên cạnh đó, Việt Nam còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, xóa đói, giảm nghèo, ô nhiễm môi trường... Vì vậy, những đóng góp của TCPCPNN ở Việt Nam cả về cách tiếp cận, kinh nghiệm, phương pháp và nguồn lực có vai trò quan trọng, góp phần hỗ trợ Việt Nam trong quá trình bảo đảm an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng và thực thi các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Do vậy, khi QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam tốt góp phần đảm bảo và phát huy vai trò an sinh xã hội. Cụ thể:

Thứ nhất, góp phần bổ sung nguồn lực vốn cho phát triển kinh tế - xã hội. QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được thực hiện tốt giúp cho việc xác định vai trò của vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam với tư cách là một nguồn lực bổ sung cho đầu tư phát triển, thể hiện khi so sánh quy mô của nguồn vốn này so với các nguồn vốn đầu tư cho phát triển khác, chẳng hạn như tổng đầu tư toàn xã hội, tổng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), tổng vốn ODA không hoàn lại ở cấp quốc gia. QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại các vùng dự án, nhất là vùng nghèo: cùng với đầu tư nguồn lực trong các lĩnh vực cụ thể, nhiều chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam quan tâm đến hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, lựa chọn lĩnh vực, ngành sản xuất, sản phẩm mang lại giá trị kinh tế cao hơn cho cộng đồng địa phương. Các chương trình, dự án này có thể mang tính hỗ trợ kỹ thuật, giúp xây dựng mô hình sản xuất, kinh doanh, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ tìm kiếm và kết nối thị trường, kết nối chuỗi giá trị.... Góp phần nâng cao năng lực cán bộ của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và của cộng đồng vùng dự án: một phần vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam được dành cho đào tạo, tập huấn chuyên môn, kỹ thuật, chia sẻ kinh nghiệm cho các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cộng đồng. Các dự án do các TCPCPNN ở Việt Nam triển khai thường có hợp phần đào tạo, tập huấn, chia sẻ kinh nghiệm. Trong đại đa số các dự án sử dụng vốn viện trợ của các

TCPCPNN ở Việt Nam, thông qua việc hợp tác và triển khai, cán bộ của các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và của cộng đồng vùng dự án có thêm kinh nghiệm thực tiễn, từ đó năng lực của họ cũng được nâng cao.

Thứ hai, hỗ trợ giải quyết các vấn đề ở cộng đồng. QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được thực hiện một cách hiệu quả là góp phần cho hỗ trợ người nghèo về vốn, kinh nghiệm, kiến thức xóa đói, giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người hưởng lợi và phát triển kinh tế. Ở nhiều địa phương, TCPCPNN ở Việt Nam còn thể hiện vai trò cứu trợ nhân đạo trong những tình huống thiên tai, bão lũ, cung cấp tín dụng, hoặc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn... Vốn viện trợ phi chính phủ được triển khai tốt đảm bảo các dự án về y tế, giáo dục, đào tạo, dạy nghề, giải quyết các vấn đề xã hội,... phát huy hết tính tích cực của mình

Ngoài việc đóng góp trực tiếp làm thay đổi cuộc sống của người dân ở các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đảm bảo cho hoạt động chia sẻ kinh nghiệm, phương pháp làm cũng như cách thức xây dựng các chương trình, dự án quốc gia, chính sách và khung pháp lý cho những vấn đề liên quan mà TCPCPNN ở Việt Nam thực hiện được đi đúng hướng và đúng yêu cầu.

2.2. NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

2.2.1. Xây dựng, ban hành pháp luật về tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

TCPCPNN ở Việt Nam là một thực thể có tổ chức của đời sống dân sự, do vậy Nhà nước thừa nhận TCPCPNN ở Việt Nam tức là thừa nhận ý chí tự do của dân. Để thực hiện tốt yêu cầu này Nhà nước phải xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật đồng bộ, tạo môi trường và hành lang pháp lý cho hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam theo yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế và làm cơ sở pháp lý để quản lý hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, xử lý các sai phạm. Pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam đảm bảo tính hệ thống, nhất quán và tương đối ổn định của pháp luật là khâu trọng yếu đầu tiên của QLNN.

Xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật đối với hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam là hoạt động đầu tiên nhằm tạo môi trường pháp lý đầy đủ, thuận lợi nhằm đảm bảo cho TCPCPNN ở Việt Nam được hoạt động trong môi trường an ninh, an toàn, hiệu quả. Xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật tạo ra cơ sở hành lang pháp lý cho hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam đi đúng định hướng của Nhà nước, xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật đối với việc đăng ký và hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam sẽ tạo dựng cơ sở pháp lý cho việc tổ chức bộ máy quản lý, bố trí cán bộ thực thi, thực hiện quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát về hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam.

Pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam hoàn thiện mới có khả năng tạo ra được cơ sở pháp lý vững chắc cho toàn bộ sự vận động và phát triển của lĩnh vực này. Việc xây dựng và ban hành pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam cần thống nhất một số vấn đề sau:

Pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam phải bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành và có tính khả thi. Khi xây dựng pháp luật đòi hỏi phải cân nhắc lợi ích của tất cả đối tượng được văn bản pháp luật điều chỉnh. Sự hoàn thiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam còn thể hiện ở tính thống nhất của nó. Đó là sự thống nhất giữa chế định pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam phải phản ánh được các nguyên lý khoa học hiện đại của tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước nói chung và thực hiện công vụ nói riêng. Ngoài ra khi xây dựng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam luôn chú ý các quy định pháp luật có khả năng thực hiện được trên thực tiễn; sự phù hợp với các điều kiện (vật chất, kỹ thuật, tổ chức...) bảo đảm cho quy định pháp luật có thể được thực hiện. Bên cạnh đó, một hệ thống pháp luật hoàn thiện phải được xây dựng ở trình độ kỹ thuật lập pháp cao.

Xác định pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam phải được ưu tiên soạn thảo và sớm ban hành ở Việt Nam để tạo hành lang pháp lý cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động. Nhà nước cần phải xây dựng, ban hành các quy định của pháp luật về các vấn đề cụ thể như sau:

Các quy định của pháp luật về thẩm quyền xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam, thực hiện việc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt điều lệ TCPCPNN ở Việt Nam của cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Pháp luật quy định thẩm quyền của các Bộ, cơ quan nhà nước chuyên ngành trong việc tham mưu và phối hợp với Ủy ban Công tác về các TCPCPNN ở Việt Nam thực hiện các yêu cầu của QLNN (từ ban hành pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm) đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Các quy định của pháp luật về thành lập tổ chức, về lĩnh vực, phạm vi hoạt động, về người đứng đầu, đối tượng tham gia; quy định về tài chính và quản lý tài chính; quy định về sát nhập, giải thể; xác định những điều cấm TCPCPNN không được làm, quy định các chế tài xử lý vi phạm liên quan đến tổ chức và hoạt động của TCPCPNN.

- Các quy định của pháp luật về thanh tra kiểm tra, xử lý vi phạm đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

- Các quy định pháp luật về khen thưởng, kỷ luật, động viên, biểu dương, khen thưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích với việc ngăn chặn, xử lý các tiêu cực trong hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam.

2.2.2. Tổ chức thực hiện pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Trong hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng cũng như các lĩnh vực khác của đời sống xã hội nói chung có một nội dung quan trọng nhất đó là việc tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam một cách có hiệu quả, hiệu lực trong cuộc sống. V.I. Lênin đã khẳng định “Sự quan trọng của pháp luật không phải ở chỗ chúng được ghi trên giấy, mà là ở chỗ được đưa ra thi hành” [41, tr.31]. Do đó, một nhà nước pháp quyền có hiệu lực mạnh là nhà nước đó quản lý đất nước bằng pháp luật và phải làm cho pháp luật có hiệu lực, hiệu quả trên thực tế. Điều đó có nghĩa chỉ xây dựng pháp luật không thì chưa đủ mà còn phải tổ chức triển khai các quy định pháp luật đó sao cho phát huy được giá trị thực thi trong thực tiễn sinh động của cuộc sống. Pháp luật không thể tự mình đi vào cuộc sống, vì thế tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh

pháp luật là một đòi hỏi khách quan của QLNN, là quá trình hoạt động có mục đích làm cho các quy định của pháp luật đi vào cuộc sống và trở thành những hành động thực tế hợp pháp của các chủ thể pháp luật. Như vậy, để pháp luật được hiện thực hóa trong đời sống xã hội, việc thực hiện pháp luật là một trong những yêu cầu cơ bản của QLNN bằng pháp luật. Luận điểm này càng được khẳng định qua quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Khi đã có chính sách đúng thì sự thành công hay thất bại của chính sách đó là nơi tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ và do nơi kiểm tra” [47, tr.520].

Tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam bao gồm các nội dung cụ thể sau:

Thứ nhất, công tác xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Xây dựng và kiện toàn bộ máy các cơ quan thực thi pháp luật QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam từ Trung ương đến địa phương. Nhằm đảm bảo thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ QLNN được giao, tránh tình trạng chồng chéo hoặc ỷ lại, trông chờ cấp trên hoặc đùn đẩy trách nhiệm cho cấp dưới. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, khoa học giữa các cơ quan chức năng trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Đào tạo đội ngũ cán bộ có phẩm chất, trình độ, năng lực trong việc thực hiện nhiệm vụ QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam được coi là vấn đề cốt lõi, bởi hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam tốt hay không phụ thuộc vào yếu tố con người. Thông qua công tác đào tạo nhằm nâng cao trách nhiệm cá nhân, rèn luyện bản lĩnh chuyên môn trong việc thực thi pháp luật và giải quyết những vấn đề phát sinh từ hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Thứ hai, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Đây là khâu thứ hai của hoạt động tổ chức thực hiện pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam, là cầu nối chuyển tải pháp luật và thực tiễn cuộc sống. Quá trình đưa pháp luật vào thực tiễn cuộc sống được bắt đầu bằng hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật vì thực hiện pháp luật dù bằng hình thức nào thì đều phải đòi hỏi có kiến thức và có hiểu biết pháp luật.

Để pháp luật tác động sâu sắc và toàn diện đến các cơ quan nhà nước, tổ chức, mọi tầng lớp trong xã hội thì quá trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp

luật được chia thành các giai đoạn: đưa pháp luật vào giảng dạy trong các loại hình đào tạo, bồi dưỡng; Hoạt động thực tế, thực hành về pháp lý và tự giáo dục cho các cá nhân và tổ chức có liên quan.

Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam có vai trò quan trọng để các cá nhân, tổ chức có liên quan hiểu đầy đủ và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam khi được ban hành và thực hiện. Đối tượng tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trước tiên là cán bộ, công nhân viên các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Những cá nhân, tập thể đang hoạt động tại TCPCPNN ở Việt Nam cũng cần được đào tạo và bồi dưỡng nhận thức về pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam để tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình QLNN.

Để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam hiệu quả cần: xây dựng định hướng; lập chương trình; áp dụng các hình thức tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật; triển khai chương trình, kế hoạch tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật; kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn, sơ kết, tổng kết công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đúc rút kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học, nâng cao trình độ lý luận... về tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật.

Thứ ba, bảo đảm trách nhiệm của các cơ quan QLNN trong việc tuân thủ, chấp hành, sử dụng, áp dụng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Tổ chức thực hiện pháp luật có hiệu quả đòi hỏi phải đưa ra các giải pháp đảm bảo cho các chủ thể tiến hành QLNN tuân thủ, chấp hành, sử dụng, áp dụng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam một cách đúng đắn. Thể hiện trước hết là trách nhiệm của các cơ quan QLNN, các cán bộ, công chức, viên chức được giao trách nhiệm QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Bảo đảm trách nhiệm của các cơ quan QLNN, cán bộ, công chức, viên chức được giao trách nhiệm QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam được hiểu là các cơ quan QLNN, cán bộ, công chức, viên chức được giao trách nhiệm QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam phải thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, tiến hành các nội dung quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Để công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đạt hiệu quả, các cơ quan QLNN tiến hành các nội dung quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Quản lý xét cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi các loại giấy đăng ký trong hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam.

Sự hiện diện của các TCPCPNN ở Việt Nam được hình thành thông qua việc cấp các loại giấy đăng ký. TCPCPNN có thể được xét cấp đăng ký dưới ba hình thức sau: Giấy đăng ký hoạt động là sự công nhận TCPCPNN được tiến hành các hoạt động khảo sát dự án, lập kế hoạch tài trợ, triển khai chương trình, dự án phát triển nhân đạo thông qua đối tác Việt Nam; Giấy đăng ký lập văn phòng đại diện là sự công nhận pháp lý đối với sự có mặt thường xuyên và tính đại diện của TCPCPNN ở Việt Nam đối với toàn bộ chương trình hoạt động của tổ chức đó tại Việt Nam và Giấy đăng ký lập văn phòng dự án, văn phòng dự án là ột bộ phận công tác thường xuyên mang tính chất kỹ thuật của một tổ chức hay là một văn phòng đại diện khi văn phòng đại diện có dự án ở các địa phương xa, đi lại khó khăn tốn kém và có nhiệm vụ điều hành một hay một vài chương trình dự án cụ thể tại địa phương đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát các chương trình, dự án sau khi được chính quyền sở tại đồng ý.

Quản lý xét cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi các loại giấy đăng ký trong hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam quy định cơ quan có thẩm quyền xét cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi các loại giấy đăng ký; quy định điều kiện để được xét cấp giấy đăng ký và thủ tục xin cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thu hồi các loại giấy đăng ký; quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN trong việc cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung và thu hồi giấy phép.

- Quản lý hoạt động viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam

Viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam là viện trợ không hoàn lại và trợ giúp không vì mục đích lợi nhuận của các TCPCPNN, thông qua các chương trình, dự án và thông qua viện trợ phi dự án dưới dạng tiền, hiện vật cho mục đích nhân đạo cứu trợ khẩn cấp, hợp tác khoa học, đào tạo...

Nguồn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam là nguồn ngân sách của nhà nước và được sử dụng cho các mục tiêu ưu tiên trong phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Việc nhà nước tổ chức quản lý và sử dụng viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam rất cần thiết để đảm bảo hiệu quả các nguồn viện trợ và sử dụng nguồn viện trợ đúng mục đích, đúng với thỏa thuận của nhà tài trợ.

Việc quản lý và sử dụng vốn viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam tuân thủ theo các bước sau đây:

Vận động viện trợ của TCPCPNN; Đàm phán, ký kết viện trợ của TCPCPNN; Chuẩn bị, xây dựng văn kiện chương trình, dự án hoặc hồ sơ viện trợ phi dự án; Thẩm định hồ sơ viện trợ của TCPCPNN và Phê duyệt các khoản viện trợ của TCPCPNN.

2.2.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nhằm đảm bảo sự kiểm soát của nhà nước đối với hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam là một nội dung quan trọng không thể thiếu trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Vai trò của kiểm soát đã được V.I. Lênin đề cao “Không có kiểm kê, kiểm soát thì không có chủ nghĩa xã hội” [41, tr. 124].

Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam chính là bảo vệ pháp luật, bảo vệ lợi ích cả nhà nước và bảo vệ các bên có liên quan và cũng là phương tiện để đảm bảo pháp chế, tăng cường kỷ cương và hiệu lực trong QLNN.

Nhà nước thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam thông qua cơ quan được trao quyền thực hiện quyền thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về TCPCPNN ở Việt Nam. Có các quy định về khen thưởng, kỷ luật những cá nhân, tổ chức thực hiện QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam và cá nhân, tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Thông qua công tác thanh tra, nắm được tình hình chấp hành pháp luật của các cơ quan, tổ chức, công dân, việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao của các

địa phương, đơn vị. Trên cơ sở kết quả thanh tra, chúng ta phải phát huy nhân tố tích cực, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để đề nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền có biện pháp khắc phục, góp phần thúc đẩy hoàn thành nhiệm vụ, hoàn thiện cơ chế chính sách, tăng cường pháp chế XHCN, góp phần nâng cao hiệu quả, hiệu lực QLNN, bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, công dân.

Thanh tra việc thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là xem xét việc chấp hành các quy định của pháp luật về đăng ký, về hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam; việc thực hiện chính sách pháp luật, nhiệm vụ được giao của các TCPCPNN ở Việt Nam và xét, giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền; thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Hoạt động thanh tra hành chính là thanh tra việc thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được tiến hành theo Đoàn thanh tra và các quy định của pháp luật về thanh tra hành chính. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam có nghĩa vụ chấp hành quy định pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi QLNN.

Thanh tra chuyên ngành trên các lĩnh vực hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam được thực hiện bởi các cơ quan QLNN đối với các lĩnh vực hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, như Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch - Đầu tư...

Hoạt động thanh tra chuyên ngành được tiến hành theo Đoàn thanh tra hoặc do thanh tra viên công chức được giao nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành tiến hành độc lập và phải tuân theo các quy định của pháp luật về thanh tra chuyên ngành.

Nội dung thanh tra chuyên ngành đối với hoạt động TCPCPNN ở Việt Nam được trải rộng theo các lĩnh vực thuộc phạm vi QLNN.

Để công tác thanh tra có hiệu quả, khách quan, đòi hỏi năng lực của đội ngũ thanh tra viên đáp ứng yêu cầu thực tiễn về trình độ, kinh nghiệm, thái độ thực thi công vụ.

- Công tác kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Đây là một biện pháp quan trọng trong tăng cường pháp chế XHCN, bảo đảm việc tôn trọng và thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật, khắc phục, phòng ngừa, phát hiện những vi phạm pháp luật. Công tác xây dựng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam muốn đạt kết quả cao cần phải gắn chặt với hoạt động kiểm tra thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Mục đích của công tác này là kiểm tra việc thực hành pháp luật nhằm nhắc nhở, giáo dục cho cán bộ, công chức, viên chức tôn trọng và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong các văn bản quy phạm pháp luật đề nghị, bổ sung, sửa đổi, phát hiện những sai lệch trong việc chấp hành, thực hiện pháp luật có biện pháp uốn nắn, khắc phục, phát hiện những việc làm vi phạm pháp luật để có biện pháp xử lý nghiêm minh, kịp thời.

Một là, kiểm tra của chính quyền địa phương.

Hoạt động kiểm tra của Nhà nước nói chung, chính quyền địa phương nói riêng đối với cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam là đặc biệt quan trọng bởi vì việc hoạt động của cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam liên quan trực tiếp đến sự phát triển của đất nước, đến ANQG, TTATXH của Việt Nam; là tai mắt của quản lý, do vậy, cần phải tiến hành thường xuyên và kết hợp linh hoạt nhiều hình thức kiểm tra: định kỳ, đột xuất, kiểm tra từ trên xuống, kiểm tra chéo giữa các bộ phận, các khâu. Để làm tốt công tác kiểm tra cần phải đổi mới về tổ chức, cơ chế cho phù hợp, đưa toàn bộ hệ thống QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam vào trật tự, kỷ cương.

Kiểm tra của chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã về lĩnh vực giấy phép hoạt động, quá trình hoạt động; việc cấp, cấp lại và thu hồi giấy phép hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam.

Hoạt động kiểm tra về hoạt động của cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam phải đảm bảo tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, kịp thời.

Hai là, kiểm tra của cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Ngoài việc kiểm tra của chính quyền địa phương thì các cơ quan QLNN ở Trung ương đối với TCPCPNN cần được tiến hành thường xuyên. Các cơ quan như: Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính... được tổ chức kiểm tra các

nội dung thuộc thẩm quyền quản lý trên từng lĩnh vực và hình thức kiểm tra được các cơ quan nhà nước tiến hành định kỳ hoặc đột xuất.

Tóm lại, kết quả của công tác thanh tra, kiểm tra đối với TCPCPNN ở Việt Nam phải làm rõ được đúng, sai và những vi phạm và kiên quyết xử lý nghiêm chỉnh những sai phạm, vi phạm pháp luật thì mới đảm bảo được hiệu quả, hiệu lực trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Bên cạnh đó, phải triển khai có hiệu quả các quy định về khen thưởng và biểu dương những cá nhân, tổ chức có những thành tích trong hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

- Giám sát của cơ quan quyền lực đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Giám sát là hoạt động để cho các cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động theo pháp luật. Từ đó có điều kiện thúc đẩy sự phát triển của TCPCPNN ở Việt Nam. Giám sát của cơ quan quyền lực nhà nước đối với TCPCPNN ở Việt Nam bao gồm giám sát của Quốc hội, giám sát của hội đồng nhân dân các cấp, bên cạnh đó là giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp.

Hình thức thực hiện giám sát đối với TCPCPNN ở Việt Nam gồm 2 loại giám sát: giám sát định kỳ và giám sát đột xuất.

- Công tác xử lý vi phạm đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Trên thực tế cho thấy, không chỉ xây dựng, ban hành pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam và tổ chức thực hiện là pháp luật sẽ được thực hiện một cách nghiêm minh, đầy đủ mà phải có các hoạt động bảo vệ pháp luật thông qua hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Yếu tố nghiêm minh ở đây thể hiện việc xử lý nghiêm khắc, công khai, minh bạch các hành vi vi phạm pháp luật, việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật này thực chất là bảo vệ giá trị pháp luật đối với TCPCPNN không vi phạm trong thực tiễn cuộc sống, giúp cho công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đạt hiệu quả hơn.

Theo quy định của hệ thống pháp luật hiện hành ở Việt Nam hiện nay, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được tiến hành thông qua hoạt động của các cơ quan QLNN và với những nội dung sau:

- Thông qua hoạt động của các cơ quan QLNN để tiến hành công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của TCPCPNN ở Việt Nam như: Ủy ban Công tác về TCPCPNN ở Việt Nam; các Bộ, cơ quan ngành Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương; Cơ quan điều tra; Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân. Hoạt động của các cơ quan này nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của các cá nhân và TCPCPNN ở Việt Nam và hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng nhân danh nhân viên và TCPCPNN ở Việt Nam xâm phạm ANQG, TTATXH; đồng thời, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân và tổ chức này.

- Thông qua hoạt động của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, cũng như biểu dương, khen thưởng đối với các hoạt động của các cá nhân và TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động tích cực, hiệu quả trên địa bàn mình quản lý.

Do vậy, để TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động có hiệu lực, hiệu quả và tuân thủ các quy định của pháp luật thì các cơ quan nhà nước cần phải tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong quá trình thực hiện pháp luật. Hiệu quả QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam không phải là can thiệp trực tiếp vào hoạt động của các tổ chức này mà thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam. Đồng thời, xem xét, kiến nghị và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật mà TCPCPNN ở Việt Nam, thành viên TCPCPNN ở Việt Nam vi phạm. Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với TCPCPNN ở Việt Nam là giữ vững kỷ cương pháp luật, đồng thời là hoạt động bảo vệ lợi ích chính đáng của công dân, trước hết là những người làm việc tại TCPCPNN ở Việt Nam.

2.3. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

Đảm bảo QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong điều kiện xây dựng XHCN và hội nhập quốc tế bao gồm các điều kiện cụ thể sau:

2.3.1. Điều kiện về chính trị

Tại Điều 4, Hiến pháp năm 2013 đã nêu rõ: “Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân

dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”. Do đó, bảo đảm điều kiện về chính trị trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được hiểu là bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam đề ra chủ trương, đường lối để QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam và đường lối, chủ trương đó được thể chế hóa bằng pháp luật nhằm quản lý hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam.

Trong quá trình QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói chung và QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng, các cơ quan nhà nước cần quán triệt nguyên tắc Đảng lãnh đạo, sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Bên cạnh đó, Đảng còn cần phải tiến hành hoạt động kiểm tra hoạt động của các đảng viên và các tổ chức đảng trong hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cần phải được thông qua chủ trương, đường lối, nghị quyết; thông qua việc nghiên cứu, xây dựng, giới thiệu, bố trí các đảng viên tham gia vào các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam; thông qua hoạt động kiểm tra các đảng viên, các tổ chức đảng hoạt động trong các cơ quan nhà nước, cũng như chỉ đạo, lãnh đạo giải quyết các vấn đề phát sinh trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, nhằm đảm bảo cho TCPCPNN ở Việt Nam và quá trình QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động đúng định hướng XHCN, thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước.

Hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng đối với việc thực hiện đường lối chủ trương của đảng trong hoạt động xây dựng quy định pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam giúp cho hoạt động thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng trong xây dựng pháp luật được nhanh chóng, kịp thời. Do vậy, các cấp ủy đảng trong các cơ quan xây dựng pháp luật phải thường xuyên quan tâm đến nhiệm vụ này; đồng thời, kịp thời phát hiện và uốn nắn những lệch lạc trong nhận thức về vai trò lãnh đạo của Đảng trong hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng.

Mặt khác, đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam còn ngăn chặn được các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng TCPCPNN ở Việt Nam đe dọa xâm hại hoặc xâm hại đến nền an ninh chính trị của nước ta. QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam cần đặt dưới mục tiêu, tôn chỉ, định hướng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.3.2. Điều kiện về pháp lý

Quá trình QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam phải được tiến hành theo trình tự, thủ tục của pháp luật quy định. Do vậy, điều kiện bảo đảm về mặt pháp lý của QLNN bằng pháp luật trong lĩnh vực này yêu cầu phải quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định, thẩm tra và các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng pháp luật, bảo đảm các chủ thể phát huy hết trách nhiệm. Mục tiêu là các quy phạm pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam ra đời có tính khả thi, hợp hiến và hợp pháp... Bên cạnh đó, điều kiện bảo đảm về mặt pháp lý còn yêu cầu đội ngũ nhân sự trong xây dựng pháp luật nói chung và xây dựng pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng phải có chất lượng, đó là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan xây dựng pháp luật phải được đào tạo chuyên nghiệp, hoạt động hiệu quả, đội ngũ cán bộ, chuyên gia pháp lý phục vụ hoạt động xây dựng pháp luật phải giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

Năng lực và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng pháp luật quyết định đến việc xây dựng pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam. Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức và của các tầng lớp nhân dân cũng có tác động tích cực, to lớn đến hoạt động xây dựng pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam. Do vậy, cần có những biện pháp để phổ biến và tuyên truyền nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ, đảng viên và tầng lớp nhân dân. Từ đó, những quy định pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam được ban hành mới phù hợp với thực tế cuộc sống và được tôn trọng và bảo đảm thực hiện có hiệu quả trên thực tế.

2.3.3. Điều kiện về nguồn lực vật chất

Để thực hiện được các yêu cầu và mục tiêu của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, bảo đảm về mặt kinh tế đối với QLNN bằng pháp luật

đối với TCPCPNN ở Việt Nam được hiểu là những chi phí vật chất cần thiết cho hoạt động quản lý trên lĩnh vực này. Đó là những chi phí cho hoạt động xây dựng và tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam; chi phí cho bộ máy quản lý; chi phí cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực trong hoạt động quản lý TCPCPNN ở Việt Nam. Đây là những chi phí cần thiết bảo đảm cho QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN để bắt kịp với sự phát triển đa dạng, phong phú của các TCPCPNN ở Việt Nam.

Những bảo đảm về mặt tài chính và điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam phụ thuộc một phần vào nhu cầu quản lý, nhưng chủ yếu là trình độ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn. Việc đầu tư về tài chính, trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm cho sự vận hành của bộ máy và hoạt động của chế độ công vụ, công chức vừa là điều kiện, vừa là một trong những tiêu chí chủ yếu đánh giá hiệu quả của nền hành chính (xét về hiệu quả chi tiêu công). Mặc dù mức chi tiêu cụ thể cho bộ máy hành chính luôn là vấn đề gây tranh cãi và khó thống nhất quan điểm, nhưng thước đo chủ yếu vẫn là hiệu quả hoạt động của nền hành chính, mức chi tiêu phải phù hợp với trình độ phát triển, nhu cầu quản lý và coi đó là nguồn đầu tư cho phát triển.

Điều kiện về khoa học, công nghệ và quá trình hội nhập quốc tế

Sự phát triển của khoa học, công nghệ và quá trình hội nhập quốc tế đang tạo ra những thay đổi trong tư duy và phương pháp tổ chức quản lý trên quy mô toàn xã hội. Việc áp dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ trong quản lý hành chính giúp thu hẹp khoảng cách không gian, rút ngắn thời gian, giảm chi phí thực tế và nhờ vậy trực tiếp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Do vậy, để hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đạt hiệu quả cao đòi hỏi cơ quan nhà nước phải ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin,... trong hoạt động QLNN.

2.3.4. Điều kiện về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

- Điều kiện về tổ chức bộ máy

QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam tất yếu đòi hỏi bộ máy QLNN bao gồm các cơ quan QLNN ở Trung ương và chính quyền địa phương phải

được tổ chức một cách khoa học, thống nhất được quy định rõ ràng, cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong QLNN. Những nhiệm vụ quản lý cụ thể được giao cho các cơ quan chức năng do Nhà nước quy định. Thực hiện QLNN thông qua tổ chức bộ máy từ trung ương đến địa phương, tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, các địa phương, phát huy tính năng động sáng tạo của các cơ quan này, tạo cơ hội cho nhiều người đóng góp, tài năng và trí tuệ cũng như các nguồn lực vật chất cho công cuộc xây dựng đất nước. Vì vậy, cần phải xây dựng một hệ thống bộ máy quản lý đầy đủ và có năng lực.

Trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam ngoài hoạt động của Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ, các đơn vị, địa phương và các tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam, từ cấp phép hoạt động, thành lập, tổ chức, xây dựng cơ sở hạ tầng cho TCPCPNN ở Việt Nam... phải được xây dựng một bộ máy đảm bảo đồng bộ, thống nhất, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả.

- Điều kiện về nguồn nhân lực

Con người luôn là trung tâm của mọi hoạt động. Muốn tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý, muốn nâng cao chất lượng QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, ta phải chú ý nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan QLNN. Mọi hoạt động của Nhà nước nói chung và QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng có hiệu lực, hiệu quả hay không là do chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và những người hoạt động trong công tác này quyết định.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam đòi hỏi nguồn nhân lực phải có chất lượng cao, trước hết phải kể đến chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước nói chung và cán bộ, công chức, viên chức thực hiện QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng. Đội ngũ này phải được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ QLNN, có kỹ năng thực hành công vụ; có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm trong hoạt động công vụ, có niềm tin vào sự đổi mới, sáng tạo, đột phá trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Như vậy, xây dựng tổ chức bộ máy, phát triển nguồn nhân lực chất lượng

cao trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là yếu tố quyết định hiệu lực, hiệu quả QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

2.3.5. Các điều kiện khác

Điều kiện về quan hệ phối hợp trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Mối quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong QLNN đối với TCPCPNN cần phải được tiến hành một cách đồng bộ, thống nhất, được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định và yêu cầu của công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Tích cực phát huy tính chủ động của các cơ quan, đơn vị đảm bảo sự thống nhất, chặt chẽ trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ QLNN. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm trong QLNN đối với TCPCPNN phải được tiến hành công khai, minh bạch đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về nội dung, các trường hợp vi phạm pháp luật phải được xử lý đúng kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều kiện về cải cách thủ tục hành chính

Ở nước ta cải cách thủ tục hành chính nhà nước trong những năm qua đã cơ bản đạt được những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra góp phần vào sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín của đất nước ta trên trường quốc tế nói chung và đối với các TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng.

Để hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đạt hiệu quả cao, thu hút được nhiều dự án, nguồn vốn viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam, đảm bảo được an ninh chính trị và loại bỏ những hạn chế như: sự chồng chéo, sự thiếu liên thông còn khá phổ biến; chất lượng, cơ cấu đội ngũ công chức còn có mặt bất cập. Đòi hỏi, các cơ quan nhà nước tiếp tục xây dựng và đồng bộ hệ thống thể chế QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, tập trung cải cách công vụ, công chức đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; triển khai xây dựng, phát triển chính phủ điện tử, chính phủ số; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính đối với hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

2.4. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO VỚI VIỆT NAM

Mỗi quốc gia, mỗi khu vực đều có một hệ thống pháp luật riêng nên pháp luật điều chỉnh về TCPCPNN rất đa dạng. Việc tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia có hoạt động QLNN đối với TCPCPNN đã thành công là điều hết sức cần thiết đối với Việt Nam.

2.4.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài của một số quốc gia

2.4.1.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Các TCPCPNN hoạt động ở Trung Quốc từ lâu nhưng chính sách của Trung Quốc đối với các tổ chức này khá muộn. Năm 2004, Trung Quốc chính thức cho phép các quỹ nước ngoài được đăng ký mở văn phòng đại diện ở Trung Quốc và đặc biệt “Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về quản lý hoạt động của các TCPCP ở nước ngoài ở Trung Quốc đại lục” đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội Nhân dân Trung Hoa thông qua vào ngày 28/4/2016. Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Luật được liên kết công khai với một loạt các luật liên quan đến an ninh được ban hành từ năm 2014 đến 2016, bao gồm Luật Chống khủng bố, Luật An ninh Quốc gia và Luật An ninh mạng. Quan điểm coi các TCPCPNN là một mối đe dọa an ninh tiềm ẩn càng được nhấn mạnh bởi sự ra đời của Luật từ thiện vào năm 2016, trong đó đề cập đến các TCPCP trong nước của Trung Quốc và phân chia rõ ràng các cơ chế pháp lý để điều chỉnh các tổ chức địa phương và quốc tế.

Các đặc điểm chính của Luật NGO ở nước ngoài bao gồm 54 điều trong 7 chương và bao gồm nhiều khía cạnh, bao gồm các nguyên tắc và chính sách đối với NGO ở nước ngoài, trách nhiệm pháp lý của NGO ở nước ngoài, quy định về đăng ký và nộp đơn, quy định của hoạt động và quy chế giám sát, quản lý và hướng dẫn hoạt động.

Đáng chú ý một số điều liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN: Điều 2 Luật NGO ở nước ngoài quy định: “NGO ở nước ngoài đề cập đến các tổ chức xã hội phi lợi nhuận, phi chính phủ như: Tổ chức, nhóm xã hội và tổ chức tư vấn đã

được thành lập hợp pháp bên ngoài Trung Quốc đại lục. Thay vì sử dụng khái niệm “NGO nước ngoài”, thuật ngữ “NGO ở nước ngoài” (jingwai feizhengfu zuzhi) cũng bao gồm các NGO ở Hồng Kông, Ma Cao và Đài Loan. Điều 3 nêu rõ, “Các TCPCP ở nước ngoài có thể hoạt động trong các lĩnh vực như kinh tế, giáo dục, khoa học và công nghệ, văn hóa, y tế, thể thao, bảo vệ môi trường và trong các lĩnh vực như xóa đói giảm nghèo và thiên tai cứu trợ và có thể thực hiện các hoạt động hỗ trợ hợp pháp cho việc phát triển phúc lợi công cộng”.

Điều 9 và 32 của Luật, NGO bị cấm “bí mật” ủy thác hoặc tài trợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân hoặc đại lý nào thực hiện các hoạt động thay mặt cho tổ chức đó nếu NGO bản thân nó không được đăng ký hoặc chưa nộp giấy phép hoạt động tạm thời. Các tổ chức đăng ký làm NGO nếu đáp ứng các yêu cầu sau: họ là phi chính phủ; họ không vì lợi nhuận; họ được thành lập hợp pháp ở nước ngoài; họ thực hiện các hoạt động ở Trung Quốc Đại lục và họ tham gia vào một hoặc nhiều hoạt động công ích, bao gồm kinh tế, thương mại, nông nghiệp và các lĩnh vực khác, như được nêu trong Danh mục lĩnh vực hoạt động của Bộ Công an và Dự án của các TCPCP ở nước ngoài ở Trung Quốc và Danh bạ chuyên gia Đơn vị giám sát Các loại đăng ký.

Điều 47 của Luật cũng quy định rằng Bộ Công an sẽ ban hành các hình phạt hành chính hoặc pháp lý nghiêm khắc đối với các TCPCP ở nước ngoài nếu họ tham gia vào một loạt các hoạt động như vận động chống lại việc thực thi pháp luật và các quy định, thu thập bí mật nhà nước, tung tin đồn hoặc “thông tin có hại” khác và “các hoạt động khác phá hoại an ninh nhà nước và gây tổn hại đến lợi ích quốc gia hoặc công cộng xã hội”. Các hình phạt bao gồm thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, tịch thu tài sản, đóng băng tài khoản ngân hàng và buộc tội hình sự. Một lĩnh vực đáng quan tâm khác là luật này tiến thêm một bước nữa để nâng cao rào cản đối với việc tiếp cận nguồn tài trợ nước ngoài của các TCPCP ở Trung Quốc.

2.4.1.2. Kinh nghiệm của Hợp chủng quốc Hòa Kỳ

Theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ, bất kỳ nhóm, cá nhân nào cũng có thể cùng nhau thành lập một tổ chức không chính thức để cùng nhau thảo luận về các ý tưởng hoặc lợi ích chung và có thể làm như vậy mà không cần bất kỳ sự tham gia hoặc chấp thuận nào của chính phủ. Nếu một nhóm tìm kiếm các lợi ích pháp lý cụ

thể, chẳng hạn như miễn thuế liên bang và tiểu bang, thì nhóm đó có thể chọn chính thức kết hợp và đăng ký với tư cách là một NGO theo luật của bất kỳ bang nào trong số 50 bang của Hoa Kỳ. Các cá nhân không cần phải là công dân Hoa Kỳ để tạo một TCPCP mới.

Các yêu cầu đăng ký và hình thức tổ chức khác nhau giữa các tiểu bang, nhưng nhìn chung rất đơn giản, để bất kỳ ai cũng có thể thành lập một TCPCP chỉ trong vài ngày ở cấp tiểu bang. Quá trình này thường bao gồm việc cung cấp một mô tả ngắn gọn về tổ chức, sứ mệnh, tên, địa chỉ của một đại lý trong tiểu bang và trả một khoản phí khiêm tốn. Hầu hết các bang đều có quy chế thành lập chung khiến quy trình này trở thành vấn đề định tuyến, không phải được cơ quan lập pháp hoặc bất kỳ quan chức chính phủ nào khác phê duyệt.

- Tình trạng được miễn thuế: nhiều TCPCP ở Hoa Kỳ đủ điều kiện để được miễn thuế tiểu bang và liên bang. Tình trạng pháp lý này giúp các TCPCP hoạt động như các tổ chức phi lợi nhuận dễ dàng hơn vì họ không phải trả thuế cho thu nhập (tài trợ) mà họ nhận được. Nếu một TCPCP muốn được Chính phủ Liên bang Hoa Kỳ miễn thuế thu nhập, TCPCP đó sẽ nộp đơn cho Sở Thuế vụ. Có nhiều loại NGO được liệt kê trong Bộ luật Doanh thu Nội bộ đủ điều kiện để được miễn thuế và loại lợi ích có sẵn tùy thuộc vào loại NGO và loại hoạt động được tiến hành. Các TCPCP được tổ chức vì mục đích chính trị chỉ được miễn thuế có giới hạn đối với thu nhập nhận được từ các khoản đóng góp gây quỹ từ công chúng, hội phí thành viên hoặc các sự kiện gây quỹ. Chính quyền các bang thường sử dụng các tiêu chuẩn giống nhau để áp dụng luật thuế thu nhập bang. Các tổ chức muốn được miễn thuế nói chung phải nộp đơn xin miễn thuế với cơ quan thuế tiểu bang.

- Tự do ngôn luận và lập hội ở Hoa Kỳ: có rất ít hạn chế đối với quyền tự do ngôn luận và liên kết của các TCPCP theo luật pháp Hoa Kỳ. Mặc dù các TCPCP tham gia vào các hoạt động chính trị có thể không đủ điều kiện để được hưởng quy chế miễn thuế ưu đãi nhất, nhưng chính phủ Hoa Kỳ không ngăn cản các TCPCP thực hiện vận động cho các vấn đề chính trị hoặc chỉ trích chính phủ.

Hoa Kỳ có nhiều luật và quy định về các vấn đề, bao gồm nhập cư và thị thực, tài chính chiến dịch và vận động hành lang, tài trợ khủng bố và rửa tiền có thể ảnh

hưởng đến các tổ chức phi chính phủ; tuy nhiên, những luật này có thể áp dụng cho tất cả mọi người và cho tất cả các tổ chức, không chỉ các TCPCP.

- Các TCPCPNN tại Hoa Kỳ

Các TCPCPNN có thể đăng ký tại Hoa Kỳ bằng cách nộp một biểu mẫu đơn giản với tư cách là một tổ chức phi lợi nhuận.

- Quy chế tài trợ nước ngoài của các TCPCP và các TCPCPNN

Luật pháp Hoa Kỳ không áp đặt giới hạn hoặc hạn chế nào đối với việc nhận tài trợ nước ngoài của các TCPCP hoạt động tại Hoa Kỳ. Tất nhiên, luật áp dụng chung cho tất cả người Hoa Kỳ có thể áp dụng cho các TCPCP, chẳng hạn như hạn chế nhận đóng góp từ một tổ chức khủng bố.

Các TCPCPNN hoạt động tại Hoa Kỳ. Trước khi các tổ chức nước ngoài có thể tiến hành các hoạt động ở bất kỳ tiểu bang cụ thể nào của Hoa Kỳ, họ phải xin giấy phép để tiến hành kinh doanh tại tiểu bang đó. Quy trình này tương tự như quy trình thành lập cho các TCPCP Hoa Kỳ được mô tả ở trên. Giống như các TCPCP trong nước, các tổ chức nước ngoài có thể nộp đơn lên Sở Thuế vụ để được công nhận là tổ chức từ thiện hoặc phúc lợi xã hội theo Bộ luật Thuế vụ.

- Quan hệ NGO ở cấp độ địa phương và quốc tế

Sau khi một TCPCP đã đăng ký, theo các yêu cầu đã tóm tắt trước đó, chính phủ Hoa Kỳ không can thiệp vào cách TCPCP đó hoàn thành các mục đích của mình. Các TCPCP được tự do tuyển dụng người tham gia cho tổ chức của họ như họ muốn và không cần cung cấp thông báo cho bất kỳ cơ quan chính phủ nào về tư cách thành viên, hoạt động hoặc phạm vi tiếp cận của tổ chức đó. Không có quy định nào hạn chế các TCPCP của Hoa Kỳ tham dự các hội nghị ở nước ngoài, tìm kiếm các nhà tài trợ ở nước ngoài hoặc thực hiện công việc trên phạm vi quốc tế.

2.4.1.3. Kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức

Là quốc gia điển hình cho truyền thống dân luật, quy định pháp lý về các tổ chức phi lợi nhuận (NPO) của Đức được ghi nhận trong các quy định pháp luật thành văn. Tuy nhiên những nhà lập pháp của Đức không ban hành một số đạo luật chuyên biệt vấn đề này mà thay vào đó, tùy theo mỗi hình thức pháp lý mà NPO sẽ được điều chỉnh trong văn bản pháp luật tương ứng.

Hệ thống ngành luật tư tại Đức áp dụng chế định “*numerus clausus*” nghĩa là chỉ có một số hình thức pháp lý nhất định được xem là phù hợp với một mục đích nhất định. Theo đó dựa trên khái niệm rằng NPO là một được tổ chức được thành lập chính thức, không phụ thuộc vào nhà nước và không vì mục đích lợi nhuận, có thể thấy là một hình thức tổ chức hoặc được tạo ra nhằm tối đa hóa lợi nhuận hoặc không có sự tách biệt trách nhiệm giữa tài sản của tổ chức và tài sản của thành viên, không phù hợp với mục đích của NPO theo pháp luật Đức. Có thể kể đến các hình thức hợp danh (partnership, general partnership, limited partnership), hội hợp tác kinh doanh (co-operative association) và công ty cổ phần (joint stock company).

Các hình thức còn lại được xem là phù hợp với NPO theo pháp luật của Đức bao gồm: Hội (association), công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân (private limited company) và quỹ tư nhân (private law foundation). Vậy theo quy định của Luật Thuế liên bang chỉ có những pháp nhân, hội và khối tài sản hoạt động vì phục lợi xã hội mới được hưởng ưu đãi về thuế.

Nhìn chung, tuy bối cảnh kinh tế - xã hội khác nhau nhưng xu hướng chung của hầu hết các quốc gia được đề cập trong phần này đều tạo điều kiện cho NGO phát triển bằng cách ưu đãi về thuế và các đặc quyền khác theo pháp luật. Trong hệ thống pháp luật các nước và cách thức quản lý của các nước, dù có hay không có một đạo luật riêng dành cho các tổ chức NGO, đều có các quy định cơ bản điều chỉnh các vấn đề pháp lý của một NGO, như hình thức pháp lý, điều kiện thành lập, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của các thành viên và chấm dứt hoạt động. Ngoài ra, tùy từng loại hình tổ chức của NGO cũng như chính sách của từng quốc gia mà mỗi quốc gia sẽ có các quy định đặc thù.

2.4.1.4. Kinh nghiệm của Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào

Ở Lào các TCPCP quốc tế được điều chỉnh bởi Nghị định số 13/PM ngày 08/10/2010 của Chính phủ về các tổ chức phi chính phủ quốc tế và Hướng dẫn số 1064 PTTEP3 ngày 17/02/2015 của Bộ Ngoại giao ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 013/PM ngày 08/10/2010 của Chính phủ về các TCPCP quốc tế.

Nghị định số 13/PM ngày 08/10/2010 của Chính phủ về các TCPCP quốc tế quy định một số nội dung: (1) Tên gọi: TCPCP quốc tế là tổ chức phi lợi nhuận với

mục tiêu cung cấp hỗ trợ phát triển và hỗ trợ nhân đạo; (2) về thủ tục yêu cầu phê duyệt phải đáp ứng các bước: phê duyệt hoạt động; phê duyệt thực hiện dự án; chấp thuận mở văn phòng dự án; phê duyệt việc bổ nhiệm các đại diện, trưởng dự án và nhân viên; phê duyệt việc thực hiện các dự án. (3) Điều kiện xin phê duyệt hoạt động của TCPCP quốc tế: có tư cách pháp nhân được đăng ký hợp lệ theo luật và quy định của nước xuất xứ; là tổ chức phi lợi nhuận; có tình hình tài chính tốt và có nguồn gốc vốn phù hợp với quy định của pháp luật và mục đích hỗ trợ phát triển và nhân đạo. (4) Chấm dứt hoạt động, hoạt động của các TCPCP quốc tế sẽ bị chấm dứt trong các trường hợp sau: giấy phép hoạt động hết hạn; chương trình viện trợ kết thúc; các TCPCP quốc tế dự định kết thúc và có một thỏa thuận rút lại giấy phép từ Chính phủ; (5) cơ quan quản lý các TCPCP quốc tế, Chính phủ thành lập Ủy ban quản lý của TCPCP quốc tế để quản lý và tạo điều kiện cho hoạt động của các TCPCP quốc tế; (6) quy định về biện pháp xử lý vi phạm: nếu cá nhân, TCPCP quốc tế vi phạm các quy định của quốc gia Lào sẽ bị khiển trách, thu hồi phê duyệt dự án hoặc hủy bỏ dự án tùy theo từng trường hợp hoặc bị truy tố theo pháp luật của Lào.

Hướng dẫn số 1064 PTTEP3 ngày 17/02/2015 của Bộ Ngoại giao ban hành Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 13/PM ngày 08/10/2010 của Chính phủ về các tổ chức phi chính phủ quốc tế quy định một số nội dung: (1) Quy định về thủ tục xem xét phê duyệt hoạt động tối đa 60 ngày, sau khi được phê duyệt hoạt động TCPCP quốc tế và đối tác Lào phải chuẩn bị Biên bản ghi nhớ trong vòng 30 ngày, nghiêm cấm thực hiện bất kỳ hoạt động nào của dự án trước khi ký Biên bản ghi nhớ; (2) Quy định về giám sát, kiểm tra, đánh giá: tổ chức họp thường kỳ sơ kết 6 tháng, 01 năm giữa các đối tác của dự án với đại diện của cơ quan quản lý; (3) Quy định về việc miễn thuế: pháp luật Lào sẽ xem xét miễn thuế đối với việc các TCPCP quốc tế có ý định nhập khẩu phương tiện, thiết bị sử dụng cho dự án.

2.4.2. Các giá trị tham khảo cho quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế QLNN đối với TCPCPNN

Việc cấp phép hoặc đăng ký thành lập TCPCPNN ở các quốc gia là khác nhau, tùy thuộc vào điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi quốc gia. Nhìn chung đa phần các quốc gia trên thế giới vẫn duy trì mối quan hệ quản lý thông qua việc

thành lập TCPCPNN nhưng nó được thực hiện chuẩn mực theo quy định cụ thể của pháp luật. Các quy định về điều kiện để được cấp phép hoặc đăng ký thành lập TCPCPNN được pháp luật nhiều quốc gia quy định khá chặt chẽ và cụ thể. Tuy nhiên, trên thực tế ở bất kỳ nước nào, dù điều kiện cấp phép hay đăng ký là thủ tục bắt buộc hay không bắt buộc đối với việc thành lập TCPCPNN thì cũng không thể tránh khỏi tình trạng có những TCPCPNN chỉ tồn tại trên danh nghĩa và do đó khó có thể nắm một cách chính xác số lượng TCPCPNN.

Hồ sơ đăng ký ở một số nước được giải quyết nhanh và các quyết định chấp nhận hay bác bỏ đều được công khai trên trang chính thống của cơ quan nhà nước cơ thẩm quyền, như: ở Hoa Kỳ các yêu cầu đăng ký và hình thức tổ chức khác nhau giữa các tiểu bang, nhưng rất đơn giản, để bất kỳ ai cũng có thể thành lập một TCPCP chỉ trong vài ngày ở cấp tiểu bang.

Luật pháp của các quốc gia quy định rõ ràng và cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động, nhất là về phương diện tài chính của TCPCPNN. Để hạn chế tình trạng sự giúp đỡ về tài chính từ các nhà tài trợ đôi khi làm bóp méo những ưu tiên của bản thân TCPCPNN làm cho hoạt động của các tổ chức này được xác định theo cách lựa chọn ưa thích của nhà tài trợ chứ không phải theo nhu cầu của cộng đồng.

Luật pháp của các quốc gia xem xét miễn thuế đối với các hoạt động công ích, giảm thuế đối với các hoạt động kinh doanh của các TCPCPNN với những điều kiện nhất định. Thực tế quản lý hoạt động TCPCPNN ở các nước cho thấy chỉ có thể hạn chế tư lợi khi có các quy định pháp luật rõ ràng, minh bạch và đảm bảo thực hiện chuẩn mực các quy định đó trên thực tế, cụ thể như: các khoản thu có được của TCPCPNN không được phân chia dưới dạng thu nhập cá nhân cho bất kỳ ai, các giám đốc điều hành thông thường không được trả thù lao, các nhân viên được trả lương tương xứng với công việc mà người đó đã thực hiện cho tổ chức; nghiêm cấm việc chuyển nhượng tài sản một cách phi pháp, thực hiện chế độ báo cáo.

Thứ hai, cơ quan hữu trách của Nhà nước không can thiệp trực tiếp, cụ thể vào việc xây dựng điều lệ TCPCPNN nhưng có thể đưa ra khung chung cho nội dung điều lệ bao gồm: Tên gọi, mục đích, lĩnh vực, phạm vi hoạt động, tiêu chuẩn

hội viên ... và áp dụng cho tất cả TCPCPNN. Trong đó, đáng chú ý là bằng nhiều phương thức khác nhau nhằm không cho phép thành lập các TCPCPNN có mục đích chính trị hoặc có thể gây tổn hại đến ANQG, TTATXH và truyền thống dân tộc. Như ở Trung Quốc “Luật của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về quản lý hoạt động của các TCPCP ở nước ngoài ở Trung Quốc đại lục” được liên kết công khai với một loạt các luật liên quan đến an ninh được ban hành từ năm 2014 đến 2016, bao gồm Luật Chống khủng bố, Luật An ninh Quốc gia và Luật An ninh mạng. Quan điểm coi các TCPCPNN là một mối đe dọa an ninh tiềm ẩn càng được nhấn mạnh bởi sự ra đời của Luật Từ thiện vào năm 2016, trong đó đề cập đến các TCPCP trong nước của Trung Quốc và phân chia rõ ràng các cơ chế pháp lý để điều chỉnh các tổ chức địa phương và quốc tế.

Thứ ba, nội dung các quy định pháp luật điều chỉnh tổ chức và hoạt động của TCPCPNN ở các nước thường chia thành những mảng khác nhau. Ngoài các quy định pháp luật riêng về tổ chức và hoạt động của TCPCPNN, còn có của pháp luật nói chung điều chỉnh các tổ chức này như: Luật Dân sự, Luật thuế, Luật hoạt động công ích, Luật đăng ký sở hữu trí tuệ, Luật đăng ký kinh doanh.

Thứ tư, các nguyên tắc phổ biến trong mối quan hệ giữa Nhà nước với TCPCPNN là: hỗ trợ, cộng tác, minh bạch, hiệu quả, độc lập. Điều đó được thể hiện cụ thể trên một số nội dung như: điều kiện thành lập TCPCPNN; yêu cầu tối thiểu về điều lệ; các quy định về nghiêm cấm tư lợi trực tiếp hoặc gián tiếp; điều kiện nhận tài trợ hoặc được miễn, giảm thuế; các quy định về gây quỹ, quảng cáo.

Thứ năm, quá trình QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam có thể tham khảo, học hỏi kinh nghiệm của một số quốc gia, tuy nhiên quá trình tham khảo, học hỏi phải phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn về chính trị, kinh tế, xã hội ở Việt Nam.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã làm sáng tỏ cơ sở lý luận của hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Trong đó, đã giải quyết một số vấn đề lớn sau:

1. Khái niệm về TCPCPNN ở Việt Nam; QLNN và QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đã được chỉ ra và phân tích. Trong đó: *“QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước tiến hành bằng công cụ pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động của TCPCPNN; điều chỉnh các hoạt động cụ thể của TCPCPNN ở Việt Nam cũng như hành vi của cá nhân trong các TCPCPNN ở Việt Nam nhằm góp phần đảm bảo môi trường an ninh, an toàn cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội do nhà nước đề ra”*. Từ việc chỉ ra và phân tích các khái niệm, Chương 2 đã làm sáng tỏ đặc điểm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Đồng thời, đã phân tích vai trò của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

2. Nội dung QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN gồm 03 nội dung chính. Cụ thể: xây dựng ban hành pháp luật; tổ chức thực hiện pháp luật và thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Đây là nội dung chính sẽ được đánh giá về thực trạng trong chương 3.

3. Các điều kiện đảm bảo QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đã được chỉ rõ: điều kiện về chính trị; điều kiện về pháp luật; điều kiện về kinh tế, tài chính; điều kiện về tổ chức và con người và điều kiện khác.

4. Trên cơ sở tìm hiểu kinh nghiệm một số nước về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN đã đưa ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong hoạt động này.

Nội dung ở chương 2 là cơ sở lý luận để đánh giá thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, từ đó góp phần đưa ra các dự báo và giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN bằng pháp luật trên lĩnh vực này.

Chương 3:

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

3.1.1. Các yếu tố quốc tế và trong nước ảnh hưởng đến quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

3.1.1.1. Những yếu tố quốc tế

Một là, xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế

“Hòa bình, hợp tác, liên kết và phát triển vẫn là xu thế lớn nhưng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn rất phức tạp, gay gắt, cục diện đa cực ngày càng rõ nét. Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tiếp tục phát triển những gặp nhiều trở ngại, thách thức; chủ nghĩa dân túy, bảo hộ có xu hướng tăng lên; sự điều chỉnh chính sách, quan hệ đối ngoại của các nước lớn trong khu vực và trên thế giới diễn biến khó lường. Tăng trưởng kinh tế, thế giới và thương mại, đầu tư quốc tế có xu hướng giảm; nợ công toàn cầu tăng, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái trầm trọng và khủng hoảng kinh tế toàn cầu, có khả năng kéo dài sang đầu thập niên 20; làm thay đổi sâu sắc, trật tự cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới.

Phát triển bền vững trở thành xu thế bao trùm trên thế giới, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn. chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hiệp quốc có ảnh hưởng lớn đến phương thức tăng trưởng, hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư trên thế giới. Chuyển dịch sang năng lượng tái tạo, năng lượng xanh sẽ là xu thế rõ nét hơn trong thời kỳ tới.

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến rất nhanh, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nhân tố quyết định

đối với năng lực cạnh tranh của mỗi quốc gia. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dung và đời sống văn hóa, xã hội.

Xu thế đô thị hóa và phát triển đô thị thông minh ngày càng gia tăng. Cạnh tranh giữa các nước trong việc trở thành trung tâm tài chính, đổi mới sáng tạo ngày càng lớn. Những vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng đa dạng, phức tạp, tác động mạnh mẽ; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn lực xuyên biên giới, nhất là nguồn lực nước Mê Kông, đặt ra những thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trên thế giới, tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu, song tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định do cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên. Tình hình Biển Đông diễn biến càng phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình, ổn định của khu vực và môi trường đầu tư phát triển” [13, tr.206].

Hai là, chính sách của các nước phát triển đối với TCPCPN

Chính sách của các nước phát triển đối với TCPCPN: trong bối cảnh kinh tế xã hội khác nhau nhưng xu hướng chung của hầu hết các quốc gia đều tạo điều kiện cho các TCPCP phát triển, chính phủ các nước phát triển có các chính sách để các tổ chức của mình phát triển và tiến hành hoạt động ở các nước đang phát triển. Một trong các chính sách thường được dùng là chính sách thuế, tạo điều kiện và khuyến khích các doanh nghiệp và cá nhân đóng góp từ thiện cho TCPCP. Ở một khía cạnh khác, chính phủ các nước phát triển có thể tạo điều kiện thuận lợi hoặc gây khó khăn cho hoạt động của TCPCP nước họ tại các nước đang phát triển. Một ví dụ điển hình là chính sách của Hoa Kỳ đối với Cu-ba đã cản trở các TCPCP Hoa Kỳ cung cấp viện trợ cho quốc đảo này trong nhiều thập kỷ qua.

Bên cạnh đó, những năm qua kinh tế thế giới đối mặt với nhiều rủi ro, bất trắc do tăng trưởng toàn cầu giảm tốc trên diện rộng, trong đó sự giảm tốc của kinh tế Mỹ, Trung Quốc; căng thẳng thương mại, công nghệ Mỹ -Trung và giữa Mỹ với một số đối tác thương mại lớn khác vẫn tiếp diễn, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, các điểm nóng ở một số khu vực Nam Á, Trung Đông, Triều Tiên... Trong bối cảnh kinh tế thế giới, khu vực những năm qua đã ảnh hưởng đến chính sách viện trợ của một số quốc gia lớn trên thế giới.

3.1.1.2. Những yếu tố trong nước

Một là, hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước

Trong những năm gần đây, bộ máy nhà nước thực hiện công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng và QLNN nói chung đã được cơ cấu tổ chức tương đối hợp lý, có sự thống nhất chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương, hạn chế tối đa sự chồng chéo, vướng mắc, làm thay, thoái thác trách nhiệm cho nhau, có sự phối hợp nhịp nhàng trong thực hiện nhiệm vụ, giảm thiểu tối đa thời gian giải quyết các vấn đề liên quan đến QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

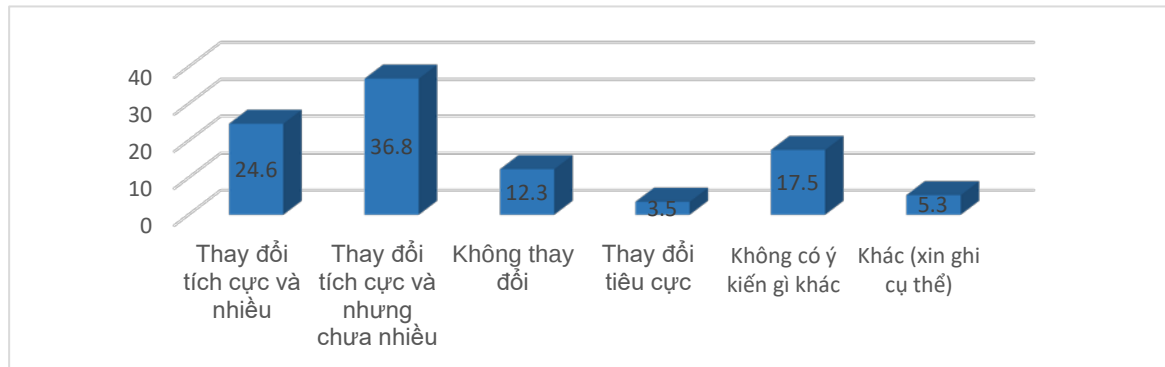
Bên cạnh đó, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước thực hiện nhiệm vụ QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam đã được nâng lên rõ rệt, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Thể hiện ở những đặc điểm sau: có sự phân biệt rõ từng nhóm đối tượng phù hợp với yêu cầu và nội dung QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam; trình độ, năng lực, chuyên môn nghiệp vụ ngày được nâng cao (đặc biệt là trình độ hiểu biết về pháp luật, ngoại ngữ và tin học); cán bộ, công chức, viên chức nắm vững được kỹ năng hành chính và có ý thức chấp hành kỷ luật, kỷ cương.

Hai là, sự tham gia và ủng hộ của nhân dân đối với hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Sự tham gia và ủng hộ của nhân dân trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam góp phần đảm bảo việc phát huy dân chủ, đảm bảo quyền của nhân dân trong hoạt động quản lý. Thực tiễn cho thấy người dân ngày càng có sự tham gia tích cực và ủng hộ hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Theo kết quả điều tra khảo sát tại phụ lục 4, cho thấy nhân dân tham gia vào rất nhiều khâu như: 38% ý kiến cho rằng nhân dân đã tham gia góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam; 38,9% có ý kiến cho rằng nhân dân đã đóng góp ý kiến vào việc xây dựng bộ máy QLNN; 23,1% ý kiến cho rằng nhân dân đã thực hiện quyền giám sát, quản lý dự án/ chương trình viện trợ, tham gia quản lý người nước ngoài trên địa bàn TCPCPNN đặt trụ sở làm việc,... Thực tiễn cho thấy ngày nay, quần chúng nhân dân đang ngày càng phát huy vai trò tích cực của mình trong công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Ba là, môi trường chính sách

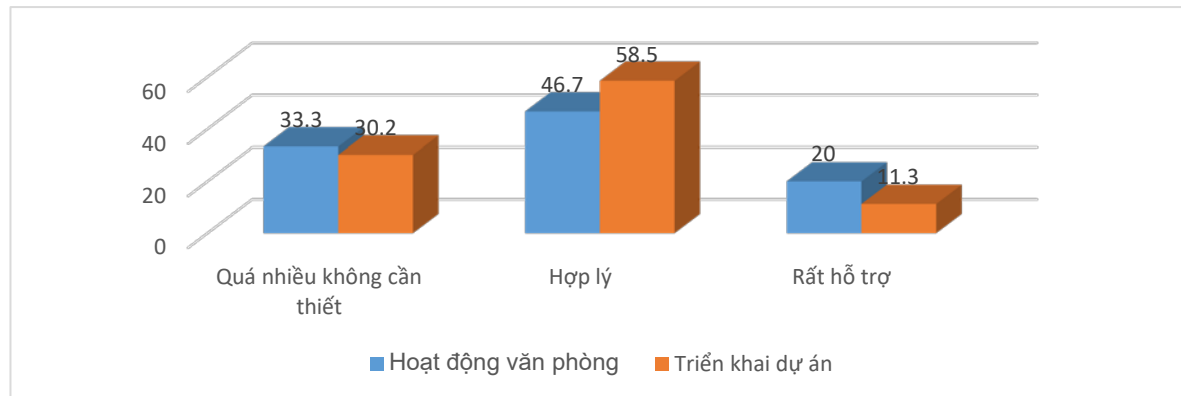
Môi trường chính sách cho hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam nhìn chung được đánh giá khá tích cực. Đại đa số các tổ chức cho rằng môi trường chính sách đã thay đổi từ tích cực đến rất tích cực trong thời gian qua. Chỉ có một số rất ít các tổ chức (3.5% các tổ chức) cho rằng môi trường chính sách cho hoạt động của họ ngày càng khó khăn và mang chiều hướng tiêu cực.



Biểu đồ 3.1: Đánh giá môi trường chính sách

Nguồn: thông qua kết quả điều tra khảo sát tại phụ lục 4

Thủ tục hành chính trong việc đăng ký, gia hạn giấy phép hoạt động, quản lý văn phòng và phê duyệt triển khai dự án thường được các TCPCPNN đề cập nhiều nhất. Theo kết quả điều tra có 46.7% TCPCPNN ở Việt Nam thấy các thủ tục hành chính là hợp lý và 20% thấy việc quản lý rất hỗ trợ cho hoạt động của họ. Tuy nhiên,



Biểu đồ 3.2: Đánh giá thủ tục hành chính

Nguồn: thông qua kết quả điều tra khảo sát tại phụ lục 4

Bốn là, thẩm định phê duyệt dự án

TCPCPNN ở Việt Nam và chính quyền địa phương đều có phản ánh về quá trình thẩm định và phê duyệt dự án do TCPCPNN ở Việt Nam tài trợ, đặc biệt theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, ngày 08/7/2020 của Chính phủ; mọi dự

án bất kể thời hạn và quy mô kinh phí đều phải tiến hành đúng trình tự phê duyệt của cơ quan chủ quản và chính quyền địa phương. Nhiều tổ chức phàn nàn là nhiều khi dự án của họ bị “đá đi đá lại” giữa cơ quan chủ quản và chính quyền địa phương nơi tiếp nhận. Điều này đang gây ách tắc và chậm tiến độ cũng như lãng phí nguồn viện trợ từ các TCPCPNN ở Việt Nam làm mất cơ hội của người dân trong việc thụ hưởng các lợi ích nhất định.

Năm là, sự nghi ngại về khả năng hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam

Cho dù hầu như chính quyền địa phương và người dân đánh giá rất cao và có quan hệ tốt với TCPCPNN ở Việt Nam, trên thực tế vẫn còn những nghi ngại về hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, đặc biệt liên quan đến những vấn đề dân chủ, nhân quyền và an ninh quốc phòng ở vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số. Những nghi ngại này xuất phát từ việc kiến thức về vai trò của TCPCPNN ở Việt Nam còn chưa được hiểu đúng và sâu rộng ở Việt Nam. Bên cạnh đó một số TCPCPNN ở Việt Nam có những hoạt động vi phạm pháp luật Việt Nam, gây ảnh hưởng đến ANQG, TTATXH, bị hạn chế một số quyền nhất định. Điều này thường dẫn đến những khó khăn cho hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam nói chung và đặc biệt là nhân viên nước ngoài của TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng. Một số tổ chức phàn nàn vì lý do an ninh, quốc phòng nên hạn chế đi lại của chuyên gia nước ngoài hoặc thời gian cấp phép lâu hơn, đặc biệt vào những vùng “nhạy cảm” điển hình là vùng đồng bào dân tộc La Hủ, của huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, khu vực giáp biên giới giữa Việt Trung, do sự phức tạp về địa hình cũng như sự nhạy cảm về quốc phòng, an ninh nên hầu như dân tộc La Hủ không nhận được đầu tư của các TCPCPNN.

Như đã phân tích ở trên, các yếu tố quốc tế và trong nước đã và đang tác động cả trực tiếp và gián tiếp đến công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Thông qua quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước, sự ủng hộ của nhân dân,... đã góp phần thu hút được ngày càng nhiều nguồn lực, nguồn vốn viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam vào Việt Nam, góp phần ổn định, phát triển kinh tế - văn hóa, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, môi trường. Tuy nhiên bên cạnh đó, cũng nảy sinh nhiều tác động tiêu cực như: các thế lực thù địch, các phân tử xấu lợi dụng danh nghĩa cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam để thực hiện các hoạt động gây mất ANTT ở nhiều địa bàn, gây ra những khó khăn trong công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và xử lý vi phạm, gây ảnh hưởng không nhỏ đến mối quan hệ của Việt Nam với các TCPCPNN.

3.1.2. Quá trình phát triển của tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Từ lâu, Việt Nam đã có quan hệ với TCPCPNN ở Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, quan hệ với TCPCPNN được xác định là một phần trong quan hệ ngoại giao nhân dân, gắn liền với chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của tình hình đất nước qua các giai đoạn lịch sử.

Trong lịch sử hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, tổ chức đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam chính là TCPCP Hoa Kỳ. Năm 1911, “Hội từ thiện Hoa Kỳ” (The Christian and Missionary of America - CMA) đến Việt Nam với mục đích thăm dò, khảo sát để phục vụ mục đích truyền giáo. Tiếp đó, vào những năm 1930, các TCPCP khác là “Hội truyền bá quốc ngữ”, “Hội tế bản” lần lượt vào nước ta thông qua hoạt động từ thiện, xã hội để tuyên truyền phát triển đạo [48]. Thời gian này, số lượng TCPCPNN tại Việt Nam còn rất hạn chế, chủ yếu là TCPCP tôn giáo hoạt động với mục đích truyền giáo.

Giai đoạn 1954 đến 1975, số lượng TCPCPNN vào Việt Nam đông hơn, đa dạng và phức tạp hơn về hình thức, tính chất hoạt động, trong đó chủ yếu là TCPCP Hoa Kỳ và các TCPCP tôn giáo. Từ 4 tổ chức ban đầu tăng lên khoảng 60 tổ chức nhưng chủ yếu hoạt động ở miền Nam và gắn liền với hoạt động của Hoa Kỳ trong chiến tranh xâm lược nước ta. Bởi vậy, hơn nửa trong số đó là TCPCP Hoa Kỳ (32/60), còn lại chủ yếu là các tổ chức quốc tế gốc tôn giáo. Thời gian đầu, chỉ có một vài tổ chức hoạt động trợ giúp với đối tượng là những người dân mới di cư từ Bắc vào Nam nhằm giúp họ giảm bớt khó khăn, sớm ổn định cuộc sống.

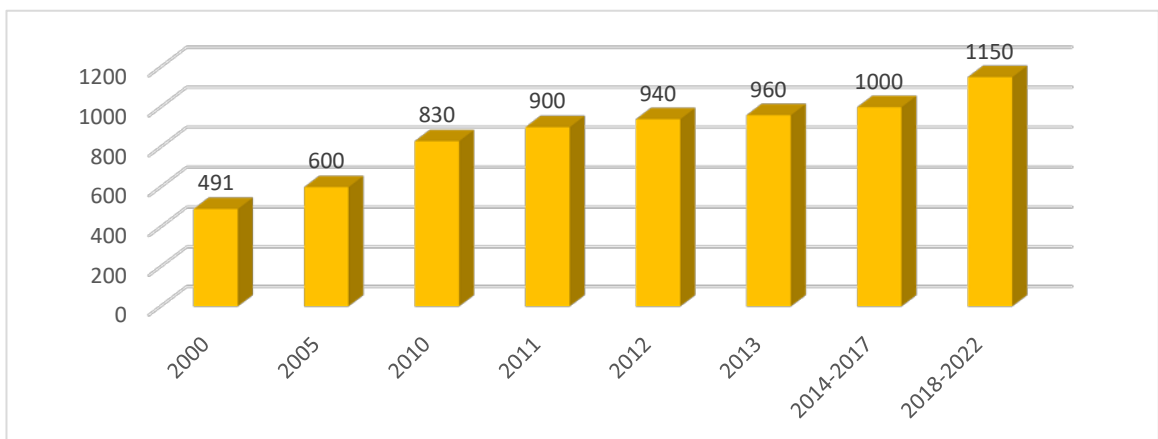
Sau giải phóng miền Nam, số lượng TCPCPNN vào Việt Nam lúc tăng, lúc giảm do chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi biến động trong quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam với Hoa Kỳ và các nước phương Tây. Giai đoạn 1975 - 1978 được coi là một trong những thời kỳ đỉnh cao trong hoạt động PCPNN tại Việt Nam với số lượng lên đến 70 tổ chức, giá trị viện trợ nhân đạo trung bình 30 triệu USD/năm, tập trung vào các hoạt động cung cấp thuốc men, lương thực, xây dựng bệnh viện, phục hồi và phát triển sản xuất,... giúp ta khắc phục hậu quả chiến tranh. Tuy nhiên, đến năm 1979, việc Hoa Kỳ và các nước phương Tây bao vây cấm vận toàn diện đối với Việt Nam đã dẫn đến sự trầm lắng trong hoạt động PCPNN. Về hình thức, số lượng các TCPCPNN không giảm nhưng giá trị các dự án thấp hơn rất nhiều, chỉ đạt khoảng

8-10 triệu USD mỗi năm, bằng 30% mức trung bình giai đoạn trước, chủ yếu là hàng cứu trợ khẩn cấp và hầu như không có dự án phát triển.

Từ 1989 đến nay, dưới tác động của công cuộc đổi mới, quan hệ đối ngoại của Việt Nam phát triển mạnh mẽ, khiến hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam tăng cả về số lượng, giá trị viện trợ và quy mô dự án. Đặc biệt là kể từ khi Chỉ thị số 19/CT-TW được ban hành, hoạt động PCPNN tăng đột biến. So sánh với đỉnh cao của giai đoạn trước, số lượng các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam hiện nay đã tăng gấp 10 lần (hơn 700 tổ chức so với số lượng 70 tổ chức giai đoạn 1979 - 1988), giá trị viện trợ cũng tăng lên rất nhiều, trung bình khoảng 300 triệu USD mỗi năm (gấp 10 lần so với thời kỳ 1975 - 1978 và gấp 30 lần so với thời kỳ 1979 - 1988).

Các TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động rất rộng, tại 63 tỉnh, thành phố trong cả nước và các bộ, ngành, tổ chức ở Trung ương, trong đó tập trung vào các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, các địa bàn Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ,... Hoạt động của TCPCPNN đã đem lại những hiệu quả tích cực trên nhiều lĩnh vực. Về kinh tế - xã hội, hoạt động viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam đã đóng góp tích cực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo; hỗ trợ, phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu; trợ giúp y tế, giải quyết các nạn dịch; phòng chống ma túy, buôn bán phụ nữ, trẻ em; phổ biến kiến thức,...

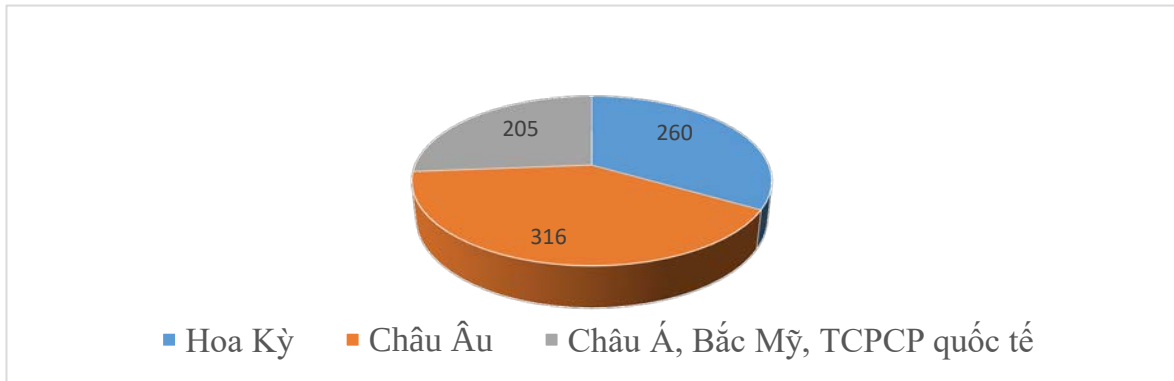
Trong giai đoạn 2000 - 2022, số lượng TCPCPNN có quan hệ với Việt Nam đã tăng gấp hơn 2 lần, từ 491 tổ chức vào năm 2001 lên khoảng hơn 1.000 tổ chức vào năm 2022.



Biểu đồ 3.3: Số lượng tổ chức phi chính phủ nước ngoài có quan hệ với Việt Nam 2000-2022

(Nguồn: Ủy ban Công tác về tổ chức phi chính phủ nước ngoài)

Trong số khoảng hơn 1.000 TCPCPNN, hiện nay có 781 TCPCPNN đang hoạt động thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm: 260 TCPCP Hoa Kỳ; 316 TCPCP Châu Âu; 205 TCPCP Châu Á, Bắc Mỹ và TCPCP quốc tế, trong đó có 63 Văn phòng đại diện, 126 Văn phòng dự án, 592 giấy đăng ký hoạt động [34].



Biểu đồ 3.4: Số lượng tổ chức phi chính phủ các quốc gia đang hoạt động tại Việt Nam

(Nguồn: Ủy ban Công tác về tổ chức phi chính phủ nước ngoài)

3.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

3.2.1. Những kết quả đạt được trong quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.1.1. Những kết quả đạt được

a. Xây dựng, ban hành pháp luật về tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Khái quát công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật về TCPCPNN từ năm 1989 đến năm 2012

Trong phát triển kinh tế xã hội, bất kỳ lĩnh vực nào cũng phải có một môi trường pháp lý vững chắc. Cùng với môi trường chính trị và cơ sở hạ tầng, một môi trường pháp lý đầy đủ, phù hợp với trình độ và mục tiêu phát triển sẽ vừa là điều kiện để triển khai hoạt động phát triển, vừa là biểu hiện của sự quản lý hiệu quả của Nhà nước đối với lĩnh vực và đối tượng trong diện quản lý. Về môi trường pháp lý cho các TCPCPNN tiến hành hoạt động ở Việt Nam, trong giai đoạn này đã thiết lập được một hệ thống văn bản pháp quy tương đối căn bản

Trước năm 1989, do điều kiện khách quan, công tác quản lý các TCPCPNN ở Việt Nam mang tính tập trung rất cao. Từ việc duyệt cho các đoàn TCPCP vào

nước ta đến việc sử dụng từng khoản viện trợ của các TCPCPNN đều phải xin ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc của các cơ quan quản lý tổng hợp.

Quyết định 51/HĐBT ngày 25/5/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao cho Liên hiệp các tổ chức hòa bình, đoàn kết, hữu nghị Việt Nam (nay là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam) làm cơ quan đầu mối trong quan hệ với TCPCPNN; các ngành, địa phương trực tiếp, quan hệ và quản lý viện trợ phi chính phủ. Sau một năm thực hiện theo tinh thần của Quyết định này, thực tế cho thấy công tác quản lý các TCPCPNN, có hiện tượng tranh giành viện trợ giữa các đơn vị nhận viện trợ, số viện trợ phi chính phủ không tăng, bị xé lẻ manh mún và chỉ tập trung vào một số nơi.

Để góp phần tháo gỡ tình hình này, ngày 28/3/1991, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ra Quyết định 80/CT xác định vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đầu mối, ban hành quy định trong quan hệ với các TCPCPNN, đề ra quy chế phân công quyết định tiếp nhận và sử dụng viện trợ. Hết sức đáng chú ý Quyết định này cho phép thành lập nhóm Công tác phi chính phủ gồm đại diện 6 cơ quan (Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ban Tôn giáo Chính phủ và Văn phòng Chính phủ) nhằm mục đích là sự tăng cường phối hợp liên ngành giữa các cơ quan và tư vấn cho chính phủ về vấn đề liên quan đến công tác viện trợ phi chính phủ. Quyết định 80/CT đã có tác dụng lớn. Giai đoạn này công tác quản lý PCPNN có chuyển biến tích cực, số lượng các TCPCPNN có quan hệ với Việt Nam tăng lên và giá trị viện trợ cũng tăng lên (bên cạnh những nguyên nhân chủ quan và khách quan khác). Tuy nhiên, trên thực tế các cơ quan quản lý vẫn không nắm được đầy đủ số liệu và tình hình quản lý công tác phi chính phủ cũng như tình hình quản lý và sử dụng viện trợ.

Quyết định số 214/TTg, ngày 7/5/1993 của Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban chỉ đạo công tác TCPCP gồm đại diện 05 cơ quan (Văn phòng Chính phủ, Liên Hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam) để giúp Thủ tướng Chính phủ giải quyết những vấn đề liên quan tới hoạt động quản lý của các TCPCPNN. Thời kỳ này tuy chưa có quy chế cụ thể về việc lập văn phòng đại diện hay các dạng đại diện khác của các TCPCPNN tại Việt Nam, nhưng Việt Nam đã cho phép một số tổ chức có

quan hệ lâu năm với nước ta và có chương trình viện trợ lớn, dài hạn lập văn phòng đại diện chính thức tại Việt Nam với một số ưu đãi về cấp thị thực, mở tài khoản, nhập thiết bị văn phòng.

Quyết định số 339/TTg, ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban công tác về các TCPCP gồm 06 thành viên cấp bộ để giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý TCPCP của Việt Nam. Song song với Quyết định này, Thủ tướng cũng ra Quyết định 340/TTg ban hành quy chế về hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam, theo đó để được tiến hành các hoạt động hỗ trợ, phát triển, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận hoặc mục đích khác, các TCPCPNN phải được phép của Chính phủ Việt Nam dưới các hình thức giấy phép hoạt động, Giấy phép lập văn phòng đại diện, Giấy phép lập văn phòng dự án.

Quyết định số 79/2000/QĐ-TTg, ngày 6/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải thể, chuyển giao nhiệm vụ của một số tổ chức đã được thành lập trước đó, trong đó có Ủy ban Công tác về các TCPCP. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 21/7/2000 nhưng do tính chất phức tạp về an ninh, chính trị, tôn giáo của các hoạt động PCPNN, nhiều cơ quan, đặc biệt là các thành viên của Ủy ban đã báo cáo kiến nghị trên để sớm thành lập cơ chế mới để quản lý các TCPCPNN và để họ sớm có môi trường hoạt động bình thường, tránh tình trạng một số tổ chức lợi dụng tình hình đó để hoạt động ngoài mục đích nhân đạo đã đăng ký tại các địa bàn không thuộc phạm vi được hoạt động, ví dụ như địa bàn Tây Nguyên, Tây Bắc và Tây Nam Bộ.

Trước tình hình trên, tháng 4/2001, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành văn bản pháp lý quan trọng là Quyết định số 59/QĐ-TTg (24/4/2001) và Quyết định số 64/QĐ-TTg (26/4/2001). Quyết định số 59 thành lập Ủy ban Công tác về các TCPCPNN gồm đại diện 07 cơ quan (Bộ Ngoại giao, Liên Hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch đầu tư, Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ, Văn phòng Chính phủ). Quyết định số 64 được ban hành kèm theo Quy chế quản lý, sử dụng viện trợ của TCPCPNN tại Việt Nam trong đó có quy định rõ về thẩm quyền phê duyệt các khoản viện trợ PCPNN và trách nhiệm

QLNN về viện trợ phi chính phủ của các cơ quan Việt Nam. Quyết định 64 trên thực tế là Quyết định sửa đổi thay thế cho Quyết định số 28/QĐ-TTg, ngày 23/2/1999, Quyết định số 64 sửa đổi theo hướng phân cấp mạnh hơn cho các bộ, ngành, địa phương để đảm bảo quản lý tốt và có hiệu quả hơn các nguồn vốn viện trợ phát triển của các TCPCPNN. Có thể thấy, hai Quyết định 59 và 64 được ban hành đã tạo ra một bước tiến lớn trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý cho việc quản lý công tác chính phủ sau một thời gian dài có nhiều lúng túng. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan Trung ương và địa phương trong công tác vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ đã được hình thành rõ nét; cơ chế quản lý, bộ máy tổ chức của các cơ quan chuyên trách đã được kiện toàn, công tác quản lý phi chính phủ bắt đầu trở lại bình thường.

Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam. Theo Nghị định Nhà nước Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các TCPCPNN thực hiện hoạt động nhân đạo phát triển tại Việt Nam và các tổ chức này phải đăng ký với cơ quan quản lý có thẩm quyền của Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. So với Quyết định 340/1996/TTg, ngày 24/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ thì theo Nghị định số 12 thời hạn có giá trị của giấy phép đăng ký thành lập từ 3 năm thành 5 năm đối với văn phòng đại diện và văn phòng dự án, giấy đăng ký hoạt động từ 1 năm thành 3 năm và địa điểm đặt trụ sở của các tổ chức có giấy phép lập văn phòng đại diện có thể ở Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh trước đây chỉ đặt tại Hà Nội.

Thông tư số 05/2012/TT-BNG ngày 12/11/2012 của Bộ Ngoại giao hướng dẫn thi hành Nghị định số 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam.

- Trong giai đoạn từ năm 2013 đến nay, Nhà nước đã ban hành 24 văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, trong đó có 05 văn bản về TCPCPNN; 03 văn bản liên quan đến viện trợ TCPCPNN; 02 văn bản về tuyển dụng lao động; 05 văn bản quản lý xuất nhập cảnh; 04 văn bản về phòng, chống rửa tiền; 02 văn bản về phòng, chống khủng bố và 03 văn bản về xử lý vi phạm. Cụ thể:

Văn bản về TCPCPNN: Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31/8/2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam; Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn Ủy ban Công tác về các TCPCPNN; Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án; Quyết định 20/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, TCPCP và Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Văn bản liên quan đến viện trợ TCPCPNN: Luật số 43/2013/QH13 về Đầu thầu; Luật số 83/2015/QH13 về Ngân sách Nhà nước; Luật số 61/2020/QH14 về Đầu tư.

Văn bản về tuyển dụng lao động làm việc trong các TCPCPNN ở Việt Nam: Bộ Luật số 45/2019/QH14 về Lao động; Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

Văn bản về quản lý xuất nhập cảnh: Thông tư số 04/2015/TT-BCA ngày 05/01/2015 quy định mẫu giấy tờ liên quan đến việc nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Thông tư 31/2015/TT-BCA 06/7/2015 hướng dẫn một số nội dung về cấp thị thực, cấp thẻ tạm trú, cấp giấy phép xuất nhập cảnh, giải quyết thường trú cho người nước ngoài tại Việt Nam; Luật số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 75/2020/NĐ-CP ngày 01/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 25/05/2020 về danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử.

Văn bản về phòng, chống rửa tiền: Luật số 07/2013 về phòng, chống rửa tiền; Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền; Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/02/2013 về việc Hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền; Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11/11/2014 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 Hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền.

Văn bản về phòng, chống khủng bố: Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ Quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố và Luật số 28/2013/QH13 về Phòng, chống khủng bố.

Văn bản về xử lý vi phạm pháp luật: Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 số 100/2015/QH13; Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020 và Nghị định số 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, TTATXH; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng chống bạo lực gia đình.

Quy định pháp luật QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cơ bản đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, phù hợp, khả thi, hiện đại và hội nhập quốc tế.

- Quy định pháp luật về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cơ bản đảm bảo tính toàn diện. Đó là, có khả năng đáp ứng được đầy đủ nhu cầu điều chỉnh pháp luật QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam trên các lĩnh vực có liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam, như: đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam, cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi giấy phép đăng ký hoạt động; lĩnh vực xuất nhập cảnh; tuyển dụng lao động; phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố và xử lý các vi phạm liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam; điều chỉnh các đối tượng trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, như: con người, trụ sở văn phòng đại diện, văn phòng dự án, các phương tiện đi lại, phương tiện thông tin liên lạc... được các TCPCPNN ở Việt Nam đăng ký, sử dụng và điều chỉnh các hoạt

động viện trợ và hoạt động liên quan đến an ninh - chính trị của TCPCPNN ở Việt Nam. Các quy phạm pháp luật QLNN về TCPCPNN ở Việt Nam có khả năng bao quát toàn bộ lĩnh vực hoạt động liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam, để các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam đều có sự điều chỉnh của pháp luật pháp luật QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Quy định pháp luật QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được xây dựng có cấu trúc lôgic, chặt chẽ; mỗi chế định pháp luật có đầy đủ các quy phạm pháp luật cần thiết đáp ứng được nhu cầu phát triển của các quan hệ với TCPCPNN ở Việt Nam trong từng giai đoạn.

- Quy định pháp luật QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN tương đối thống nhất và đồng bộ. Đó là, thể hiện sự đồng bộ, thống nhất pháp luật QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam giữa Hiến pháp với các bộ luật, luật như: Luật Tổ chức chính phủ, Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Luật Dân sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,... và không mâu thuẫn, không trùng lặp, chồng chéo trong các văn bản có liên quan đến QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam (văn bản về TCPCPNN; văn bản về tuyển dụng lao động; văn bản quản lý xuất nhập cảnh; văn bản về phòng, chống rửa tiền; văn bản về phòng, chống khủng bố và văn bản về xử lý vi phạm) với nhau.

- Quy định pháp luật QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam tương đối phù hợp. Đó là, có sự tương quan với trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đã phản ánh trình độ phát triển của kinh tế - xã hội của đất nước; phù hợp với các điều kiện kinh tế, chính trị của đất nước, mà quan trọng nhất là phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng cầm quyền; phù hợp với đạo đức, tập quán, truyền thống và các quy phạm xã hội khác...

Ngoài ra, quy định pháp luật QLNN đối với TCPCPNN đã được xây dựng phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của các điều ước và thông lệ quốc tế mà Việt Nam tham gia, ký kết, thừa nhận như: Công ước về các Quyền Dân sự và Chính trị 1966 (ICCPR), gia nhập ngày 24-9-1982; Công ước về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa 1966, gia nhập ngày 24-9-1982; Công ước về Xoá bỏ mọi hình thức

phân biệt đối xử với phụ nữ 1979, ký kết ngày 29-7-1980, phê chuẩn ngày 17-2-1982; Công ước về Xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc 1969, gia nhập ngày 9-6-1982; Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người, ký ngày 7-11-2013 và phê chuẩn ngày 5-2-2015 và Công ước về Chống Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia 2000 (ký kết ngày 13-12-2000, phê chuẩn ngày 8-6-2012).

- Quy định pháp luật QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được xây dựng ngôn ngữ chính xác, phổ thông, cách diễn đạt phải rõ ràng, dễ hiểu, bảo đảm tính cô đọng, logic và một nghĩa.

Các văn bản pháp lý trong giai đoạn này đã hình thành cơ chế QLNN tương đối hiệu quả đối với của các TCPCPNN ở Việt Nam thông qua Ủy ban Công tác về các TCPCPNN với 09 thành viên là đại diện của các cơ quan: Ban Đối ngoại Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Ngân hàng nhà nước và Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam. Các thành viên của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã phối hợp khá chặt chẽ với nhau và với các địa phương trong thẩm định, xét duyệt, kiểm tra và giám sát hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam, ngăn chặn, đấu tranh, phòng ngừa các hoạt động sai trái, hạn chế các mặt phức tạp không để ảnh hưởng đến an ninh chính trị nhưng vẫn đảm bảo không gây xáo trộn với công tác vận động viện trợ, đảm bảo duy trì nguồn viện trợ tương đối ổn định trong thời gian qua.

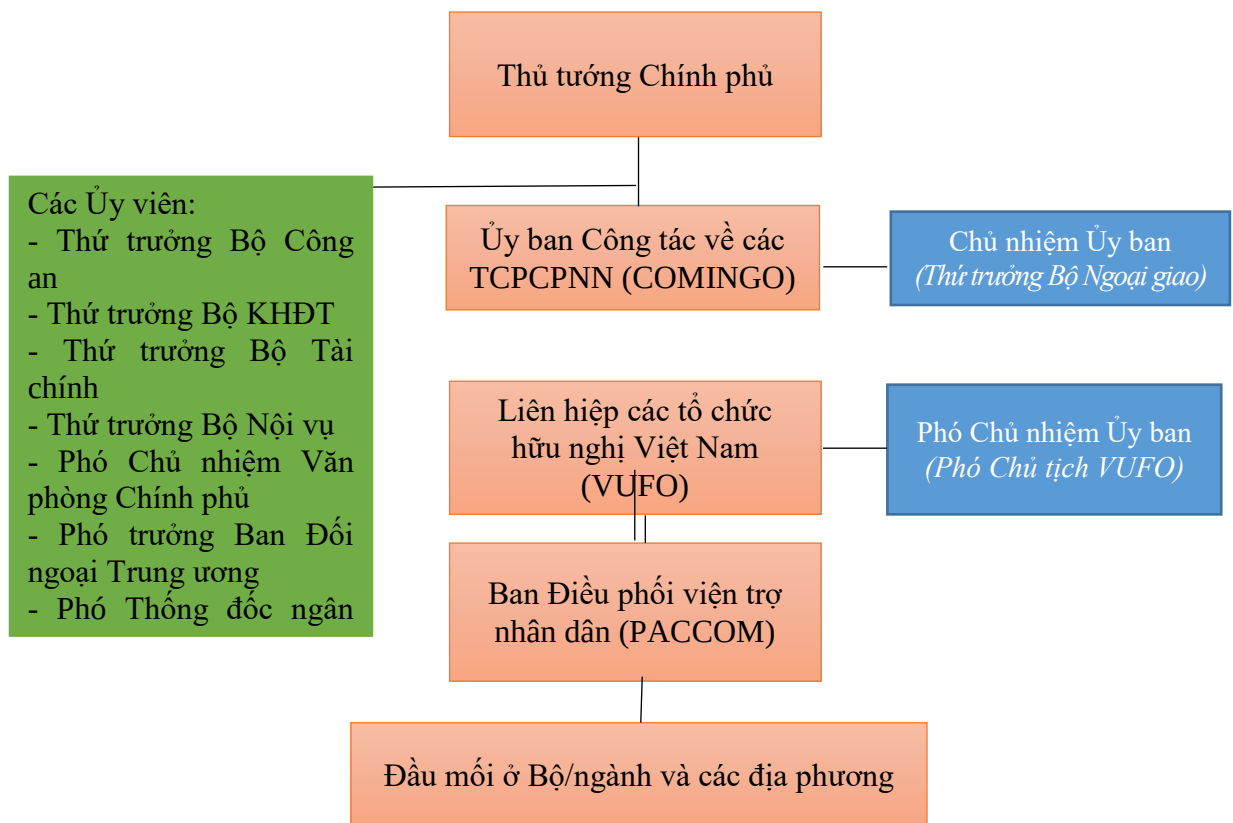
b. Tổ chức thực hiện pháp luật về tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Thứ nhất, công tác xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Một là, cơ cấu tổ chức bộ máy

Với tổ chức bộ máy quản lý hoạt động của TCPCPNN ở nước ta hiện nay cơ bản được hình thành, bao quát từ trung ương đến địa phương, Chính phủ thống nhất quản lý TCPCPNN trên phạm vi toàn quốc.

+ Ở cấp trung ương, bộ máy gồm 04 cơ quan phụ trách chính là: Bộ Ngoại giao, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Ban điều phối viện trợ nhân dân.



Sơ đồ 3.1: Tổ chức bộ máy quản lý TCPCPNN ở Việt Nam

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

+ Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 36/2012/NĐ-CP, ngày 18/4/2012 của Chính phủ. Bộ Ngoại giao là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam với 4 trách nhiệm sau: chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam; tham mưu, đề xuất những chủ trương, chính sách đối ngoại liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam; thực hiện cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký của các TCPCPNN ở Việt Nam và phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác quản lý hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam.

+ Ủy ban Công tác về các TCPCPNN.

Được thành lập theo Quyết định số 59/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ để giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giải quyết các vấn đề liên quan đến các TCPCPNN ở Việt Nam.

Về mặt tổ chức, Ủy ban Công tác về TCPCPNN là cơ quan liên ngành được cơ cấu bao gồm đại diện của các cơ quan: Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ban Tôn giáo Chính phủ.

Về chức năng nhiệm vụ: phối hợp với Bộ Ngoại giao xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam; chủ trì công tác thẩm định đối với các TCPCPNN ở Việt Nam thông qua các cơ quan thành viên Ủy ban để chuyển hồ sơ cho Bộ Ngoại giao xét cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy đăng ký của các TCPCPNN ở Việt Nam; thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam; chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam; tổng hợp, báo cáo Chính phủ về tình hình hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam; định kỳ thông báo cho các Bộ, ngành, địa phương về các TCPCPNN đăng ký hoạt động trong lĩnh vực và địa bàn liên quan với các Bộ, ngành, địa phương; phổ biến, cung cấp thông tin liên quan tới hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam tới các cơ quan đối tác Việt Nam và TCPCPNN.

+ Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam

Được thành lập theo Quyết định số 95/TTg, ngày 14/11/1992, là tổ chức chính trị - xã hội chuyên trách về công tác vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh cho hòa bình và phát triển mở rộng quan hệ đoàn kết, hữu nghị, thúc đẩy hợp tác giữa nhân dân các nước trên thế giới và các TCPCPNN ở Việt Nam.

Có chức năng, nhiệm vụ: tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; thiết lập các mối quan hệ hoà bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác với các tổ chức tương ứng, các TCPCP, cá nhân nước ngoài; mở rộng, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối tác nhằm góp phần củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, đoàn kết và hợp tác của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam; tham gia vận động, đấu tranh dư luận bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, đặc biệt là trên các vấn đề dân chủ, nhân quyền, chủ quyền quốc gia; quảng bá hình ảnh của Việt Nam trên trường quốc tế. Tham gia công tác vận động, tập hợp người Việt Nam ở nước ngoài hướng về Tổ quốc và các hoạt động nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt Nam với các nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, kỹ

thuật...; tham gia các diễn đàn, cơ chế khu vực và quốc tế và hoạt động của nhân dân thế giới vì lợi ích quốc gia - dân tộc và vì hòa bình, phát triển bền vững, công lý, dân chủ và tiến bộ xã hội; là Cơ quan Thường trực cho Ủy ban Công tác về các TCPCPNN và là đầu mối trong quan hệ và vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài theo quy định của pháp luật; tham gia góp ý kiến xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác đối ngoại nhân dân; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển và lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam; tổ chức nghiên cứu, đề xuất kiến nghị về các vấn đề khu vực, quốc tế liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và công tác đối ngoại nhân dân; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức thành viên trong hoạt động hoà bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác nhân dân và vận động, điều phối viện trợ PCPNN.

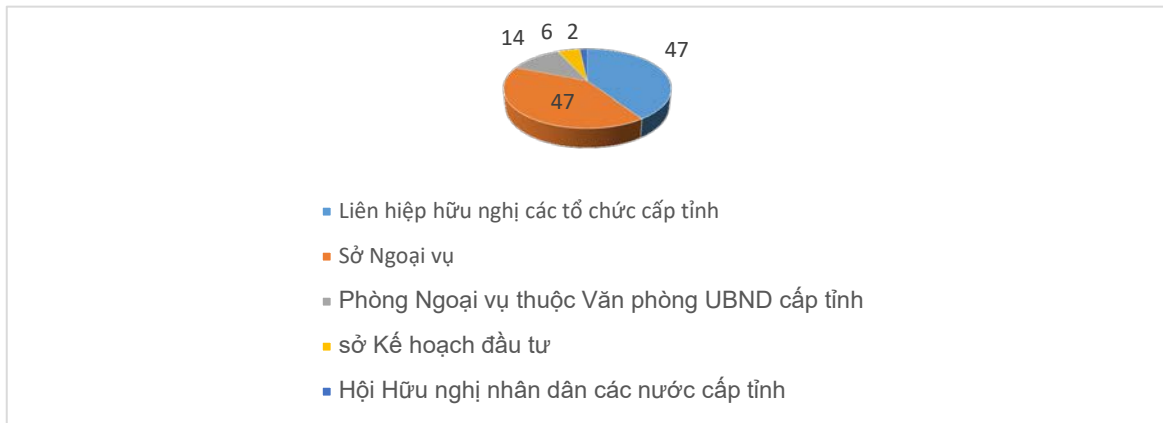
+ Ban Điều phối viện trợ nhân dân - PACCOM

Được thành lập năm 1989, trực thuộc Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam, có chức năng điều phối hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam. có nhiệm vụ tăng cường quan hệ đối tác giữa các TCPCPNN ở Việt Nam với các tổ chức của Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho các TCPCPNN ở Việt Nam và hỗ trợ các đối tác ở địa phương trong quan hệ với các TCPCPNN ở Việt Nam; thu thập chia sẻ thông tin liên quan đến các hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, tiến hành nghiên cứu, tổng kết hoạt động của các TCPCPNN và đánh giá nhu cầu của địa phương.

Có chức năng, nhiệm vụ: tăng cường quan hệ đối tác giữa các TCPCPNN với các tổ chức Việt Nam và các địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam và hỗ trợ các đối tác địa phương trong mối quan hệ với các TCPCPNN ở Việt Nam; phổ biến, cung cấp thông tin liên quan tới hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam tới các cơ quan đối tác Việt Nam và TCPCPNN ở Việt Nam; phối hợp với các cơ quan hữu quan trong hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện các quy định, chính sách liên quan đến hoạt động của các TCPCPNN, và tham mưu ban hành các chủ trương, chính sách phù hợp cho hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam.

+ Ở địa phương, Việt Nam có 63 đơn vị hành chính cấp tỉnh, hầu hết đã có TCPCPNN hoạt động tại các địa phương đó. Do vậy, các địa phương đều thành lập

các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam để phối hợp với trung ương trong QLNN đối với TCPCPNN. Trên địa bàn 63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có 116 cơ quan đầu mối ở các tỉnh/thành phố phối hợp quản lý, trong đó: có 47 sở Ngoại vụ; 47 Hội Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh/thành phố; 14 Văn phòng UBND tỉnh/thành phố (phòng Ngoại vụ); 06 Sở Kế hoạch - Đầu tư và 02 hội hữu nghị nhân dân các nước.



Biểu đồ 3.5: Các cơ quan đầu mối cấp tỉnh QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Sở Ngoại vụ ở cấp tỉnh có chức năng, nhiệm vụ trong QLNN đối với TCPCPNN ở cấp tỉnh/thành phố

Về công tác PCPNN: làm cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thực hiện QLNN đối với hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; cho ý kiến về việc cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung và thu hồi Giấy đăng ký và các hoạt động khác của các TCPCPNN ở Việt Nam trên địa bàn cấp tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ các TCPCPNN về thủ tục và trong việc khảo sát, xây dựng và triển khai các dự án tài trợ theo quy định của pháp luật; kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức và nhân viên làm việc cho các TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động trên địa bàn cấp tỉnh; báo cáo Bộ Ngoại giao và Ủy ban công tác PCPNN theo quy định; Quản lý các hoạt động quan hệ và vận động viện trợ PCPNN của tỉnh/thành phố; xây dựng chương trình, kế hoạch và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong vận động viện trợ PCPNN; thẩm định các chương trình, dự án và các khoản viện trợ ký kết với các TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động

trên địa bàn cấp tỉnh đảm bảo yêu cầu về chính trị đối ngoại; đôn đốc công tác quản lý và báo cáo tài chính đối với các khoản viện trợ PCPNN và là cơ quan thường trực Ban công tác PCPNN của tỉnh.

Hội liên hiệp Hữu nghị tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương có chức năng, nhiệm vụ trong QLNN đối với TCPCPNN ở tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương

Liên hiệp Hữu nghị tỉnh/thành phố là tổ chức chuyên trách về công tác đối ngoại nhân dân; là bộ phận cấu thành của lực lượng đối ngoại chuyên trách của tỉnh/thành phố; đầu mối phối hợp trong một số hoạt động về công tác đối ngoại nhân dân và công tác vận động PCPNN.

Chủ trì, phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại giao nhân dân nhằm góp phần mở rộng, củng cố, tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân tỉnh/thành phố với nhân dân các nước; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của nhân dân các nước đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam; làm đầu mối phối hợp trong quan hệ, vận động và tham gia quản lý viện trợ PCPNN theo quy định pháp luật; thực hiện tốt công tác thông tin đối ngoại; nghiên cứu, tham mưu cho tỉnh/thành ủy, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh/thành phố về những vấn đề liên quan đến hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước về hoạt động của các TCPCPNN trên địa bàn tỉnh; tham gia vận động, đấu tranh dư luận về các vấn đề dân chủ, nhân quyền; quảng bá hình ảnh của Việt Nam và của tỉnh/thành phố với nhân dân các nước; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức thành viên trong hoạt động hòa bình, đoàn kết, hữu nghị, hợp tác quốc tế và vận động viện trợ PCPNN.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có chức năng, nhiệm vụ trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động trên địa bàn các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh QLNN về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, gồm: đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, nguồn viện trợ PCPNN.

Về đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài: chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch và bố trí mức vốn đầu tư phát triển cho từng chương trình, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công do tỉnh quản lý phù hợp với tổng mức đầu tư và cơ cấu đầu tư theo ngành và lĩnh vực; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ban, ngành có liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn đầu tư phát triển của các chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn; giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật; làm đầu mối tiếp nhận, kiểm tra, thanh tra, giám sát, thẩm định, thẩm tra các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và quản lý hoạt động đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư theo kế hoạch đã được UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt và hướng dẫn thủ tục đầu tư theo thẩm quyền.

Về quản lý vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ PCPNN: vận động, thu hút, điều phối quản lý nguồn vốn các nguồn viện trợ PCPNN của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương; hướng dẫn các sở, ban, ngành xây dựng danh mục và nội dung các chương trình sử dụng nguồn viện trợ PCPNN; tổng hợp danh mục các chương trình dự án sử dụng nguồn viện trợ PCPNN trình UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư; giám sát, đánh giá thực hiện các chương trình, dự án sử dụng nguồn viện trợ PCPNN; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương xử lý những vấn đề vướng mắc trong việc bố trí vốn đối ứng, giải ngân thực hiện các dự án ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ PCPNN có liên quan đến nhiều sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã; định kỳ tổng hợp báo cáo về tình hình và hiệu quả thu hút, sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ PCPNN.

Phòng Ngoại vụ thuộc Văn phòng UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương có chức năng, nhiệm vụ trong QLNN đối với TCPCPNN

Tham mưu, giúp việc UBND cấp tỉnh, Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh, lãnh đạo Văn phòng UBND cấp tỉnh về công tác viện trợ và TCPCP và các công

việc liên quan thuộc lĩnh vực ngoại vụ; theo dõi, nghiên cứu, tham mưu giúp việc Văn phòng UBND cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh giải quyết các công việc liên quan thuộc lĩnh vực ngoại vụ, cụ thể: nhiệm vụ QLNN về công tác đối ngoại; công tác người Việt Nam ở nước ngoài; công tác lãnh sự và bảo hộ công dân; công tác lễ tân đối ngoại; công tác thông tin đối ngoại; công tác tổ chức và quản lý đoàn ra, đoàn vào; công tác tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế...

Tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đều đã phân công một đồng chí cấp ủy (Phó Bí thư tỉnh/thành ủy) hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp tỉnh phụ trách công tác PCPNN, quy chế phối hợp liên ngành và phân công đầu mối quản lý hoạt động của TCPCP tại địa phương mình.

Cấp địa phương tất cả các tỉnh, thành có các TCPCPNN hoạt động đều đã thành lập cơ chế phối hợp để quản lý. Có thể đánh giá vài nét như sau: Đã hình thành quan hệ phối hợp giữa cơ quan đầu mối của địa phương với cơ quan đầu mối Trung ương, sự phối hợp cho đến nay tương đối là tốt. Các địa phương giữa mối liên hệ thường xuyên với cơ quan đầu mối Trung ương, nhận sự chỉ đạo của Trung ương và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đa phần lãnh đạo các đơn vị địa phương đều nhận thức được vai trò quan trọng của cơ quan đầu mối trong việc thực hiện cơ chế phối hợp, vì vậy đều cố gắng xây dựng một cơ quan đầu mối đủ mạnh giúp UBND tỉnh điều tiết các hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong quản lý cũng như vận động viện trợ.

Cơ chế phối hợp ở cấp Trung ương được thực hiện thông qua các kỳ họp của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN (6 tháng 1 lần) và của Nhóm Công tác phi chính phủ; hoạt động kiểm tra và các báo cáo của các cơ quan đầu mối địa phương và hoạt động phối hợp giữa các cơ quan Trung ương và địa phương trong mỗi chương trình/dự án và hoạt động của TCPCPNN.

Hai là, đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Công chức làm công tác QLNN đối với TCPCPNN là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tại các cơ quan nhà nước có chức năng, nhiệm vụ thực hiện QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam bao gồm: những người làm việc tại Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, các bộ, cơ quan ngang bộ, làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm; tại Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

+ Về số lượng, trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Theo kết quả mẫu phiếu số 1 tại 4 bộ và cơ quan ngang bộ về đội ngũ công chức làm công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, trong 260 người được hỏi có 25,3% (66 người) công chức là chuyên trách, có 74,7% (194) công chức kiêm nhiệm.

Về trình độ đào tạo: có trình độ đại học chiếm 64,2% (167 người), có trình độ trên đại học là 30,7% (80 người), có trình độ đào tạo cao đẳng là 1,15% (03 người), có trình độ trung cấp 3,95% (10 người). Theo trình độ QLNN: chuyên viên có 53,8% (141 người); là chuyên viên chính 42,3 % (110 người); cán sự 2,69 % (07 người), và chuyên viên cao cấp 0,76% (02 người).

Về trình độ lý luận chính trị của đối tượng trung cầu ý kiến khá cao, đối tượng có trình độ trung cấp lý luận chính trị chiếm tỉ lệ cao nhất là 33,4%, trình độ cao cấp lý luận chính trị và sơ cấp lý luận chính trị chiếm 1,9% (05 người)

Về độ tuổi: dưới 31 tuổi chiếm 6% (15 người), từ 32 tuổi đến 40 tuổi chiếm 30,7% (80 người), độ tuổi 41 tuổi đến 50 tuổi chiếm 32,6% (85 người) và độ trên 50 tuổi chiếm 30,7% (80 người).

- Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức làm công tác PCPNN luôn được Đảng, Nhà nước và các cơ quan chức năng quan tâm và tạo điều kiện nhằm đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới. Từ năm 2012 đến hết năm 2021. Ủy ban công tác về các TCPCPNN đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức 149 khóa tập huấn về công tác PCPNN và 177 khóa tập huấn về công tác đối ngoại cho cán bộ, công chức quản lý các TCPCPNN ở Việt Nam. Cụ thể:

Năm	Số lượng các khóa tập huấn (Đơn vị tính: Khóa)	
	Về công tác PCPNN	Về công tác đối ngoại
2013	20	18
2014	27	14
2015	11	12
2016	12	15
2017	13	21
2018	18	36
2019	14	22
2020	7	13
2021	6	11
2022	12	16

Bảng 3.1: Số lượng các khóa tập huấn về công tác PCPNN và công tác đối ngoại từ năm 2013-2022

Nguồn: Ủy ban công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Thông qua số liệu các khóa tập huấn về công tác PCPNN và công tác đối ngoại cho thấy công tác tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia vào công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam luôn được chú trọng, đẩy mạnh qua đổi mới hình thức tổ chức, nội dung chuyên đề, tuy nhiên trong những năm qua do tình hình về đại dịch Covid19 diễn biến phức tạp nên các cuộc tập huấn có giảm về số lượng. Thông qua các khóa tập huấn đội ngũ cán bộ, công chức đã cập nhật được các văn bản quy phạm pháp luật, thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, tình hình trong và ngoài nước, nhiệm vụ của mình đối với công tác PCPNN...

Đội ngũ cán bộ, công chức trong thời gian qua đã được bổ sung về số lượng, đáp ứng yêu cầu về nhân lực của các cơ quan nhà nước thực hiện chức năng QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Đa số cán bộ, công chức làm công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam cơ bản đã đáp ứng yêu cầu: về phẩm chất chính trị, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định với mục tiêu lý tưởng XHCN, trung thành với Tổ quốc với nhân dân; về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, phần lớn cán bộ, công chức được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ theo tiêu chuẩn quy định, số lượng cán bộ, công chức có trình độ trên đại học ngày một tăng nhanh; về tinh thần trách

nhệm, thái độ phục vụ, đa số công chức cần cù, chịu khó, tích cực học tập, đổi mới tư duy với những yêu cầu mới trong quản lý, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, có ý thức tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, giữ gìn được mối quan hệ với cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam, có tinh thần trách nhiệm và ý thức tổ chức kỷ luật cao.

Thứ hai, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Ngay sau khi các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý các TCPCPNN ở Việt Nam, Ủy ban công tác về các TCPCPNN phối hợp với các bộ, ban, ngành và các địa phương tiến hành công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung những văn bản pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam, đồng thời phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng khác làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn cho cán bộ, công chức trong các cơ quan QLNN, các TCPCPNN ở Việt Nam và nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho mọi người thực hiện tốt các văn bản quy phạm pháp luật...

- Về đối tượng tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam là các cơ quan, tổ chức, các cấp chính quyền và mọi người dân Việt Nam.
- Về nội dung tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Ủy ban công tác về các TCPCPNN phối hợp với các bộ, ban, ngành và các địa phương tiến hành công tác tuyên truyền, phổ biến các đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước về công tác đối ngoại; tuyên truyền các văn bản pháp luật trực tiếp liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam như: Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2012 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam; Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam... trong đó tập trung vào các nội dung cốt lõi quy định các hành vi cấm đối với các TCPCPNN ở Việt Nam, các quy định xét cấp đăng ký và quy định điều kiện các TCPCPNN ở Việt Nam muốn được phép hoạt động tại Việt Nam và các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ; trình tự thủ tục và thẩm quyền phê duyệt đối với các khoản viện trợ với tính chất khác nhau...

Tuyên truyền về các chương trình vận động viện trợ của các địa phương, như là đặc điểm tình hình của từng địa phương, định hướng ưu tiên vận động viện trợ từng giai đoạn của từng địa phương... như: chương trình vận động viện trợ của tỉnh An Giang giai đoạn 2015-2019; Chương trình tăng cường hợp tác và vận động viện trợ PCPNN trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2025; Chương trình hợp tác, vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam giai đoạn 2021 – 2025...

Ngoài ra, còn tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các văn bản pháp luật có liên quan đến QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam như: Bộ Luật số 45/2019/QH14 về Lao động; Luật số 51/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật số 07/2013 về phòng, chống rửa tiền và Luật số 28/2013/QH13 về Phòng, chống khủng bố...

- Về hình thức tiến hành tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Hình thức phổ biến giáo dục pháp luật về TCPCPNN trực tiếp: khi các văn bản mới ra đời điều chỉnh liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam các cơ quan đầu mối quản lý ở Trung ương phối hợp với các cơ quan đầu mối ở địa phương đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam cho cán bộ, công chức trong cơ quan.

Hình thức tổ chức hội nghị triển khai, hội nghị tập huấn văn bản quy phạm pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam: đây là hình thức thông dụng trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Ủy ban và các bộ, ngành đều đã xây dựng kế hoạch triển khai thi hành và tổ chức các hội nghị phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật mới liên quan đến TCPCPNN trên phạm vi cả nước, như: Ủy ban đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến hướng dẫn Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31/8/2022, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ tại tất cả các địa phương...

Hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua tiếp cận thủ tục hành chính: thông qua giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan QLNN tiến hành tuyên truyền phổ biến cho nhân dân và các TCPCPNN ở Việt Nam biết về các văn bản pháp luật hiện hành, các quy định pháp luật có liên quan để nhân dân và TCPCPNN ở Việt Nam nắm và thực hiện đúng quy định.

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam thông qua việc biên soạn, phát hành tài liệu pháp luật, đề cương tuyên truyền, văn bản pháp luật, sách hướng dẫn, giải thích pháp luật, sách pháp luật bỏ túi, sách hỏi đáp pháp luật, tờ rơi, tờ gấp, bản tin, tranh áp phích, trang Website như: Sổ tay hướng dẫn các TCPCPNN ở Việt Nam...

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam thông qua các loại hình tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý. Tư vấn pháp luật là việc giải đáp pháp luật, hướng dẫn ứng xử đúng pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý nhằm giúp công dân, tổ chức trong nước và nước ngoài thực hiện pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Thông qua tư vấn pháp luật nhằm nâng cao văn hoá pháp lý cho mọi chủ thể tham gia QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Hoạt động tư vấn pháp luật là cầu nối quan trọng giữa người xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật, thực thi pháp luật và những người là đối tượng của việc áp dụng pháp luật.

- Về công tác phối hợp trong tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, các bộ, ngành có liên quan, các cơ quan đầu mối địa phương đã tiến hành phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí như: Đài Truyền hình Việt Nam; Đài Truyền thanh Việt Nam ở Trung ương và địa phương; các nhà xuất bản; các tạp chí, báo... để tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam đến cán bộ, nhân dân và TCPCPNN ở Việt Nam.

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, các bộ, ngành có liên quan, các cơ quan đầu mối địa phương đã tiến hành phối hợp với các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, như là đại sứ quán, lãnh sự quán, các cơ quan xúc tiến vận động viện trợ của Việt Nam ở nước ngoài để tuyên truyền cho nhân dân các nước và các TCPCPNN biết về đường lối, chủ trương và pháp luật Việt Nam đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

- Thống kê về công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Thông qua kết quả khảo sát tại một số bộ, ngành, địa phương, nhân dân và TCPCPNN ở Việt Nam, có bảng số liệu sau:

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (chưa)	Tỷ lệ không có ý kiến
Tiếp cận qua thủ tục hành chính	57,3 % (149 người)	38,4 % (100 người)	4,3 % (11 người)
Tiếp cận qua truyền thông	58,4 % (152 người)	22,4% (58 người)	19,2 % (50 người)
Tiếp cận qua hội nghị, tập huấn, hội thảo	73 % (190 người)	7,6 % (20 người)	3,8 % (10 người)

Bảng 3.2: Kết quả khảo sát về các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Nguồn: Kết quả thông qua khảo sát tại mẫu phiếu 1, 2, 3

Nhìn vào bảng số liệu trên cho thấy công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN tập huấn thông qua các hội nghị, tập huấn, hội thảo là cao nhất chiếm 73%. Đồng thời, đa số được hỏi cũng đồng tình việc tuyên truyền phổ biến pháp luật về TCPCPNN tập huấn thông qua các đợt hội nghị, tập huấn, hội thảo là hiệu quả nhất.

Số lượng các tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật đối với cán bộ, công chức, nhân dân và TCPCPNN tập huấn.

TT	Tên tài liệu	Số lượng được phát hành	Đối tượng được hưởng thụ
1	Sách, sổ tay	12.086 cuốn	- Cán bộ, công chức; - Nhân dân; - TCPCPNN ở Việt Nam.
2	Bản tin (đài truyền hình, đài truyền thanh)	26.190 buổi phát thanh, truyền hình	- Cán bộ, công chức; - Nhân dân; - TCPCPNN ở Việt Nam.
3	In văn bản pháp luật	43.900 bản	- Cán bộ, công chức; - TCPCPNN ở Việt Nam.
4	Tờ gấp, tờ rơi	10.941 tờ	- Nhân dân; - TCPCPNN ở Việt Nam.
5	Băng, đĩa hình, đĩa tiếng	18.109 chiếc	- Cán bộ, công chức; - Nhân dân; - TCPCPNN ở Việt Nam.
6	Tài liệu pháp luật về TCPCPNN bằng tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc	21 đầu tài liệu	- Nhân dân; - TCPCPNN ở Việt Nam.
7	Pano, áp phích, khẩu hiệu	16.910 bảng	- Cán bộ, công chức; - Nhân dân; - TCPCPNN ở Việt Nam.

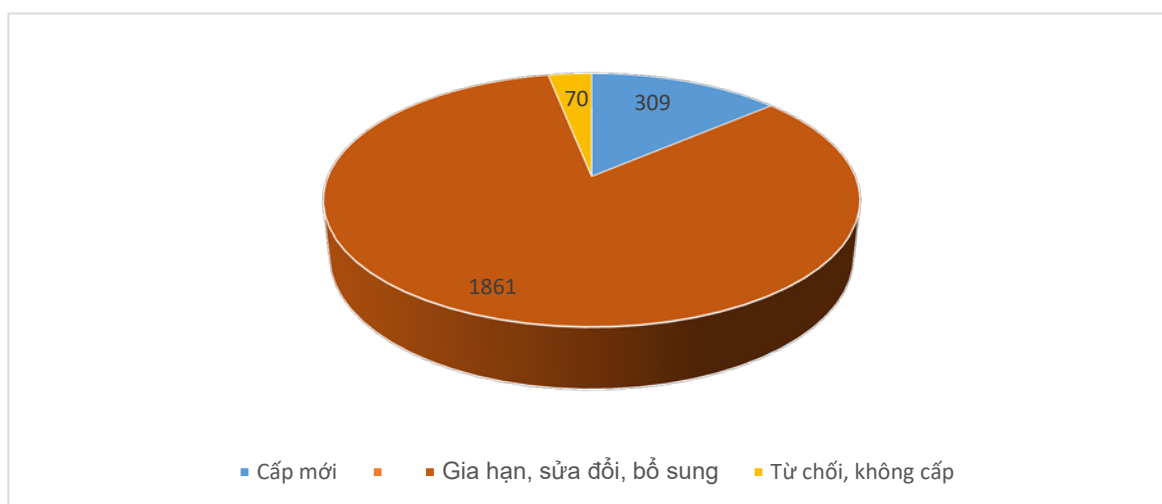
Bảng 3.3: Tài liệu phổ biến giáo dục pháp luật đối với TCPCPNN được phát hành từ năm 2013-2022

Nguồn: Ủy ban công tác về các TCPCPNN

Trong thời gian qua công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến các cơ quan, tổ chức, các cấp chính quyền, mọi người dân Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài có quan hệ với Việt Nam đã được quan tâm, chú trọng và đã mang lại những hiệu quả cao góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Thứ ba, tổ chức thực hiện các nội dung QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Một là, xét cấp, gia hạn, sửa đổi, thu hồi các loại Giấy đăng ký trong hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam. Từ năm 2013 - 2022, Ủy ban xem xét, cấp mới: 309 giấy đăng ký các loại; gia hạn, sửa đổi, bổ sung 1.861 giấy đăng ký các loại; từ chối, không cấp giấy đăng ký hoạt động cho 70 tổ chức vì lý do an ninh hoặc địa bàn không phù hợp.



Biểu đồ 3.6: Số lượng các loại Giấy đăng ký trong hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam từ năm 2013 - 2022

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Hai là, quản lý hoạt động viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam

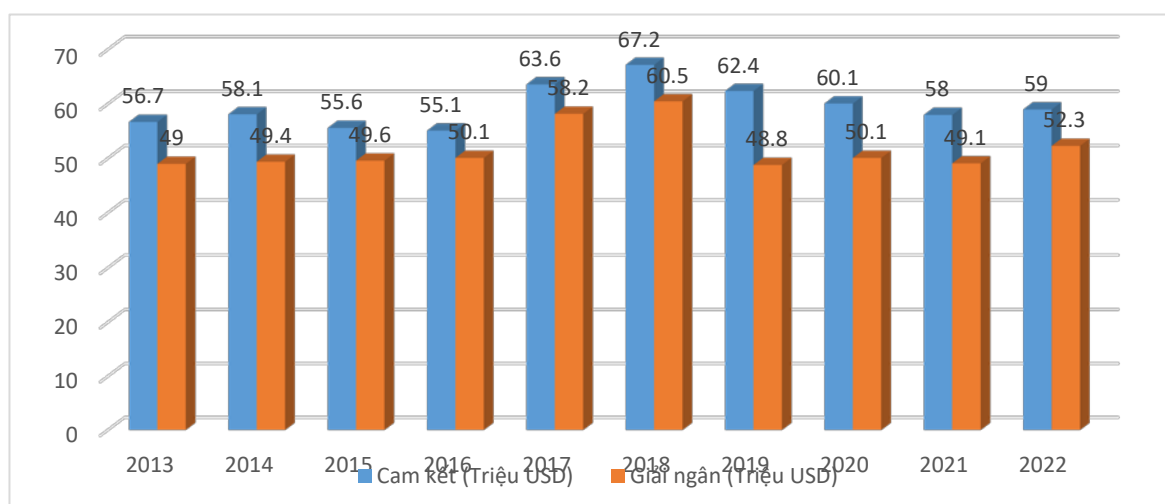
Trong những năm qua, công tác quản lý hoạt động viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam đã đạt được những kết quả như: hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam diễn ra theo đúng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành và phối hợp tốt với các đối tác Việt Nam trong quá trình triển khai các chương trình, dự án tại Việt Nam. Thể hiện ở những nội dung sau:

- Trong phát triển kinh tế - xã hội

Thông qua hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, các TCPCPNN

ở Việt Nam đã triển khai hoạt động tại 63 tỉnh thành trên cả nước, đã tập trung vào những vùng nghèo, vùng sâu, vùng xa và ngày càng tập trung vào lĩnh vực phù hợp với các ưu tiên, định hướng phát triển kinh tế xã hội Việt Nam bao gồm các nội dung như tín dụng vi mô, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ), phát triển nông - lâm - ngư nghiệp (khuyến nông - lâm - ngư, hạ tầng nông nghiệp như xây dựng các công trình thủy lợi), các dự án nhằm nâng cao thu nhập cho người dân....

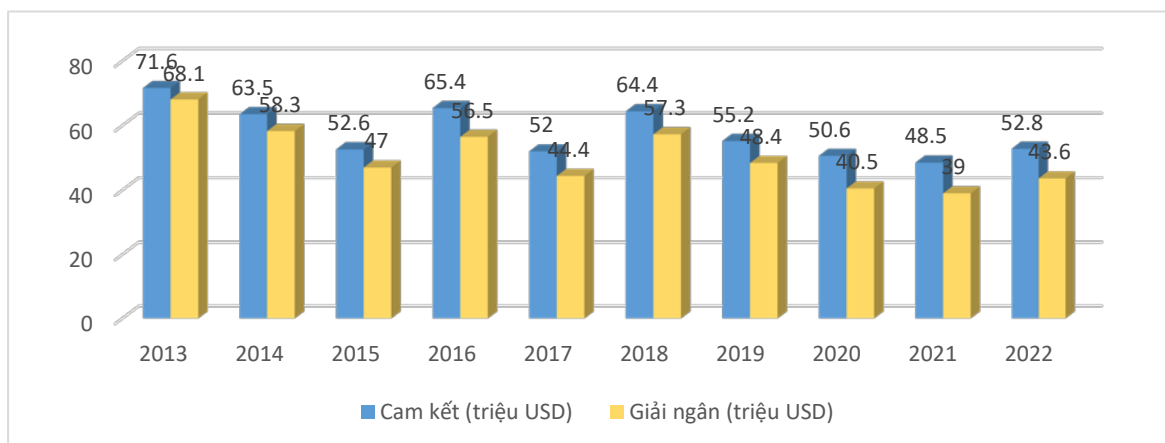
Trong giai đoạn 2013-2022, tổng giá trị cam kết viện trợ trên 534 triệu USD, tổng giải ngân viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam cho lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội đạt trên 465 triệu USD, chiếm gần 16,30% tổng giá trị vốn viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam.



Biểu đồ 3.7: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam đối với phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam, giai đoạn 2013 - 2022

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài - Giải quyết các vấn đề xã hội

Theo thống kê chưa đầy đủ, trong 10 năm (2013 - 2022), TCPCPNN ở Việt Nam đã tài trợ khoảng 15.000 dự án lớn nhỏ, với giá trị giải ngân đạt mức trên 2.6 tỷ USD. Gần đây, hàng năm giá trị viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam cho Việt Nam đều đạt trên 260 triệu USD. Theo Báo cáo về tình hình hợp tác với các TCPCPNN ở Việt Nam giai đoạn 2013- 2022: năm 2013 số lượng các TCPCPNN là hơn 950 tổ chức và giá trị viện trợ hơn 302 triệu USD đến năm 2022 số lượng các TCPCPNN ở Việt Nam đã tăng lên hơn 1.000 tổ chức và giá trị viện trợ là trên 278 triệu USD [79].

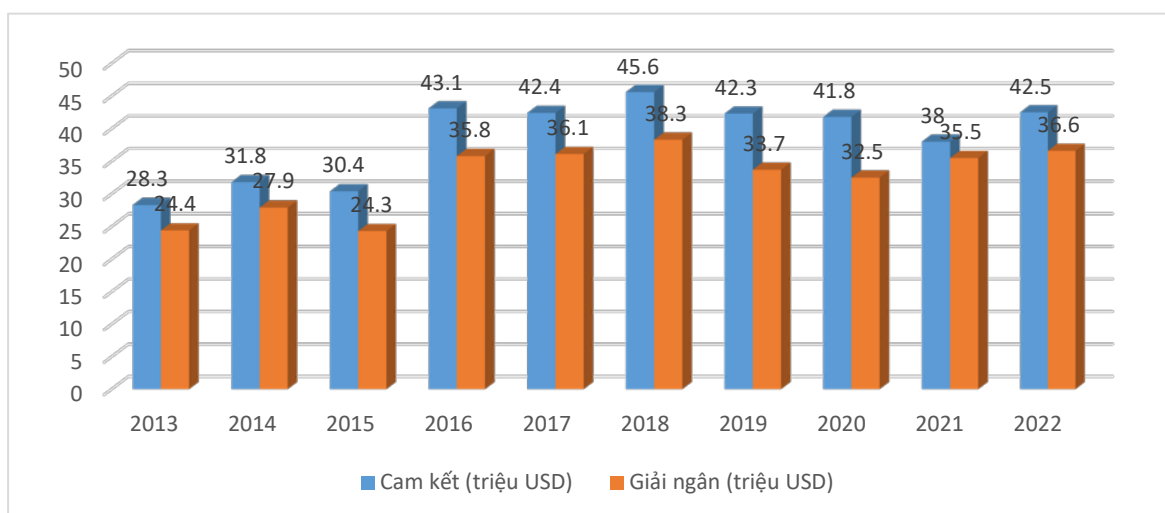


**Biểu đồ 3.8: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam
giải quyết vấn đề xã hội ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022**

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

- Trên lĩnh vực giáo dục đào tạo

Hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam trên lĩnh vực giáo dục đào tạo vô cùng đa dạng, ở mọi loại hình từ đào tạo nâng cao, chuyên sâu cho tới các dự án dạy nghề, các dự án phát triển đào tạo nguồn nhân lực nói chung và hành chính nói riêng. Hoạt động ở mọi cấp học, ví dụ giáo dục tiểu học của tổ chức Oxpham Anh, tổ chức Trẻ em và phát triển,... TCPCPNN ở Việt Nam đã áp dụng nhiều biện pháp như trực tiếp giảng dạy trao đổi kiến thức đào tạo chuyên gia giúp Việt Nam hay cung cấp tài trợ các cơ sở kỹ thuật cho ngành giáo dục, giáo dục hòa nhập cộng đồng.



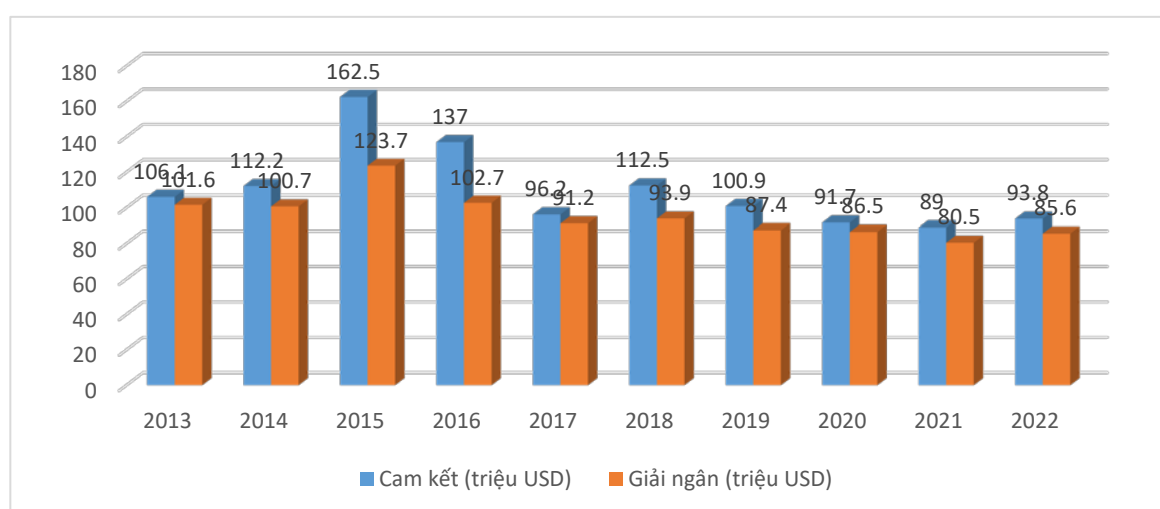
**Biểu đồ 3.9: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam
đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022**

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam đối với lĩnh vực giáo dục: chương trình, dự án của TCPCPNN ở Việt Nam hỗ trợ học sinh nghèo có điều kiện học tập và sinh hoạt ở trường tốt hơn; đầu tư hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học; tập huấn kiến thức, kỹ năng cho giáo viên, học sinh. Hoạt động của thư viện thân thiện nhận được sự tham gia tích cực của phụ huynh, cộng đồng, thầy cô giáo và học sinh, như: tổ chức Oxfam Anh; tổ chức Trẻ em và Phát triển của Pháp ở tỉnh Lào Cai; hoạt động của Tổ chức cứu trợ trẻ em Thụy Điển (Radda Bamen). Tổ chức Plan Quốc tế, tổ chức Oxfam Anh, tổ chức Trẻ em và Phát triển của Pháp hỗ trợ giáo dục ngoài trường học. Từ năm 2013-2022, các TCPCPNN ở Việt Nam đã đầu tư cho giáo dục - đào tạo với tổng số vốn 344.329.070 USD.

- Trên lĩnh vực y tế

Hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam trên lĩnh vực y tế hỗ trợ thành lập, duy trì sinh hoạt định kỳ các câu lạc bộ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Bà mẹ được trang bị kiến thức về chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, chăm sóc sức khỏe trong thời kỳ mang thai; cung cấp cho học sinh kiến thức liên quan đến sức khỏe sinh sản vị thành niên. Trong lĩnh vực bảo vệ trẻ em, một số dự án hỗ trợ trực tiếp cho trẻ khuyết tật nhằm tăng cường sức khỏe và khả năng phục hồi chức năng, tạo môi trường thuận lợi cho sự tham gia của trẻ khuyết tật vào hoạt động đời sống. Từ năm 2013-2022, các TCPCPNN ở Việt Nam đã đầu tư cho lĩnh vực y tế với tổng số vốn 1 tỷ USD.



**Biểu đồ 3.10: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN
đối với lĩnh vực Y tế ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022**
Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Các TCPCPNN ở Việt Nam đã lập một mạng lưới cán bộ y tế tình nguyện tập trung vào dinh dưỡng và sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, đưa ra mô hình về xu hướng tích cực và hỗ trợ các ủy ban bảo vệ, chăm sóc trẻ em các tỉnh, thành phố.

- Khắc phục hậu quả thiên tai

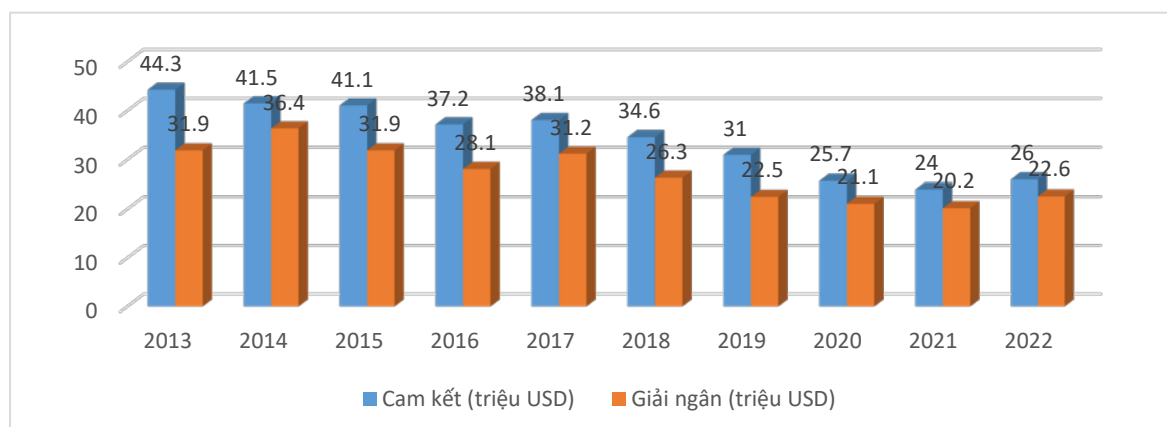
Theo thống kê của Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai, từ năm 2013 - 2022 Việt Nam chịu thiệt hại rất lớn về người và vật chất từ thiên tai như: mưa lớn, gió mạnh trên biển, sương muối, rét hại, hạn hán, xâm ngập mặn, mưa đá, lũ quét, sạt lở, bão...

TT	Năm	Thiệt hại do thiên tai	
		Về người (người chết, người mất tích và người bị thương)	Về tài sản (đơn vị tính tỷ đồng)
1	2013	1.144	27.852
2	2014	278	2.828
3	2015	281	8.113
4	2016	659	39.726
5	2017	1.050	59.959
6	2018	424	20.000
7	2019	406	8.862
8	2020	197	3.933
9	2021	203	5.200
10	2022	175	19.500

Bảng 3.4: Thiệt hại do thiên tai từ năm 2013 – 2022

Nguồn: Báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai

Do vậy, giảm thiểu thiên tai là mối quan tâm rất lớn của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Thời gian qua, một số bộ, ngành, địa phương đã nhận được viện trợ của một số TCPCPNN ở Việt Nam về khắc phục hậu quả thiên tai, như: Hội chữ thập đỏ Mỹ, Tổ chức Catholic Relief Services; Plan International; Save the Children và HepAge International tại Việt Nam .



Biểu đồ 3.11: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam đối với lĩnh vực tài nguyên môi trường ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Đã có nhiều mô hình TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động hiệu quả như mô hình “Quỹ Hỗ trợ thiên tai miền Trung” - một TCPCPNN ở Việt Nam, phi lợi nhuận; hoạt động với mục đích tài trợ cho đồng bào các tỉnh ven biển miền Trung nhằm phòng tránh, khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai và tài trợ cho các chương trình, đề án xã hội, nhân đạo và từ thiện tại 14 tỉnh ven biển miền Trung từ Thanh Hoá tới Bình Thuận. Quỹ đã cùng với các tỉnh xây dựng hơn 30 dự án nhà cộng đồng tránh lũ (*gồm 21 trường học, 4 trạm y tế, 7 nhà văn hoá*); xây dựng dự án trồng rừng ngập mặn và dự án trồng rừng phi lao trên cát ở ven biển.

Tóm lại, hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam trên các lĩnh vực được đánh giá là phù hợp với định hướng, ưu tiên của Việt Nam, góp phần tích cực hỗ trợ các địa phương trong giải quyết một số khó khăn nhất định, thúc đẩy phát triển bền vững, hỗ trợ cho những nhóm đối tượng khó khăn.

c. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý của cơ quan quản lý nhà nước về các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Mặc dù đối tượng điều chỉnh của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, một loại hình tổ chức mang tính tự nguyện và tự chủ cao, nhưng không vì thế mà cơ quan QLNN buông lỏng hoạt động quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Trong thời gian qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được các cơ quan triển khai thường xuyên, dưới nhiều hình thức khác nhau đối với các TCPCPNN ở

Việt Nam và các cơ quan đầu mối về PCPNN tại các bộ, ngành, địa phương để đơn đốc, nhắc nhở thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác PCPNN. Theo báo cáo của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN từ năm 2013 - 2022 đã tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát 227 cuộc đối với cơ quan đầu mối về công tác TCPCPNN và 150 cuộc đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Cụ thể:

TT	Năm	Số lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát	
		Đối với cơ quan đầu mối về công tác TCPCPNN	Đối với TCPCPNN
1	2013	13	10
2	2014	11	09
3	2015	19	24
4	2016	29	12
5	2017	23	15
6	2018	48	26
7	2019	33	31
8	2020	20	08
9	2021	15	07
10	2022	16	09

Bảng 3.5: Số lượng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Trong thời gian qua, thông qua các đợt thanh tra, kiểm tra, giám sát đã thu những kết quả:

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã tổ chức các đoàn kiểm tra và làm việc với một số TCPCPNN, như: International Center for Research in Agroforestry, The Asia Foundation (TAF)/Mỹ, International Center (IC)/Mỹ, Partage Vietnam (PVN)/Pháp.

Bên cạnh đó, Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã trao đổi và thống nhất về chương trình phối hợp thanh tra Ngoại giao để tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động PCPNN ở hoạt động sai phạm của Amis-France Vietnam, thanh

tra, kiểm tra một số đối tác và làm việc cụ thể với tổ chức FNF/Đức trước khi quyết định gia hạn giấy đăng ký cho tổ chức.

Các đoàn đi kiểm tra, đánh giá nắm bắt thông tin tình hình thực tế hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam và công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam đã phát hiện được những sai phạm, đó là:

Đối với các cơ quan QLNN về TCPCPNN ở Việt Nam công tác kiểm tra, giám sát dự án sau phê duyệt tại địa phương chưa được thực hiện thường xuyên; một số TCPCPNN ở Việt Nam chưa được cấp giấy phép hoạt động nhưng vẫn triển khai hoạt động, tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn mà cơ quan chức năng và chính quyền địa phương không nhắc nhở, chấn chỉnh; công tác báo cáo, trao đổi thông tin giữa địa phương và Trung ương còn chậm.

Đối với TCPCPNN vẫn còn tồn tại những vi phạm: cá nhân, tổ chức lấy danh nghĩa các TCPCPNN ở Việt Nam tiến hành hoạt động, lập văn phòng đại diện và văn phòng dự án tại Việt Nam khi chưa được cấp giấy phép đăng ký; vẫn triển khai các dự án khi chưa triển khai gia hạn giấy phép đăng ký; thuê trụ sở làm việc không xin phép hoặc không đúng địa chỉ như trong giấy đăng ký... thậm chí có một vài tổ chức tham gia hoạt động xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống và bản sắc dân tộc hoặc có hoạt động nhằm can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam như: tác động vào cải cách thể chế, sửa đổi pháp luật, ra thông cáo, thư ngỏ vu cáo Việt Nam vi phạm nhân quyền, tôn giáo... tổ chức hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài mà không xin phép; lợi dụng danh nghĩa từ thiện để thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của các đối tác ở địa phương.

Có một số tổ chức hoạt động trên lĩnh vực dân chủ, nhân quyền của Mỹ (NDI, IRI, OSE, ACILS) vào Việt Nam tình hiểu về tình hình dân chủ, nhân quyền, quan điểm của Việt Nam về vấn đề đa nguyên, đa đảng, vai trò của Quốc hội, quyền làm chủ của nhân dân, vấn đề tự do công đoàn, tự do hiệp hội, vai trò của thanh niên, phụ nữ. Một số tổ chức tác động dân chủ, nhân quyền từ bên ngoài (AI, HRV, CRD...) thường xuyên thông qua thông cáo báo chí, thư ngỏ vu cáo Việt Nam vi phạm dân chủ, nhân quyền; đòi trả tự do cho các đối tượng chống đối bị ta bắt và xử lý. Bộ Công an đã phối hợp tốt với Ủy ban Công tác về các TCPCPNN và các cơ

quan chức năng ở địa phương, bộ, ngành, kịp thời báo cáo, đề xuất chủ trương, biện pháp quản lý hoạt động PCPNN, có biện pháp đấu tranh, phòng ngừa hoạt động lợi dụng viện trợ PCPNN xâm phạm ANQG.

Thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam sẽ góp phần nâng cao tinh thần, trách nhiệm và công tác chấp hành quy định pháp luật của các cơ quan QLNN về TCPCPNN ở Việt Nam và của TCPCPNN ở Việt Nam. Cụ thể: mọi dự án và khoản viện trợ PCPNN đều được thẩm định, xét duyệt một cách chặt chẽ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của Chính phủ, trong đó có các dự án có liên quan đến an ninh, quốc phòng, thể chế, chính sách, tôn giáo, văn hóa đều được trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi thực hiện. Ủy ban Công tác về TCPCPNN đã phối hợp với cơ quan chức năng kịp thời, pháp hiện, không cho TCPCPNN ở Việt Nam có ý định xấu hoạt động tại Việt Nam, yêu cầu các cơ quan, tổ chức của chúng ta không tiếp xúc, không chấp nhận tiếp nhận nhưng dự án này; việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo về TCPCPNN của các bộ, ngành, địa phương và các tổ chức nhân dân đã có nhiều tiến bộ; vai trò của các cơ quan tư pháp trong góp phần xử lý vi phạm từ hoạt động của TCPCPNN thời gian qua có tác dụng lớn nhằm răn đe hoạt động vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân liên quan.

- Công tác xử lý vi phạm pháp luật của TCPCPNN ở Việt Nam

Thông qua kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát cơ quan nhà nước luôn chủ động phối hợp chặt chẽ với các đối tác Việt Nam nhận viện trợ để thống nhất biện pháp, thời gian xử lý và khắc phục hậu quả khi TCPCPNN ở Việt Nam bị chấm dứt hoạt động; không để xảy ra tình trạng Ủy ban rút giấy đăng ký, chấm dứt hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam nhưng các đối tác khác lại đứng ra yêu cầu các tổ chức này vào viện trợ dự án.

Một số TCPCPNN như: Tổ chức Oxfam có ý định triển khai dự án “Nghiên cứu định tính về sự tham gia của phụ nữ và thanh niên trong cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp” không đúng với lĩnh vực hoạt động của Tổ chức, Tổ chức Australian Health Humanitarian Aid (AHHA/Úc) có lãnh đạo và thành viên là Việt kiều ủng hộ chế độ cũ, tham gia vào các hoạt động do

Qũy bảo vệ nhân quyền và tổ chức Việt tân, do vậy đã không được chấp thuận cấp giấy phép hoạt động ở Việt Nam.

Trong những năm qua, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đã được thực hiện tốt với việc phát huy các mặt tích cực của TCPCPNN ở Việt Nam, các cơ quan nhà nước của ta đều nhận thức các khía cạnh nhạy cảm của viện trợ PCPNN và đã phối hợp khá chặt chẽ nhằm ngăn chặn các hoạt động vi phạm pháp luật của TCPCPNN ở Việt Nam. Cơ bản đến nay ta đã đảm bảo ba nhiệm vụ, duy trì viện trợ PCPNN ở mức cao; hạn chế được các mặt phức tạp không để xảy ra các vấn đề lớn về an ninh chính trị và một số vi phạm đều được phát hiện, xử lý kịp thời.

3.2.2. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đạt được những kết quả như trên là do những nguyên nhân cơ bản sau đây:

Thứ nhất, công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam nhận được sự quan tâm, lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng đã đề ra đường lối, chủ trương tạo cơ sở chính trị cho các TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động và phát huy vai trò của mình trong từng giai đoạn. Từ các cơ sở chính trị các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có TCPCP hoạt động góp phần quan trọng đối với sự phát triển và an sinh xã hội của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất. Chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc. Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh...[5]. Triển khai đồng bộ hoạt động đối ngoại, cả về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về quan hệ đối ngoại nói chung và về công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng là kim chỉ nam xuyên suốt mọi hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam và công tác

QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong suốt những năm qua. Những chủ trương, đường lối đã được Nhà nước ta thể hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật để tạo căn cứ pháp lý vững chắc cho công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Thứ hai, tổ chức bộ máy QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam đã được từng bước kiện toàn

- Lãnh đạo các cấp từ Trung ương đến địa phương đều có những bước đổi mới tư duy, nhận thức về công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam và được thể hiện bằng những hành động thực tiễn, tổ chức thực hiện pháp luật về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, nghiêm minh, chính xác, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Có sự chỉ đạo của Chính phủ, ban hành cơ chế điều hành, sự phân công, phân cấp trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và các địa phương ngày càng hợp lý và có hiệu quả.

Bộ Ngoại giao là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động của các TCPCPNN giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, giải quyết những vấn đề liên quan đến các TCPCPNN tại Việt Nam đã có những bước phát triển không ngừng cả về số lượng, chất lượng và trình độ quản lý, đã đề xuất được nhiều vấn đề cải cách về cơ chế, chính sách và phương pháp quản lý trong giai đoạn mới phù hợp với điều kiện mới.

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã làm tốt vai trò tham mưu cho Ban Bí thư và Chính phủ, đóng góp nhiều ý kiến có giá trị trong việc ban hành chủ trương, chính sách, văn bản pháp quy làm căn cứ, cơ sở cho việc chỉ đạo, quản lý hoạt động viện trợ phi chính phủ đảm bảo các yêu cầu chính trị, kinh tế, ANQG, TTATXH. Thông qua quản lý, giám sát hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, đã kịp thời phát hiện sự chuyển hướng của các thế lực thù địch trong việc lợi dụng TCPCPNN ở Việt Nam tác động vào lĩnh vực lập pháp, tư pháp, thúc đẩy dân chủ, nhân quyền,XHDS, tôn giáo, dân tộc, từ đó tham mưu, đề xuất các biện pháp để tăng cường quản lý chặt chẽ.

Ủy ban Công tác về các TCPCPNN đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc xét duyệt hồ sơ, cấp giấy đăng ký; xem xét, thẩm định về an ninh đối với các khoản viện trợ phi chính phủ. Qua đó, chủ động ngăn chặn, hạn chế

sự có mặt của các tổ chức, cá nhân phức tạp, hạn chế các chương trình, dự án đi vào các lĩnh vực, địa bàn nhạy cảm, góp phần ngăn chặn, vô hiệu hoá âm mưu, ý đồ lợi dụng hoạt động phi chính phủ xâm phạm ANQG, TTATXH.

Tóm lại, bộ máy của cơ quan QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được từng bước được kiện toàn. Ủy ban Công tác về các TCPCPNN cũng tạo được mối quan hệ phối hợp với các cơ quan ban ngành chức năng, đã bước đầu thiết lập được cơ chế trao đổi thông tin, thống nhất chủ trương, phương hướng xử lý đối với các vi phạm của TCPCPNN ở Việt Nam, cũng như hướng dẫn các cơ quan đối tác trong công tác bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước để chủ động hạn chế các hoạt động tác động, móc nối, lôi kéo đối với nội bộ. Các cấp chính quyền đổi mới, từng bước hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Các cấp chính quyền đã quan tâm tạo các điều kiện thuận lợi cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động tại địa phương mình.

Thứ ba, nhiều TCPCPNN ở Việt Nam đã khắc phục khó khăn, tập trung xây dựng tổ chức, chủ động triển khai, thực hiện một cách sáng tạo, hiệu quả hoạt động theo tôn chỉ, mục đích đề ra. Đội ngũ làm việc tại TCPCPNN ở Việt Nam có trách nhiệm, nhiệt tình, tâm huyết, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Những kết quả nêu trên đã góp phần quan trọng vừa phục vụ yêu cầu tranh thủ viện trợ, vừa chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các âm mưu, hoạt động lợi dụng danh nghĩa viện trợ nhân đạo xâm phạm ANQG, TTATXH.

3.2.3. Hạn chế trong quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam và nguyên nhân

3.2.3.1. Hạn chế trong quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

a. Xây dựng và ban hành pháp luật về tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam đến nay có khá nhiều và đã tạo được hành lang pháp lý để tiến hành hoạt động QLNN đối với TCPCPNN. Tuy nhiên, nhìn vào thời điểm và nội dung của một số nội dung của văn bản pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam không còn đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, thống nhất, phù hợp và không đáp ứng yêu cầu thực tiễn, dẫn đến hạn chế trong công tác quản lý, hoạt động của TCPCPNN. Cụ thể:

- Quy định pháp luật QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam chưa đầy đủ.

+ Các biện pháp quản lý TCPCPNN quy định tại Nghị định 12/2012/NĐ-CP ngày 01/3/2012 của Chính phủ về “*đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam*” dù đã được bổ sung, chỉnh sửa bởi Nghị định 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 nhưng vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn, công tác quản lý hoạt động các TCPCPNN còn có phần nặng về hành chính, chủ yếu thông qua công tác đăng ký hoạt động, quản lý qua các văn bản, báo cáo, chưa chú trọng hậu kiểm. Chưa có các chế tài đủ răn đe và xử lý vi phạm để các bên liên quan nghiêm túc thực hiện quy trình, thủ tục đăng ký hoạt động và triển khai các chương trình, dự án. Còn thiếu các biện pháp, công cụ quản lý hiện đại, đồng bộ, liên thông, trực tuyến, để bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động của các tổ chức, bảo đảm tính chất phi lợi nhuận, chống trốn thuế, chống rửa tiền và chống khủng bố, ngăn chặn việc chuyển tiền cho các tổ chức và cá nhân chống đối để giám sát đầy đủ hơn nữa về hoạt động các TCPCPNN tại Việt Nam.

Chưa có quy định làm rõ, cụ thể hóa chính sách của Chính phủ Việt Nam đối với các TCPCPNN nhằm thể hiện chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam.

Nghị định 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 đã có quy định về cơ sở dữ liệu về các TCPCPNN. Nhưng việc xây dựng cơ sở dữ liệu về các TCPCPNN ở Việt Nam cần nhiều thời gian, đầu tư công sức, dù đây là việc làm cần thiết trong bối cảnh Việt Nam xây dựng chính phủ điện tử và xu thế chuyển đổi số trong QLNN

Chưa có các điều quy định quyền và trách nhiệm cụ thể của các TCPCPNN dẫn đến khó khăn trong hoạt động phối hợp với cơ quan đối tác Việt Nam. Nghị định 58/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2022 mới nêu quy định chung là hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam phải theo đúng nội dung được quy định trong giấy đăng ký đã được cấp.

Các quy định về trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan trung ương chưa xác định được trách nhiệm chung và trách nhiệm cụ thể của từng Bộ, ngành trong QLNN đối với TCPCPNN.

Quy định về giám sát, đặc biệt giám sát tài chính qua ngân hàng đối với các TCPCPNN và đối tác Việt Nam nhằm kiểm soát nguồn tiền, việc triển khai nguồn tiền, ngăn chặn các khoản thu, giải ngân ngoài phạm vi dự án còn chưa cụ thể. Tại Điều 21, Nghị định 58/2022 mới quy định trách nhiệm các TCPCPNN báo cáo của về tiến độ kiểm toán, cung cấp tài liệu hoặc giải thích những vấn đề liên quan đến hoạt động của tổ chức cá nhân liên quan khi được cơ quan nhà nước yêu cầu nhưng chưa quy định trách nhiệm báo cáo tài chính của các TCPCPNN, chưa quy định trách nhiệm các TCPCPNN cần phải thực hiện các giao dịch tài chính thông qua tài khoản ngân hàng được mở tại Ngân hàng Việt Nam nên chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện nhiệm vụ này. Đặc biệt, Nghị định 58/2022 cũng chưa quy định chế tài xử lý trong trường hợp TCPCPNN ở Việt Nam không tuân thủ các quy định về tài chính và kiểm toán.

+ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ ban hành *“Quản lý và sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam”*, cần quy định thêm vai trò của Công an tỉnh trong thẩm định khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh. Bên cạnh đó, chưa có cơ chế, công cụ hữu hiệu để quản lý, giám sát tài chính qua ngân hàng đối với TCPCPNN và đối tác Việt Nam nhằm kiểm soát nguồn tiền, việc triển khai nguồn tiền, ngăn chặn các khoản thu, giải ngân ngoài phạm vi dự án.

+ *Thủ tục và quy trình cấp Giấy đăng ký các loại cho TCPCPNN còn có những quy định chưa phù hợp thực tế, quá trình triển khai tốn nhiều thời gian hơn quy định, chưa chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin vào xử lý công việc này để tạo thuận lợi cho đối tượng quản lý cũng như cho chính cơ quan QLNN trong lĩnh vực này.*

Theo quy định hiện hành tại Nghị định 58/2022/NĐ-CP, các TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam cần đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được cấp một trong 3 loại giấy đăng ký là Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện và Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án. Thời hạn mỗi loại giấy đăng

ký cũng khác nhau, cụ thể thời hạn Giấy đăng ký lập Văn phòng dự án, Văn phòng đại diện không quá 5 năm và Giấy đăng ký hoạt động không quá 3 năm. Tuy nhiên, thủ tục liên quan đến quá trình đăng ký hoạt động của TCPCPNN và quá trình phê duyệt, quản lý viện trợ của TCPCPNN còn nhiều hạn chế, bất cập. Cụ thể, thủ tục hành chính liên quan đến giấy đăng ký hoạt động của các TCPCPNN (gồm cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi các loại giấy đăng ký) còn rườm rà, tốn kém về mặt thời gian, dẫn đến chưa thực sự mang tính hỗ trợ, khuyến khích và thu hút TCPCPNN đến Việt Nam tiến hành hoạt động viện trợ nhân đạo và phát triển.

Yêu cầu về thủ tục giấy tờ, trong đó có việc phải hợp pháp hóa lãnh sự nhiều giấy tờ, văn bản, khiến quá trình chuẩn bị hồ sơ thủ tục của TCPCPNN kéo dài (theo thông lệ, các giấy tờ được công chứng là có thể được chấp nhận). Trên thực tế, quá trình hợp pháp hóa lãnh sự ở một số quốc gia rất khó khăn, nhất là khi Việt Nam cũng chưa có cơ quan đại diện ngoại giao ở một số quốc gia.

Trong quá trình xem xét đề cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi các loại giấy đăng ký cho TCPCPNN, cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và thẩm định là Ủy ban Công tác về các TCPCPNN phải lấy ý kiến của nhiều bộ, ngành và địa phương liên quan (Ủy ban này hiện có 9 Bộ ngành tham gia gồm: Văn phòng Chính phủ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Ban Đối ngoại Trung ương, trong đó cơ quan thường trực là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam). Quá trình này cũng thường kéo dài, có khi kéo dài nhiều tháng, trong khi quy định chung là 30 ngày. Với TCPCPNN có quy mô hoạt động trong nhiều lĩnh vực, nhiều địa phương thì việc lấy ý kiến của nhiều bộ, ngành, địa phương có liên quan còn có thể kéo dài hơn.

Theo quy định hiện hành, cơ quan đầu mối thực hiện việc tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi giấy đăng ký là Ủy ban Công tác về các TCPCPNN (thông qua cơ quan thường trực là Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam). Sau khi thẩm định, ủy ban này chuyển hồ sơ đề Bộ Ngoại giao cấp giấy đăng ký. Sau khi ký cấp giấy đăng ký, Bộ Ngoại giao chuyển lại cho Ủy ban Công tác về các TCPCPNN để chuyển tới các TCPCPNN có liên quan. Trong trường hợp

có ý kiến khác nhau, quá trình trao đổi qua lại để bổ sung, làm rõ thông tin cũng làm cho quá trình cấp giấy đăng ký kéo dài hơn nữa. Như vậy, việc có nhiều đầu mối cùng lúc có liên quan đến quá trình cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi giấy đăng ký thực tế làm cho quá trình này kéo dài, gây khó khăn cho các TCPCPNN, làm chậm quá trình triển khai các dự án viện trợ, đồng thời không phù hợp với chủ trương cải cách hành chính của Chính phủ Việt Nam.

+ Ngoài ra, các hình thức quan tâm, động viên, khen thưởng chưa xuất phát từ thực tế hoạt động và trên cơ sở thống kê định lượng đóng góp của các tổ chức, Trên thực tế, những quy định liên quan tới cấp giấy phép lao động, tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, các chính sách ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, việc xây dựng Nghị định xử phạt hành chính đối với tổ chức người nước ngoài làm việc trong các TCPCPNN ở Việt Nam cũng như việc thiếu các diễn đàn đối thoại thực chất với các cơ quan QLNN khiến gia tăng thủ tục hành chính, gây thắc mắc cho các nhà tài trợ và đang gây ra những bức xúc và quan ngại không cần thiết trong cộng đồng các TCPCPNN ở Việt Nam.

Để làm rõ hơn thực trạng xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật về TCPCPNN, có thể tham khảo kết quả khảo sát của luận án về việc ban hành pháp luật đối với TCPCPNN đã đầy đủ hay chưa.

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (chưa)	Tỷ lệ không có ý kiến
Ban hành chưa đầy đủ	61,1 % (159 người)	34,6 % (90 người)	4,3 % (11 người)

Bảng 3.6: Kết quả khảo sát về ban hành pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Nguồn: Kết quả thông qua khảo sát tại mẫu phiếu 4

Đối với các TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay, chúng ta vẫn chưa có những hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đầy đủ về TCPCPNN ở Việt Nam. Kết quả cho thấy tỷ lệ trả lời về sự chưa đầy đủ của các văn bản pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam chiếm khá cao 61.1% số người làm việc trong các TCPCPNN ở Việt Nam

được hỏi. Đây là những trở ngại cho các TCPCPNN khi thực hiện các quy định pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam.

Kết quả đánh giá hạn chế trong xây dựng và ban hành văn bản pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay thông qua việc khảo sát các công chức, viên chức đang công tác tại Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ

TT	Nội dung	Số phiếu	Tỷ lệ
1	Ban hành chưa đầy đủ	80	30.8%
2	Việc ban hành các văn bản hướng dẫn còn chậm	92	35.3%
3	Còn chồng chéo và phân tán	88	33.9%

Bảng 3.7: Kết quả khảo sát hạn chế trong xây dựng và ban hành văn bản pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Nguồn: Kết quả thông qua khảo sát tại mẫu phiếu 3

Từ kết quả trong bảng 3.7 cho thấy, việc ban hành các văn bản hướng dẫn còn chậm. Bên cạnh đó, còn sự chồng chéo và phân tán trong quá trình xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật về TCPCPNN chiếm 33.9% theo đánh giá trong khảo sát cũng là một trong những trở ngại hiện nay.

Nhìn chung, Việt Nam đã tích cực cải thiện môi trường pháp lý nhằm tạo điều kiện cho TCPCPNN tham gia vào tiến trình phát triển của Việt Nam. Tuy nhiên, trên đây là những hạn chế về thể chế đối với TCPCPNN ở Việt Nam, do vậy cần hợp lý hóa hơn nữa các thủ tục và những hướng dẫn rõ ràng, thống nhất và minh bạch hơn, có thể tính đến ban hành một văn bản pháp lý căn bản, thống nhất, tập hợp và lồng ghép được tương đối đầy đủ các quy định liên quan đến công tác PCPNN.

b. Tổ chức thực hiện pháp luật về tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Thứ nhất, công tác xây dựng bộ máy và đội ngũ cán bộ quản lý TCPCPNN ở Việt Nam

- Công tác xây dựng bộ máy còn thiếu nhất quán, đồng bộ

Sự phối hợp giữa các bộ, ngành Trung ương khi giới thiệu các TCPCPNN hoặc triển khai dự án tại các địa phương còn lỏng lẻo. Không ít trường hợp các bộ, ngành triển khai dự án tại địa phương nhưng không trao đổi và không có sự phối

hợp với chính quyền địa phương nên gây khó khăn trong công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam tại địa phương.

Thiếu đồng bộ trong bộ máy quản lý ở địa phương. Việc các địa phương áp dụng các mô hình khác nhau là để phù hợp với điều kiện thực tế cụ thể ở địa phương khác nhau, tuy nhiên, xét một các tổng thể trong cả hệ thống, thì sự không thống nhất này cũng dẫn đến không ít khó khăn cho cả cơ quan quản lý lẫn cả đối tượng quản lý.

Các đầu mối ở địa phương tổ chức theo mô hình thiếu sự thống nhất nên công tác tham mưu, xử lý những vấn đề liên quan đến công tác PCPNN còn lúng túng, lãnh đạo tỉnh chưa được thông tin kịp thời nên dẫn đến việc chỉ đạo, điều hành còn hạn chế, chưa khai thác hết tiềm năng của TCPCPNN ở Việt Nam để phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Nhiều địa phương chỉ có một hoặc hai cán bộ làm công tác phi chính phủ, nghĩa là đảm nhiệm cả nhiệm vụ tham mưu lẫn quản lý TCPCPNN ở Việt Nam nên cũng gây khó khăn trong công tác quản lý, đồng thời cũng gây khó khăn cho TCPCPNN ở Việt Nam khi hoạt động tại địa phương. Nhiều địa phương thì lãnh đạo của đơn vị đầu mối vừa lãnh đạo chuyên môn, vừa làm kiêm nhiệm quản lý về công tác PCPNN. Ví dụ như ở tỉnh Đắk Nông, đầu mối là Sở Ngoại vụ, do 01 Phó Chánh văn phòng UBND phụ trách chính và 03 cán bộ giúp việc; ở Hà Giang đầu mối lại giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và do Giám đốc và Phó Giám đốc Sở kiêm nhiệm; ở Thành phố Hồ Chí Minh do Liên hiệp các tổ chức hữu nghị làm đầu mối...

Hạn chế còn bộc lộ từ các bộ, ngành và địa phương trong việc quán triệt và chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý TCPCPNN. Tuy đã có văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của TCPCPNN nhưng một số địa phương như: Thanh Hóa, Nghệ An, Gia Lai, Tuyên Quang, Hà Giang chưa quán triệt hoạt động đối ngoại, tiếp nhận và triển khai các dự án viện trợ PCPNN, tổ chức hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài... dẫn đến tình trạng một số tổ chức hoạt động không có giấy phép nhưng vẫn được địa phương hoan nghênh.

Quản lý hành chính còn quan liêu, có một số cấp quản lý không nắm được bản chất chương trình, để mặc cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động tại địa

phương, các cơ quan quản lý cục bộ, phân tán song lại dựa dẫm vào nhau, Trung ương ỷ lại vào địa phương, địa phương ỷ lại Trung ương, về mặt hình thức thì rất chặt chẽ nhưng thực tế lại rất lỏng lẻo. Thủ tục phê duyệt kéo dài, rườm rà, dẫn đến chậm tiến độ thực hiện dự án.

Nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương chưa chủ động trong công tác vận động viện trợ, chưa chủ động đề xuất các dự án mới đối với các nhà tài trợ; tỉnh cũng chưa tạo dựng được cơ chế phối hợp thường xuyên với cơ quan đầu mối ở Trung ương; công tác phê duyệt, quản lý viện trợ và quản lý tài chính tại một số địa phương còn chưa thực hiện đúng quy định, một số địa phương chưa đảm bảo phê duyệt với các khoản viện trợ nhỏ.

Lãnh đạo một số ngành và đơn vị địa phương vẫn chưa quan tâm đầy đủ đến công tác PCPNN, chưa tăng cường khả năng cho cơ quan phụ trách về PCPNN để mở rộng quan hệ tranh thủ viện trợ, nhiều địa phương chưa chủ động xây dựng các chương trình phát triển dài hạn trong vận động dẫn đến tình trạng địa phương mất chủ động, khoán trắng cho TCPCPNN ở Việt Nam trong triển khai dự án, một số dự án viện trợ bằng hiện vật không đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN.

Những kết quả đáng ghi nhận, cơ bản đội ngũ cán bộ, công nhân viên đã đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế như:

Tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương vẫn chưa thực sự có đủ đội ngũ cán bộ làm công tác PCPNN có tính chuyên nghiệp mà đa phần vẫn còn nhiều cán bộ kiêm nhiệm hay làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của bản thân; một số cán bộ quản lý chỉ thấy mặt tích cực của TCPCPNN ở Việt Nam về nguồn lợi vật chất chứ thiếu chú ý khía cạnh phức tạp về ANQG, TTATXH trong hoạt động của tổ chức này. Từ nhận thức này đã dẫn đến tình trạng mất cảnh giác, buông lỏng trong quản lý tạo ra khe hở dễ bị TCPCPNN ở Việt Nam lợi dụng hoạt động.

Một số cán bộ còn hạn chế về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng, tin học, ngoại ngữ..., kiến thức xã hội và trên các lĩnh vực còn chưa sâu, tác phong làm việc thiếu năng động, tính chuyên nghiệp chưa cao...; công tác tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ tham gia công tác quản lý hoạt động của TCPCPNN và cán bộ

của các cơ quan phối hợp, hợp tác với TCPCPNN ở Việt Nam một số nơi, một số lúc chưa được quan tâm đúng mức nên chưa cập nhật được những nội dung mới và chưa đảm ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thứ hai, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam đến các cơ quan, tổ chức, các cấp chính quyền, mọi người dân Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài có quan hệ với Việt Nam chưa thường xuyên, cụ thể

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam đã được các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan thông tin truyền thông triển khai, thực hiện đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Tuy nhiên, hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến các cơ quan, tổ chức, các cấp chính quyền, mọi người dân Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài trong thời gian qua ở một số bộ, ngành, địa phương vẫn còn mang tính thời sự, phong trào, chưa đi sâu phân tích, giải thích một cách cụ thể những nội dung chủ yếu người dân cần tìm hiểu, chưa xuất phát từ nhu cầu của người dân, chưa mang tính giải đáp pháp luật từ những vụ việc thực tế; việc phổ biến hiện nay thường tập trung vào các bộ luật, luật, pháp lệnh, chưa chú trọng tuyên truyền các văn bản dưới luật. Đồng thời, một số địa phương chưa thực sự quan tâm phổ biến văn bản quy phạm pháp luật do địa phương ban hành.

- Hình thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam tuy có nhiều đổi mới song vẫn chưa theo kịp tình hình thực tiễn, nhất là cấp cơ sở. Một số nơi còn nặng về hình thức, chưa chú trọng tới hiệu quả. Một số địa phương còn thiếu linh hoạt trong lựa chọn hình thức, biện pháp, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với trình độ của người nghe và đặc thù của địa bàn, chưa áp dụng các hình thức tuyên truyền mới, công nghệ thông tin chưa được khai thác, sử dụng nhiều.

- Nhận thức của một số cán bộ làm công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, cán bộ trong các cơ quan nhà nước, quần chúng nhân dân và tổ chức, cá nhân trong TCPCPNN đối với hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam còn chưa đầy đủ, sâu sắc, gây ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Nghiên cứu sinh đã tiến hành hỏi ý kiến ngẫu nhiên đối với 20 cán bộ làm công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, 20 cán bộ làm việc trong các cơ quan nhà nước, 20 quần chúng nhân dân và 20 cá nhân làm việc trong TCPCPNN ở Việt Nam về vấn đề “*Có phải tiến hành hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam hay không*”. Kết quả như sau:

Đối tượng đánh giá	Tiến hành QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN		
	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý	Tỷ lệ không có ý kiến
Cán bộ làm công tác QLNN đối với TCPCPNN	75% (15 người)	20% (4 người)	5% (1 người)
Cán bộ làm việc trong các cơ quan nhà nước	60% (12 người)	25% (5 người)	15% (3 người)
Quần chúng nhân dân	40% (8 người)	60% (12 người)	0% (0 người)
Cá nhân làm việc trong các TCPCPNN	50%(10 người)	30% (6 người)	20% (4 người)

Bảng 3.8: Ý kiến về tiến hành hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Nguồn: Kết quả qua phỏng vấn sâu các đối tượng nghiên cứu

Từ kết quả trên có thể cho thấy một số cán bộ, quần chúng nhân dân, cá nhân làm việc trong TCPCPNN ở Việt Nam chưa hiểu hết tầm quan trọng của QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam và cho rằng TCPCPNN ở Việt Nam không cần tiến hành hoạt động QLNN.

- Nguồn nhân lực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam còn nhiều bất cập, chưa ngang tầm nhiệm vụ và đáp ứng được đòi hỏi mới của xã hội. Lực lượng làm công tác này tuy đông về số lượng nhưng lại phân tán, số người chuyên trách không nhiều, mà chủ yếu là kiêm nhiệm; tính chuyên nghiệp của cán bộ, công chức chuyên trách làm công tác này chưa cao.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN chưa được phong phú và đa dạng về mặt nội dung, hình thức so với yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới, đặc biệt là trong giai đoạn cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang phát triển như vũ bão; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam chỉ mới tập trung ở những thành thị và đồng bằng, chưa tập trung nhiều ở vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có nhiều tôn giáo; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp

luật về TCPCPNN ở Việt Nam đôi lúc chỉ mang tính hình thức, chưa xác định được tính hiệu quả trong hoạt động tuyên truyền.

Ủy ban, các bộ, ngành, các địa phương hàng năm tổ chức tập huấn, tuyên truyền pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam nhưng số lượng các khóa học, tập huấn chưa nhiều, số lượng cán bộ, nhân dân, cá nhân, TCPCPNN tham gia chưa nhiều.

Thứ ba, hoạt động quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam vẫn còn hạn chế, thiếu sót

- Hoạt động cấp Giấy đăng ký.

Quá trình xử lý hồ sơ của một số tổ chức có những vấn đề phức tạp về an ninh đòi hỏi nhiều thời gian; vẫn tồn tại việc các thủ tục giấy đăng ký chưa đảm bảo thời gian theo quy định, nhiều tổ chức phải hướng dẫn nhiều lần mới hoàn thiện hồ sơ; số khác vẫn chưa hoàn thiện nên đã hết hạn giấy đăng ký nhưng vẫn chưa làm xong thủ tục gia hạn, một số đã hết hạn giấy đăng ký, không có hoạt động trong thời gian gần đây, không có nhu cầu gia hạn và không có phản hồi với cơ quan quản lý.

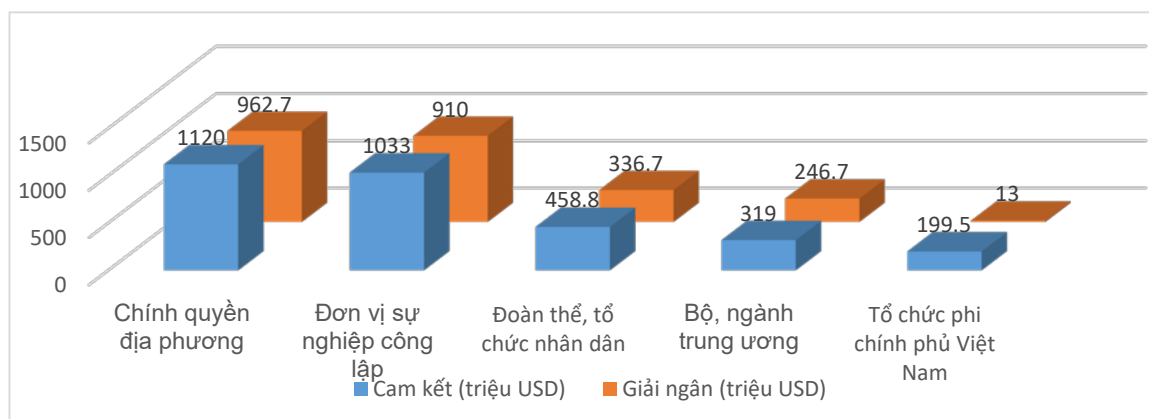
- Thẩm định, phê duyệt, quản lý các khoản viện trợ phi chính phủ và quản lý tài chính tại một số địa phương chưa được thực hiện theo đúng quy định., một số địa phương chưa đảm bảo phê duyệt với các khoản viện trợ nhỏ, công tác quản lý viện trợ sau phê duyệt còn chưa chặt chẽ. Công tác quản lý tài chính trong viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam tại nhiều địa phương chưa được thực hiện tốt, công tác phối hợp quản lý viện trợ một số địa phương còn chưa nhịp nhàng, công tác ghi thu, ghi chi quyết toán đối với nguồn viện trợ PCPNN tại một số địa phương đến nay chưa đảm bảo.

- Quản lý hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam còn nhiều bất cập, hạn chế

Thứ nhất, một số dự án triển khai chậm

Theo Ban điều phối viện trợ nhân dân, hiện nay Việt Nam đang có mối quan hệ với hơn 1.000 TCPCP quốc tế, trong số đó có 500 tổ chức có cam kết dài hạn trong việc hỗ trợ sự phát triển của Việt Nam. Đa số những tổ chức này đến từ Châu Âu, Bắc Mỹ và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Mối quan tâm chủ yếu của các tổ chức này thời gian qua là việc xóa đói giảm nghèo, giáo dục, chăm sóc sức khỏe cộng đồng thông qua việc thực hiện các chương trình và dự án ở nông thôn, vùng sâu vùng xa. Tuy nhiên, các dự án của TCPCPNN thường lớn hơn quy mô ngân sách của nó và rất nhiều dự án chỉ có thể nhìn thấy trong dài hạn. Những dự án này trực tiếp hướng tới hỗ trợ người nghèo và người dân các dân tộc thiểu số, hầu hết là ở nông thôn, vùng núi, những người ít có điều kiện tiếp cận với các nguồn lực xã

hội song có nhiều dự án đòi hỏi thủ tục rườm rà gây phiền hà, phức tạp cho địa phương. Quy trình thẩm định, quá trình giải ngân viện trợ với nhiều công đoạn phức tạp đang là những cản trở làm ảnh hưởng đến hiệu quả và tác động của dự án theo mục tiêu đã định. Nhiều dự án, quá trình giải ngân chậm đã gây bức xúc cho phía đối tác tiếp nhận viện trợ.



Biểu đồ 3.12: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPN ở Việt Nam theo tính chất đối tác ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022

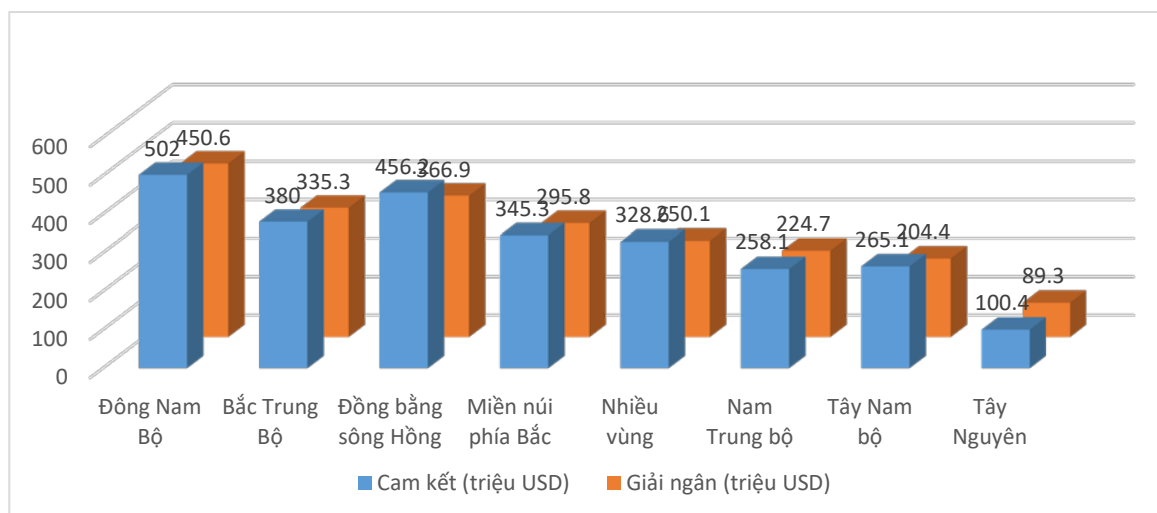
Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Do quy chế hoạt động của các TCPCPN ở Việt Nam còn chưa chặt chẽ, các tổ chức này vẫn bị lệ thuộc vào bên trợ cấp kinh phí nên có không ít trường hợp bị chi phối bởi nhà tài trợ. Trong danh mục các nhà tài trợ cho các TCPCPN có chính phủ của các nước lớn, các đảng phái chính trị, các tập đoàn xuyên quốc gia với khát vọng vươn chi nhánh ra khắp toàn cầu và cả các tổ chức truyền giáo quốc tế. Mỗi nhà tài trợ như vậy đều muốn lồng ghép ý chí và lợi ích của mình vào hoạt động của các TCPCPN khiến cho hoạt động của các tổ chức này không còn đơn thuần là “thiện chí” và “nhân đạo”. Chính vì thế, khi vào Việt Nam, một số TCPCPN ở Việt Nam đã đưa ra những yêu sách không mấy phù hợp với mục tiêu mà họ theo đuổi, cũng như chưa thật sát với đối tượng của hoạt động cứu trợ hay trợ giúp nhân đạo (điều này thường xảy ra với các TCPCPN “tôn giáo” hay “nhân quyền”).

Thứ hai, mất cân đối giữa các vùng, lĩnh vực

Bên cạnh những kết quả tích cực, hoạt động của các TCPCPN đã tạo ra sự mất cân đối giữa các vùng, lĩnh vực. Trên thực tế, những vùng thuận lợi về địa lý, giao thông là địa bàn thường nhận được nhiều viện trợ (Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ, Đông Bắc bộ), trong khi đó những vùng còn nhiều khó khăn (Tây Nam bộ, Tây Bắc, Tây Nguyên) lại là những địa bàn ít nhận được viện trợ hoặc chỉ dừng ở mức khiêm tốn. Điều này một lần nữa đã tạo ra sự mất cân đối giữa các vùng trên

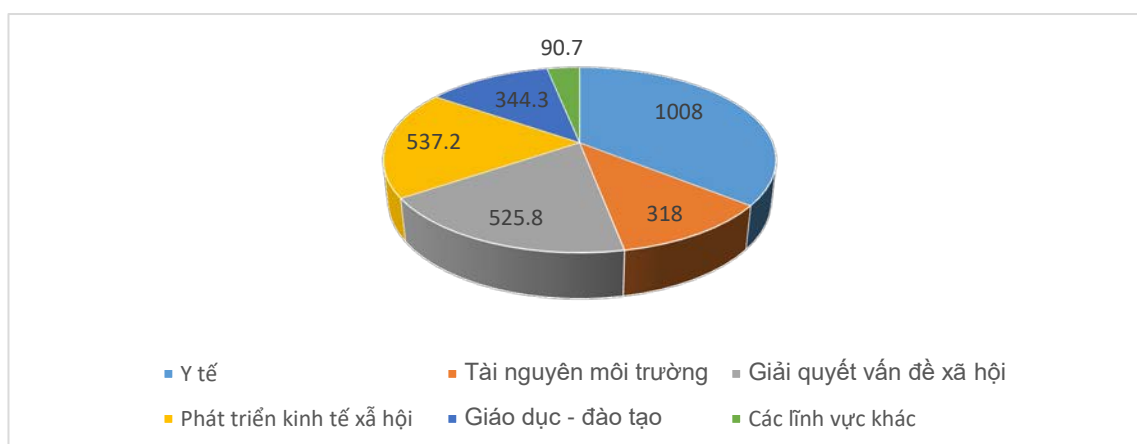
bình diện chung về kinh tế, xã hội. Khoảng cách giữa khu vực đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa ngày càng khó để thu hẹp. Những địa bàn nhận được nhiều viện trợ PCPNN trong giai đoạn 2013 – 2021 là Đông Nam Bộ (trên 502 triệu USD), Đồng bằng sông Hồng (trên 456 triệu USD). Viện trợ PCPNN cho Tây Nguyên vẫn chỉ dừng lại ở mức trên 100 triệu USD.



**Biểu đồ 3.13: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN
theo khu vực địa lý ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022**

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Bên cạnh đó, các dự án viện trợ chủ yếu trên lĩnh vực giáo dục và y tế trong quá trình tiếp nhận và triển khai các nguồn lực hỗ trợ của các TCPCPNN đã hình thành hai khu vực: Khu vực sự nghiệp chung và khu vực tư nhân thuộc các loại hình phi chính phủ khác nhau.



**Biểu đồ 3.14: Tổng giá trị viện trợ của TCPCPNN
theo lĩnh vực ở Việt Nam, giai đoạn 2013-2022**

Nguồn: Ủy ban Công tác về các tổ chức phi chính phủ nước ngoài

Thứ ba, một số TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động sai mục đích, can thiệp không lành mạnh vào lĩnh vực chính trị, tôn giáo, nhân quyền.

Một số TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động trên một số lĩnh vực nhạy cảm như: pháp luật; quyền con người, quyền công dân; XHDS và Báo chí... tài trợ cho các dự án tác động vào kiến trúc thượng tầng, tài trợ cho các dự án về xây dựng pháp luật và cải cách tư pháp, hành chính như: nâng cao hiệu quả và năng lực các đại biểu quốc hội và các đại biểu dân cử, nâng cao năng lực cán bộ địa phương, hỗ trợ thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, hướng dẫn quyền công dân, nghiên cứu vấn đề tham nhũng và những giải pháp chống tham nhũng ở Việt Nam; truyền bá tiêu chuẩn, văn hoá, dân chủ Hoa Kỳ.

Một số TCPCPNN ở Việt Nam như: EMS/Canada; FOCUS/Hoa Kỳ; VNAHF/Hoa Kỳ; Hand in Hand/Hoa Kỳ... hoạt động trên địa bàn nhạy cảm tại Tây Nguyên, Tây Bắc và Tây Nam Bộ, nhất là ở những địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc đã có chương trình nghị sự riêng nhằm mục đích thông qua các hoạt động viện trợ không hoàn lại có thể tác động vào tư tưởng của quần chúng, tạo ảnh hưởng với nhân dân, với cán bộ chính quyền địa phương.

Trong thời gian gần đây, hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam có liên quan tới ANQG có điểm mới cần đặc biệt quan tâm. Một số TCPCPNN của Hoa Kỳ có liên quan đến hoạt động lật đổ, trực tiếp hỗ trợ và tiếp tay cho các “cuộc cách mạng sắc màu” tại một số nước trên thế giới đã vào Việt Nam, tiếp cận và đề nghị gặp gỡ một số cơ quan, tổ chức của ta như Quỹ Dân chủ quốc gia (National Endowment for Democracy - NED) và Viện Dân chủ quốc gia (National Democratic Institute - NDI), gần đây là Viện Cộng hoà quốc tế (International Republic Institute - IRI).

Một số TCPCPNN ở Việt Nam thông qua các chương trình dự án để tiếp cận thu thập thông tin, tình hình mọi mặt tại Việt Nam, nhất là các nội dung nhạy cảm trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, xây dựng chính sách, pháp luật, tình hình tôn giáo, dân tộc... ở vùng dự án. Tích cực thu thập thông tin qua các hội nghị, hội thảo liên quan đến đất đai, báo chí, truyền thông...

Các thế lực thù địch tiếp tục thông qua một số TCPCPNN ở Việt Nam để triển khai các chương trình dự án thúc đẩy “XHDS” tại Việt Nam hoặc hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, hội đoàn quần chúng, mạng lưới PCP Việt Nam nhằm nâng cao năng lực vận động chính sách, phản biện xã hội.

Các thế lực thù địch thông qua một số TCPCPNN ở Việt Nam tiếp tục tài trợ cho các hoạt động tăng cường tác động vào quá trình hoạch định chính sách, pháp luật của Việt Nam thông qua việc triển khai các chương trình, dự án lớn, tổ chức hội nghị, hội thảo, tạo đàm để khuyến nghị sửa đổi hệ thống pháp luật của ta theo tiêu chí phương Tây, như: một số TCPCPNN (TAF/Hoa Kỳ, Oxfam Novib/Hà Lan, BDCF/Đức...) đã triển khai chương trình dự án có lồng ghép quan điểm pháp luật phương Tây, tiếp xúc với cán bộ làm luật của Việt Nam, sử dụng nguồn tiền của Liên hiệp quốc tác động hướng lái hoạt động của các cơ quan đối tác, cơ quan làm luật của ta trong việc bổ sung, sửa đổi các điều luật theo quan điểm của Mỹ và phương Tây.

Một số tổ chức gốc tôn giáo tiếp tục ưu tiên triển khai hoạt động tại vùng tôn giáo và địa bàn phức tạp về vấn đề tôn giáo, dân tộc; lồng ghép hoạt động tuyên truyền, phát triển đạo trong nội dung dự án; tài trợ tiền, xây dựng tu sửa cơ sở thờ tự, hỗ trợ đào tạo chức sắc; trao quà tặng, học bổng cho con em gia đình có đạo, lôi kéo giáo dân tham gia các hội, nhóm hoạt động theo mô hình “XHDS”... Đáng chú ý, một số tổ chức tuy chưa được phép hoạt động hoặc không trực tiếp có mặt trên địa bàn nhưng vẫn tài trợ tiền cho các cơ sở tôn giáo trên địa bàn như: Hội Bắc á Phanxico, Petro Apostolo, Missio tài trợ tiền cho các cơ sở tôn giáo thuộc giáo phận Phát Diệm- Ninh Bình; EDM tài trợ cho các cơ sở tôn giáo tại Phú Thọ, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Ninh Thuận, Bình Thuận... [72].

Một số tổ chức chưa được mở rộng địa bàn hoạt động (ICCO/Hà Lan, AVENIR/ Pháp tại Hà Tĩnh, KOI/Hà Quốc...) nhưng vẫn triển khai dự án tại địa phương; một số TCPCPNN ở Việt Nam đã liên kết, hậu thuẫn các tổ chức phản động lưu vong triển khai hoạt động chống phá với quy mô, tính chất ngày càng gia tăng, tập trung vào các hoạt động như: hỗ trợ tài chính cho lực lượng phản động lưu vong tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện về kỹ năng phát triển “XHDS”, chống phá về dân chủ, nhân quyền và một số đối tượng (Công ty Perfect Possitions and Investments LTD của Nam Phi) có dấu hiệu lừa đảo viện trợ PCPNN tại Quảng Ninh, Kiên Giang, An Giang... [72].

Những TCPCPNN ở Việt Nam này nếu không được quản lý chặt chẽ sẽ gây ảnh hưởng đến ANQG, TTATXH của Việt Nam, cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương tiếp nhận các dự án do các TCPCPNN viện trợ nếu không đủ mạnh

và bản lĩnh có thể cho ra những sản phẩm lệch lạc liên quan tới chính sách do áp dụng các kinh nghiệm máy móc của phương Tây.

c. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát đã phát hiện một số TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động tại một số địa phương chưa được cấp giấy đăng ký hoặc địa bàn chưa được cấp phép hoạt động nhưng vẫn triển khai chương trình/dự án tại địa phương, các trường hợp hoạt động không thông qua chính quyền địa phương có những biểu hiện phức tạp trong hoạt động hoặc phát sinh mâu thuẫn nội bộ... nhưng chưa được xử lý kịp thời, đúng quy định.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các dự án PCPNN sau phê duyệt còn chưa được thực hiện thường xuyên, có nơi làm tốt, có nơi chưa làm tốt vẫn còn tình trạng một số TCPCPNN ở Việt Nam chưa có Giấy đăng ký nhưng vẫn triển khai hoạt động; tổ chức hội nghị, hội thảo mà cơ quan chức năng, chính quyền địa phương không nhắc nhở, chấn chỉnh; tình trạng tổ chức có ngân sách thấp nhưng hoạt động dàn trải, kéo dài còn phổ biến; công tác báo cáo, trao đổi thông tin về hoạt động viện trợ PCPNN giữa địa phương với Trung ương còn chậm. Công tác quản lý tài chính ở nhiều địa phương còn chưa thực hiện đúng và đủ.

Công tác xử lý vi phạm liên quan đến các tổ chức, cá nhân trong TCPCPNN ở Việt Nam còn thiếu tinh rắn đe. Điển hình: năm 2017 một số tổ chức chưa được mở rộng địa bàn hoạt động như ICCO/ Hà Lan, RECOFTC/quốc tế, AVENIR/Pháp tại Hà Tĩnh; KOI/Hàn Quốc, LRI/ Pháp tại Lạng Sơn; tổ chức VHI/Hoa Kỳ ở Trà Vinh; NMA/Na uy tại Cà Mau; tổ chức DIVA hoạt động tại Hà Nội, Thái Nguyên, Hải Dương, Bến Tre, Bắc Giang và Quảng Ninh nhưng vẫn triển khai dự án tại địa phương. Một số tổ chức như: tổ chức VCF/Hòa Kỳ tại Sơn La; VNAH tại Lâm Đồng; AAT/Pháp tại Thừa Thiên Huế hoạt động không thông báo với Ủy ban Công tác về TCPCPNN và chính quyền địa phương. Các hiện tượng và hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam tuy đã được cơ quan an ninh nắm và trao đổi với các cơ quan nhà nước, tuy nhiên mức độ xử lý được tiến hành ở mức nhắc nhở nên cũng đã ảnh hưởng đến ANQG, TTATXH trên địa bàn [72]..

Vẫn còn một số TCPCPNN hoạt động không đúng địa bàn quy định, vi phạm quy định của pháp luật đối với TCPCPNN, như: Vợ, chồng người đại diện của tổ

chức Global Care đã tài trợ cho một nhóm tin lành trái phép chưa được nhà nước công nhận hoạt động tại Lào Cai; tổ chức Amis France Vietnam hoạt động không tách bạch giữa nhân đạo và kinh doanh và bị kiện cáo, tranh chấp; đại diện của tổ chức Czech-Vietnamese Investment and Export Forum tranh thủ hoạt động viện trợ nhân đạo để ứng cử đại biểu Quốc hội năm 2021; Trường Văn phòng dự án của LCMS tham gia giảng bài và tài trợ kinh phí cho các lớp đào tạo cử nhân thần học tổ chức tại Việt Nam; Tổ chức Orphan Voive (OV)/Mỹ ép buộc 08 sinh viên được tổ chức hỗ trợ nuôi dưỡng đi nhà thờ; Tổ chức AAP/PVF (Mỹ) vi phạm khi hoạt động ngoài địa bàn khi không có ý kiến của của cơ quan chức năng và đã bị Ủy ban công tác về các TCPCPNN và các cơ quan chức năng xử lý.

Do kinh phí hạn chế, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của Ủy ban Công tác về TCPCPNN chưa thực hiện được nhiều, chưa có các nội dung chuyên sâu mà chủ yếu giám sát, chia sẻ thông tin, hướng dẫn thực hiện. Việc tổ các đoàn kiểm tra, giám sát chuyên đề của các cơ quan tham gia Ủy ban Công tác về TCPCPNN còn hạn chế.

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng danh nghĩa một số cá nhân, TCPCPNN chống phá Việt Nam

Hoạt động PCPNN mang tính chất hai mặt: vừa mang tính hướng thiện, tích cực, vừa tiềm ẩn những nguy cơ về an ninh, chính trị, TTATXH. Bên cạnh, những TCPCPNN ở Việt Nam có đóng góp đáng kể cho phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam còn có một số TCPCPNN ở Việt Nam gây ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình ANTT, phát triển kinh tế của nước ta. Các thế lực thù địch phản động đã lợi dụng vấn đề dân tộc ít người, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để kích động đồng bào dân tộc đòi ly khai, gây mất ổn định chính trị, mất ANQG, TTATXH. Vì vậy, nhiều địa phương, nhất là các địa phương ở Tây Nguyên, Tây Bắc rất hạn chế việc tiếp nhận dự án do TCPCPNN ở Việt Nam tài trợ.

Âm mưu, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng danh nghĩa của nhân viên, TCPCPNN ngày càng tinh vi, xảo quyệt gây khó khăn cho quá trình QLNN.

Thứ hai, nhận thức của cán bộ và quần chúng nhân dân về chủ trương quan hệ với TCPCPNN, về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam còn bất cập.

Trong cơ quan chức năng, nhiều cán bộ trực tiếp làm công tác QLNN chưa nhận thức đầy đủ tính chất, tầm quan trọng của QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, còn nhầm lẫn giữa quản lý với các hoạt động khác. Với các cơ quan, ban ngành, mặc dù đã có Chỉ thị số 19/CT-TW ngày 24/1/2003 của Ban Bí thư về công tác PCPNN nhưng sự chuyển biến trong nhận thức ở các cấp, ngành, địa phương còn chậm. Nhiều cơ quan, đơn vị chưa thấy hết tính chất phức tạp trong hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, dẫn đến sơ hở, chủ quan, mất cảnh giác, thậm chí có nơi vì lợi ích kinh tế cục bộ mà bỏ qua các yêu cầu an ninh.

Thứ ba, hệ thống pháp luật hiện hành làm cơ sở pháp lý cho hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam còn nhiều bất cập

Các quy định pháp luật chưa đồng bộ, nhiều văn bản ban hành cách đây một thời gian khá dài, không còn phù hợp với tình hình thực tiễn nhưng chậm được bổ sung, sửa đổi nên gây khó khăn cho hoạt động QLNN của các cơ quan chức năng. Nhiều vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn hiện nay chưa có quy định pháp luật điều chỉnh, dẫn đến sơ hở, buông lỏng trong quản lý như: việc quan hệ giữa TCPCPNN và TCPCP Việt Nam, việc chuyển tiền tài trợ của TCPCPNN cho các tổ chức, cá nhân trong nước,... Bên cạnh đó, các văn bản này đều là các văn bản dưới luật (Nghị định của Chính phủ hoặc Thông tư hướng dẫn của các Bộ, ngành) nên hiệu lực pháp lý thấp, phạm vi điều chỉnh hạn chế.

Thứ tư, tổ chức bộ máy còn chưa đồng bộ, thống nhất

Phân công phân cấp và tổ chức lực lượng trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam còn bất cập: ở cấp Trung ương sự tham gia của nhiều Bộ, ngành vào việc quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong khi thiếu cơ chế phân công, phối hợp giữa đầu mối chủ trì Bộ Ngoại giao với các lực lượng tham gia vừa làm xuất hiện sự chồng chéo, giao thoa khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, vừa khiến thông tin quản lý bị chia cắt. Ở địa phương, một số địa phương chưa thể hiện đúng vai trò của cơ quan công quyền trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động tại địa phương; xuất hiện tâm lý ngại va chạm, chưa mạnh dạn đề xuất biện pháp quản lý để chủ động theo dõi, kiểm soát hoạt động PCPNN ngay tại địa bàn.

Thứ năm, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam chưa được thực hiện thường xuyên, còn thiếu chế tài xử lý.

Những khó khăn, bất cập và nguyên nhân nói trên cần có giải pháp tháo gỡ để bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN hoạt động tại Việt Nam thời gian tới.

Tiểu kết chương 3

Nội dung cơ bản của chương 3 đi sâu phân tích thực trạng hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Trong chương này luận án đã phân tích một số nội dung sau:

Thứ nhất, các yếu tố trong và ngoài nước ảnh hưởng đến QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Trong đó tập trung vào các yếu tố xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế; chính sách của các nước lớn phát triển đối với TCPCPNN; hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước; sự tham gia và ủng hộ của nhân dân đối với hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam; môi trường chính sách; thẩm định phê duyệt dự án...

Thứ hai, phân tích quá trình phát triển của TCPCPNN ở Việt Nam

Thứ ba, đánh giá thực trạng công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Nội dung đánh giá thực trạng công tác QLNN bằng pháp luật tập trung vào các vấn đề cơ bản như: xây dựng ban hành pháp luật; tổ chức thực hiện pháp luật và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam...

Thứ tư, căn cứ vào thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Luận án đã đánh giá kết quả đạt được, nguyên nhân khách quan và chủ quan của những kết quả đó, những tồn tại và nguyên nhân khách quan và chủ quan của những tồn tại đó trong thời gian qua.

Dựa trên những đánh giá thực trạng về xây dựng, ban hành pháp luật; tổ chức thực hiện pháp luật và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam tại chương 3 sẽ là điều kiện cơ bản làm nền tảng để luận án thực hiện đưa ra quan điểm và giải pháp bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Chương 4:

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

Nhằm phát huy những thành tựu to lớn đã đạt được trong hơn ba thập kỷ tiến hành công cuộc đổi mới và vươn tới mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, Đảng và Nhà nước Việt Nam tiếp tục kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế, chủ động hội nhập quốc tế với phương châm *“Việt Nam sẵn sàng là bạn và là đối tác tin cậy của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”* [13, tr. 163].

Trên cơ sở đường lối đối ngoại đó, Việt Nam chủ trương mở rộng quan hệ hợp tác nhiều mặt, song phương và đa phương với các nước và vùng lãnh thổ, trong đó ưu tiên cho việc phát triển quan hệ với các nước láng giềng và khu vực, với các nước và trung tâm chính trị, kinh tế quốc tế lớn, các tổ chức quốc tế và khu vực trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên Hợp Quốc.

Trên cơ sở nguyên tắc của Đảng kết hợp cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn, có thể đưa ra những quan điểm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPN ở Việt Nam trong giai đoạn mới như sau:

4.1.1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng về quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng quyết định những vấn đề chính trị thuộc về đường lối, chủ trương, đưa ra hệ thống quan điểm, nguyên tắc về chiến lược phát triển đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Nhà nước là tổ chức quyền lực thực thi vai trò, chức năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật trên cơ sở thể chế hóa và thực hiện đường lối chủ trương của Đảng. Do vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam không can thiệp sâu vào hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước có tính chất đặc thù của khoa học quản lý. “Đảng cũng không lấn sâu, làm thay, làm hộ bao biện những công việc của chính quyền các cấp trong hệ

thống quản lý hành chính... Điều đó, chẳng những làm hạ thấp và làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, mà trái lại, còn làm tăng thêm sức mạnh bảo vệ và tự bảo vệ Đảng, tránh cho Đảng rơi vào tình trạng độc đoán, lạm quyền, vi phạm pháp luật và vi phạm dân chủ” [19].

Trong quản lý xã hội, pháp luật được xem là tối thượng, việc quản lý nhà nước đơn thuần bằng nghị quyết cần được khắc phục triệt để. Nhu cầu thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nói chung và hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nói riêng xuất phát từ đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, xã hội công dân ngày càng phát triển, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ngày càng trở nên chuyên nghiệp, hiện đại, nhu cầu dân chủ hóa đời sống xã hội ngày càng cao... Thể chế hóa, vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng còn có ý nghĩa đề cao trách nhiệm của Đảng bằng pháp luật trước nhân dân [19].

Từ nhận thức cơ bản trên, giữ vững sự lãnh đạo của Đảng trong công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPN ở Việt Nam cần được thể hiện:

- Đảng chỉ đạo công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân để thống nhất trong toàn xã hội khi nhìn nhận và đánh giá vai trò của TCPCPN ở Việt Nam trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung và nhất là trong giai đoạn Việt Nam tăng cường hội nhập, huy động mọi nguồn lực trong nước và ngoài nước, trong đó có nguồn lực xã hội thông qua chủ trương xã hội hóa kênh ngoại giao nhân dân là rất quan trọng, là nhân tố bổ sung cho nhà nước trong phát triển hiện nay ở Việt Nam. Các biện pháp cơ bản trong chỉ đạo, thống nhất nhận thức là thông qua các bài phát biểu của lãnh đạo cấp cao của Đảng, của Nhà nước, qua các đợt vận động sinh hoạt chính trị tư tưởng, qua phương tiện thông tin đại chúng và qua các nội dung chương trình học tập, nghiên cứu của các cơ quan nghiên cứu của Đảng...

- Đảng lãnh đạo QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPN ở Việt Nam thông qua đảng viên, các tổ chức Đảng trong các TCPCPN ở Việt Nam.

Đảng lãnh đạo hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPN ở Việt Nam bằng việc đưa ra những đường lối, chủ trương của mình đối với từng hoạt

động quản lý TCPCPNN ở Việt Nam trong từng thời kỳ và hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam tuân thủ các đường lối, chủ trương của Đảng đề ra.

Đảng lãnh đạo hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam thể hiện trong công tác tổ chức cán bộ, Đảng sẽ bồi dưỡng những đảng viên ưu tú có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức gánh vác những công việc QLNN bằng đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Tổ chức đảng sẽ đưa ra ý kiến về việc bố trí những cán bộ phụ trách của các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, từ đó các cơ quan nhà nước xem xét và đưa ra quyết định cuối cùng; Đảng sử dụng hình thức kiểm tra để lãnh đạo trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng và tuân thủ quan điểm, đường lối đối ngoại nhân dân của Đảng

- Trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, Đảng lãnh đạo thông qua Quốc hội, Chính phủ sớm ban hành hệ thống văn bản pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam; đề cao trách nhiệm của đảng viên trong các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

- Phát triển các hình thức sinh hoạt phù hợp cho đảng viên đang công tác tại TCPCPNN ở Việt Nam và đặc biệt quan tâm đến hoạt động phát triển Đảng trong các TCPCPNN ở Việt Nam. Việc này đã được bàn đến tại Ban Tổ chức Trung ương Đảng nhưng cụ thể chưa được, chưa có những thí điểm, do đó còn khoảng trống về hoạt động của cơ sở đảng tại TCPCPNN ở Việt Nam.

- Xử lý nghiêm minh các cán bộ, đảng viên có sai phạm, tiêu cực trong thực hiện nhiệm vụ QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Đảng lãnh đạo công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam thông qua đường lối, chính sách mang tính định hướng. Đường lối, chính sách của Đảng thể hiện ở các văn bản của Đảng liên quan đến phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, TCPCP, những yêu cầu đối với Chính phủ, các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương trong quán triệt quan điểm chỉ đạo về xây dựng những nội dung QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam nhằm thể chế quan điểm của Đảng đối với TCPCNN ở Việt Nam và hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam.

Công tác PCPNN được Đảng và Nhà nước ta coi là một bộ phận của công tác đối ngoại nhân dân, gắn liền với đường lối, chính sách đối ngoại qua từng giai đoạn phát triển của đất nước. Đảng và Nhà nước ta đã xác định công tác về TCPCPNN ở Việt Nam được coi là bộ phận của công tác đối ngoại nhân dân nói riêng và công tác đối ngoại nói chung, được gắn kết chặt chẽ trên các mặt đối ngoại, an ninh và chính trị.

4.1.2. Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài phải phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Mục tiêu của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là: để các TCPCPNN hoạt động đúng pháp luật, góp phần phát huy vai trò của các TCPCPNN ở Việt Nam trong xây dựng và phát triển đất nước. Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là nền kinh tế mở có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế hoạt động theo các quy luật của kinh tế thị trường góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh bảo đảm cho các TCPCPNN hoạt động đúng hướng, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra, các hoạt động viện trợ của TCPCPNN góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, bảo vệ những người yếu thế trong xã hội, khắc phục những hậu quả do thiên tai gây ra, giải quyết những vấn đề xã hội ở Việt Nam, những vấn đề này chính là mặt trái của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam . Hiện nay 1 trong 10 mối quan hệ được xác định trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đó là mối quan hệ Nhà nước - Thị trường - Xã hội.

Một là, xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là con đường phát triển quá độ, rút ngắn, đi tắt, đón đầu, giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài. Đặc điểm này càng khẳng định vai trò quan trọng của Nhà nước đối với thị trường và xã hội, bởi trong quá trình phát triển rút ngắn này, vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, bên cạnh các chức năng can thiệp cơ bản đối với thị trường và xã hội, còn là chủ thể sáng tạo, bắt nhịp, tạo lập các điều kiện và cơ sở cần thiết về kinh tế, chính trị, xã hội cho quá trình phát triển quá độ, rút ngắn của kinh tế thị trường. Do

vậy, quá trình QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cũng phải tuân thủ theo quá trình xây dựng và phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.

Hai là, Nhà nước định hướng và định hình các mục tiêu, quỹ đạo phát triển của xã hội và của thị trường theo định hướng XHCN. Trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước định hướng, chi phối việc phát triển nền kinh tế hướng tới các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, đó là mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, là việc định hướng phát triển nền kinh tế vào việc nâng cao đời sống nhân dân, mỗi bước tăng trưởng, phát triển kinh tế là mỗi bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Nhà nước còn định hướng thị trường và xã hội thông qua việc gắn kết giữa các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội, phát triển con người và bảo vệ môi trường. Tăng trưởng kinh tế luôn đi liền với phát triển văn hóa, phát triển con người, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển xã hội bền vững. Do vậy, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam phải tuân thủ theo mục tiêu trên. Đó là, các TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động đều hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, là việc định hướng phát triển nền kinh tế vào việc nâng cao đời sống nhân dân, mỗi bước tăng trưởng, phát triển kinh tế là mỗi bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

Ba là, nền kinh tế thị trường định hướng XHCN mà Việt Nam xây dựng và hướng đến là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Đó là nền kinh tế thị trường bao gồm các yếu tố thị trường và loại hình thị trường vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Đó là nền kinh tế theo các tiêu chuẩn phổ biến của nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập sâu và tuân thủ đầy đủ các cam kết quốc tế, khu vực.

Về quan hệ quản lý, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là do nhà nước pháp quyền XHCN quản lý

đối với TCPCPNN ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và giám sát của nhân dân để TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động đúng hướng, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Về quan hệ gắn bó tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội. QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là huy động nguồn lực, nguồn vốn viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, bảo đảm an ninh xã hội, phúc lợi xã hội, bền vững của nền kinh tế Việt Nam, giải quyết những vấn đề xã hội ở Việt Nam,

4.1.3. Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài xuất phát từ đường lối đối ngoại của Việt Nam

Mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ đi lên CNXH ở nước ta là: là độc lập dân tộc gắn liền với CNXH, dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.

Để đạt được mục tiêu trên chúng ta cần quán triệt đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại với tình thần mở rộng hơn nữa công tác đối ngoại nhân dân, tăng cường quan hệ song phương và đa phương với các tổ chức nhân dân các nước, nâng cao hiệu quả hợp tác với các TCPCP quốc gia và quốc tế, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân ta và nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong hoạt động hợp tác của các TCPCPNN phải tuân thủ nguyên tắc không vụ lợi, không can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam, không vì mục đích chính trị, tuyệt đối tôn trọng độc lập, chủ quyền của Việt Nam.

Chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các TCPCPNN ở Việt Nam hiểu biết hơn về đất nước, con người, lịch sử và văn hóa của Việt Nam; góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới. Với ý nghĩa đó, cộng tác với các TCPCPNN ở Việt Nam được coi là bộ phận công tác đối ngoại nhân dân nói riêng và công tác đối ngoại nói chung, do đó, cần phải quan tâm chỉ đạo, quản lý như một hoạt động chính trị đối ngoại.

Kiên trì, kiên định đường lối độc lập, tự chủ, đa phương, đa dạng hóa quan hệ với các TCPCPNN ở Việt Nam, trong quá trình hợp tác với TCPCPNN ở Việt Nam cần đảm bảo khả năng thích ứng năng động và linh hoạt phù hợp với luật pháp quốc tế và luật pháp quốc gia.

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nói chung và hợp tác với các TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng, phát huy được hiệu quả của nguồn vốn viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Nâng cao mức độ và chất lượng hội nhập quốc tế để mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn vốn viện trợ, khoa học, kỹ thuật và kỹ năng quản lý của các TCPCPNN ở Việt Nam góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, khắc phục thiên tai...

Thực hiện nghiêm các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết, tăng cường và nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học công nghệ truyền thông mới, mạng xã hội trong thông tin đối ngoại, hợp tác với TCPCPNN ở Việt Nam.

Thông qua QLNN đối với TCPCPNN thể hiện chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước ta khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động PCPNN, góp phần thúc đẩy quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa nhân dân ta với nhân dân các nước và phát triển đất nước. Bên cạnh đó cần tăng cường quản lý hoạt động PCPNN, quản lý đến đâu thì mở rộng hợp tác PCPNN đến đó, mở rộng phải đi đôi với quản lý tốt, không được buông lỏng. Ngoài ra, Các bộ, ban, ngành, địa phương cần xác định công tác về TCPCPNN ở Việt Nam là một nhiệm vụ đối ngoại quan trọng. Do vậy, trong mọi chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với các TCPCPNN ở Việt Nam, các bộ, ban, ngành, địa phương phải luôn chú trọng xem xét xử lý hài hòa trên cả 3 khía cạnh về kinh tế, an ninh, đối ngoại.

4.1.4. Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài phải đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư

- Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam phải đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính.

Xuất phát từ Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, công tác QLNN nói chung và công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCP ở Việt Nam nói riêng luôn gắn liền với quá trình cải cách hành chính.

Thứ nhất, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cần tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, phân định rõ cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, phân định rõ mô hình, trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam giai đoạn hiện nay, khắc phục được những chồng chéo, hạn chế về chức năng của QLNN đối với TCPCPNN.

Sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy hành chính trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả từ trung ương đến địa phương. Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, viên chức trong các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN.

Thứ hai, cải cách thủ tục hành chính

Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, rà soát, cắt giảm đơn giản hóa các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động của TCPCPNN, đổi mới nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính nói chung và thủ tục hành chính liên quan đến QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam; cải cách về thực hiện các thủ tục hành chính qua công dịch vụ công quốc gia...

Thứ ba, Cải cách pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam: Hoàn thiện hệ thống pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam theo hướng vừa quản lý tốt và vừa thu hút, huy động được các TCPCPNN vào Việt Nam hoạt động.

- Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam phải đáp ứng được yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư.

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư sẽ tạo ra sự thay đổi toàn diện về đối tượng và khách thể của QLNN nói chung và QLNN bằng pháp luật đối với

TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng. Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đã và đang đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cho QLNN nói chung và QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng. Do vậy, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam phải nắm bắt được các cơ hội và hạn chế được những thách thức do Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đặt ra.

Thứ nhất, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đòi hỏi phải quản lý thông minh, kết nối, chia sẻ thông tin, chia sẻ trí thức trong hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, đòi hỏi phải thể chế thông minh, bộ máy quản lý thông minh, nhân lực quản lý thông minh, phương thức quản lý thông minh, giám sát thông minh...

Thứ hai, QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cần tạo ra nhận thức đúng về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hệ thống cơ quan nhà nước, cộng đồng xã hội. Trước hết, các ngành, lĩnh vực, địa phương liên quan đến hoạt động PCPNN cần có sự nhận thức đầy đủ về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động như thế nào đến ngành, lĩnh vực, địa phương mình đang quản lý. Các cơ quan QLNN hơn ai hết phải hiểu rõ những thời cơ và thách thức đặt ra trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư này. Cần phải tạo ra sự chủ động, sẵn sàng trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong cả hệ thống cơ quan nhà nước. Cơ quan nhà nước phải thực sự chủ động trong việc định hướng, dẫn dắt ngành, lĩnh vực trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Thứ ba, cần đổi mới tư duy QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN. QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực đổi mới về trình độ khoa học và công nghệ. Tư duy quản lý dựa vào các nguồn lực và mô hình phát triển truyền thống sẽ gặp nhiều trở ngại và khó khăn khi hội nhập quốc tế. Cần đổi mới tư duy và phương thức QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam dựa trên nền tảng công nghệ kỹ thuật cao, bảo đảm minh bạch hóa hoạt động QLNN, xây dựng mô hình chính quyền thông minh, chính quyền điện tử trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tạo điều kiện thuận lợi, rút ngắn thời gian giải quyết công việc.

Thứ tư, nâng cao năng lực QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN với trọng tâm là nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, những chủ thể QLNN. Cán bộ, công chức cần có tư duy QLNN mới, tư duy kiến tạo phát triển. Cán bộ, công chức cần phải nhanh nhạy hơn trong nhận diện được yêu cầu của thực tiễn và nhanh chóng đưa ra những kiến nghị về chính sách, pháp luật QLNN nhằm tạo ra những điều kiện thuận lợi cho phát triển.

Thứ năm, đổi mới QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam theo hướng năng động, linh hoạt. Các phản ứng chính sách cần phải được thực hiện nhanh hơn cả trong quá trình ban hành và tổ chức thực hiện. Điều quan trọng là các chủ thể QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cần phải xây dựng và tạo ra sự kết nối các hệ thống cơ sở dữ liệu để có thể đưa ra các quyết định kịp thời. Trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tính liên kết, tính phối hợp liên ngành, liên vùng cần phải được bảo đảm, các chủ thể quản lý cần có khả năng thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ yêu cầu quản trị nhà nước, đồng thời sẵn sàng chia sẻ, trở thành một điểm kết nối trong tổng thể cơ sở dữ liệu quản trị nhà nước.

Thứ sáu, xây dựng Chính phủ điện tử với việc áp dụng trí tuệ nhân tạo nhằm tạo ra khả năng kết nối, khả năng thông tin thời gian thực đáp ứng yêu cầu về thông tin của tổ chức, công dân. Cùng với xây dựng Chính phủ điện tử, Nhà nước cần định hướng, tạo điều kiện để đội ngũ doanh nhân, công dân có năng lực về công nghệ thông tin, trở thành những doanh nhân điện tử, công dân điện tử trong cuộc cách mạng số.

QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam phải chủ động, tích cực tham gia vào cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư là một yêu cầu khách quan, là một nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng gắn chặt với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng. Trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam cần phải xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý tạo môi trường thuận lợi cho TCPCPNN hoạt động và đảm bảo cho công tác quản lý TCPCPNN hiệu quả; xây dựng được nền móng, tư duy vững chắc về hoạt động quản lý, phải đào tạo được đội ngũ cán bộ, công nhân viên có chất lượng, có trình độ cao, chuyên sâu về lĩnh vực quản lý TCPCPNN, về thu hút viện trợ PCPNN.

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư có ý nghĩa rất quan trọng trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam: một mặt vừa giúp các TCPCPNN hiểu rõ hơn về đất nước, con người, lịch sử và quá trình phát triển của Việt Nam thông qua hệ thống thông tin trên nền tảng số hóa liên quan đến công tác PCPNN như: lĩnh vực cần viện trợ, địa phương cần viện trợ... để các TCPCPNN hiểu và tích cực viện trợ cho Việt Nam; các TCPCPNN có thể thông qua làm các thủ tục đăng ký hoạt động, viện trợ cho Việt Nam ngay ở nước ngoài và các cơ quan QLNN thu thập, xử lý thông tin và tiến hành các hoạt động giám sát, quản lý về TCPCPNN ở Việt Nam qua hệ thống Internet.

4.2. GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC BẰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM

4.2.1. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Mục tiêu hoàn thiện quy định pháp luật về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam để cụ thể hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta về hoạt động đối ngoại; phát huy được tính tích cực của các TCPCPNN ở Việt Nam; hạn chế được mối đe dọa hoặc xâm hại đe dọa do các thế lực thù địch lợi dụng danh nghĩa cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam để hoạt động xâm phạm ANQG, TTATXH; tạo ra được sân chơi bình đẳng, công bằng giữa các TCPCP và TCPCPNN ở Việt Nam, tạo hành lang pháp lý cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động đúng quy định của pháp luật.

- Chủ thể thực hiện giải pháp hoàn thiện pháp luật về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Quốc hội: ban hành các văn bản pháp luật quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý TCPCPNN ở Việt Nam; quy định công tác quản lý về mặt nhà nước nhằm tạo ra hành lang pháp lý cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động. Chính phủ ban hành các văn bản hướng dẫn và quy định chi tiết những văn bản pháp luật Quốc hội ban hành; ban hành các văn bản quy định những chính sách ưu đãi và tạo điều kiện hỗ trợ đảm bảo cho sự hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam;

- Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

Việt Nam đã có hành lang pháp lý cho việc đăng ký và quản lý hoạt động viện trợ nhân đạo và phát triển của các TCPCPNN ở Việt Nam. Hành lang pháp lý

này cơ bản đã tạo điều kiện để các TCPCPNN ở Việt Nam tiến hành các hoạt động viện trợ nhân đạo và phát triển một cách tương đối thuận lợi, góp phần đảm bảo hiệu quả của nguồn viện trợ. Tuy nhiên, để khuyến khích các TCPCPNN tiếp tục và mở rộng hỗ trợ nhân đạo và phát triển, cần quan tâm giải quyết những vấn đề đặt ra (những hạn chế). Để đảm bảo cho QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam đạt hiệu quả cao cần:

Thứ nhất, đảm bảo tính toàn diện quy định pháp luật về đăng ký, quản lý hoạt động của TCPCPNN và quản lý và sử dụng viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam.

- Bổ sung các quy định vào Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 31/8/2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam

- + Bổ sung điều quy định về tổ chức đăng ký tên tiếng Anh và tên tiếng Việt chính thức; Quy định về tổ chức ký thỏa thuận hợp tác với các đối tác để thực hiện các chương trình dự án; Quy định danh mục cho phép hoạt động của TCPCPNN; Quy định về cấp đăng ký một lần theo mã số định danh.

- + Bổ sung các quy định pháp luật nhằm điều chỉnh tiêu chí của từng loại hình đăng ký theo hướng để các tổ chức được lựa chọn hình thức hoạt động phù hợp theo quy mô và tính chất hoạt động của mình, tránh áp đặt chủ quan, phù hợp với mục tiêu tạo điều kiện cho các tổ chức linh hoạt hơn đối với hình thức đăng ký, đồng thời gắn điều kiện đăng ký phải cam kết giao dịch qua tài khoản mở tại ngân hàng Việt Nam.

- + Bổ sung các quy định theo hướng đơn giản hóa quy trình xử lý hồ sơ, thẩm định và xét cấp Giấy đăng ký các loại, giảm bớt các cơ quan xin ý kiến phối hợp thẩm định hồ sơ và xét cấp Giấy đăng ký (như Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nội vụ...), bảo đảm thời gian cấp Giấy đăng ký đúng quy định, không bị trùng lặp chồng chéo, giảm tải khối lượng văn bản xử lý. Việc không lấy ý kiến của toàn bộ các cơ quan liên quan và địa phương nơi tổ chức dự kiến hoạt động có thể tăng độ rủi ro trong xét duyệt cấp mới Giấy đăng ký song rủi ro này không lớn và có thể được kiểm soát bằng cách tăng tương tác, giám sát và hậu kiểm với các tổ chức.

- + Bổ sung các quy định về trình tự, thủ tục thẩm định hồ sơ, quy định trách nhiệm của các bộ, ngành và địa phương trong việc đóng góp ý kiến, với hạn định thời

gian cụ thể và ngắn hơn. Đồng thời, cần có quy định là trong thời hạn đã nêu, nếu bộ, ngành và địa phương nào không có ý kiến trả lời thì coi như đồng ý với yêu cầu thẩm định, góp ý kiến. Có như vậy mới khắc phục được triệt để tình trạng một số bộ, ngành, tổ chức nhân dân, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chậm hoặc không trả lời cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ xin cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi giấy đăng ký.

+ Bổ sung các quy định cụ thể, rõ ràng và đơn giản hóa thủ tục về cấp giấy phép lao động và việc áp dụng và miễn thuế thu nhập cá nhân cho người nước ngoài làm việc cho TCPCPNN ở Việt Nam; việc thuê người Việt Nam và văn phòng làm việc của TCPCPNN ở Việt Nam; việc tổ chức hội nghị, hội thảo của TCPCPNN ở Việt Nam. Với các quy định này, TCPCPNN thấy rằng hoạt động của họ tại Việt Nam có thể được tiến hành thuận lợi, Nhà nước Việt Nam quan tâm, khuyến khích và tạo điều kiện để họ hoạt động có hiệu quả. Các biện pháp này cũng trực tiếp khuyến khích và thu hút TCPCPNN đến và triển khai các chương trình, dự án viện trợ dài hạn tại Việt Nam, thậm chí đặt văn phòng khu vực hoặc quốc tế tại Việt Nam.

- Bổ sung vào Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài danh cho Việt Nam.

+ Bổ sung vào Điều 33 của Nghị định 80 nội dung “*Quy định về trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam trong việc thực hiện các thủ tục phê duyệt viện trợ cũng như trách nhiệm liên đới của TCPCPNN phải đảm bảo các dự án tài trợ đã được cấp có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt trước khi triển khai thực hiện*”. Quy định này là cần thiết nhằm đảm bảo vốn viện trợ của TCPCPNN phù hợp với nhu cầu và ưu tiên của Việt Nam, đảm bảo vốn viện trợ được sử dụng đúng mục đích và có trách nhiệm. Cần quy định các biện pháp chế tài trong trường hợp dự án viện trợ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng đã được triển khai.

- Bổ sung quy định về trách nhiệm của các cơ quan Việt Nam trong việc giám sát và đánh giá các dự án viện trợ của TCPCPNN; xây dựng một hệ thống và cơ sở dữ liệu tích hợp cho giám sát, đánh giá toàn quốc để các cơ quan quản lý có

thông tin chính xác về tiến độ, hiệu quả, tác động của các dự án do TCPCPNN tài trợ, từ đó có các biện pháp điều chỉnh để nâng cao hiệu quả của nguồn viện trợ này.

- Bổ sung các quy định tại các văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm các quy định về cư trú, hành nghề, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, đi lại và hoạt động của cá nhân, TCPCPNN ở Việt Nam theo hướng tăng thẩm quyền và cụ thể hóa mức xử phạt vi phạm hành chính cho lực lượng Công an nhân dân; có chế tài đủ mạnh đối với tổ chức, cá nhân cho thuê lưu trú vi phạm, trường hợp vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm quá 03 lần đề nghị thu hồi giấy phép, đình chỉ hoạt động kinh doanh đảm bảo sự chặt chẽ, nghiêm túc. Đồng thời, có chế tài xử phạt đủ tính răn đe, tăng mức xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, TCPCPNN ở địa phương vi phạm, cho phép lực lượng Công an nhân dân được tiến hành kiểm tra, kiểm soát cá nhân, TCPCPNN, phát hiện và xử lý vi phạm theo phân công, phân cấp để đảm bảo yêu cầu khẩn trương, kịp thời trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm.

Thứ hai, đảm bảo tính phù hợp quy định pháp luật về đăng ký, quản lý hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam và quản lý và sử dụng viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam

- Sửa đổi các quy định về thời gian trả lời kết quả tại của Nghị định 58/2022/NĐ-CP ngày 31/8/2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN tại Việt Nam nên ngắn hơn để tạo điều kiện cho các TCPCPNN sớm triển khai hoạt động, từ đó sớm phát huy hiệu quả của viện trợ (hiện nay là 30 ngày làm việc đối với cả 3 loại giấy đăng ký).

- Sửa đổi các quy định nhằm thống nhất thủ tục hành chính một cửa, giao cơ quan cấp Giấy đăng ký đồng thời là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trả kết quả, bảo đảm các khâu thực hiện thông suốt, giảm thời gian lưu chuyển hồ sơ, giảm khâu trung gian và chi phí hành chính, tránh những khúc mắc không đáng có trong thực hiện.

- Sửa đổi các quy định nhằm tăng tương tác trực tuyến trong quá trình triển khai xử lý quy trình, thủ tục đăng ký sẽ tăng tính minh bạch, giảm tiêu cực và nâng cao trách nhiệm của tổ chức và các đơn vị QLNN.

- Sửa đổi các quy định về công tác quản lý hoạt động các TCPCPNN theo hướng tăng cường hậu kiểm. Mức độ điều chỉnh có thể chỉ ở mức bổ sung thêm quy

định áp dụng cho TCPCPNN, hoặc bổ sung các giải pháp liên quan đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ ở các cơ quan quản lý.

- Sửa đổi các quy định để tạo điều kiện cho các TCPCPNN hoạt động tích cực ở Việt Nam như: tối ưu hóa thủ tục liên quan đến cấp phép lao động và xem xét có điều kiện việc không đưa đối tượng người nước ngoài làm việc cho TCPCPNN tại Việt Nam vào diện đóng bảo hiểm xã hội; xem xét ưu đãi miễn trừ cho tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực cho phát triển xã hội Việt Nam trên cơ sở thống kê định lượng đóng góp của các tổ chức; tạo diễn đàn và tăng cường đối thoại thực chất với các tổ chức. Các biện pháp này xuất phát từ mong muốn tháo gỡ các vướng mắc và tâm tư của TCPCPNN đang gặp phải trong quá trình triển khai hoạt động tại Việt Nam. Đối với các vấn đề giấy phép lao động, bảo hiểm xã hội, miễn trừ, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực chuyên môn liên quan cần tiếp tục trao đổi trong quá trình xây dựng Nghị định để thống nhất về các biện pháp hiệu quả trên cơ sở phân tích lợi ích và chi phí trong thực hiện chính sách, bảo đảm hài hòa giữa các bên và không khiên cưỡng với các TCPCPNN đang có những đóng góp lớn thông qua những chương trình, dự án hỗ trợ nhân đạo và phát triển cho Việt Nam, thu hút các tổ chức và nguồn lực mới từ các TCPCPNN.

- Sửa đổi các quy định tại Điều 10 của Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam nhằm đơn giản hóa trình tự, thủ tục thẩm định và phê duyệt văn kiện, chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án để giảm thời gian các dự án phải chờ phê duyệt, các cơ quan tiếp nhận viện trợ của Việt Nam và TCPCPNN có thể đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án viện trợ, sớm mang lại lợi ích cho cộng đồng; thay vào đó chú trọng nhiều hơn đến đầu ra (kết quả, hiệu quả và tác động của các dự án viện trợ của TCPCPNN). Cụ thể, cần nghiên cứu và phân cấp hơn nữa thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ cho các cơ quan chủ quản (bộ, ngành, tổ chức nhân dân ở Trung ương, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); quy định các dự án, khoản viện trợ do TCPCPNN tài trợ, nếu có nội dung đơn giản thì không nhất thiết phải tiến hành quy trình thẩm định thông thường; trong trường hợp cần thẩm định thì quy định rõ hồ sơ, thủ tục và thời gian hoàn thành, tránh được tình trạng nhiều dự án không được phê duyệt tiếp nhận trong thời gian quá dài.

Thứ ba, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất trong quy định pháp luật về đăng ký, quản lý hoạt động của TCPCPNN và quản lý và sử dụng viện trợ của TCPCPNN

- Giữ nguyên thành phần hồ sơ khi đăng ký sẽ không gây xáo trộn gì cho TCPCPNN, không phát sinh chi phí hành chính cho các tổ chức khi chuẩn bị hồ sơ.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 33 của Nghị định 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam quy định về xác định một cơ quan đầu mối trong quản lý thống nhất hoạt động và viện trợ của TCPCPNN chung cho toàn quốc. Quy định như vậy sẽ đảm bảo phù hợp với chủ trương đổi mới tổ chức, bộ máy các cơ quan QLNN theo hướng một cơ quan làm nhiều việc nhưng không để một việc do nhiều cơ quan làm; khắc phục được tình trạng bất cập hiện nay là có nhiều cơ quan đầu mối liên quan (Bộ Ngoại giao là cơ quan đầu mối về QLNN đối với hoạt động của các TCPCPNN; Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối về QLNN đối với việc quản lý và sử dụng viện trợ của các TCPCPNN; Ủy ban Công tác về các TCPCPNN là cơ quan giúp Bộ Ngoại giao thực hiện một số nhiệm vụ QLNN đối với các TCPCPNN; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam là cơ quan thường trực của Ủy ban Công tác về các TCPCPNN, trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký của TCPCPNN, đồng thời là cơ quan đầu mối về quan hệ và vận động viện trợ của TCPCPNN). Nếu thống nhất được một cơ quan đầu mối, việc điều phối và quản lý hoạt động và viện trợ của TCPCPNN sẽ hiệu quả hơn, việc giải quyết thủ tục hành chính sẽ đảm bảo thông thoáng, minh bạch và nhanh hơn; TCPCPNN khi được giải quyết thủ tục hành chính nhanh gọn và chỉ phải làm việc với một cơ quan đầu mối cũng vì thế có thể muốn đến với Việt Nam nhiều hơn và hoạt động, triển khai viện trợ nhanh hơn và hiệu quả hơn.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định về xác định một cơ quan đầu mối trong quản lý thống nhất hoạt động và viện trợ của TCPCPNN ở mỗi Bộ, ngành, địa phương. Việc này cũng hết sức cần thiết nhất là ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Các TCPCPNN và các cơ quan, tổ chức Việt Nam hợp tác và tiếp nhận viện trợ của TCPCPNN chỉ cần liên hệ với một cơ quan đầu mối để giải quyết các thủ tục

hành chính. Như vậy sẽ thuận lợi, thông thoáng và minh bạch hơn. Tương tự như vậy, mỗi bộ, ngành và tổ chức nhân dân ở Trung ương cần xác định một đơn vị làm đầu mối trong hợp tác và tiếp nhận vốn viện trợ của TCPCPNN để thuận lợi cho TCPCPNN liên hệ công tác, giải quyết các thủ tục hành chính cũng như tìm kiếm các cơ hội hợp tác.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định và thủ tục về thuế và miễn thuế giá trị gia tăng (VAT) đối với các hàng hóa, trang thiết bị, vật tư... và về nhập khẩu hàng hóa... trong khuôn khổ các dự án do TCPCPNN tài trợ. Cụ thể, hàng hóa, dịch vụ được mua trong khuôn khổ các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được miễn thuế VAT. Hàng hóa, trang thiết bị, phương tiện được nhập khẩu trong khuôn khổ các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được miễn thuế nhập khẩu và các loại thuế, phí liên quan khác. Việc quy định và thủ tục thông thoáng đối với các nội dung này cũng sẽ góp phần thu hút vốn viện trợ của TCPCPNN và nâng cao hiệu quả của viện trợ.

4.2.2. Nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện pháp luật về tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Mục tiêu: Bộ máy QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam xây dựng, triển khai, định hướng cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động đúng pháp luật, công bằng, hiệu quả nhằm đạt được những mục tiêu đề ra.

- Chủ thể tiến hành giải pháp về tổ chức thực hiện pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam gồm cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, các bộ, ban, ngành và UBND cấp tỉnh)

- Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

Thứ nhất, đổi mới cơ cấu tổ chức bộ máy, công tác quản lý cán bộ QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, cần phải khắc phục được những hạn chế, bất cập về tổ chức lực lượng hiện nay, đó là: sự chồng chéo về chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước, sự chia cắt thông tin quản lý, sự bất cập trong nhận thức của cán bộ trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, sự thiếu hụt trong tổ chức và nhân lực của bộ máy

quản lý từ Trung ương đến địa phương... Chỉ khi nào xây dựng được một lực lượng đủ mạnh, có tổ chức chặt chẽ, phân công rõ ràng về chức năng nhiệm vụ giữa các bộ phận, thì hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam mới phát huy được hiệu lực, hiệu quả và thực sự đi vào nề nếp.

Một là, xây dựng bộ máy quản lý và cơ chế quản lý TCPCPNN ở Việt Nam

Hoàn thiện hệ thống các cơ quan QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam có thể được phân chia theo lãnh thổ và theo ngành, lĩnh vực. Tuyến theo lãnh thổ các cơ quan của Chính phủ, cơ quan của UBND các cấp từ Trung ương đến địa phương; tuyến theo bộ, ngành, tức là theo lĩnh vực quản lý, gồm các cơ quan quản lý phi chính phủ của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ.

Cũng có bộ máy cơ quan quản lý ở Trung ương và địa phương liên quan đến hoạt động quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Thực hiện nội dung xây dựng bộ máy, trước hết Nhà nước cần phải đánh giá lại bộ máy quản lý hiện có, rà soát lại để xác định những phần thừa, phần thiếu của hệ thống hiện hành, mạnh dạn loại bỏ những bộ phận không cần thiết, bổ sung thêm những đơn vị cần có theo yêu cầu nhiệm vụ mới, cũng có các bộ phận còn tiếp tục duy trì. Phải xây dựng một bộ máy từ Trung ương đến địa phương đảm bảo đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả. Bộ máy cần phải được phân công, phân cấp quản lý cho phù hợp.

Bộ máy luôn gắn liền với con người. Chính vì vậy, Nhà nước phải xây dựng chiến lược con người, xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng được những đặc thù của công tác đối ngoại nói chung và công tác phi chính phủ nói riêng; cán bộ quản lý và cán bộ trực tiếp tác nghiệp cần phải được tiêu chuẩn hóa theo yêu cầu và nhiệm vụ; yếu tố trí tuệ cần được đề cao, vai trò quản lý cần được xác định rõ.

Phân cấp hợp lý hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam giữa Trung ương và chính quyền địa phương. Quyền QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam tập trung ở Trung ương nhưng mặt khác cần tăng cường, mở rộng tính chủ động, quyền tự chủ cho chính quyền địa phương theo lĩnh vực này theo nguyên tắc tập trung dân chủ và kết hợp quản lý theo lãnh thổ. Bên cạnh đó,

cần có biện pháp chống xu hướng cục bộ của địa phương, chỉ lo lợi ích của địa phương mình mà không lo lợi ích chung của nhà nước.

Củng cố chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Công tác về các TCPCPN; củng cố và tăng cường năng lực cơ quan thường trực của Ủy ban Công tác về TCPCPN; tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam theo tinh thần của Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 02/12/2008.

Củng cố và tăng cường năng lực của cơ quan đầu mối về công tác TCPCPN ở địa phương, đảm bảo có cán bộ chuyên trách, được đào tạo bài bản và phù hợp, đủ điều kiện cơ sở vật chất để thực hiện công tác quản lý đối với TCPCPN ở Việt Nam hiệu quả. Yêu cầu đặt ra cho các cơ quan đầu mối viện trợ là phải nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nắm vững quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng địa phương, từng ngành, từng thời kỳ, nắm vững về đối tác và đối tượng, các cơ quan đầu mối cũng phải thật sâu sát nhưng cũng phải rất mềm dẻo.

Hai là, tăng cường công tác phối hợp trong quản lý hoạt động của TCPCPN ở Việt Nam

Nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước liên quan đến cấp giấy đăng ký của TCPCPN ở Việt Nam, đòi hỏi các cơ quan nhà nước cần tạo dựng cơ chế phối hợp nhịp nhàng và mật thiết ngay từ quá trình thu thập thông tin, xử lý hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, thủ tục giấy đăng ký. Cơ quan nhà nước phải có yêu cầu và quy định chặt chẽ về chế tài đối với TCPCPN ở Việt Nam chưa hoàn thiện nhưng sắp hết hạn giấy đăng ký và đối với TCPCPN ở Việt Nam không có nhu cầu gia hạn và phải có phản hồi với cơ quan quản lý.

Cần nghiên cứu để xây dựng một mô hình cơ quan đầu mối thống nhất ở các địa phương trong cả nước. Các bộ, ngành cũng cần xác định rõ cơ quan đầu mối của mình có chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể. Xây dựng và củng cố các quan hệ dọc - ngang - chéo như yêu cầu của Ban Bí thư đã đề ra, cả ba dạng quan hệ này có vị trí, vai trò quan trọng ngang nhau, cùng nhau tạo thành một thể hữu cơ. Do vậy, trong quá trình xây dựng bộ máy và thiết lập quan hệ không thể chú trọng vào dạng này mà buông lỏng dạng khác, không thể một chiều. Có như vậy, cơ chế phối hợp

mới đầy đủ, thống nhất, quan hệ phối hợp mới rõ ràng. Quan hệ phối hợp phải được tôn trọng trong mọi khâu của quản lý.

Coi trọng việc củng cố cơ quan đầu mối về viện trợ PCPNN ở cả Trung và địa phương. Việc củng cố phải được thực hiện trên mọi khía cạnh, từ cơ cấu tổ chức đến chất lượng đội ngũ cán bộ, từ phương thức tiếp cận đến các mối quan hệ... Trước hết phải chú trọng xây dựng cơ quan đầu mối ở Trung ương là Ủy ban Công tác về TCPCPNN vững mạnh, ngang tầm nhiệm vụ.

Đẩy mạnh hơn nữa việc huy động sự tham gia của các đoàn thể quần chúng nhân dân ở cả Trung ương và địa phương, vì thời gian qua khâu phối hợp với nhân dân còn là một khâu rất yếu trong công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam của chúng ta. Cần thiết phải đa dạng hóa hình thức tham gia của người dân vào công tác quản lý. Sự tham gia của người dân cũng được thực hiện ở tất cả các khâu trong công tác quản lý, như: tham gia góp ý vào chủ trương, đường lối, quy định pháp luật về công tác quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam cho đến công tác tổ chức thực hiện và công tác kiểm tra, giám sát.

Tất cả các cơ quan đầu mối từ Trung ương đến địa phương và ở tất cả các bộ, ngành đều phải quán triệt sâu sắc và thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế về hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam; tăng cường phổ biến quy chế cho các ngành, các cấp, các địa phương.

Tăng cường cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan tham gia cơ chế Ủy ban và các bộ, ngành, địa phương liên quan đến quá trình thẩm định hồ sơ, cấp giấy đăng ký, quá trình thẩm định, phê duyệt dự án.

Đối với công tác quản lý tài chính trong viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam ở các địa phương cần có sự phối hợp nhịp nhàng, thực hiện tốt công tác ghi thu, ghi chi quyết toán đối với nguồn viện trợ PCPNN ở địa phương.

Tăng cường công tác đảm ANQG, TTATXH tiếp tục phát hiện, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng danh nghĩa PCPNN để chống đối, xuyên tạc, gây sức ép, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, chính trị, gây mất ổn định, an toàn xã hội.

Sử dụng đồng bộ các biện pháp, lực lượng, phương tiện để phát hiện, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng danh nghĩa PCPNN tác động đến các lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, tôn giáo dân tộc, tác động vào quá trình cải cách thể chế, xây dựng

chính sách pháp luật, thúc đẩy “XHDS” nhằm tạo dựng tiền đề chính trị, pháp lý lực lượng xã hội phục vụ ý đồ của các thế lực thù địch.

Quản lý chặt chẽ TCPCPNN ở Việt Nam thông qua các chương trình dự án để tiếp cận thu thập thông tin, tình hình mọi mặt tại Việt Nam, nhất là các nội dung nhạy cảm trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, xây dựng chính sách, pháp luật, tình hình tôn giáo, dân tộc... ở vùng dự án.

Hạn chế TCPCPNN ở Việt Nam có chương trình dự án thúc đẩy “XHDS” tại Việt Nam hoặc hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức, hội đoàn quần chúng, mạng lưới PCP Việt Nam nhằm nâng cao năng lực vận động chính sách, phản biện xã hội; cần có biện pháp quản lý chặt đối với TCPCPNN ở Việt Nam có ý đồ liên kết, hậu thuẫn các tổ chức phản động lưu vong triển khai hoạt động chống phá như: hỗ trợ tài chính cho lực lượng phản động lưu vong tổ chức các khóa đào tạo, huấn luyện về kỹ năng phát triển “XHDS”, chống phá về dân chủ, nhân quyền.

Thứ hai, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Con người luôn là trung tâm của mọi hoạt động. Muốn tăng cường năng lực của các cơ quan quản lý, muốn nâng cao chất lượng của hoạt động QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, ta cần chú ý nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý; Sự phân công mạnh mẽ trong quản lý đối với công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, một mặt tạo ra sự chủ động và nâng cao vai trò làm chủ cũng như trách nhiệm của các ngành, các cấp, song mặt khác cũng đặt ra thách thức về năng lực quản lý và tổ chức thực hiện đối với các bộ, ngành và địa phương.

Bên cạnh, những kết quả đạt được trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, tuy nhiên, vẫn còn một thực tế đáng lo ngại là cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có một đội ngũ cán bộ làm công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam có tính chuyên nghiệp mà đa phần cán bộ vẫn kiêm nhiệm, làm việc chủ yếu dựa vào kinh nghiệm. Một số rất ít cán bộ chuyên trách và được đào tạo tương đối cơ bản ở Trung ương chưa đủ trở thành một nguồn lực chuyên nghiệp. Do vậy, đòi hỏi phải

có một đội ngũ cán bộ đủ đức, tài, được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước.

Để xây dựng được một đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, ngang tầm nhiệm vụ và đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, cần phải:

Xác định tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ làm công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Công tác PCPCNN là một loại hình công tác có tính đặc thù, chính vì vậy phải đòi hỏi lực lượng làm công tác này phải có những tiêu chuẩn cụ thể về phẩm chất và năng lực. Về phẩm chất chính trị: có lập trường chính trị vững vàng, có lòng yêu nước, có tư cách đạo đức, trung thành với tổ quốc, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Về năng lực: nắm vững nguyên lý về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có kiến thức về đối ngoại nhân dân và công tác PCPNN. Trên góc độ quản lý hành chính, đội ngũ này phải được trang bị các kiến thức quản lý hành chính nhà nước nói chung và có kiến thức về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam nói riêng, cần phải có kiến thức xã hội, an hiểu về pháp luật, nghiệp vụ ngoại ngữ và hiểu biết về văn hóa, pháp lý của các quốc gia trên thế giới mà có TCPCPNN ở Việt Nam.

Chú trọng về đào tạo và bồi dưỡng: Đào tạo, bồi dưỡng là giải pháp tối ưu và lâu dài cho vấn đề chất lượng đội ngũ cán bộ. Đào tạo bồi dưỡng phải theo tiêu chí và theo yêu cầu nhiệm vụ. Các cơ quan Trung ương và địa phương cần đặc biệt quan tâm lựa chọn, đào tạo và bồi dưỡng các cán bộ làm công tác PCPNN; phải coi đây là một trong số những lĩnh vực công tác đối ngoại được ưu tiên; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác PCPNN ở các cấp về kỹ năng xây dựng, vận động quan hệ, tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm đối với TCPCPNN ở Việt Nam và về các quy định của Nhà nước. Tổ chức các chương trình, nghiên cứu, đào tạo, trao đổi trong công tác PCPNN, đầu tư nguồn nhân lực cho công tác đào tạo, bồi dưỡng; gắn việc đào tạo với việc trau dồi, rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức của cá nhân người làm cán bộ đối ngoại nhân dân; xây dựng đội ngũ từ Trung ương đến địa phương và mạng lưới

tổ chức tư vấn độc lập trong nước, làm nguồn lực bổ sung cho công tác PCPNN. Nhất là trong công tác tổ chức thực hiện và công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm của TCPCPNN ở Việt Nam và giữa cơ quan đầu mối Trung ương và các cơ quan đầu mối ở địa phương và bộ ngành nên thiết lập một mạng lưới đào tạo thuộc các cấp, các loại khác nhau. Ủy ban Công tác về các TCPCPNN cần tiếp tục dành ưu tiên cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các địa phương...

Nâng cao chất lượng công tác cán bộ: Cần chú trọng hơn nữa về vấn đề sử dụng cán bộ, sử dụng cần tuân thủ các nguyên tắc như: căn cứ vào phẩm chất và năng lực, phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm, sử dụng cán bộ cần có quy hoạch, chiến lược dài hạn cũng như ngắn hạn; cần có quy hoạch, kế hoạch một cách khoa học và hợp lý trong việc lựa chọn, tuyển dụng, sát hạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ một cách khoa học, hợp lý và minh bạch. Việc tuyển chọn và sử dụng phải căn cứ vào phẩm chất, năng lực của người cán bộ; khuyến khích phát huy những ưu điểm, hạn chế và khắc phục nhược điểm của cán bộ; cần có chính sách, chế độ đãi ngộ hợp lý đối với các cán bộ làm công tác PCPNN nhằm thu hút nhân tài, tạo sự ổn định trong cơ cấu tổ chức cán bộ, khuyến khích phát huy năng lực và hạn chế “chảy máu chất xám” và tăng cường chia sẻ thông tin kinh nghiệm trong đội ngũ những người Việt Nam làm việc cho TCPCPNN ở Việt Nam; nâng cao tinh thần trách nhiệm, cảnh giác và hợp tác của các cán bộ Việt Nam làm việc cho TCPCPNN ở Việt Nam trong việc phổ biến, kiến thức, giáo dục về ý thức chính trị, pháp luật cũng như các quy định của Nhà nước đảm bảo thực hiện mục tiêu chung và lợi ích quốc gia.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam nhằm hiện thực hóa trong đời sống xã hội

Tăng cường hơn nữa việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp QLNN, quần chúng nhân dân, tổ chức, cá nhân làm việc trong TCPCPNN ở Việt Nam về các nội dung cơ bản sau:

Mục tiêu công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam đổi mới, nâng cao nhận thức của xã hội nói chung và của cơ quan QLNN

về vị trí, vai trò của TCPCPNN ở Việt Nam trong điều kiện mới nhằm phát huy tính tích cực sáng tạo của TCPCPNN ở Việt Nam. Xác định rằng sự hình thành và hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam chính là động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta.

Muốn đạt được nhận thức đúng đắn về TCPCPNN ở Việt Nam, chúng ta cần phải chú trọng công tác thông tin và tuyên truyền của Nhà nước đối với cả đội ngũ cán bộ làm việc trong các cơ quan nhà nước và cả trọng cộng đồng để nhân dân biết, nhân dân hiểu, có ý thức và thấy được các mặt tích cực của TCPCPNN ở Việt Nam để tranh thủ, tận dụng sự giúp đỡ nhưng đồng thời cũng thấy được mặt trái của PCPNN để tránh bị lợi dụng, tránh vô tình tiếp tay cho những hành vi lợi dụng danh nghĩa TCPCPNN ở Việt Nam để xâm phạm ANQG, TTATXH. Một bộ phận quan trọng của công tác tuyên truyền pháp luật, chúng ta phải tiếp tục phổ biến quán triệt và yêu cầu thực hiện nghiêm túc các văn bản pháp lý hiện có liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam cho các cấp ủy, lãnh đạo địa phương, lãnh đạo bộ, ngành, tổ chức nhân dân để tránh tình trạng hiện nay vẫn tồn tại là cấp dưới có quan hệ với PCPNN mà cấp trên không biết, các tổ chức xã hội dân sự trực tiếp quan hệ với các TCPCPNN không thông qua các cơ quan quản lý.

Thời kỳ bùng nổ thông tin như hiện nay, thông tin có thể đến từ rất nhiều nguồn khác nhau, chính thức và không chính thức, rất dễ xảy ra tình trạng vừa thừa, vừa thiếu thông tin, thừa những thông tin vô bổ hoặc thậm chí sai lệch, thiếu những thông tin chính xác, đúng đắn. Đứng trước tình hình này, trong công tác QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, chúng ta một mặt phải tích cực chủ động cung cấp thông tin về các TCPCPNN ở Việt Nam và hoạt động của họ cho các bộ, ngành, địa phương và quần chúng nhân dân, mặt khác tranh thủ thông qua các TCPCPNN ở Việt Nam để gửi hình ảnh chân thực của đất nước Việt Nam ra thế giới, tăng cường hiểu biết của thế giới đối với đất nước ta và đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, chúng ta cũng phải đề cao cảnh giác trước thông tin một chiều, không chính xác có thể làm sai lệch cách nhìn của cơ quan QLNN và quần chúng nhân dân về TCPCPNN ở Việt Nam cũng như là công tác QLNN của chúng ta đối với tổ chức này.

Thông tin cần phải được chia sẻ đa chiều mới phát huy được giá trị. Tức là việc chia sẻ thông tin cần được thực hiện giữa Ủy ban Công tác về các TCPCPNN với các TCPCPNN ở Việt Nam và với các bộ, ngành, địa phương và giữa các địa phương với nhau, giữa các TCPCPNN ở Việt Nam với nhau, giữa các TCPCPNN ở Việt Nam với địa phương. Chủ động tăng cường công tác chia sẻ thông tin chính là một biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng quản lý.

Trong thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam theo hướng:

Xây dựng và thực hiện quy chế thông tin, báo cáo trong phạm vi đơn vị, cơ quan quản lý; theo dõi, kiểm tra thường xuyên việc chấp hành quy chế thông tin, báo cáo; tăng cường cơ sở, vật chất kỹ thuật cho công tác thông tin về mọi mặt và đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin, báo cáo.

Đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền vận động phát huy được sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Thực tiễn những năm qua cho thấy trong mỗi giai đoạn cách mạng khác nhau đều có nhiệm vụ khác nhau, do đó đòi hỏi công tác tuyên truyền pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam cũng khác nhau.

Xuất bản những ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền về pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam với những nội dung dễ hiểu, dễ tiếp thu có những dẫn dụ hấp dẫn và dễ làm theo. Việc này ngoài trách nhiệm của các cơ quan QLNN trực tiếp đối với TCPCPNN ở Việt Nam còn là trách nhiệm của các bộ, ban, ngành có liên quan, nhất là bộ phận tuyên truyền phổ biến pháp luật của các cơ quan tư pháp. Bản thân TCPCPNN ở Việt Nam cũng là một lực lượng góp phần quan trọng với tuyên truyền phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam. Xuất phát từ nhu cầu tự thân muốn được hiểu và muốn người khác hiểu về TCPCPNN ở Việt Nam. Thời gian qua TCPCPNN ở Việt Nam đã tổ chức nghiên cứu, xuất bản tài liệu về TCPCPNN ở Việt Nam, tự đứng ra hoặc phối hợp với các cơ quan QLNN tổ chức các hội thảo, tập huấn về pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam. Nhà nước cần khuyến khích TCPCPNN ở Việt Nam trong hoạt động tập hợp tài liệu, thông tin về TCPCPNN ở Việt Nam.

Tổ chức học tập, hội thảo, tập huấn về nhận thức cũng song song với các hoạt động tổng kết rút kinh nghiệm thực hiện pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam. Hoạt động tổ chức rút kinh nghiệm thời gian qua đã được triển khai bởi cơ quan QLNN hoặc bởi sáng kiến của TCPCPNN ở Việt Nam, nhưng chưa thành một yêu cầu thiết yếu trong nhận thức của TCPCPNN ở Việt Nam và những bài học rút ra chưa thực sự được nhân rộng bởi khâu tuyên truyền sau đó. Nguyên nhân của những hạn chế trên là do mối quan tâm và tính chủ động của các bên liên quan chưa mạnh mẽ, do điều kiện kinh phí có hạn hoặc chưa có cơ chế, chính sách cho hoạt động này. Để khắc phục, cơ quan QLNN về TCPCPNN ở Việt Nam cần đưa nội dung tổng kết, sơ kết vào chương trình hoạt động hàng năm, dự trù kinh phí.

Cần phong phú và đa dạng hơn nữa về hình thức và phương pháp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam để mọi người dân hiểu và thực hiện đúng pháp luật.

- Tăng cường phổ biến thông tin, hướng dẫn cho các bộ, ngành, tổ chức nhân dân và các địa phương Việt Nam, về các TCPCPNN, lĩnh vực ưu tiên tài trợ và khả năng thiết lập quan hệ hợp tác, để các bộ, ngành, tổ chức nhân dân và các địa phương Việt Nam có thể chủ động nghiên cứu, tiếp cận và thiết lập quan hệ với các TCPCPNN ở Việt Nam tiềm năng. Các biện pháp cụ thể gồm tổ chức các hội nghị, hội thảo, xuất bản và phổ biến tài liệu hướng dẫn, cung cấp thông tin trên trang tin điện tử chính thức.... Cần chú trọng cung cấp thông tin trên trang tin điện tử do đây là biện pháp hiệu quả, giúp tiếp cận thông tin nhanh hơn.

- Tăng cường phổ biến thông tin, hướng dẫn các TCPCPNN ở Việt Nam về các nhu cầu, ưu tiên, khả năng hợp tác với các bộ, ngành, tổ chức nhân dân và các địa phương Việt Nam. Nội dung thông tin chủ yếu là những lĩnh vực, địa bàn, nội dung khuyến khích vốn viện trợ của các TCPCPNN; chương trình, kế hoạch xúc tiến viện trợ PCPNN của ngành, địa phương (nếu có); các đề xuất dự án dự kiến hợp tác với các TCPCPNN.

- Tăng cường phổ biến, hướng dẫn các TCPCPNN ở Việt Nam về các quy định của Nhà nước Việt Nam, trong đó có quy định về đăng ký và quản lý hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam, quy định về quản lý và sử dụng viện trợ của các

TCPCPNN ở Việt Nam, các quy định liên quan khác, để giúp các TCPCPNN hoạt động thuận lợi và đúng quy định của pháp luật Việt Nam. Hình thức phổ biến và hướng dẫn có thể bao gồm: cán bộ hướng dẫn trực tiếp; thông qua các hội nghị, hội thảo; phát hành các tài liệu hướng dẫn, cẩm nang, sổ tay; phổ biến các tài liệu hướng dẫn lên mạng internet (thông qua trang tin điện tử của cơ quan đầu mối quốc gia và cơ quan đầu mối của các bộ, ngành, địa phương...)

- Tăng cường phổ biến, hướng dẫn các bộ, ngành, tổ chức nhân dân và các địa phương Việt Nam về các quy định liên quan đến TCPCPNN, quản lý và sử dụng viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam, giúp nâng cao tính minh bạch và hiệu quả sử dụng vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam.

- Đẩy mạnh việc xúc tiến vận động nguồn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam bằng nhiều hình thức nhỏ cung cấp thông tin, tổ chức hội nghị, hội thảo, làm việc trực tiếp với các TCPCP kể cả với trụ sở chính của các TCPCPNN ở Việt Nam; mở rộng công tác xúc tiến vận động với các doanh nghiệp, quỹ tư nhân, cơ quan chính phủ các nước để tăng cường sự ủng hộ về nguồn lực tài chính cho các TCPCPNN Việt Nam.

- Tổ chức tiếp xúc, gặp gỡ với các TCPCPNN ở Việt Nam thường xuyên, định kỳ và đột xuất để lắng nghe ý kiến, kiến nghị, hướng dẫn, cung cấp thông tin về những ưu tiên, đề xuất của các bộ, ngành, tổ chức nhân dân và các địa phương Việt Nam...

4.2.3. Nhóm giải pháp về thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Trong thời gian qua, TCPCPNN ở Việt Nam đã có những đóng góp tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của nước ta, nhất là trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo, khắc phục hậu quả chiến tranh và thiên tai; phòng, chữa bệnh, giáo dục - đào tạo và môi trường. Để tranh thủ nguồn viện trợ TCPCPNN ở Việt Nam cần chủ động đề ra định hướng và vận động TCPCPNN ở Việt Nam trong sự gắn kết với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của từng vùng, miền và trong từng giai đoạn cụ thể. Bên cạnh đó, trong quá trình hội nhập quốc tế sâu, rộng như hiện nay, TCPCPNN ở Việt Nam rất dễ có vi phạm pháp luật và lệch lạc bởi vì một phần do chủ trương, chính sách chưa hoàn thiện. Nhận thức về công tác thanh

tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam cần quán triệt: công tác này nhằm đưa hoạt động TCPCPNN ở Việt Nam phù hợp với đường lối, quan điểm, chủ trương của Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước, phát huy quyền dân chủ của công dân.

Dù là dưới dạng nào và ở cấp nào, quản lý không thể tách rời thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý. Đây là một nội dung của quản lý và là một khâu trong chu trình quản lý. Đối với QLNN bằng pháp luật thì công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý lại càng quan trọng.

QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đòi hỏi hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật và mọi vi phạm đều được xử lý nghiêm minh, kịp thời. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật là để tạo điều kiện cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động và phát triển.

Về cơ chế hoạt động kiểm tra, Ủy ban Công tác về TCPCPNN cần phối hợp với Văn phòng Chính phủ sớm trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc rà soát nhằm xây dựng, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam và các quy chế, quy định, thủ tục liên quan tới việc phê duyệt, tiếp nhận, thực hiện, kiểm tra về các dự án của TCPCPNN ở Việt Nam, tất cả những yêu cầu này theo hướng nâng cao trách nhiệm, đơn giản thủ tục và phân cấp rõ ràng.

Để công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam đạt hiệu quả cần tiếp tục thực hiện Nghị định số 33/2015/NĐ-CP, ngày 27/3/2015 của Chính phủ “Quy định về thực hiện kết luận thanh tra”, Thanh tra các cấp cần tăng cường công tác QLNN, thường xuyên đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị và quyết định xử lý sau thanh tra.

Các cơ quan QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam cần phải chủ động có kế hoạch thanh tra, kiểm tra với toàn bộ hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam bảo đảm cho mọi hoạt động diễn ra theo đúng quy định của pháp luật, kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các chính sách, pháp luật, uốn nắn những sai lệch của TCPCPNN ở Việt Nam.

Cần huy động sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào việc thực hiện và giám sát các dự án của TCPCPNN ở Việt Nam. Đặc biệt, trong công tác giám sát hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam cần nhận thức đúng vai trò, tác động đối với hoạt động giám sát của nhân dân, của phương tiện thông tin đại chúng đối với hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam.

Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam được áp dụng cho TCPCPNN ở Việt Nam và cho cơ quan QLNN quản lý trực tiếp và QLNN liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam.

Trong hoàn cảnh pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam chưa hoàn thiện như hiện nay cần tránh cách giả quyết máy móc, vận dụng pháp luật một cách tùy tiện, muốn vậy cần nắm rõ: TCPCPNN ở Việt Nam là hoạt động công chúng, được nhà nước bảo vệ, tôn trọng và tạo điều kiện hỗ trợ, phát huy. TCPCPNN ở Việt Nam được làm những việc mà pháp luật không cấm. Chỉ xử lý bằng pháp luật đối với vi phạm của TCPCPNN ở Việt Nam khi đã chứng minh rõ hành vi vi phạm.

Cơ quan trực tiếp được phân công QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra đối với TCPCPNN ở Việt Nam chủ yếu là tiến hành giám sát việc thực hiện pháp luật của TCPCPNN ở Việt Nam, còn những việc thuộc nội bộ TCPCPNN ở Việt Nam được chính TCPCPNN ở Việt Nam thực hiện.

Hiện nay, để công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam được tiến hành không đòi hỏi nhiều nhân lực, không tạo tâm lý nặng nề đối với TCPCPNN ở Việt Nam, các cơ quan QLNN cần có những biện pháp động viên, nhân rộng các kinh nghiệm hay của việc TCPCPNN ở Việt Nam tự xây dựng cơ chế giám sát nội bộ, nâng cao trách nhiệm lãnh đạo TCPCPNN ở Việt Nam, tăng tính minh bạch, tính giải trình.

Trong giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam phải chủ động nắm tình hình khiếu nại, tố cáo, phát hiện những vấn đề có thể dẫn đến phát sinh khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, gây mất ANQG, TTATXH.

Tuy nhiên, khi phát hiện TCPCPNN ở Việt Nam có dấu hiệu vi phạm pháp luật, nhất là những vi phạm liên quan đến ANQG, TTATXH, vi phạm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thuần phong, mỹ tục, gây mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân, thì

các cơ quan QLNN cần phối hợp làm rõ, chứng minh vi phạm có hình thức xử lý rõ ràng và triệt để, tránh không buông lỏng, bỏ qua.

4.2.4. Mở rộng hợp tác quốc tế trong quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Tính minh bạch ngày càng được yêu cầu cao hơn nhằm tạo được niềm tin đối với các nhà tài trợ, đồng thời nâng cao được hiệu quả, tính cạnh tranh của các dự án, nhất là trong bối cảnh Việt Nam không còn nằm trong danh sách các quốc gia được ưu tiên nhận viện trợ của TCPCPNN ở Việt Nam.

Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, cung cấp chia sẻ thông tin có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần tạo thể chủ động gửi hình ảnh chân thực về con người, đất nước Việt Nam ra thế giới thông qua TCPCPNN ở Việt Nam, tăng cường sự hiểu biết của thế giới đối với đất nước và con người Việt Nam, đồng thời đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Hơn nữa, mở rộng quan hệ hợp tác, cung cấp thông tin nhằm giới thiệu các nhu cầu của Việt Nam với TCPCPNN ở Việt Nam và các tổ chức tài trợ, hướng viện trợ vào các lĩnh vực, địa phương ưu tiên.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc xây dựng, ký kết và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác PCPNN giữa Việt Nam với các quốc gia và giữa Việt Nam với các tổ chức quốc tế.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc tổ chức thực hiện pháp luật như: Thu thập, trao đổi thông tin, đào tạo nâng cao trình độ về pháp luật, về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học...

Hợp tác quốc tế trong quá trình xử lý những vi phạm mà các TCPCPNN ở Việt Nam gây ra đảm bảo các yêu cầu về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ.

Để mở rộng hợp tác quốc tế trong QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Xây dựng các hệ thống, thông tin hiện đại, đảm bảo cung cấp nhanh, chính xác về tình hình, nhu cầu của các ngành, địa phương, làm cơ sở để các TCPCPNN ở Việt Nam xem xét tài trợ, đưa thông tin lên mạng Internet, tổ chức các hình thức hội thảo phù hợp và thiết thực để tăng cường hợp tác quốc tế.

- Tổ chức các đoàn ra nước ngoài nhằm tìm hiểu trực tiếp về tổ chức, về phương thức hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, tổ chức các hội thảo về Việt Nam ở nước ngoài, tăng cường sự tham gia của các cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

- Cần tổ chức nhiều buổi hội thảo, tập huấn có sự tham gia của các chuyên gia, các nhà khoa học nhằm chia sẻ kinh nghiệm, khó khăn thách thức trong quá trình quản lý TCPCPNN ở Việt Nam để vừa nâng cao năng lực cho cán bộ, vừa để thu hút các nguồn lực đầu tư vào Việt Nam.

- Tăng cường hợp tác và phối hợp với TCPCPNN ở Việt Nam trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn của các tổ chức này tại Việt Nam; xây dựng cơ chế hợp tác với TCPCPNN ở Việt Nam và các cơ quan hợp tác đa phương và song phương.

4.2.5. Tăng cường công tác tổng kết về quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Việc sơ kết, tổng kết sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc tổng hợp, đánh giá thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đề ra các giải pháp phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ và phù hợp với mỗi địa phương khác nhau.

Để rút ra những bài học quý báu, kịp thời phục vụ cho QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam trong thời gian tới, chúng ta cần tăng cường công tác sơ kết, tổng kết. Đó là cách nắm vững tình hình hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam cũng như về công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam. Từ những số liệu thực tế mới hệ thống hóa, có những đánh giá tổng quát chính xác về thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, cần thường xuyên tiến hành tổng kết, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm quản lý giữa các cơ quan quản lý các cấp, các ngành, các địa phương. Theo ý kiến của một số cơ quan quản lý về PCPNN ở địa phương, hội nghị tổng kết công tác phi chính phủ toàn quốc của Việt Nam hiện nay được tổ chức 10 năm một lần là hơi thưa. Do bước phát triển nhanh chóng của các TCPCPNN ở Việt Nam, do những biến động không ngừng của tình hình mới, khoảng cách giữa hai lần hội nghị nên được rút lại là 5 năm để kịp thời đánh giá tình hình, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất những bổ sung hoặc thay đổi, điều chỉnh cần thiết về chính sách hoặc biện pháp cho phù hợp với thực tiễn mới.

Bên cạnh đó, vì quan hệ giữa Nhà nước và các TCPCPNN ở Việt Nam không chỉ là quan hệ giữa chủ thể quản lý và khách thể quản lý mà còn là quan hệ đối tác, nên chúng ta cần chú ý tới việc tăng cường đối thoại và chia sẻ kinh nghiệm hợp tác với chính công đồng TCPCPNN ở Việt Nam và trên thế giới, lắng nghe những ý kiến và phản hồi của họ để có những điều chỉnh kịp thời và phù hợp. Ngoài ra bên cạnh việc sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm từ thực tế trong nước, cũng cần phải chú ý tìm hiểu và học tập những kinh nghiệm quản lý về PCPNN ở các nước khác, nhất là các nước có tình độ phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội tương tự và accs nước có cùng chế độ chính trị.

Muốn nâng cao hiệu quả QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cần có đường lối, chủ trương và những chính sách, biện pháp thích hợp, những điều này chỉ có thể có được khi chúng ta có nền tảng lý luận vững chắc và sát với thực tế khách quan, phải thừa nhận rằng cho đến nay, mặc dù các TCPCPNN đã vào Việt Nam được một thời gia khá dài, song chúng ta vẫn chưa có những nghiên cứu mang tính lý luận cao đối với lĩnh vực quản lý này. Đây là một thiếu sót trong những năm tới chúng ta cần chú ý bổ sung, nghiên cứu lý luận không phải là một công việc có thể hoàn tất ngày một ngày hai mà nó là một công việc khó khăn phải thực hiện trong một quá trình dài đòi hỏi rất nhiều trí lực và công sức, song là việc phải nhất thiết thực hiện. Bởi một nền tảng lý luận đúng đắn và vững chắc là cơ sở không thể thiếu đối với việc chỉ đạo quản lý và hướng dẫn thực hiện.

Tiểu kết chương 4

Bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là một yêu cầu khách quan, xuất phát từ những yêu cầu lý luận và thực tiễn xã hội. QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay cần quán triệt các quan điểm có tính phương pháp luận, chỉ đạo, chi phối nội dung QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam đó là các quan điểm của Đảng, thực hiện đồng bộ các nội dung về xây dựng, hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vi phạm phạm pháp luật liên quan đến TCPCPNN ở Việt Nam, nâng cao năng lực của hệ thống bộ máy QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Trên cơ sở các quan điểm về QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, sẽ là cơ sở để đưa ra các nhóm giải pháp bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN và các nhóm giải pháp cần tập trung thực hiện các giải pháp cơ bản sau: Xây dựng, ban hành văn bản quy pháp pháp luật về QLNN đối với TCPCPNN, tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với TCPCPNN ở Việt Nam; mở rộng quan hệ hợp tác trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam và tường cường công tác tổng kết về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Những nhóm giải pháp cơ bản trên đây sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, phát huy được tính tích cực của TCPCPNN ở Việt Nam, hạn chế được những tiêu cực của TCPCPNN ở Việt Nam và công tác quản lý hoạt động PCPNN, bên cạnh đó góp phần thực hiện đường lối đối ngoại nhân dân của Đảng và Nhà nước, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu lý luận, đánh giá thực trạng công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam cho thấy:

Hiện nay, công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN cùng với sự phát triển của kinh tế - xã hội còn không ít những vấn đề cần được nhận thức và quan tâm giải quyết. Các cấp có thẩm quyền và chức năng QLNN đối với TCPCPNN cần tiếp tục nghiên cứu đề ra các chính sách, quy định trong việc quản lý các TCPCPNN ở Việt Nam, cần xây dựng một hệ thống quản lý chặt chẽ từ Trung ương đến địa phương làm cho công tác QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN vừa chặt chẽ, vừa hiệu quả nhằm quản lý tốt và tranh thủ được mặt tích cực của các tổ chức này góp phần cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

Lý luận và thực tiễn đang tiếp tục đòi hỏi Chính phủ, các bộ, ban, ngành, nhất là Bộ Ngoại giao, Ủy ban công tác về các TCPCPNN, Bộ Nội vụ, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch - Đầu tư, Bộ Tài Chính,... cần tiếp tục quan tâm hơn nữa trong phân tích chính sách, điều chỉnh chính sách và kiểm tra việc thực hiện các quy định QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN nhằm thực hiện tốt những vấn đề lý luận, về thể chế cũng như chính sách đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp và hiệu quả từ Trung ương đến địa phương trong đó cần tập trung hơn nữa cho việc hoàn thiện thể chế và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

TCPCPNN là một lĩnh vực phức tạp và nhạy cảm. TCPCP là sản phẩm của chủ nghĩa tư bản, tất cả các TCPCPNN ít nhiều chịu ảnh hưởng của các chính phủ và các tổ chức tôn giáo tài trợ cho họ nên đa phần đều có quan điểm chung là tán thành đa nguyên, dân chủ, tự do tư sản chủ nghĩa; mọi hoạt động của họ dù về phương diện kinh tế, văn hóa đều có tác động chính trị nhất định. Tuy nhiên, mỗi tổ chức lại có sắc thái riêng. Thực tiễn hoạt động trong lĩnh vực này cho thấy không thiếu những người có thiện chí, thành thực giúp đỡ Việt Nam phát triển. Chính vì vậy, đối với TCPCPNN không thể có cái nhìn phiếm diện, các TCPCPNN có tôn chỉ, mục đích riêng của mình. Điều cốt yếu là phải hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực này, nắm vững phương châm để vừa hợp tác, vừa đấu tranh và có cách làm đúng để tranh thủ những lợi ích mà hoạt động phi chính phủ mang lại, đồng thời hạn chế được các sơ hở, thiếu sót và tổn thất khi đất nước ta mở cửa và hội nhập quốc tế.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự thống nhất quản lý của Nhà nước, với tâm huyết và trí lực của tất cả những người làm công tác phi chính phủ, tin rằng Việt Nam sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu trên lĩnh vực này và sẽ thành công trong việc tìm ra cách thức tiếp cận và những quy chế QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam phù hợp với những thay đổi của tình hình mới để đạt được kết quả cao hơn, đóng góp tích cực hơn vào việc thực hiện đường lối đối ngoại, độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa mà Đảng và nhà nước ta đề ra trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

Hòa chung trong dòng chảy của thời kỳ hội nhập quốc tế khu vực và thế giới, Việt Nam đang ngày càng khẳng định là một đất nước có chế độ chính trị, xã hội ổn định, an toàn, có môi trường tốt, đây là nơi TCPCPNN đặt trụ sở, triển khai các hoạt động nhân đạo và các chương trình dự án.

Ở nước ta hiện nay TCPCPNN đang ngày càng góp phần quan trọng vào những nỗ lực nhằm đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ về xóa đói giảm nghèo, TCPCPNN cùng với các tổ chức xã hội dân sự sát cánh với chính quyền các cấp thực hiện các hoạt động phục vụ mục tiêu xóa đói giảm nghèo, phòng, chống HIV/AIDS, y tế, giáo dục...

Với kết quả nghiên cứu của đề tài luận án, có thể rút ra những kết luận sau đây:

1. Luận án đã làm rõ nhận thức cơ bản QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, trong đó đã đưa ra các khái niệm mới: *“QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước tiến hành bằng công cụ pháp luật để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động của TCPCPNN; điều chỉnh các hoạt động cụ thể của TCPCPNN ở Việt Nam cũng như hành vi của cá nhân trong các TCPCPNN ở Việt Nam nhằm góp phần đảm bảo môi trường an ninh, an toàn cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và thực hiện các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội do nhà nước đề ra”*. Đây là những vấn đề mới có ý nghĩa quan trọng, là cơ sở lý luận để chỉ đạo và tổ chức hoạt động thực tiễn QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

2. Luận án cũng đã phân tích, làm rõ tình hình hoạt động của TCPCPNN ở Việt Nam, lần đầu tiên chỉ ra 03 đặc điểm của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, bao gồm: Đặc điểm về chủ thể quản lý; đặc điểm về đối tượng quản lý và mục đích QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

Bên cạnh đó, luận án cũng chỉ ra những vai trò QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam: Góp phần đảm bảo môi trường an ninh, an toàn cho TCPCPNN ở Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; góp phần bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH; góp phần mở rộng quan hệ quốc tế và tích cực hội nhập quốc tế; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh xã hội.

3. Luận án đã phân tích, đánh giá thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam theo cách tiếp cận của khoa học QLNN, thể hiện trên các mặt: xây dựng, ban hành pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam; tổ chức thực hiện pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam và thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của TCPCPNN ở Việt Nam. Qua đó khẳng định những kết quả đã đạt được, nguyên nhân của kết quả, chỉ ra những hạn chế, bất cập và nguyên nhân. Đây chính là cơ sở thực tiễn để đề xuất các giải pháp bảo đảm QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam thời gian tới.

4. Luận án đã đề xuất 05 nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, đó là: hoàn thiện pháp luật về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm đối với TCPCPNN ở Việt Nam; mở rộng quan hệ hợp tác trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam và tăng cường công tác tổng kết về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam.

CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Trần Doãn Quân (2020), *Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam*, Tạp chí Quản lý nhà nước, ISSN: 2354-0761, Số 297 tháng 10/ 2020.
2. Trần Doãn Quân (2020), Bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế: *Some Solutions To Promote State Management On Assistance Of Foreign Government Organizations in social and economic development of Vietnam*, Proceedings of The 7th Conference on International Economic Cooperation and Integration (CIECI) Trade and investment facilitation in the context of global upheaval. ISBN: 978-604-67-1832-1, Science and technics publishing house.
3. Trần Doãn Quân (2021), *Tăng cường quản lý nhà nước về vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài*, Tạp chí Quản lý nhà nước, ISSN: 2354-0761, Số 302 tháng 3/2021.
4. Trần Doãn Quân (2021), *Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Current Situation and direction to complete legal regulations on state management for foreign non-government organizations in Vietnam*, 13th Neu-kku international conference socio-economic and environmental issues in development 2021, ISBN: 978-604-79-2811-8.
5. Trần Doãn Quân (2021), *Thực trạng và phương hướng hoàn thiện các quy định pháp luật về quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia về tài chính, kế toán và kinh doanh thương mại Cfac 2021 “Đổi mới công nghệ, thị trường và chính sách”, ISBN: 978-604-79-2819-4, Tháng 7 năm 2021.
6. Tran Doan Quân (2021) *Enhancing state management of foreign non-governmental organizations support in Vietnam*, State Management Review, ISSN 2354-0761, Volume 1, Number2, December 2021

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cần Việt Anh (2015), *Hoàn thiện nội dung quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ ở Hà Nội hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.
2. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2003), *Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 24/01/2003 của về công tác phi chính phủ nước ngoài*, Hà Nội.
3. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2011), *Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 6/7/2011 về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân*, Hà Nội.
4. Bộ Công an (2013), *Báo cáo tổng kết công tác đảm bảo an ninh đối với các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam*, Kỷ yếu hội nghị Tổng kết công tác đảm bảo an ninh đối với các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam, Hà Nội.
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, *Báo cáo tổng kết tình hình thiên tai các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021*, Hà Nội.
6. Bộ Kế hoạch & Đầu tư (2010), *Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/03/2010 Hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài*, Hà Nội.
7. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 hướng dẫn hồ sơ, thủ tục miễn thuế thu nhập cá nhân đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án*, Hà Nội
8. Chính phủ (2009), *Nghị định 93/2009/NĐ-CP ngày 23/10/2009 của Chính phủ ban hành quy chế và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài*, Hà Nội.
9. Chính phủ (2013), *Quyết định số 765/QĐ-TTg ngày 22/5/2013 về việc kiện toàn Ủy ban Công tác về các TCPCPN*, Hà Nội.
10. Chính phủ (2017), *Quyết định 20/2017/QĐ-TTg quy định về hoạt động chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức phi chính phủ*, Hà Nội.
11. Chính phủ (2020), *Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam*, Hà Nội.

12. Chính phủ (2022), *Nghị định số 58/2022/NĐ-CP, ngày 31/8/2012 về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam*, Hà Nội.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1,2, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

14. Phạm Văn Chiến (2012), *Đầu tư của các TCPCPN ở vùng đồng bằng Sông Hồng*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị - hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

15. Nguyễn Thế Công (2011), “Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh quốc gia đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học & Giáo dục An ninh*, số 6, Hà Nội.

16. Cục An ninh chính trị nội bộ (2020), *Báo cáo 10 năm (2011-2020) về tình hình hoạt động tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế tại Việt Nam từ năm 2010-2020*, Báo cáo ngày 26/12/2020, Hà Nội.

17. Cục An ninh đối ngoại (2020), *Báo cáo 10 năm (2011-2020) về tình hình hoạt động của các NGO nước ngoài tại Việt Nam*, Báo cáo ngày 25/12/2020, Hà Nội.

18. Cục môi trường Ngân hàng thế giới (2000), *Sổ tay kinh nghiệm về pháp luật liên quan đến các tổ chức phi chính phủ*, NXB Khoa học – kỹ thuật, Hà Nội.

19. Nguyễn Ngọc Diệp (1999), *1200 Thuật ngữ pháp lý*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Đại học Quốc gia Hà Nội (2005), *Giáo trình lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

21. Đại học Kinh tế quốc dân (1999), *Chính sách kinh tế xã hội*, Nxb Khoa học Kỹ thuật Hà Nội.

22. Vũ Công Giao (2016) *Bảo đảm quyền tự do lập hội theo Hiến pháp 2013 - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

23. Đỗ Sơn Hà (2009), *Thực trạng và giải pháp về tổ chức, hoạt động và quản lý hội, tổ chức phi chính phủ Việt Nam trong thời kỳ đổi mới*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.

24. Bùi Thanh Hà (2011), *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác an ninh đối với hoạt động lợi dụng viện trợ của tổ chức phi chính phủ (NGO) tôn giáo nước ngoài tại Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.

25. Đoàn Thị Thu Hà, Nguyễn Ngọc Huyền (1999), *Chính sách kinh tế - xã hội*, Nxb Khoa học Kỹ Thuật, Hà Nội.

26. Trần Thị Thúy Hà (2014), “Hoạt động hợp tác với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài thời kỳ hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, Số 11, Hà Nội.

27. Tô Tử Hạ (2003), *Từ điển Hành chính*, NXB Thống kê, Hà Nội.

28. Vũ Văn Hải (2018), “Vai trò và hiệu quả hoạt động của các tổ chức phi chính phủ quốc tế ở Việt Nam”, *Tạp chí Cộng sản*, số 903, Hà Nội.

29. Phạm Thu Hằng (2010), *Hoàn thiện phân cấp trong quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

30. Nguyễn Thị Đức Hảo (2017), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.

31. Phạm Ngọc Hiền (2001), *Hoạt động viện trợ phi chính phủ của các NGO nước ngoài ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra trong công tác an ninh*, Bộ Công an, Hà Nội.

32. Phạm Ngọc Hiền (2012), “Quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học & Chiến lược Công an*, số 8, Hà Nội.

33. Nguyễn Đình Hoa (2011), “Quản lý nhà nước về an ninh quốc gia đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh Nghệ An”, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

34. Học viện Cảnh sát nhân dân (2010), *Giáo trình Quản lý nhà nước về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

35. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ chí Minh (2009) “*Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ*”. Hà Nội.

36. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2003), *Giáo trình Khoa học quản lý*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

37. Học viện Chính trị Công an nhân dân (2015): “*Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội*”, Hà Nội.

38. Học viện Hành chính quốc gia (2000), *Một số thuật ngữ hành chính*, NXB Thế giới.

39. Trần Kiên, Khuất Thu Hồng và Vũ Công Giao đồng chủ biên (2019) “Pháp luật về hội, tổ chức phi chính phủ trên thế giới và Việt Nam”, *Nhà xuất bản Tư pháp*, Hà Nội

40. Trương Thị Phong Lan (2016), *Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.

41. V.I. Lê nin (1962), *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Hà Nội.

42. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (2013): *Sổ tay hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam/ Handbook of foreign Non-governmental organizations in Việt Nam*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

43. Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (2016): *Sổ tay hướng dẫn các tổ chức phi chính phủ Nhật bản tại Việt Nam*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia, Hà Nội.

44. Su Li Nông Chấn Thạ Man (2011), *Tổ chức công tác nắm tình hình, phát hiện các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn thủ đô Viên Chấn, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

45. Lê Chi Mai (2001), *Những vấn đề cơ bản về chính sách và quy trình chính sách*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

46. Đinh Văn Mậu, Phạm Hồng Thái (2001), *Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.

47. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

48. Nguyễn Thị Bích Mơ (2012), *Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại các tỉnh Tây Bắc*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

49. Nguyễn Thị Bích Mơ (2013), *Quản lý nhà nước về an ninh quốc gia đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

50. Nguyễn Song Nam (2010), *Quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.

51. Ngân hàng phát triển Châu á (ADB) (2003), *Phục vụ và duy trì: Cải thiện hành chính công trong một thế giới cạnh tranh*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

52. Văn Hải Ngọc (2017), “Vấn đề cần lưu ý khi vận dụng mô hình bảng cân bằng điểm cho khu vực công và các tổ chức phi lợi nhuận”, *Tạp chí kinh tế và kiểm toán*, số 8, Hà Nội.

53. Nguyễn Kim Ngọc (2011), “Đổi mới phương thức QLNN đối với các TCPCPN ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Kinh tế đối ngoại*, số 3, Hà Nội.

54. Khăm Xênh Xi Lăm Phon (năm 2003), *Hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở thành phố Viêng Chăn và những vấn đề đặt ra đối với công tác an ninh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

55. Khăm Xênh Xi Lăm Phon (2014), *Đấu tranh với hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia của nhân viên các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Lào*, Luận án Tiến sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

56. Đôn Tuấn Phong (2018), “Viện trợ của tổ chức phi chính phủ quốc tế - kinh nghiệm tại một số quốc gia”, *Tạp chí Kinh tế và Quản lý*, Số 25, Hà Nội

57. Đôn Tuấn Phong (2018), *Viện trợ vốn của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

58. Nguyễn Thang Phúc và PGS.TS Nguyễn Minh Phương đồng chủ biên (2010), *Vai trò của các tổ chức xã hội đối với phát triển và quản lý xã hội*, Nhà xuất bản chính trị quốc gia - sự thật, Hà Nội.

59. Trần Doãn Quân (2021), “Tăng cường quản lý nhà nước về vốn viện trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 302, Hà Nội.

60. Sổ tay thuật ngữ pháp lý thông dụng (1996), NXB Giáo dục, Hà Nội

61. Lê Văn Sơn (2005) *Vai trò của các TCPCP trong việc hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực cho người dân và đối tác địa phương miền núi phía Bắc*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội.

62. Tạ Tấn (2015): *Quản lý nhà nước đối với các hội, tổ chức phi chính phủ trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành Chính, Hà Nội.

63. Trần Thị Thanh Thanh (2019), *Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động tại Việt Nam: Thực trạng, triển vọng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

64. Nguyễn Tiến Thành (2017), *Đổi mới quản lý nhà nước đối với hội và tổ chức phi chính phủ ở nước ta trong điều kiện hội nhập quốc tế*, Bộ Nội vụ, Hà Nội.

65. Nguyễn Xuân Thiêm (2008), *Vai trò quản lý nhà nước đối với các hoạt động của các tổ chức phi chính phủ ở Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

66. Nguyễn Thanh Thủy (2018), “Nhận diện các tổ chức phi lợi nhuận ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, Số 11, Hà Nội.

67. Ngô Đức Tin (2017), *Quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.

68. Trần Thế Trung (2010), *Quản lý nhà nước về an ninh đối với các tổ chức phi chính phủ nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

69. Trường Đại học Luật Hà Nội (1999), *Từ điển giải thích thuật ngữ Luật học*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

70. Bùi Quang Tuấn, Lại Lâm Anh (2018), “Tổ chức phi chính phủ quốc tế hoạt động tại Việt Nam: Thực trạng, những vấn đề còn tồn tại và một số gợi ý chính sách”, *Tạp chí Phát triển bền vững Vùng*, Số 1.

71. Sớm Xay Chăn Thạ Vông (2007), *Quản lý nhà nước về an ninh quốc gia đối với các tổ chức phi chính phủ trên địa bàn tỉnh Luông Nặm Thà, nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào - Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ, Học viện An ninh nhân dân, Hà Nội.

72. Ủy ban Công tác các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, *Báo cáo Công tác phi chính phủ nước ngoài các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021*, Hà Nội.

73. Vụ chức phi chính phủ (2000), “*Thực trạng và giải pháp quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ*”, Bộ Nội vụ, Hà Nội.

74. Vụ Tổ chức phi chính phủ (2013), “*Xây dựng đội ngũ công chức làm công tác quản lý nhà nước về hội*”, Bộ Nội vụ, Hà Nội.

75. Vụ tổ chức phi chính phủ (2014), “*Hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước đối với các Hiệp hội các tổ chức kinh tế*”, Bộ Nội vụ, Hà Nội.

76. Trần Văn Xem & Mai Xuân Ba (2012) “Âm mưu tác động chuyển hóa chế độ ở Việt Nam của các tổ chức phi chính phủ Mỹ trên lĩnh vực dân chủ, nhân quyền”, *Tạp chí Khoa học & Giáo dục An ninh*, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh

77. ActionAid International (AAI) (2014), *ActionAid International Annual Report 2013*, tại trang http://www.actionaid.org/sites/files/actionaid/aai_annual_report_2013_stg7.pdf, [truy cập ngày 26/11/2015].

78. ADB (2011a), “Civil Society Briefs: Lao People’s Democratic Republic”, *ADB Publication Stock No. ARM113341*, ADB Vientiane.

79. Arndt, C. Jones, S., Tarp, F. (2006), *Aid and Development in Mozambique*, WIDER Conference on Aid, Helsinki, tại trang www.wider.unu.edu/conference/conference-2006-1/conference-2006-htm), [truy cập ngày 26/11/2016].

80. Asian Management and Development Institute (AMDI) (2013), *Final Evaluation Report: Joint Partnership to support scale-up of the National Community-based Disaster Risk Management Programme in vulnerable provinces of Vietnam*, Save the Children, Plan and Care.

81. Atlantic Philanthropies (AP) (2015), *Vietnam Population and Health Projects*, tại trang <http://www.atlanticphilanthropies.org/populationhealth-vietnam>), [truy cập ngày 12/11/2016].

82. Barr, A., Fafchamps, M., Owens, T. (2003), *Non-Governmental Organizations in Uganda: A Report to the Government of Uganda*, Centre for the Study of African Economies, University of Oxford.

83. Aynsley Kellow, and Hannah Murphy – Gregory (2018): “*Handbook of Research on NGOs*”.

84. Andrew A Mushi (2011): “*Civil society in the Era of Good Governance Dispensation: Non - Governmental Organisations (NGOs) and the politic of Engaging Governmental in Tanzania*”, Đại học Birmingham.

85. Charlish D. và cộng sự (2003): “*Towards Organisational Performance Assessment: Experiences of Strengthening Learning, Accountability and Understanding Social Change*”.

86. Chính phủ Lào (1998), *Decree of the Prime Minister dated 28 April 1998 on the Administration of Non-governmental Organizations in the Lao People’s Democratic Republic* (translated version).

87. Chính phủ Lào (2010), *Decree of the Prime Minister dated 08 January 2010 on the Administration of Non-governmental Organizations in the Lao People’s Democratic Republic* (translated version).

88. Davis Lewis (2001): “*The Management of Non - Governmental Development Organizations - An Introduction*”, Nhà xuất bản Routledge, London and New York.

89. Hecman Toler, Public Admintration Institute (2003), “*Improve Close Link between Government and NGOs*”, USA.

90. Michael Edwards và David Hulme (1998): “*Too Close for Comfort? The Impact of Official Aid on Non-Governmental Organizations*”, Current Issues in Comparative Educatio.

91. Mawdsley, E. và cộng sự (2005): “*Trust, accountability and face to face interaction in North-South relations*”, *Development in ractice* 5, tr.25-27.

92. Mersiyanova I.V (2007): “*Foreign intelligence agencies disguise themselves as NGOs to harass Russia*”, trường Đại học quốc gia Matxcova (năm 2007).

93. Kendall, J. và Martin, K (1999): “*Evaluation and the Voluntary (Non-profit) Sector: Emerging Issues*”, International Perspectives on Voluntary Action: Reshaping the Third Sector, Earthscan, London.

94. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) (2010), *Civil Society Briefs: Lao People’s Democratic Republic*.

95. Seidel, M (2010), *Regulation of the Voluntary Sector: Freedom and Security in an Era of Uncertainty*.

96. Starling và cộng sự (2004): “*Global Impact Monitoring: Save the Children UK’s Experience of Impact Assessment*”, Save the Children

97. Tomlinson (2013): “*Working with Civil Society in Foreign Aid: Possibilities for South-South Cooperation*” B, UNDP, China.

98. OECD, *Development Co-operation Report 2014: Mobilizing Resources for Sustainable Development* (Báo cáo hợp tác phát triển năm 2014:

99. John Henning: “*A State Management Role to NGOs*” (*Vai trò quản lý nhà nước đối với các tổ chức phi chính phủ*”, Đại học Oxford, London, 1981)

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Đối tượng, phương pháp thu thập thông tin thu được về thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Để đánh giá thực trạng QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam, tác giả đã sử dụng các cuốn tài liệu thứ cấp, như: Báo cáo của Ủy ban Công tác về TCPCPNN, các công trình khoa học, các bài viết có liên quan đến luận án.

Bên cạnh đó, NCS cũng sử dụng phương pháp nghiên cứu sơ cấp qua điều tra xã hội để đánh giá thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN một cách khách quan, trung thực. Đó là:

- Xây dựng mẫu phiếu khảo sát đối với lãnh đạo cấp vụ, cục - Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và lãnh đạo Ủy ban công tác về TCPCPNN
- Tiến hành khảo sát về thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN tại một số địa phương như: Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh, ...
- Xây dựng các biểu mẫu điều tra xã hội học về thực trạng QLNN đối với TCPCPNN tại vụ, cục - Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Ủy ban Công tác về TCPCPNN, là đối tượng vừa làm công tác thu thập, thông tin, tình hình liên quan, hoạch định, xây dựng chính sách, pháp luật, vừa làm công tác tổ chức thực hiện pháp luật, tiến hành hoạt động quản lý và xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về TCPCPNN.

1. Đối tượng thu thập thông tin

1.1. Công chức làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm đến quản lý TCPCPNN

Đó là các công chức đang công tác tại vụ, cục - Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Ủy ban Công tác về TCPCPNN, là đối tượng vừa làm công tác thu thập, thông tin, tình hình liên quan, hoạch định, xây dựng chính sách, pháp luật, vừa làm công tác tổ chức thực hiện pháp luật, tiến hành hoạt động quản lý và xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về TCPCPNN

1.2. Viên chức làm việc chuyên trách hoặc kiêm nhiệm đến quản lý TCPCPNN

Đó là các viên chức đang công tác tại vụ, cục - Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Ủy ban công tác về TCPCPNN, đây là đối tượng thực thi pháp luật về TCPCPNN.

2. Phương pháp thu thập thông tin

Điều tra bằng phương pháp trưng cầu ý kiến

Điều tra bằng bảng hỏi, các câu hỏi được in sẵn trên phiếu trưng cầu ý kiến

Bảng 1: Đối tượng trưng cầu ý kiến, số phiếu và tỷ lệ

Đối tượng điều tra	Tổng số phiếu phát ra	Tổng số phiếu thu về	Tỷ lệ % trên tổng số phiếu thu về
Bộ Ngoại giao	50	40	80
Bộ Công an	60	60	100
Bộ Nội vụ	50	50	100
Ủy ban Công tác về TCPCPNN	50	50	100
Tổng cộng	260	250	96.1

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

3. Cơ cấu mẫu phiếu trưng cầu ý kiến về thực trạng QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Để hiểu thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN, 260 phiếu trưng cầu ý kiến đã được phát cho công chức, viên chức công tác liên quan đến QLNN đối với TCPCPNN. Số phiếu thu về là 250 phiếu, đạt 96,1% so với phiếu phát ra.

3.1. Cơ cấu về độ tuổi của đối tượng điều tra

Bảng 2. Phân loại đối tượng điều tra theo độ tuổi

Độ tuổi	Tần suất	Tỷ lệ %
Dưới 31 tuổi	15	6
Từ 32 tuổi đến 40 tuổi	80	30,7
Từ 41 tuổi đến 50 tuổi	85	32,6
Từ 51 tuổi trở lên	80	30,7
Tổng số	260	100

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Theo bảng thống kê trên thì độ tuổi 32 tuổi đến 40 tuổi là độ tuổi sung sức, công hiến cho công việc

3.2. Cơ cấu về trình độ học vấn của đối tượng điều tra

Bảng 3. Phân loại đối tượng điều tra theo trình độ học vấn

Trình độ	Tần suất	Tỷ lệ
Trung cấp	10	3.84

Cao đẳng	3	1,15
Đại học	176	67,6
Sau đại học	80	31,7
Tổng số	260	100

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Qua bảng phân loại đối tượng điều tra theo trình độ học vấn thấy các đối tượng trưng cầu ý kiến là khá cao. Tập trung nhiều nhất là đại học với 67,6% và trên đại học là 31,7%. Điều này cho thấy các đối tượng trên am hiểu trình độ học vấn, sự hiểu biết về pháp luật, kinh tế, xã hội

3.3. Cơ cấu trình độ quản lý nhà nước của đối tượng điều tra

Bảng 4. Phân loại đối tượng điều tra theo trình độ QLNN

Trình độ QLNN	Tần suất	Tỷ lệ %
Cán sự	7	2,69
Chuyên viên	141	53,8
Chuyên viên chính	110	42,3
Chuyên viên cao cấp	2	0,76
Tổng số	260	100

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Theo bảng thống kê 4 (đối tượng điều tra theo trình độ QLNN) tập trung nhiều nhất là chuyên viên là 53,8%, chuyên viên chính 42,3%, nhưng chuyên viên cao cấp lại chiếm tỉ lệ thấp nhất là 0,76%.

3.4. Cơ cấu trình độ lý luận chính trị của đối tượng điều tra

Bảng 5. Phân loại đối tượng điều tra theo trình độ lý luận chính trị

Trình độ lý luận chính trị	Tần suất	Tỷ lệ%
Sơ cấp chính trị	5	1,9
Trung cấp chính trị	87	33,4
Cao cấp chính trị	5	1,9
Tổng số	97*	100

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

* Còn 165 người không ghi trình độ lý luận chính trị.

Theo bảng thống kê 5 kết quả cho thấy trình độ lý luận chính trị của đối tượng trung cầu ý kiến khá cao, đối tượng có trình độ lý luận trung cấp lý luận chiếm tỉ lệ cao nhất là 33,4%.

3.5. Cơ cấu về chức vụ đảm nhiệm của đối tượng điều tra

Bảng 6. Phân loại đối tượng điều tra theo chức vụ đảm nhiệm

Vị trí công tác	Tần suất	Tỷ lệ %
Công chức, viên chức	120	46,2
Lãnh đạo phòng	90	34,6
Lãnh đạo vụ, cục	50	19,2
Tổng số	260	100

(Nguồn: Kết quả xử lý phiếu trưng cầu ý kiến)

Qua bảng thống kê 6 thì vị trí chức vụ đang đảm nhiệm của đối tượng trưng cầu ý kiến khá cao. Đây là những đối tượng thường xuyên tiếp cận với công tác quản lý đơn vị, đặc biệt là QLNN

4. Phương pháp xử lý thông tin

Để có kết quả thông tin phản ánh về thwujc trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, một số phương pháp xử lý thông tin sau đây đã được áp dụng:

- Sử dụng phần mềm EpiData phiên bản 3.1 để nhập liệu và thiết lập chế độ kiểm tra (File Check) một cách chặt chẽ để hạn chế tối đa có thể sai sót do nhập liệu. Toàn bộ số liệu sau khi nhập xong được chuyển sang SPSS phiên bản 13.0 để quản lý và phân tích.

- Sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 13.0 để quản lý và phân tích. Kết quả phân tích được sử dụng phương pháp thống kê.

- Kết quả điều tra sẽ giúp tác giả trong việc phân tích, đánh giá thực trạng QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay.

**Phụ lục 2. Phiếu khảo sát về quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức
phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam**

**(Dùng cho lãnh đạo cấp vụ, cục – Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ, Bộ
Tài chính) (n = 260)**

Để phục vụ cho đề tài nghiên cứu “Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam”. Xin ông/bà cho biết ý kiến về những nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu V vào những ô thích hợp hoặc ghi thêm ý kiến cá nhân. Những thông tin được cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông /Bà!

Phần 1: Thông tin cá nhân

1. Tuổi.....; giới tính:....., Dân tộc:.....
2. Số năm công tác:.....
3. Chức vụ hiện nay:.....
4. Trình độ chuyên môn đào tạo:.....
5. Trình độ lý luận chính trị:.....

Phần 2: Nghiên cứu về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam

Câu 1: Theo Ông/Bà hiện nay hệ thống văn bản pháp luật quy định về QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam đã:

1.1. Đáp ứng được yêu cầu công việc	40	15,3%
1.2. Chưa đáp ứng yêu cầu công việc	50	19,2%
1.3. Còn nhiều hạn chế	70	29,9%
1.4. Cần bổ sung, hoàn thiện	100	38,4%

Câu 2: Trong quá trình thực thi công vụ, Ông/Bà có thường xuyên áp dụng hệ thống văn bản có liên quan:

2.1. Thường xuyên	200	76,9%
2.2. thỉnh thoảng	50	19,2%
2.3. Không thường xuyên	0	0

Câu 3: Theo Ông/Bà quy trình ban hành VBQPPL hiện nay đã:

3.1. Đúng quy trình	78	30%
3.2. Chưa đúng quy trình	101	38,8%
3.3. Còn nhiều hạn chế	81	31,2%

Câu 4: Ông/Bà đánh giá thế nào về việc kiểm tra hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay:

4.1. Hình thức	50	19,2%
4.2. Nghiêm túc	35	13,4%
4.3. Qua loa	50	12,1%
4.4. Không có kế hoạch	70	29,9%
4.5. Có kế hoạch	35	13,4%
4.6. Chi tiết	20	7,7%

Câu 5: Nếu tự đánh giá bản thân trong việc thực hiện quy định pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam, Ông/Bà đánh giá thế nào về bản thân:

5.1. Rất tốt	90	34,6%
5.2. Tốt	70	29,9%
5.3. Khá	60	23%
5.4. Trung bình	40	15,4%
5.5. Yếu	0	0%

Câu 6: Theo Ông/Bà quản lý nhà nước đối với các TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay còn những khó khăn gì:

6.1. Quy định của văn bản pháp luật	30	11,6%
6.2. Số lượng các TCPCPNN rất nhiều trong khi nhân lực trực tiếp thực hiện công tác quản lý hoạt động này còn thiếu	90	34,6%
6.3. Ý thức chấp hành pháp luật của một số cá nhân và tổ chức PCPNN còn thực sự hạn chế	70	26,9%
6.4. Ý thức chấp hành pháp luật của một số cá nhân, cơ quan nhà nước thực hiện công tác quản lý đối với TCPCPNN còn hạn chế	70	27,9%

Câu 7: Theo Ông/Bà các quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay:

7.1. Còn nhẹ	70	29,9%
7.2. Chưa đủ sức răn đe	130	50%
7.3. Đủ sức răn đe	40	15,4%
7.4. Quá khả năng của các TCPCPNN ở Việt Nam	20	7,7%

Câu 8: Theo Ông/Bà để nâng cao hiệu quả QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay, cần:

8.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam	50	19,2%
8.2. Kiện toàn tổ chức và hoạt động bộ máy QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam	55	21,2%
8.3. Giải pháp về cơ chế chính sách	50	19,2%
8.4. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam	55	21,2%
8.5. Tăng cường biện pháp xử lý, kỷ luật đối với các cơ quan QLNN và các TCPCPNN ở Việt Nam thực hiện không đúng pháp luật	50	19,2%

Câu 9: Theo Ông/Bà các hình thức tiếp cận pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (chưa)	Tỷ lệ không có ý kiến
9.1. Tiếp cận qua thủ tục hành chính	57,3 % (149 người)	38,4 % (100 người)	4,3 % (11 người)
9.2. Tiếp cận qua truyền thông	58,4 % (152 người)	22,4% (58 người)	19,2 % (50 người)
9.3. Tiếp cận qua hội nghị, hội thảo	73 % (190 người)	7,6 % (20 người)	3,8 % (10 người)

Xin trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 3. Phiếu khảo sát về quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

(Dùng cho công chức, viên chức đang công tác tại Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Nội vụ) (n = 260)

Để phục vụ cho đề tài nghiên cứu “Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam”. Xin ông/bà cho biết ý kiến về những nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu V vào những ô thích hợp hoặc ghi thêm ý kiến cá nhân. Những thông tin được cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông /Bà!

Phần 1: Thông tin cá nhân

1. Tuổi.....; giới tính:....., Dân tộc:.....
2. Số năm công tác:.....
3. Chức vụ hiện nay:.....
4. Trình độ chuyên môn đào tạo:.....
5. Trình độ lý luận chính trị:.....

Phần 2: Nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Câu 1: Theo Ông/Bà QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam là:

1.1. Quá trình hoạt động của các CQHCCNN có thẩm quyền trong thành lập, cho phép thành lập	95	36,5%
1.2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của các TCPCPNN ở Việt Nam	70	26,9%
1.3. Điều chỉnh các hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm việc viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam mang lại hiệu quả cao	95	36,5%

Câu 2: Theo Ông/Bà QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN được hiểu là:

2.1. Sử dụng pháp luật của nhà nước	90	34,6%
2.2. Thông qua hoạt động: xây dựng ban hành pháp luật; tổ chức thực hiện pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật	85	32,7%
2.3. Điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi của con người nhằm đảm bảo trật tự	85	32,7%

Câu 3: Theo Ông/Bà TCPCPNN có những đặc điểm:

3.1. Thường bị các thế lực thù địch lợi dụng	41	15,8%
3.2. Hoạt động mang tính phi lợi nhuận	70	26,9%
3.3. Các TCPCPNN được thành lập một cách tự nguyện và hợp pháp bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, các thành viên tham gia tổ chức là tự nguyện, tự giác và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.	60	23,0%
3.4. Các TCPCPNN không phụ thuộc vào bộ máy hành chính nhà nước và hoạt động vì mục đích nhân đạo và hỗ trợ phát triển, không vì mục đích lợi nhuận và các mục đích chính trị khác.	89	34,2%

Câu 4: Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với TCPCPNN theo Ông/Bà hiện nay có những hình thức cơ bản nào:

4.1. Lập quy	71	27,3%
4.2. Tổ chức hội nghị	42	16,1%
4.3. Hoạt động thông qua điều hành	60	23,0%
4.4. Điều hành trên cơ sở thực hiện thẩm quyền tự chủ, tự quyết và thẩm quyết mặc nhiên của các cơ quan QLHCNN đối với TCPCPNN	87	33,5%

Câu 5: Vai trò của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN là:

5.1. Triển khai thực hiện quan điểm, đường lối của	80	30,7%
--	----	-------

Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về QLNN đối với các TCPCPNN		
5.2. Góp phần bảo đảm ANQG và TTATXH	90	34,6%
5.3. Góp phần mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và tích cực hội nhập quốc tế	80	30,7%

Câu 6: Theo Ông/Bà QLNN bằng pháp luật đối với các TCPCPNN ở Việt Nam gồm những nội dung:

6.1. Xây dựng và ban hành pháp luật để quản lý các TCPCPNN	57	21,9%
6.2. Tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN	68	26,2%
6.3. Thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với TCPCPNN	70	26,9%
6.4. Xử lý các vi phạm pháp luật đối với TCPCPNN	65	25%

Câu 7: Việc xây dựng và ban hành pháp luật để quản lý đối với TCPCPNN theo Ông/Bà là:

7.1. Ban hành, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển	70	27%
7.2. Thủ tục cấp và thu hồi giấy phép hoạt động của các TCPCPNN	60	23%
7.3. Quản lý vốn viện trợ của các TCPCPNN	60	23%
7.4. Nhà nước thực hiện chức năng tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ trong hoạt động QLNN đối với TCPCPNN	70	27%

Câu 8: Ông/Bà đánh giá hạn chế của việc xây dựng và ban hành văn bản pháp luật đối với TCPCPNN là:

8.1. Ban hành chưa đầy đủ	92	35,3%
8.2. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn còn chậm	88	33,9%
8.3. Còn chồng chéo và phân tán	80	30,8%

Câu 9: Theo Ông/Bà các hình thức tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN là:

9.1. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật đối với TCPCPNN	70	26,9%
9.2. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN	80	30,8%
9.3. Các hình thức khác	110	42,3%

Câu 10: Theo Ông/Bà quản lý nhà nước đối với các TCPCPNN ở Việt Nam hiện nay còn những khó khăn gì:

10.1. Quy định của văn bản pháp luật	30	11,6%
10.2. Số lượng các TCPCPNN rất nhiều trong khi nhân lực trực tiếp thực hiện công tác quản lý hoạt động này còn thiếu	90	34,6%
10.3. Ý thức chấp hành pháp luật của một số cá nhân và tổ chức PCPNN còn thực sự hạn chế	70	26,9%
10.4. Ý thức chấp hành pháp luật của một số cá nhân, cơ quan nhà nước thực hiện công tác quản lý đối với TCPCPNN còn hạn chế	70	27,9%

Câu 11: Theo Ông/Bà các quy định xử pháp vi phạm hành chính đối với các TCPCPNN hiện nay:

11.1. Còn nhẹ	70	29,9%
11.2. Chưa đủ sức răn đe	110	42,3%
11.3. Đủ sức răn đe	50	19,2%
11.4. Quá khả năng của các TCPCPNN	30	11,5%

Câu 12: Theo Ông/Bà để nâng cao hiệu quả QLNN đối với các TCPCPNN hiện nay, cần:

12.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật đối với TCPCPNN	50	19,2%
12.2. Kiện toàn tổ chức và hoạt động bộ máy QLNN	55	21,2%

đối với TCPCPNN		
12.3. Giải pháp về cơ chế chính sách	50	19,2%
12.4. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam	55	21,2%
12.5. Tăng cường biện pháp xử lý, kỷ luật đối với các cơ quan QLNN và các TCPCPNN thực hiện không đúng pháp luật	50	19,2%

Câu 13: Theo Ông/Bà các hình thức tiếp cận pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (chưa)	Tỷ lệ không có ý kiến
13.1. Tiếp cận qua thủ tục hành chính	57,3 % (149 người)	38,4 % (100 người)	4,3 % (11 người)
13.2. Tiếp cận qua truyền thông	58,4 % (152 người)	22,4% (58 người)	19,2 % (50 người)
13.3. Tiếp cận qua hội nghị, hội thảo	73 % (190 người)	7,6 % (20 người)	3,8 % (10 người)

Câu 14: Theo Ông/Bà sự ủng hộ của người dân trong QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam thể hiện những khâu nào?

14.1. Tham gia góp ý xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam	99	38%
14.2. Tham gia góp ý vào xây dựng bộ máy QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam	101	38,9 %
14.3. Thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam	60	23,1 %

Xin trân trọng cảm ơn!

Phụ lục 4. Phiếu khảo sát về quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

(Dùng cho tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam) (n = 260)

Để phục vụ cho đề tài nghiên cứu “Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam”. Xin ông/bà cho biết ý kiến về những nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu V vào những ô thích hợp hoặc ghi thêm ý kiến cá nhân. Những thông tin được cung cấp chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ông /Bà!

Phần 1: Thông tin cá nhân

1. Tuổi.....; giới tính:.....,
2. Quốc tịch.....
3. Chức vụ hiện nay:.....

Phần 2: Nghiên cứu về quản lý nhà nước đối với tổ chức phi chính phủ nước ngoài ở Việt Nam

Câu 1: Theo Ông/Bà QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là:

1.1. Quá trình hoạt động của các CQHCCNN có thẩm quyền trong thành lập, cho phép thành lập	95	36,5%
1.2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của các TCPCPNN	70	26,9%
1.3. Điều chỉnh các hoạt động của các TCPCPNN theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm việc viện trợ của các TCPCPNN mang lại hiệu quả cao	95	36,5%

Câu 2: Theo Ông/Bà QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam được hiểu là:

2.1. Sử dụng pháp luật của nhà nước	90	34,6%
2.2. Thông qua hoạt động: xây dựng ban hành pháp	85	32,7%

luật; tổ chức thực hiện pháp luật và xử lý vi phạm pháp luật		
2.3. Điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi của con người nhằm đảm bảo trật tự	85	32,7%

Câu 3: Quản lý nhà nước bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam theo Ông/Bà hiện nay có những hình thức cơ bản nào:

3.1. Lập quy	71	27,3%
3.2. Tổ chức hội nghị	42	16,1%
3.3. Hoạt động thông qua điều hành	60	23,0%
3.4. Điều hành trên cơ sở thực hiện thẩm quyền tự chủ, tự quyết và thẩm quyết mặc nhiên của các cơ quan QLHCNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam	87	33,5%

Câu 4: Vai trò của QLNN bằng pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là:

4.1. Triển khai thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về QLNN đối với các TCPCPNN ở Việt Nam	80	30,7%
4.2. Góp phần bảo đảm ANQG và TTATXH	90	34,6%
4.3. Góp phần mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế và tích cực hội nhập quốc tế	80	30,7%

Câu 5: Việc xây dựng và ban hành pháp luật để quản lý đối với TCPCPNN ở Việt Nam theo Ông/Bà là:

5.1. Ban hành, chỉ đạo thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển	70	27%
5.2. Thủ tục cấp và thu hồi giấy phép hoạt động của các TCPCPNN ở Việt Nam	60	23%
5.3. Quản lý vốn viện trợ của các TCPCPNN ở Việt Nam	60	23%
5.4. Nhà nước thực hiện chức năng tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ trong hoạt động QLNN đối với TCPCPNN ở Việt Nam	70	27%

Câu 6: Theo Ông/Bà các hình thức tổ chức thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam là:

6.1. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam	70	26,9%
6.2. Kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với TCPCPNN ở Việt Nam	80	30,8%
6.3. Các hình thức khác	110	42,3%

Câu 7: Theo Ông/Bà các hình thức tiếp cận pháp luật về TCPCPNN ở Việt Nam

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (chưa)	Tỷ lệ không có ý kiến
7.1. Tiếp cận qua thủ tục hành chính	57,3 % (149 người)	38,4 % (100 người)	4,3 % (11 người)
7.2. Tiếp cận qua truyền thông	58,4 % (152 người)	22,4% (58 người)	19,2 % (50 người)
7.3. Tiếp cận qua hội nghị, hội thảo	73 % (190 người)	7,6 % (20 người)	3,8 % (10 người)

Câu 8: Ông/Bà đánh giá các văn bản pháp luật đối với TCPCPNN là:

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (chưa)	Tỷ lệ không có ý kiến
Ban hành không đầy đủ	61,1 % (159 người)	34,6 % (90 người)	4,3 % (11 người)

Câu 9: Theo Ông/Bà các thủ tục hành chính ở Việt Nam để các TCPCPNN hoạt động như thế nào?

Nội dung đánh giá	Tỷ lệ đồng ý	Tỷ lệ không đồng ý (chưa)	Tỷ lệ không có ý kiến
-------------------	--------------	---------------------------	-----------------------

9.1. Thông thoáng, rõ ràng, minh bạch	38,4 % (100 người)	57,3 % (149 người) 38,4 % (100 người)	4,3 % (11 người)
9.2. Phức tạp, không rõ ràng, rườm rà	58,4 % (152 người)	22,4% (58 người)	19,2 % (50 người)

Xin trân trọng cảm ơn!